

Thế Lữ

Tiếng hú ban đêm



VNebookquan.net

HOÀ KHÁT ĐÀN VÀNG HỒN - THÔNG TIN



Mục lục

[Gió ngàn](#)

[Tiếng hú ban đêm](#)

[Một chuyện ghê gớm](#)

[Một chuyện ghê gớm \(2\)](#)

[Một chuyện ghê gớm \(3\)](#)

[Giấc mơ](#)

[Cô Thơ](#)

[Trại Bờ Tùng Linh \(I\)](#)

[Trại Bờ Tùng Linh \(II\)](#)

[Trại Bờ Tùng Linh \(III\)](#)

[Trại Bờ Tùng Linh \(IV\)](#)

[Trại Bờ Tùng Linh \(V\)](#)

[Trại Bờ Tùng Linh \(VI\)](#)

[Trại Bờ Tùng Linh \(VII\)](#)

[Trại Bờ Tùng Linh \(VIII & IX\)](#)

[Vàng và máu \(I\)](#)

[Vàng và máu \(II\)](#)

[Vàng và máu \(III\)](#)

[Vàng và máu \(IV\)](#)

[Vàng và máu \(V\)](#)

[Vàng và máu \(Đoạn Kết\)](#)

[Đêm trắng](#)

Thế Lữ

Tiếng Hú Ban Đêm

Gió ngàn



gồi đọc sách trong phòng tịch mịch, hay cặm cụi làm việc giữa nơi ồn ào, hay đi trên các đường phố Hà Nội, bên những tiếng xe hơi, xe điện qua lại, bên những người tập nập vội vàng, tôi thường có lúc như sự tỉnh ra, ngạc nhiên thấy sao mình lại sống ở đây, sống ở nơi thị thành cát bụi này.

Rồi trong giây phút, tôi thấy cảnh hùng vĩ quanh hiu của núi cao, rừng cả, nghe thấy tiếng gió rì rào trong cây, ngửi thấy mùa hoa lá hoang dại. Những hình ảnh xa xôi đó, cùng khói hương của đời thơ âu, trong giây phút làm rung động tâm hồn một người như lạc vào chốn đô hội, một người đồng rừng nhớ non nước cũ - tức là tôi đây.

Sáng hôm nay, đứng trên gác trông ra, cảnh xưa lại hiện đến hoàn toàn đầy đủ. Tôi hít thở gió vào đầy ngực, thấy khí vị thượng du còn đượm nồng trong huyết mạch, tôi để tiếng lòng hòa theo bài thơ rừng rú và muốn đem kể cho các bạn thành thị nghe một câu chuyện ngây thơ.

Đó là chuyện tôi vào khoảng mười lăm năm về trước. Bao nhiêu điều dĩ vãng đều ẩn sau làn sương mù của thời quá khứ, duy chỉ có chuyện ấy là vẫn còn rõ rệt tươi thắm, như mới qua đâu một ngày.

Tết năm ấy, tôi mới lên mười hai tuổi.

Chiều mồng ba, trời lạnh ráo và ẩm áp hơn mấy ngày trước gió bắc, mưa phùn. Tôi sung sướng chạy ra ngoài chơi, đi lẫn với bọn con trai gái Thổ,

cười nói vang đường, súng sính trong bộ quần áo chàm mới.

Xa xa, áp vào chân núi, lác đác mấy chiếc nhà sàn mái dốc, tường quét vôi trắng dán câu đối đỏ, điểm vào những vừng cây lá um xanh, cảnh vật trông đom đàng như một cô gái sắp về nhà chồng, trên đó phảng phất một làn sương lam lẫn với màu khói pháo.

Tôi đi khỏi một quãng đường đất đã khô, thì nhìn thấy một đám đông người đang chạy nhảy reo hò trên một vừng cỏ non rộng rãi. Chung quanh đó, từng tốp trai gái vỗ tay hòa theo, làm vang động cả hai bên núi đá.

Tôi chạy lại coi thì đó là một cuộc đánh “còn”.

Quả “còn” tức là một quả đúm bện vải màu, tròn và to gần bằng quả bưởi; năm sáu tua vải ngũ sắc dính vào làm thành một túm đuôi nheo rất dài. Mỗi năm, trai gái Thổ lại họp nhau một nơi đánh “còn” thi. Bên trai tung “còn” qua một cái vòng tròn đặt cao, để bên gái bắt tung trả lại, bên nào tung không trúng và hay rút thì thua.

Quả đúm bay lượn trên không trông thật đẹp, rơi xuống bên gái là bên tôi đang bước tới, thì phần nhiều một cô gái trẻ nhất, và nhanh nhẹn nhất hay bắt được mà mỗi lần bắt được thì bao nhiêu miệng cùng khen: “Ché Sao giỏi a”.

Cái vui vẻ sung sướng của người con gái hiện trên khuôn mặt đầy đặn, trên đôi mắt đen láy và trên cặp môi ăn trầu đỏ tươi... Tôi cũng vỗ tay reo với mọi người, lại reo to hơn. Nàng thích chí, quay lại nhìn tôi mỉm cười, rồi liền quay đi, rún mình vung quả “còn” tung sang cho bên trai.

Tôi chạy đến bên nàng nói:

“Ché Sao tức còn đây lai!” (Ché Sao đánh “còn” giỏi lắm)

Thì nàng cầm lấy vai tôi gật đầu cười, hỏi lại bằng tiếng Thổ:

“Thật không? Thật không? Cậu con trai cũng biết đánh chứ?”

Tôi toan đáp thì nàng nhảy vọt lên bắt được quả đúm một lần nữa rồi tung sang.

Tôi cùng nàng chạy lẫn vào đám chị em nàng. Lúc quả đúm bên kia đánh về, nàng mãi vui cười và mãi tránh tôi nên để rơi xuống đất, tôi nhặt ngay lấy đưa cho nàng và hỏi:

“Tử khỏi tức đuối nó, Ché Sao?” (Tôi đánh với có được không Ché Sao?)

Nàng nhìn vào tận mắt tôi và có vẻ ngạc nhiên:

“Đấy vậy! Đấy vậy!” (Được chứ, được chứ)

Rồi lại hỏi:

“Biết tôi là Ché Sao à?”

Tôi gật đầu.

“Thế em tên gì?”

Ché Sao trạc mười sáu mười bảy tuổi. Tôi thấy nàng gọi là em thì tôi thích lắm. Nhất là vì tiếng nàng nói dịu dàng, âu yếm khiến tôi thấy một thứ tình cảm sung sướng mà tôi chưa có bao giờ.

Tôi nói tên tôi là Mai (tên hồi còn nhỏ), thì nàng liền gọi tôi là Noọng Mai (em Mai) và bảo:

“Noọng Mai đánh ‘còn’ đi”.

Nhưng tôi bé quá, đấm tung lên không quá nửa cái cột cờ vòng. Ché Sao đỡ ngay hộ rồi sẽ bảo:

“Noọng Mai đánh chưa quen, trông chị đánh đây nè”.

Tôi chỉ trông cái vẻ dẻo dăng mà rần rỏi của nàng, không để ý gì đến quả đấm nữa.

Lúc nghỉ đánh, Ché Sao rủ tôi đến một đám cỏ khô nhất ngòi xuống và bảo tôi ngồi theo. Tôi nói:

“Ché Sao đánh trông đẹp mắt quá, quả ‘còn’ cũng đẹp, em ước gì có một quả để tập đánh”.

“Noọng Mai cũng thích đánh ‘còn’ ư?”

Rồi nàng lại nhìn tôi bằng đôi mắt tươi cười, để hai tay lên má tôi, hỏi nữa:

“Noọng Mai lên đây lâu chưa? Noọng Mai là người Kinh, sao biết nhiều tiếng Thổ thế?”

“Em ở đây lâu rồi, mà em yêu người Thổ lắm, Ché Sao ạ, nên em biết nói tiếng Thổ ngay... Ché Sao à! Ché Sao có biết tiếng Kinh chứ?”

“Có biết, nhưng biết ít thôi. Chị không hay nói mấy khi”.

Rồi nàng lại hỏi.

“Noọng Mai ở đâu thế?”

“Em ở với thầy me em làm quan thầy thuốc nhà thương”.

“Nhà thương à! Thế thì tôi biết rồi, tôi đã đến xin thuốc một vài bận. Còn nhà tôi thì ở Lũng Luông, cách Quảng Uyên chừng sáu cây”.

“Thế thì xa quá nhỉ!”

Thấy tôi có vẻ buồn. Ché Sao liền nói tiếp:

“Mà phiên chợ nào, tôi cũng đem gạo, bắp ra bán”.

“Ồ, thích nhỉ! Phiên chợ mồng năm này Ché Sao vào chơi nhà em nhé!”

“Mồng năm tôi không đi bán, nhưng tôi cũng ra”.

Sau khi hỏi chuyện về gia đình tôi, nàng cho tôi biết cha nàng làm xã đoàn (một chức tương đương chức trưởng tuần ở dưới Kinh), em trai nàng đi học cùng trường với tôi, mà nàng thích em trai nàng biết chữ lắm.

Lúc nàng nói, đôi mắt thường trông đi, thỉnh thoảng lại ngừng lại mỉm cười, hoặc trả lời câu chào hỏi của một người chị em qua đó.

Tay nàng cầm lấy tay tôi, khen tay tôi trắng, nhưng sao nhiều gân xanh thế này?

“Mặt Noọng cũng trắng nhưng cũng có gân xanh trên trán, thế không khỏe đâu. Em của tôi ở nhà, nó đen, nhưng nó khỏe lắm cơ! Sao Noọng Mai nhìn tôi nhiều thế?”.

Tôi dăm dăm nhìn nàng không chớp mắt, tỏ ra lòng yêu mến không biết ngần nào. Thấy nàng hỏi, tôi cũng vẫn nhìn rồi yên lặng cười. Nàng cũng cười theo và bảo tôi:

“Mắt Noọng Mai trông đến hay hay!”

“Hay là làm sao kia?”

Nàng vẫn vợ nói:

“Không biết”.

Trời gần tối, mọi người ra về gần hết. Ché Sao đứng dậy cùng tôi về một đường. Lúc đến chỗ rẽ về Lũng Luông tôi không nói một lời nào. Ché Sao chào tôi rồi ngạc nhiên hỏi:

“Noọng Mai làm sao thế?”

“Không”.

“hế sao Noọng Mai lại không chào Ché Sao đi?”

Tôi chào nàng rồi phụng phịu trông chỗ khác. Nàng cầm lấy tay tôi, nắm chặt lấy một lần nữa, tiếng nói nhỏ nhẹ:

“Thôi Noọng Mai về nhé!”

Rồi tất tả đi liền.

Tôi muốn chạy theo, muốn gọi to lên rằng: “Chị ở lại với em”, nhưng tôi gọi thì tôi đến khóc mất. Đứng trông bóng nàng đi cho đến lúc khuất hẳn, tôi mới quay trở lại, trong lòng có một thứ đau đớn êm ái, một thứ buồn tủi sung sướng, mênh mênh.

* * * * *

Phiên chợ mồng năm, tôi đang đứng tựa bao lan sau nhà, trông theo những người Thổ đi về các làng xa khuất, bỗng có tiếng trong trẻo gọi ngoài cửa:

“Noọng Mai có nhà không?”

Tôi nhận được tiếng quen, chạy ra reo lên:

“Ché Sao! Ché Sao ra chơi!”

Nàng âu yếm trông tôi, vừa cười vừa mở đẩy lấy ra một vật đưa cho tôi và nói:

“Nè cho Noọng Mai nè!”

“Ồ quả ‘còn’! Ché Sao cho em đẩy ư? Thích nhỉ!”.

Tôi dắt nàng vào nhà. Thấy vật gì nàng cũng khen đẹp và hỏi tên; nàng ưa nhất những tranh vẽ treo trên tường với mấy bức ảnh chụp.

Nàng ngây ngô hỏi:

“Những cái này mua ở đâu thế? Cái tranh này trông giống Noọng Mai quá”.

“Anh của em đấy. Đây là mẹ em, đây là thầy em”.

“Tài nhỉ. Ai vẽ cho em thế?”

“Không phải vẽ! Chụp đấy, Thầy em biết chụp cơ!”

“ Thế bây giờ thầy Noọng Mai còn biết chụp không?”

“Còn chứ! Bao giờ thầy em về em bảo thầy em chụp cho Ché Sao một cái”.

“Ồ, thế thì thích lắm nhỉ!”

* * * * *

Từ hôm đó, tôi đã có một người bầu bạn ở giữa nơi hoang vắng, tôi không phải thần thơ một mình đi trên các bờ suối như xưa nữa, tôi không phải ngần ngại tìm những người êm ái tôi tưởng tượng ra nữa, vì người êm ái đó từ nay là Ché Sao của tôi.

Phiên chợ nào nàng cũng ra nhà tôi chơi. Nàng quý mến tôi cũng như tôi yêu mến nàng, sự yêu dấu đó ở một người con gái Thổ lại biểu lộ ra một cách thực thà bằng những thứ quà mọn nàng đem cho tôi. Lần nào nàng ra cũng mang theo một đầy quả ở vườn. Nàng đưa cho tôi bảo những quả này ăn ngon, những quả này để được lâu, rồi cùng ăn với tôi trông ngon lành lắm. Tôi có kêu nhiều thì nàng nói:

“Đâu mà nhiều, vườn nhà chị còn nhiều lắm cơ! Hôm nào Noọng Mai về ‘bản’ (về làng) chơi, chị hái rõ nhiều cho mà ăn”.

“Mà Noọng Mai thế nào cũng về ‘bản’ chơi nhé”.

Thế rồi một phiên chợ kia. Ché Sao dắt hai con ngựa nhỏ đến giục tôi mau mau về Lũng Luông với nàng. Tôi ngần ngại:

“Nhưng em phải đi học, có được nghỉ đâu?”

Nàng thản nhiên trả lời:

“Mặc kệ chứ! Em tôi bảo Noọng Mai học giỏi lắm kia mà. Cần gì phải học nhiều thế? Về ‘bản’ chơi với tôi một hôm!”

Tôi cũng chiều ý nàng, xin phép thầy me tôi về Lũng Luông.

Ché Sao giữ ngựa cho tôi lên, bảo rằng ngựa đó hiền lắm. Nhưng nàng thấy tôi không được bạo, nên đóng ngựa đi sát bên.

Chúng tôi thong thả đi theo con đường đỏ quanh co bên sườn núi. Gió ấm hây hây thổi đưa qua những hương lúa đồng cỏ và thứ mùi cây lá đặc biệt ở các rừng chung quanh. Mặt Ché Sao yên lặng, ngây thơ, đôi mắt đen và sáng, tươi cười nhìn thẳng. Nàng có một thứ đẹp êm ái, trong trẻo, khiến tôi ngấm không bao giờ chán và cảm thấy nàng thông minh hơn các bạn gái của nàng nhiều.

Cảnh rừng núi quanh người kiều mị ấy nhuộm một thứ ánh sáng mơ hồ huyền ảo, có một thi vị thiết tha, ân ái, làm réo rắt tâm hồn tôi.

Một lần, tôi chăm chú trông nàng, nàng như cười mở ra, tôi cảm động quá, se sẽ cất tiếng gọi:

“Ché Sao!”

Nàng nhìn tôi ngạc nhiên hỏi:

“Gì? Noọng Mai?”

“Không! Chẳng có gì hết!”

Rồi tôi cùng cười với nàng.

Lúc ấy tôi tự bảo tôi rằng: “Chả biết ta có được sung sướng mãi như thế này không?” Và phảng phất có mối lo âu của một người mới nằm mơ đã tiếc giấc mơ tàn.

* * * * *

Đến trước một dòng suối nước trong chảy qua những tảng đá lớn xanh và nhẵn, Ché Sao đỡ tôi xuống cho ngựa uống nước, rồi đến ngồi trên một tảng đá ở bờ suối, bên cạnh tôi. Tôi không biết nói gì trở những hòn sỏi trắng muốt dưới suối:

“Ché Sao! Trông đá sỏi có đẹp không, em muốn lấy về mấy hòn?”

“Đá sỏi có ăn được đâu mà lấy”.

Tôi chỉ thấy toàn ý vị trong câu đáp ngây ngô và càng yêu mến nàng thêm.

“Ché Sao ơi!”

“Gì thế Noọng Mai?”

Tôi nắm lấy tay nàng:

“Ché Sao ơi! Ché Sao đừng giận em nhé!”

“Ồ, sao chị lại giận Noọng Mai được, Noọng Mai ngoan lắm kia mà”.

Tôi liền ghé vào tai nàng, đem hết tâm hồn âu yếm thơ ngây gửi vào một câu:

“Em yêu Ché Sao lắm!”

Nàng khoa chân xuống nước, cất tiếng cười khanh khách, hai má hây hây đỏ, vừa nhìn tôi, vừa đưa tay vuốt mái tóc trên đầu tôi.

* * * * *

Khi về đến Lũng Luông, Ché Sao dắt tôi đưa lên nhà khoe với cha mẹ nàng, rồi rủ tôi ra vườn, trở lên các cây mà bảo:

“Em muốn ăn quả gì, chị cũng lấy cho, tha hồ mà ăn”.

“Em thích ăn cái quả vàng vàng nho nhỏ mà Ché Sao cũng thích ấy. Quả gì nhỉ?”

“À! Quả mắc phì phà!”

Tôi cười vang lên:

“Mắc phì phà! Mắc phì phà! Cái tên nghe hay nhỉ! Thảo nào ăn ngon!”

Nàng nhanh nhẹn trèo lên cây, vẫy tôi cùng lên theo, rồi đưa quả cho tôi ăn... Bỗng nàng nói:

“Noọng Mai nè, trông Noọng Mai trắng quá, Noọng Mai là em gái có hơn không!”

Tôi hơi buồn rầu:

“Còn em thì em không thích Ché Sao là con trai đâu. Em thích Ché Sao là chị em cơ!”

“Tại sao thế?”

“Tại... tại... Em không biết”

Nàng lại cười, tiếng cười rất vui vẻ thực thà, trong trẻo như nước suối.

“Noọng Mai à! Sao bảo người Kinh không tốt? Noọng Mai cũng là Kinh sao tốt thế. Chị yêu Noọng Mai lắm cơ! Noọng đừng về xuôi nữa nhé, ở đây làm con nuôi ‘bá mẹ’ (cha mẹ) chị, rồi chị cũng làm con nuôi ‘bá mẹ’ Noọng Mai”.

“Thế làm con nuôi thì phải thế nào?”

“Cứ đến tết thì phải đem gà thiến và gạo nếp đến lễ bố mẹ nuôi”.

“Ồ thế thì được lắm. Ché Sao cứ đem đồ lễ đến nhà em thì em lại lấy đồ lễ ấy biếu thầy me Ché Sao!”

“Noọng Mai nói đùa thế, tôi giận đấy!”

Tôi nũng nịu, sẽ ngả đầu bên vai nàng, ngược mắt nhìn:

“Thì bao giờ em chả là Noọng Mai của Ché Sao!”

Dưới tầng lá xanh non man mát, Ché Sao như một nàng tiên trong động, mà nàng tiên ấy ngồi bên tôi, cười nói với tôi: lòng yêu dấu của tôi vừa nhẹ nhàng vừa thấm thía như ánh nắng êm dịu, như làn khói dịu dặt đưa qua, như không khí không vẩn bụi ở cảnh núi non thanh khiết này... Tôi không biết ngồi đó với nàng bao lâu, tôi không biết rằng nàng nghĩ ngợi gì: đôi mắt nàng chỉ có vẻ bình dị, thản nhiên, nhưng mỗi khi trông đắm đắm vào mắt tôi lại khiến tôi bối rối.

Đến bữa cơm, tôi ăn cơm với cả nhà nàng. Mọi người khen tôi, chiều chuộng tôi, nhưng tôi sung sướng chỉ vì những lời khen ngợi ấy đã làm cho nàng vui thích.

Nàng cho tôi xem đệm gối hoặc khăn áo tự tay của nàng thêu ra; khoe các thứ vòng khuyên và xuyên bạc là tư trang của nàng và bảo nhỏ tôi rằng: “Bao giờ chị đi lấy chồng, chị còn có nhiều nữa kia, lại nhiều thứ đẹp lắm”. Tôi nghe nói, sầm mặt lại không đáp. Rồi từ lúc đó, tôi không cười nói như trước. Nàng không chú ý đến sau thấy tôi buồn thì cho tôi là nhớ nhà. Bao nhiêu lần tôi gọi nàng, đôi mắt trách móc, định nói với nàng một câu. Nhưng khi nàng quay lại, giương cặp mắt nhìn tôi, thì tôi lặng yên, hoặc nói một câu vu vơ nào khác.

* * * * *

Đến chiều, nàng đưa tôi ra Quảng Uyên, lúc từ giã về, nàng thấy tôi vẫn buồn, không hiểu sao, nàng hứa với tôi rằng đến phiên chợ sau nàng sẽ đem rất nhiều mắc phì phà ra cho tôi. Tôi muốn giữ lấy nàng, bấu lấy nàng, hết lời tha thiết cho nàng nghe một câu thôi. Tôi muốn bảo nàng rằng: “Ché Sao ơi! Chị mà đi lấy chồng thì em giận chị lắm cơ đấy!”. Nhưng tôi lại muốn cho nàng cứ trông thấy vẻ giận dỗi của tôi cũng hiểu tôi định nói gì kia!

Một hôm nàng ra chơi, tôi không để ý gì đến hoa quả của nàng, chỉ để nàng cầm tay, yên lặng nhìn nàng như nhìn một người lạ.

Nàng hứa các cảnh đẹp nàng sẽ đưa tôi đến, hứa các cuộc hát vui nàng dẫn tôi đi xem; nhưng tôi vẫn không tỏ ra đáng vui mừng. Tôi giận nàng mà tôi lại yêu mến nàng hơn lên. Nàng buồn rầu bảo tôi:

“Hôm qua, một người quen ‘bá mẹ’ chị về xuôi, chị buồn quá!”

Tôi hỏi:

“Chị nhớ người ta sao?”

“Không”.

“Thế sao buồn?”

“Vì chị nghĩ đến Noọng Mai, chị không biết Noọng Mai có ở Quảng Uyên mãi không?”

“Ở mãi làm gì? Vì ở mãi rồi có ngày... em không được làm chị em chị nữa cơ mà!”

Tôi muốn nói thêm một câu hờn giận, nhưng tôi không nỡ. Thấy nàng hơi biến sắc, nên tôi vội nói.

“Em chưa chắc được ở mãi Quảng Uyên, vì thầy me em muốn cho em về Hà Nội học”.

* * * * *

Chúng tôi càng ngày càng thân thiết nhau, nhan sắc nàng đối với tôi ngày càng đậm thắm. Tôi về chơi Lũng Luông với nàng luôn. Những cảnh âu yếm bao giờ cũng diễn ra giống nhau, bao giờ cũng có một hương vị mới mẻ. Nàng không muốn nhắc lại câu chuyện nàng sẽ lấy chồng, vì chuyện đó nàng không hiểu sao lại mất lòng tôi; cũng không muốn nhắc đến việc tôi sẽ về Hà Nội học. Nàng vui cười sung sướng như chim mùa xuân không biết đến ngày thu.

Nhưng tôi thường chợt có những phút lo âu, buồn bã không biết ngần nào. Những lúc đó thì tôi im lặng khi nàng nói cười, và khi nàng hỏi tôi thì tôi tỏ ra vẻ dằn dỗi. Nàng lại cầm tay tôi, vuốt bên má hay mái tóc tôi, cố soi mói đôi mắt thơ ngây của nàng để dò ý tôi. Tôi phải vui cười ngay, vì không muốn để cho trái tim kia phiền muộn.

* * * * *

Mùa hè năm sau, tôi thi đỗ bằng cơ thủy. Thầy me tôi muốn cho về Hà Nội học ban thành chung. Tôi thấy ngày phải xa cách nàng gần đến chừng nào thì lòng càng chua xót; rấp tâm hôm nào nàng ra chơi thì tôi sẽ nói một câu rất tha thiết dù tôi biết là vô lý, để cho nàng không nên quên, không nên bỏ Noọng Mai của nàng.

Nhưng bỗng có người về xuôi; thầy me tôi bắt phải về ngay, tôi không kịp than thở, từ biệt với Ché Sao của tôi nửa lời. Nhất là không được tỏ cho Ché Sao biết rằng tôi bao giờ cũng yêu nàng, yêu nàng như yêu một người chị êm ái, nhu mì, nhưng “nếu Ché Sao đi lấy chồng thì em khổ lắm đấy!”

Tôi tự bảo tôi đến mấy mươi lần rằng tôi vô lý lắm, tôi thương yêu nàng một cách không phải đường. Khi ở Hà Nội, tôi chỉ muốn nhớ nàng như nhớ một người bạn xa xôi, nhưng lòng tôi có nhiều lúc ảo não!

Tôi miệt mài học hành, tập nhiễm lấy tính tình và tư cách người thành thị, nhưng cảnh rừng núi với Ché Sao của tôi ở trong đó vẫn không bao giờ phai nhạt trong tâm trí tôi. Nên những khi đêm trăng, đứng thẩn thờ bên cửa sổ, trông cảnh sân trường vắng lặng trông cảnh cây đũa đầy nổi băng

khuông, tôi thấy như có một bài thơ réo rắt trong tâm hồn. Tôi nhớ lại những điệu hát thật thà, mộc mạc của người Thổ, bên tai vẳng tiếng Ché Sao; tôi thường âm thầm mà tự bảo mình rằng:

“Mặt trăng kia treo cao trên trời xanh, đâu đâu ai ai cũng thấy, sao lại không là một tấm gương trong sáng để khi ta nhìn lên, ta trông thấy hình ảnh cái nhà sàn của Ché Sao? Mà khi Ché Sao có ra sân đứng thì cũng thấy bóng ta trên đó đang buồn rầu tưởng nhớ đến nàng”.

Gần Tết:

Cảnh mưa bụi sương mù của thành phố lại càng khiến cho nỗi tưởng nhớ của tôi càng thêm thấm thía. Nhưng tôi mừng vì sắp được nghỉ về Quảng Uyên chơi. Tôi đã tưởng trước đến lúc sung sướng được gặp Ché Sao, tôi sẽ kể cho nàng nghe nỗi lòng của tôi để nàng yên ủi.

Không ngờ lúc tới nhà, tôi được tin nàng đã lấy chồng từ tháng trước, nghĩa là tôi không còn hy vọng để gặp nàng! Thầy me tôi không hiểu được nỗi buồn tủi sâu xa của tôi, mà tôi cố nén lòng không để gia đình tôi thấu rõ.

Nửa năm học và sự giao tiếp với bạn bè ở Hà Nội cũng đã làm cho tôi trông rõ sự thực, làm cho tôi lúc đó biết nghĩ. Tôi biết Ché Sao lấy chồng là một việc thường lắm. Cái tâm hồn chất phác của nàng không thể có những tính tình thăm thiết lâu bền được. Tôi không oán giận nàng một cách vô lý như trước. Nàng đã là một thiếu phụ mang tên và sống chung với người khác, sống một cuộc đời bình thường như trăm, nghìn chị em cùng giống với nàng, chưa chắc có lúc nào nghĩ tới tôi.

Nhưng tôi chỉ tiếc cô con gái dịu dàng là Ché Sao của tôi thôi, tôi tiếc người sơn nữ thật thà đã yêu mến tôi một cách thật thà, và đã vô tình đeo vào lòng tôi những nỗi thốn thức mới mẻ thăm tươi của sự yêu thương lần thứ nhất.

Rút trong tập “Bên đường Thiên Lô”

Thế Lữ

Tiếng Hú Ban Đêm



Tiếng hú ban đêm

iếng hú đưa từ phía rừng Sam Na lại. Đêm nào mưa gió thì nghe rõ từng hồi một: trước còn thấp, sau bỗng kéo dài ra, rồi chìm biến vào bốn bề rừng núi. Trời đất âm thầm lạnh. Vì hồi ấy về cuối thu tiếng hú đưa lên ai oán thảm thê, tưởng như giọng ba bốn đứa trẻ xác xơ đang ngồi trên bãi vắng hay bờ lau mà gào mẹ chết.

Người Mán Khao La ngủ không yên giấc, đêm đêm nằm trong khiếp sợ mà lòng mê tín của họ càng tăng mãi lên.

Bởi vì trước đó không lâu trong làng có nhiều điều quái dị xảy ra như đi trước đón đường cho tiếng hú bí mật: Rừng Sam Na là một khu rừng lớn, người Mán thường ngày vào săn bắn những cầm thú nhỏ và khai phá của thiên nhiên. Bỗng dưng đã một tháng nay có hổ cái hung dữ lạ thường chẳng biết từ đâu về rừng đó ở. Con hổ to lớn khỏe mạnh lắm. Giữa ban ngày cũng dám ra bắt súc vật của dân Mán - có khi lại vồ cả người, đến những miệt xa xưa nay vẫn là tai họa cho thú rừng cũng nhiều lần bị khốn vì con hổ cái. Họ tìm đủ mọi phương kế; nào vây đón, nào bẫy cạm mà không tài nào bắt được - lần nào hổ cũng thoát rất dễ, lại còn tha được cả môi đi. Người Mán thường coi hổ báo chỉ như một con chó dữ mà bây giờ nghe tiếng nó gầm cũng phải run sợ. Cùng thời kỳ hiện ra cái nạn rừng ghê gớm này, một người đàn bà với một cô gái làng khác đến ở ngụ. Xem chừng là hai mẹ con. Hai người dựng một cái lều tận đặng xa bên một bụi cây lớn, ở ngay cửa rừng. Như thế hình như nhà này muốn cách biệt hẳn với thôn xóm ở đây, cả một làng dăm ba mươi nóc chen xít nhau trong đám cây cối dưới sườn một quả núi thấp và quay mặt về hướng Sam Na, dân cư vẫn giúp đỡ nhau, thân cận nhau, nay đột nhiên có người ở đâu đến lại ra ý tị hiềm chia rẽ, thì ai cũng phải cho là những nhân vật lạ lùng.

Không ai hiểu tính tình hai mẹ con nhà ấy. Mà từ khi rừng thành dữ không mấy người dám đến, nên không biết họ ăn ở ra sao. Chỉ những ngày phiên mới thấy hai người ra mặt: họ gánh củi từ cửa rừng đem ra chợ đổi lấy gạo muối về nhà. Người đàn bà trong vòng năm mươi tuổi; váy áo màu chàm đã bạc bao giờ cũng đùm núm, xốc xếch; người khô xác thấp bé, chỉ tinh nhanh ở hai con mắt sắc rất linh động, nhưng lúc nào cũng gườm gườm. Cô con gái độ mười bảy mười tám, ăn mặc gọn ghẽ, nét mặt xinh xắn, và có vẻ e lệ ngây thơ. Cô ta theo sau như bám lấy bà mẹ. Các cậu trai tân trong làng ra chợ, cậu nào trông thấy cô ả cũng phải ngây ngất mà nhìn hoài. Họ thích cánh và cười vụng với nhau, nhưng không cậu nào dám toe toét lá lơi tỏ ý mon men trêu ghẹo cô bé. Vì có mục già đấy: mục sẽ trả lời lại những lối trai tơ kia bằng một cái lườm nguýt khinh bỉ và hăn giận đến rùng mình. Anh nào to gan, không sợ cứ sấn gần đến cô bé, tức thì mục rửa cho như khạc lửa vào mặt rồi chẳng đổi chác thì chớ, cầm ngay lấy tay cô bé cắt gánh củi, một mạch đi về.

Người Mán vốn đàng đột thật thà không có lòng hiểm độc ghen ghét. Nhưng thấy thái độ lạnh lùng và kỳ dị của mục già khô khan kia họ chẳng khỏi sinh bụng nghi ngờ. Vì thế sau những buổi chợ, hoặc khi ngồi chuyện vãn với nhau, người Mán thường chỉ bàn tán đến hai mẹ con người đàn bà lạ mặt. Trước thì còn bảo đó là một mục ké cay nghiệt, hiểm ác, sau cho là một mục dí cấy thuốc độc ở móng tay. Nhiều người chắc thế nào nhà mục cũng có thờ ma. Rồi mỗi ngày để thêm ra những điều quái gở để gán cho mục. Điều kỳ quặc đến đâu cũng không ai cho là thái quá. Thậm chí có người dựng đứng lên bảo rằng mục đàn bà ấy là một con hùm tinh. Mọi người liền tin theo, mà tin như thế một cách vững vàng, như là chuyện hiển nhiên trước mắt. “Phải, chính nó đấy, chính nó là con hùm trong rừng; nó biến thành con mục ké với đứa con gái đẹp để đánh lừa chúng ta đấy. Ta cứ để yên, rình lúc nó vô ý nằm ngay lấy đuôi nó là bắt được, vì con mẹ này có đuôi!”.

* * * * *

Bỗng nhiên mấy phiên chợ sau cùng người ta không thấy con mục ké nữa. Mà từ ngày mục ké không ra chợ thì dân cư bắt đầu nghe thấy tiếng hú ban

đêm. Người Mán lại càng tin mù kè không phải là người thật. Họ chắc mù kè biết đã lộ việc kín, nên không dám giao tiếp với người trong làng nữa, từ nay đành phải giữ nguyên hình. Thế rồi thường thường trong những buổi tối quây quần, nhà nào nhà ấy đóng cửa cho kín, họ vây quanh ngọn đèn hay bếp lửa kể cho nhau nghe những chuyện hoang đường truyền khẩu từ đời này qua đời khác, những chuyện có một quan trọng thần bí trong tâm hồn của dân đồng rừng.

Theo những câu chuyện họ kể thì trước kia ở Sam Na cũng có một con hùm tinh. Người ta thường gặp nó trên núi dưới ruộng, trong rừng, nhất là ở những đường lối có người hay qua lại. Con hùm tinh ấy trèo được lên những cây cao, nói được tiếng người. Khi thì hát như ru em, khi thì khúc khích như đùa, khi thì than khóc. Thấy người nào một mình quăng vắng thì nó giả tiếng bà già hay đứa bé nheo nhéo gọi: “Thầy ơi, u ơi, ông ơi, cô ơi”. Theo tiếng gọi người ta thử nhìn xem thì hoặc ở sau lưng hoặc ở trên cây chỉ thấy một con hổ cười sằng sặc. Người kia khiếp sợ riu chân lại: hùm tinh cứ việc nhảy tới tha đi. Về sau con hùm tinh ấy hình như bị sét đánh chết, nên dân cư mới được yên cho mãi đến bây giờ.

Rồi đến nay lại có một con nữa đến. Cái tiếng hú kia từ phía rừng đưa lại chẳng phải là tiếng con hùm tinh đó sao?

Một đêm kia. Dân Khao La lấy làm kinh ngạc lắm. Có nhẽ con hùm tinh đã đến lúc bày mưu chước để giáng thêm tai họa: tiếng hú không thấy vắng đưa nữa mà đêm hôm ấy lại tạnh ráo. Không có tiếng mưa gió nào cả. Khắp làng Mán lạnh lẽo trơ trơ dưới ánh sáng non của mặt trăng còn khuyết. Cách rừng Sam Na bằng một bể ruộng ngút ngát mấy chục nóc nhà xóm chen úp trong những đám cây cối sẫm đen. Cái lo sợ nặng nề như bầu sương ẩm ẩm trong không khí.

Mọi nhà đều đóng cửa thực kín. Hơi có một tiếng động cũng tưởng là tiếng con hùm tinh đi qua: Giá thử có ai đứng gọi xin lửa ở ngoài họ cũng không dám mở vì biết là tiếng yêu quái hay tiếng người? Một vài nhà đánh bạo nhìn qua khe cửa phen trông ra. Bên ngoài vắng yên như cảnh chết. Trên những từng ruộng khô và trắng, chỉ thấy mấy đống rạ lớn ngời lù lù. Đàng xa dải rừng lạng ngắt mấp mөр vẫn giữ kín những cái bí mật.

Gần hết canh hai, bỗng nhiên từ phía làng xóm có một toán sáu bảy người lực lưỡng rảo cẳng đi về phía mạn Sam Na. Đó là bảy người đi săn giỏi và khỏe nhất làng Mán. Họ tiến lên những bước mạnh bạo và yên lặng mấy người đi trước cầm dao lớn, ba người đi sau mang một cuộn dây dài.

Từ lúc trời bắt đầu tối, không thấy tiếng hú đưa ra, họ đã họp nhau ở nhà ông lang để bàn định. Họ nhờ một thầy pháp bện cho họ mấy sợi dây ngũ sắc và yểm phép vào dây để họ đem đi rình trói con mụ ké hay là con hùm tinh. Những việc ác hại làm khổ dân làng đã quá lắm rồi, bây giờ không thể để cho con quái vật kia hoành hành mãi được nữa. Họ quyết lòng trừ cho dân làng một cái họa lớn. Không thì họ chết chứ không trở về.

Bọn người can đảm ấy tiến lên, không mấy chốc đã đến nhà mụ ké. Một người ra hiệu cho ai nấy nhẹ bước; dặn khẽ nhau hãy trông thấy con mụ già thì đem dây phép mà trói nghiêng lại; rồi hãy vớ được đuôi của nó thì giết phăng ngay đi.

Cổng ngoài mở cửa phen cũng mở, trong nhà đen tối nhìn kỹ thì hình như không có người. Bọn này đã sinh nghi, cùng đi ra lối sau nghe ngóng. Một người bỗng kéo áo người đi cạnh, trở vào một vật lù lù nằm ở sân sau, mọi người nhìn xem, thì đến sờn cả gai ốc. Bên cái vò nước dưới ánh trăng mờ một con vật lông vằn vằn không cử động. Không phải chỉ một vài con, coi lại thì hình như ba bốn con nằm đó, và con nào cũng ngủ mê mết không biết gì. Ghê sợ quá, họ cùng nhau hết sức mím tiếng mà lùi - “vô phúc nó trở dậy bây giờ thì chết cả” - cũng lúc đó người sức tỉnh khẽ bàn nên nhân lúc nó còn ngủ đem dây ngũ sắc trói lại cho mau. Khốn nỗi chưa mấy ai hoàn hồn. Đột nhiên gặp thấy cái cảnh ấy thì táo tợn đến đâu cũng phải núng, vả lại, con mụ ké là yêu tinh, nên nó khôn lắm. Biết đâu đó chẳng là một mưu chước nó bày ra để lừa người?

Trước họ tiến lên cẩn thận bao nhiêu thì nay họ thoái cũng cẩn thận chừng nấy. Người nọ bám lấy người kia thực mạng chạy. Bỗng thấy gầm lên một tiếng cực lớn, nghe rất dữ dội. Bọn con trai không còn hồn vía nào. Họ nhảy choàng lên cùng kêu thét như bị vớt vào lửa. Tiếng gầm kia lại rống, ngày một gần, một lớn, một gấp, như vỡ trời đổ núi bên mình. Anh nào anh

nấy cũng mong thành cánh ở chân, tranh nhau cắm cổ chạy về làng, lăn cả xuống rãnh, chui cả vào cây, đâm cả vào bụi rậm.

Về đến làng xóm thì vừa hết cả sức, họ gào lên những tiếng khản lú lười lại mà gọi, đập cửa như phá rồi vào nắm vật cả xuống đất, thở không ra hơi. Bên ngoài, không có gì đuổi theo nhưng tiếng gầm vẫn hét vang cả một phía rừng. Sam Na như chuyển động như có bao nhiêu hổ báo cùng vật lộn xâu xé nhau. Cho mãi đến quá nửa đêm tiếng gầm rống thưa dần và yếu dần rồi tắt hẳn. Bốn bề dân làng trong sự im lặng kinh hoàng vẫn tưởng như tiếng hú mọi đêm còn vẫn vơ trong hơi gió.

Kể từ hôm ấy, người Mán Khao La lại càng thêm lo sợ. Họ biết thế nào cũng có những tai họa phi thường. Nhưng lạ thay! Hết ngày ấy sang đêm khác dân làng cứ mất mật mà sẵn chờ những điều ghê gớm không xảy đến bao giờ.

Tiếng hú trong rừng thấy mất. Người Mán và trâu lợn của họ vẫn bình yên. Con hùm lớn cũng không thấy để lại một bóng vết nào qua. Hơn một tháng rưỡi trời mụ ké hay con hùm tinh biến đâu? Chết rồi chẳng? Hay đi nơi khác? Mà hùm tinh chết hay đi nơi khác dân làng đã hẳn được mừng chưa? Cái ngờ vực áy náy vẫn như tiếng vang còn lại của bao nhiêu điều khiếp sợ. Cách đó hơn hai tháng cũng chưa ai dám đánh liều vào rừng xem. Đến nhà mụ ké cũng không ai bén mảng tới. Mụ ké với người con gái đẹp cũng không thấy ra nữa. Người Mán thản nhiên kết luận rằng:

“Phải rồi, con mụ ké ấy chính là con hùm tinh, con hùm tinh ấy nó bỏ Sam Na nó đi vì dân Khao La có thầy pháp có quan lang, dân Khao La khôn hơn con hùm tinh ấy”.

Đó là việc có thực xảy ra ở làng Khao La ngày trước đến nay dân Mán vùng đó ai cũng biết, ai cũng nói lại, từ người già cả đến bọn trẻ con. Nhưng chuyện thực sao lại lảm về hoang đường quá như thế?

Người Mán không cần biết. Họ chỉ vững tin những điều họ tưởng, những điều mà lòng mê tín của họ cắt nghĩa ra thôi

Bởi vậy duyên do câu chuyện này không mấy ai cho là thực.

Người đàn bà Mán mà họ ngờ là hùm tinh ấy nguyên là người ở một làng xa cách đó những gần hai ngày đường. Bà ta góa chồng từ năm ba mươi

tuổi. Nói là góa nhưng thực ra thì bà ta bị chồng lừa: lấy nhau chừng một năm, đến khi bà ta có mang thì người đàn ông bỏ nhà đi mất.

Bà căm tức lắm, nguyện rằng hễ sinh con trai thì giết chết ngay. Nhưng đứa trẻ ra đời lại là con gái. Bà ta mới đổi oán làm mừng, nâng niu chăm chút con thơ và ra sức làm lụng để nuôi cho nó khôn lớn, người con gái ấy là cái hạnh phúc của bà mẹ: nó làm cho sự sống của bà ta có ý nghĩa và thay cho cái tình đã chết đi. Mẹ đặt tên con là Mí Nàng, bỏ tên chồng nhận lấy tên ấy để tỏ ra hai mẹ con như một.

Nhan sắc trong trẻo của Mí Nàng cùng tăng lên với ngày tháng. Năm Mí Nàng mười tám tuổi thì trong làng có người đem rất nhiều của cải đến xin kết hôn. Bà Mí Nàng không nghe. Cô ấy tuy bằng lòng nhưng cũng từ chối. Mí Nàng ngây thơ lắm. Bên con trai tìm cách dỗ dành không ngớt. Rồi trong vòng bảy tám phiên chợ làng, tiếng hát ái ân của họ đã làm cho người thiếu nữ phải say mê. Mí Nàng một khi sa ngã rất hồ thẹn ăn năn, bèn đem sự lòng thú thực cả với mẹ. Bà mẹ tức khắc sang điều đình với bên kia nói là thuận gả con gái. Nhưng anh con trai giở mặt, muốn bà ta đem Mí Nàng biểu không cho mình. Bà mẹ tím mặt lại vì giận, nhớ đến người chồng mà bà ta coi như đã chết rồi, nhớ đến con người đã lừa dối tình phụ. Bà ta trở về, không nói năng gì cả. Đến đêm lăm lăm thanh dao rùng ở tay, bà ta đứng rình ở một chỗ khuất rồi xông ra chém một nhát vào gáy thẳng con trai kia. Giết nó xong, không hối hận, không sợ hãi, người đàn bà Mán xốc ngay cái xác còn đeo lưng lẳng cái đầu ma, đem về vất ra sau vườn, rồi vào gọi con gái vác nải gạo với bọc quần áo đi trốn.

Hai mẹ con trông thẳng ra mạn Sam Na đi suốt đêm, đến chiều tối hôm sau thì tìm chỗ tạm nghỉ. Bấy giờ bà mẹ mới cầm hai má cô con gái mà nhìn. Bỗng nước mắt tràn ra, rồi ôm chặt lấy con khóc rưng rức.

Mí Nàng! Mí Nàng! Nong Khon nó muốn đánh lừa mẹ, đánh lừa con, mẹ đã chém Nong Khon cho nó chết.

Rồi bà lại khóc như muốn lấy tiếng nước nở để nói nốt bao nhiêu lời. Mí Nàng cũng khóc, có lẽ nửa thương tình nhân bỏ mạng, nửa thương bà mẹ phạm tội ác vì yêu dấu cô ta.

- Mí Nàng ơi! Mẹ với con đi xa, đi trốn; ở đây làm gì với những người nó chỉ chực cướp sống con gái của mẹ. Con nghe chưa?

- Con nghe rồi. Con cũng muốn thế.

- Ừ! Thế thì hay lắm, mẹ với con đi rõ thực xa! Xa lắm. Rồi làm nhà riêng một nơi mẹ đi làm con đi làm, mẹ con nuôi nhau, con yên vui mà mẹ cũng vẫn được yêu dấu con: mẹ sung sướng.

Đêm hôm ấy hai người đến dưới bóng một cây to rải áo trên đám cỏ cao và xào xạc. Mí Nàng mới quá ngủ ngay, nhưng bà mẹ vẫn thức vừa thở dài vừa xua muỗi hay kéo lại khăn áo cho con nằm yên.

Sáng hôm sau hai mẹ con lại lên đường, cô gái đi trước xách bọc vải lớn, bà mẹ đi sau khò lưng địu một nải gạo nặng nề. Mí Nàng hai mắt đỏ hoe chốc chốc lại ngoảnh đầu trông lại, trông trời cao mây vẫn, trông rừng lá vây quanh, trông cái phía đường xa, núi chắn nó ngăn cách người con gái với chốn quê hương. Nhiều lúc cô ta gặp mắt bà mẹ. Bà mỉm cười cho con gái quay đi, rồi đăm đăm nhìn thẳng trước mặt như tìm xét xem nơi nào mới chắc chắn, nơi nào mới kín đáo để mẹ con ẩn nấu mà nuôi nhau. Đối với lúc phải bỏ nơi sinh trưởng của mình, ai là người không buồn cảm? Nhưng bà mẹ Mí Nàng lúc ấy vui mừng lắm, vui mừng vì vẫn giữ được con gái là sự vui sống của bà ta. Từ ngày bị người chồng bỏ đi bà ta chỉ biết lấy cái bông hoa quý này để làm đẹp cái cảnh đời thảm đạm. Bao nhiêu cảm giận người đời đen bạc nay vứt đi hết mà để lại trong lòng cái tình rất đằm thắm là tình yêu con. Người đàn bà ấy yêu Mí Nàng một lòng say đắm dữ dội, một cách ghen tuông, ích kỷ như không muốn cho ai được dòm dỏ, không muốn cho ai được tấm tắc khen cô ta. Cái quả bầu kia, cái nhan sắc kia là của bà ta, của riêng bà ta thôi, bà mẹ lấy làm đặc chí mà chiếm giữ lấy một mình cái thú được yêu được ngắm.

Đi chừng ngót một ngày đường nữa thì đến cánh rừng Sam Na. Thấy gần đây có nhà cửa dân cư, nên mẹ con quyết định lấy làm chỗ nương nấu. Ở lẫn với người trong làng thì lại sợ cho con nên bà mẹ Mí Nàng mới dựng một túp lều nhỏ ở xa cho cách biệt.

Từ đó bắt đầu cuộc đời vất vả nhưng rất sung sướng cho bà mẹ. Sáng đi xới vườn kiếm củi, tối về rau cháo bên con. Sự ái ân với lòng thương xót ở đời

có nhẽ thấy cái hình ảnh cảm động nhất ở trong gian nhà tranh lụp xụp ấy. Một tháng bốn ngày phiên chợ, bà mẹ lại dắt con gánh củi ra đổi lấy gạo muối và những thứ cần dùng. Đến nơi đổi chác cho mau rồi về, bà ta rất gờm những trai làng, nó chỉ giở thói nhản nở để câu mất con gái. Mẹ con ở với nhau được hơn một tháng, mẹ kiên nhẫn con chịu khó cặm cùi suốt ngày quên cả nhọc nhằn. Thực là yên vui. Bà mẹ vẫn nhắc đi nhắc lại một mình rằng: “Suốt đời người bây giờ mới thực biết cái sung sướng”. Tuy thế trong lòng bà vẫn phấp phồng lo sợ, cho rằng mình không thể được sung sướng mãi. Cái phúc của bà cũng như giọt sương mai tuy đẹp đẽ nhưng đến lúc rục rờ thì tan mất - mà chỉ đâu trong khoảng một buổi sớm thôi! Người thiếu nữ là con gái bà ta kia trông yêu kiều nhan sắc quá! Bà ta nhiều khi chợt thấy như chỉ được làm mẹ nó để rồi thương khóc nó, chứ không được âu yếm nó trọn đời. Mí Nàng vẫn hết lòng tươi cười vui vẻ. Nhưng con mắt nòng nàn tình cảm của người mẹ ấy nó sắc sảo lạ thường. Trên khuôn mặt cô Mí Nàng bà vẫn thấy cái bóng mây buồn nó vương vít, cái nét đau khổ nó ẩn núp cứ chực len vào đôi con mắt ươn ướt với cái miệng cười như cố gượng của cô ta. Có khi đang cùng ngồi nhìn nhau, bà ta để cô ngồi một mình trong nhà, lặng yên ra núp một nơi rón rén bước lại khe hở vách ghé mắt nhòm qua mà xem mặt con gái. Những lúc đó, mặt Mí Nàng chưa đổi sắc, vẫn còn giữ nguyên cái vui tươi vừa rồi. Bà mẹ thấy thế nhẹ bay lên vì mừng rỡ chạy ngay vào bế lấy cô con gái mà nưng niu hú hí trong lòng.

- Con yêu mẹ nhé, con thương mẹ nhé. Con khỏe đi, con lớn đi, con vui vẻ đi để cho mẹ sung sướng với con.

Rồi bà ta lại ôm chập lấy Mí Nàng, giấu đầu vào ngực cô ta mà không biết là cười hay là khóc. Mí Nàng cảm động lắm, càng ngày càng cố làm cho mẹ vui mừng hơn lên. Sau mấy lần rình xem như thế bà mẹ mới hơi yên lòng, rồi lâu dần cũng quên hẳn được những điều lo ngại.

Mẹ con đã bàn nghĩ với nhau đến những kế sinh nhai khác cho cuộc đời thêm có thú và thêm dễ dàng. Xới thêm đất trồng các giống rau, đánh những cây có quả về chung quanh nhà, lại tìm lấy mấy cái tổ ong gây lấy mật. Rồi ra nếu trời thương hai mẹ con sẽ kiếm lấy mấy con lợn, con bò về

nuôi, đợi cho sinh nở ra nhiều thì cũng dễ đổi chác với người làng lấy thóc gạo Mí Nàng lại nghĩ thêm được mấy cách nữa, nào chăm tằm kéo sợi rồi tìm lấy cách đóng lấy một cái khung củi nhỏ dẹt lưa, dẹt vải hay thêu thùa vá may trong những buổi không đi kiếm trên rừng.

Cô con gái tính cách nào mẹ cũng khen hay, nói đến câu nào cũng rất phải, bà già đã trông thấy trước cái cảnh tượng mới mẻ và sung túc trong cái chốn lều vườn bé nhỏ của mẹ con mình.

Chiều hôm ấy đang chặt củi hái nấm trên rừng bà mẹ Mí Nàng sực nhớ tới mấy cái bẫy chim ở trên nhà nên bảo con đứng đợi, tắt tả chạy về lấy đem lên, Mí Nàng dặn theo: “Mẹ đem cả cái giỏ mới đan lên nữa nhé! Nấm này hãy còn non xâu vào dây thì rụng hết”.

Lần này là lần thứ nhất bà để con một mình trên rừng vì chỗ ấy gần nhà bà ta lại lên ngay. Tuy thế, nhưng trong bụng vẫn thấy như sắp có một điều không hay. Chạy một mạch về rồi lại tức khắc chạy một mạch lên rừng. Đến nơi, Mí Nàng đã không thấy đâu nữa. Bà ta chắc con gái đứng sau một chỗ khuất nào đó nên chưa muốn nghĩ đến cái nguy. Bụng bảo dạ: “Không, con ta không việc gì đâu, không việc gì hết”. Rồi tươi cười giơ mấy cái bẫy và cái giỏ ra, bà ta nói :

- Lạy ông trời nhé, ông cho mẹ con tôi đến chiều bắt được nhiều chim. Mí Nàng ơi! Giỏ đây rồi, bẫy đây rồi... Ra đây mắc bẫy với mẹ!

Hai mắt bà mẹ Mí Nàng lộ ra vẻ sợ, mà miệng vẫn cứ mỉm cười :

- Con ơi! Mí Nàng ơi! Mí Nàng à!

Bà già bỗng thất sắc. Mặt nhăn như người chực khóc, tiếng gọi hơi run run :

- Mí Nàng, Mí Nàng đâu con?

Bà già liền đi quá vào chỗ con tìm nấm lúc nãy rồi cất tiếng gọi lớn. Các bụi cây quanh đó yên lặng không trả lời! Bà già cuống cuống lên vứt mấy cái bẫy xuống đất, sấn vào trong đám lá rậm, đâm thẳng xuống bờ suối rồi tức tốc lại trở ngược lên, hai mắt mở trừng trừng, vừa chạy vừa nhìn hết mọi chỗ. Miệng thì mấp máy không ra lời, chốc chốc lại gào lên mấy tiếng gọi :

- Mí Nàng!..... Mí Nàng!..... Mí Nàng!!!.....

Trời đã gần tối tìm Mí Nàng không thấy được nữa bà già bỏ cả củi, cả nắm cả bầy, không thiết gì hết, vừa khóc thê khóc thảm, vừa lều thểu về nhà. Bấy giờ vẫn còn chút hy vọng! Vào trong lều: vắng ngắt. Trông khắp bốn phía, nhìn cả xuống gầm chõng! Lục cả sau đám chăn áo không thấy đâu! Không thấy đâu! Con gái bà già hẳn bị hổ bắt mất rồi. Thế là xong, thế là biến mất cái vui sướng mà bà đã tốn biết bao công lao mới được hé thấy.

Bà già bỗng thét lên khóc rồi văng mình xuống chân chõng, dứt tóc, cào đất, vùng đứng dậy rồi gieo mình! Khóc đã khản cổ, đã mất cả tiếng: tâm thần muốn cho say mê để quên khổ, trời đất muốn cho tan nát để mình được tiêu diệt theo. Trong lúc đau đớn, mình khóc gào như vẫn nghe thấy con gái sùi sụt, như trông thấy con gái đứng ở tận những quả núi nào đang cứ vùn vụt lùi xa. Bỗng lại vùng đứng lên, bà già đâm bổ vào trong rừng, đầu thì lắc, mồm thì há, tay thì múa, chân thì lão đảo, rồi ngồi xuống đến một bụi cây ẩm tối nói cho nó nghe những lời kỳ quái như không phải tiếng người. Rồi lại đứng lên vươn thẳng mình trong giữa cái cảnh thảm thì bí mật ấy, bà ta quắc mắt nhìn đây nhìn đó, quần áo xốc xếch, đầu tóc bù rối ghê gớm, độc ác như hình tượng của sự căm hờn. Đứng như thế một lúc lâu, không nói năng gì, rồi chân nam đá chân chiêu, bà già lão đảo về nhà nằm vật lên trên mặt chõng.

Sáng hôm sau, bà Mí Nàng chợt tỉnh cái giấc mê mệt mà bao nhiêu đau đớn đã làm cho ngất đi từ đêm qua. Bà ta ngồi dậy khóc lóc một hồi. Thoắt nín bật, mồm môi lại, bà ta đai lưng vấn tóc, cầm lấy con dao rừng lăm lăm rồi bước ra. Trên mặt không còn ngấn nước mắt chảy, chỉ thấy hiện ra một vẻ dữ tợn lạ thường. Bà ta xông thẳng vào rừng, từ cái chỗ vút những cái bầy chim hôm trước đi trở lên, rồi cứ đi sâu vào mãi, theo một đường cây lá rẽ ra chỉ để vừa lọt được một người. Đến một chỗ ánh sáng soi xuống nhiều nhất người đàn bà đứng lại chăm chú nhìn như mới trông thấy vật gì quái gở lắm. Cúi xuống nhặt, thì ra đó là những mảnh áo chàm thắm máu: những mảnh áo của Mí Nàng! Bà già mặt tái đi như người chết, răng nghiến lại rít lên một tiếng tưởng đứt ruột, rồi vừa nguyền rủa vừa cầm đầu bước lên.

Suốt một ngày hôm ấy bà Mí Nàng không lúc nào ngơi chân, cúi vào các bụi cây, len qua mọi chỗ rậm rạp, luôn tay chém những dây dợ chằng chịt nó xoắn xuýt dưới chân và những cành lá đâm ngang trước mặt; luôn mồm vừa chửi, vừa nói:

“A phải! A phải, bà không có sợ mày, bà giết chết mày! Giết chết mày bằng được bà mới nghe”.

Cái giọng nói với cử chỉ của Mí Nàng quả quyết và đáng sợ đến nỗi con hổ lớn ở Sam Na có nghe thấy chắc cũng phải rùng mình. Vì chính nó đã vô mất người con gái.

Từ ngày hai mẹ con nhà này đến ở đây con hổ ấy vẫn có ý dòm dò nhiều lần. Nhưng bà ta đã phòng bị sẵn. Ban đêm thì trong túp lều vẫn có đồng lửa cháy sáng làm cho nó phải xa lánh. Ban ngày thì nó lại sợ tiếng cái ống nứa ngộ mà lúc nào bà ta cũng đem theo, vả lại cái vẻ mạnh bạo của người đàn bà Mán hình như đã có một oai lực làm giảm hẳn cái dữ tợn của con vật. Hai con mắt của bà ta lúc nào cũng như lửa, hình như vẫn coi chừng cái nguy hiểm, mà nếu gặp phải thì bà ta sẽ một tay ôm giữ lấy con, một tay múa con dao rừng ra tứ phía như vung ra bao nhiêu cái đảm lực thiêng liêng của tình mẫu tử. Chết thì bà ta liều chết, chứ chạm vào con gái bà ta là không xong. Không ngờ cái lúc bà mẹ Mí Nàng để con gái một mình lại là lúc con hổ vẫn chờ đợi. Bà ta chưa xót hối hận. Hết chửi rửa con hổ lại lấy đủ các tiếng tộ hại để tự rửa lại mình. Nhiều lúc đang bước đi xăm xăm, bà ta bỗng đứng lại lấy tay cứ vả mãi vào mặt rồi hai chân dậm đất, bà ta ngửa cổ hắt ra bao nhiêu tuyệt vọng cay đắng trong một tiếng hét dài.

Rồi từ đó người đàn bà Mán quên ăn, bỏ ngủ, quyết chí tìm cho được con hổ để báo thù cho con.

Ban ngày thì không có bụi cây hõm núi nào bà ta không sục đến, đầu tóc thì chằng quăn dây dợ, váy áo thì bươm rách vì cành gai, mặt mũi chân tay bị lá sắc nó cứa vào như bị chém; máu có chảy nhiều quá thì bà ta chỉ lấy cánh tay chùi ngang một quệt chứ không biết gì là đau. Ban đêm thì ngồi ở cửa rừng mà đợi.

Những lúc vắng khuya một mình giữa nơi hoang dại, tưởng chừng như hồn con gái bây giờ đương vợ vẫn bên mình, nỗi thương đau của người đàn bà

như dội lên đến cực điểm. Nhưng không khóc hay là không khóc ra lời, bà ta chỉ đem bao nhiêu nỗi phẫn giận, cực khổ trong lòng gửi vào một tiếng hú. Đó là cái tiếng hú hồn lạnh lùng thâm đã làm cho dân Khao La sợ hãi luôn mấy đêm trời.

Bà ta ngồi đó, cố ý đợi cho con hổ đến. Nhưng hình như con vật cũng biết, chỉ tìm lối khác ra kiếm ăn. Còn ban ngày thì nó vẫn lẩn lút một nơi không để cho người đàn bà bắt gặp. Nhiều lần nó có dịp để hại người đàn bà Mán, nhưng có lẽ nó còn ghê còn gớm một sức gì khó hiểu ở một người dữ tợn nhất trong giống người tinh khôn kia.

* * * * *

Đến mãi ngày thứ bảy bà ta mới tìm được sào huyết con hổ cái. Sau bảy ngày đêm cơ cực: giá không có ngọn lửa hăng hái mà tấm lòng quả quyết báo thù nó vẫn đốt lên trong lòng người mẹ kia, thì chắc hẳn bà ta không còn gan sức nào chống được với nỗi khổ sở mệt nhọc. Chiều hôm ấy, bà ta đi tới một chỗ có nhiều bụi cây rậm và lớn, thì chợt thấy mấy con hổ nhỏ đang lẩn lộn trước một cái hõm tối cành lá trùm phủ như tre tàn. Bà ta đứng nấp một nơi rình xem thì biết con hổ mẹ đi vắng. Bà Mí Nàng liền rón rén lại gần rồi xò ra đâm chết được ba con, hai con kia hồng hộc chạy trốn mất, sức lực đã gần đến lúc kiệt, bây giờ lại thấy trở về đầy đủ, bà ta vác ngay ba con hổ chết đem quăng ở sau nhà. Biết trước con hổ cái thế nào cũng về hang, bà ta liền sắm dây dợ rồi đai chịt gọn ghẽ cầm lăm lăm con dao đi vào rừng. Đến bên hang nằm đợi cho tới khuya mà vẫn không thấy con hổ mẹ về; có lẽ nó đi tìm những con hổ con đã bị bà ta giết.

Đêm ấy là một đêm về giữa tháng chín, bóng trăng sáng tỏ ló qua những từng lá cây thưa. Vào khoảng quá nửa canh hai, bà ta thấy trong hang thò thân đi ra hai con hổ chạy thoát lúc nãy. Bà Mí Nàng nghĩ ra được một ý lập tức chạy ra giết phăng đi rồi vừa trói chặt hai chân sau hai con hổ lại vừa nguyên rủa:

“Mày giết con tao! Mày không trả con tao. Tao cũng giết con mày. Tao lại giết mày nốt”. Nhưng chỉ giết con hổ cái cũng chưa hả giận, bà ta muốn cho trước khi bị giết, hổ mẹ phải trông thấy hổ con chết, mà chết vì tay mình.

Bà ta vừa trói xong hai con hổ con thì chợt nghe thấy những tiếng chen lá dầm cành đi gần lại. Biết rằng con hổ lớn đã đến bà ta bèn cầm lấy một đầu dây rồi trèo lên một cái cây ở gần.

Trong nẻo đường tối từ chân rừng đi lên, bà ta thấy hai con mắt xanh lè ở giữa những mảnh sáng trắng mập mờ và lay động. Một lát thì thấy cả cái mình vừa dài vừa lớn của con vật. Nó dừng lại một lát dưới những tán lá thấp, đuôi hơi ve vẩy, hai mắt từ từ chớp như úp mở hai ngọn đèn to. Rồi nó lại thong thả bước lên; đi chưa được xa nghe tiếng động đằng sau nó toan quay trở lại. Nhưng xem chừng đã ngủi thấy hơi lạ nên nó đứng đình bước thẳng về hang.

Trên kia người đàn bà Mán đã buộc hẳn mình vào một cành cây to và đã thắt cái dây dài trói hổ vào cái chạc bên cạnh. Con hổ vào hang hình như kinh ngạc lắm. Nó ngoắt ra, trông ngay thấy hai con mình treo lủng lẳng ở đó thì nhe nanh mà gừ. Chợt thấy có bóng người trên cây, con hổ nghe chừng đã hiểu, nên lông lên và gầm một tiếng cực dữ. Bà mẹ Mí Nàng lấy làm đặc chí lắm, bởi vì bà biết rằng hổ cũng có con, hổ cũng làm mẹ. Con hổ bị giết, mẹ hổ chắc cũng xót thương. Vậy thì cái đau khổ kia bây giờ bà ta gây nên và được trông thấy. Bà ta lại cầm dây dứt mãi khiến cho hai con hổ cứ lay lắt dưới đầu dây. Một tiếng gầm nữa, hai chân con hổ đã quai tới gần tay bà Mí Nàng. Bà ta chém xuống một cái thực nhanh, con hổ tụt xuống rồi lại nhảy lên ngay tức khắc. Một chân trước nó bám được một cành nhỏ, thiếu chút nữa chân kia tát được vào mặt người đàn bà, con dao đã gần văng đi mất, nhưng rắc một cái, cành cây gãy, con hổ lăn kèn dưới gốc cây. Bà Mí Nàng đã bắt đầu lo: không ngờ con hổ lại nhảy giỏi được đến thế. Bà ta tưởng rằng nó thấy mình trên cây thì chỉ biết tức tối mà không làm gì được mình. Hay đâu hổ cũng đã nhẹ đã khỏe, lại thêm phần hăng sức vì giận, nếu không leo mau có lẽ thế nào con hổ cũng bám được vào người.

Nhưng bà ta đã trói buộc rất chặt mình vào cành cây từ trước rồi: bây giờ thì không còn tay nào mà cởi ra được nữa. Con hổ cứ chồm lên mãi, mỗi lúc một nguy bách, mỗi lúc một cao thêm. Mặt bà Mí Nàng ba lần bị tay hổ lướt qua, con dao gạt phải những vuốt của nó rít lên những tiếng như sỏi

xiết lên sắt. Một lần bà ta nhắm mắt lại bổ xuống một nhát rất dữ. Con hổ vừa lúc tung mình tới bị nhát dao bập vào giữa đầu. Hổ bị choáng hồn, tai cúp lại găm lên một tiếng như sét nổ. Nó đứng sững lên hai chân dưới, hai chân trên quờ quạng quăng không như muốn ôm lấy người đàn bà. Nhưng bà Mí Nàng vẫn hết sức cẩn thận luôn tay chém xuống. Con hổ tức giận như cuồng dại, nó vừa rống vừa chạy lồng lộn chung quanh đây, gặm cây, rút cỏ, cào đất để tìm cách vồ lấy bà già.

Lúc ấy cả một khu rừng như nín hơi. Người làng Khao La thì trên mặt không còn một giọt máu. Bảy anh con trai bạo dạn đi dòm dò nhà mụ kẹ lúc đó tuy đã thoát, nhưng vẫn tưởng con hùm tinh sắp đuổi tới nơi. Còn những tiếng găm dữ dội đêm ấy cũng như những tiếng hú bí mật mấy đêm trước kia thì không ai biết đó là những tiếng hờn giận khóc thương của một người và một vật cùng nặng tình mẫu tử.

Bà già chống nhau với con hổ đã đến gần nửa trống canh không một phút nào ngơi. Những lúc con hổ không nháy lên, bà ta cũng vẫn cứ luôn tay chém xuống. Dần dần sức đã kiệt, cái lo sợ cũng hiện đến, bà ta chắc rằng mình chết mất, chết mà vẫn chưa báo thù được cho con. Hai mắt đã hoa trông thấy bốn năm cái đầu hổ nó còn chồm lên và không biết bao nhiêu nanh vuốt nó chực đâm vào mặt.

Thần trí chập chờn như say, con dao mấy lần muốn rời ra khỏi cái nắm tay đã thấy bủn rủn, bà Mí Nàng chợt nghĩ đến cái thân cơ khổ, đến cái cảnh thảm hại của hai mẹ con mình: bên tai nghe thấy tiếng con gái khóc than, trong trí thoáng trông thấy lúc thân con gái bị xâu xé, con gái yêu quý bị hổ cướp sống mất, giữa lúc đang vui tươi khôn lớn, khiến cho bà đau khổ rồi đến nỗi nước này. Mặt đương tê tái bỗng nóng bốc lên, vừa lúc con hổ quờ móng đến. Bà rít lên một tiếng quái gở, giáng con dao xuống con hổ bị què mất một chân. Bà già lại lăm lăm con dao, quắc mắt nhìn con vật ngả trên cỏ, phun xuống những lời nguyện rửa độc địa tưởng không phải là tiếng người. Dưới đất con hổ đã đứng lên nhe nanh đáp lại. Bà già cầm lấy cái dây trói hai con hổ giật lấy giật để, rồi vừa khóc vừa quát tháo, vừa bằm vằm mãi xuống quăng không. Con hổ lại há miệng găm. Hai mắt ngầu đỏ, hai bên mép vành chồm gai râu, nó thu mình lấy sức nhảy vọt lên bám lấy

ngang lưng bà Mí Nàng. Bà già không biết đau nữa, cứ nhè đầu con ác thú mà ghè xuống. Con hổ gào vang lên như vỡ núi song nhất định không buông. Bà già chém bừa đi, vào cả mặt cả vai, cả miệng con hổ. Nó nhô đầu lên để chực ngoạm lấy đầu người đàn bà Mán nhưng chỉ cắn được lưỡi dao. Lúc ấy mặt người với mặt hổ gần nhau cùng ghê gớm như nhau, bốn mắt lờng lộn con người, nhìn nhau trao tráo, lộ ra không biết bao nhiêu cay độc, bao nhiêu hằn học căm hờn lẫn với chút cảm giác bi ai trước khi phải chết. Mẹ Mí Nàng còn sức chém, con hổ còn sức bám lấy lưng bà ta. Dần dần bà ta đuối sức không giơ được dao lên nữa thì con hổ cũng yếu tiếng gào. Đến lúc người đàn bà tắt hơi buông thõng tay xuống thì con hổ vừa hết sức mà rã rời chân ra.

Dưới đám cỏ sắc lá khô đầm đìa những máu, thấy con hổ rơi nặng xuống trong một tay còn nắm một mảnh áo trên miếng thịt lưng bà già.

Rút trong tập “Ba hồi kinh dị”

Thế Lữ

Tiếng Hú Ban Đêm



Một chuyện ghê gớm

hải, thực là chuyện ghê gớm, chuyện dị thường mà ghê gớm nhất là vì có thật, không huyền hồ như những truyện cổ tích yêu quái ta thường nghe kể lại hay thường đọc thấy trong những tập truyền kỳ.

Ông cụ ngồi tiếp chuyện mấy ông khách người làng ngừng lại để rót thêm nước. Trên khuôn mặt răn rỏi đăm đăm một vẻ trang trọng ưu tư. Hút tàn mồi thuốc lào, uống cạn bát chè tươi, ông hắng giọng rồi lại nói:

Tôi bình sinh đã biết nhiều chuyện kỳ dị mà không hề thấy kinh lạ sợ hãi, vì mình đã biết trước là những điều hoang đường không đáng tin. Nhưng đến câu chuyện này thì lại khác. Chính tôi phải một phen hút chết ở câu chuyện này đây. Các ông ạ, mỗi lần một bóng một mình trong lúc đêm khuya mưa gió sùi sụt, mà nghe thấy tiếng ễnh ương nó ỳ oặc, tiếng ếch nhái nó nghiêng răng bốn bề, tôi lại nhớ ngay đến chuyện trước. Bên tai như vang những tiếng người chết nó cười, nó kéo từng đoàn từng lũ đến đầu giường tôi nằm mà tranh nhau nguyên rửa tôi. Cố tình quên cũng không thể được! Tôi đã trải một bước nguy hiểm quá, phải một phen khiếp sợ thái quá, hầu như lạc mất hồn vía, còn sống lại chỉ như để mà nhớ mãi, tâm trí như cái kho tích chứa bao nhiêu điều quái gở đã qua.

Năm Minh Mệnh thứ sáu, tôi hồng kỳ thi hội lần thứ ba. Bấy giờ tuy mới hăm hai tuổi, nhưng khí khái càng mạnh thì thất vọng càng sâu uất cho phận mình lại càng khinh những tài học non nớt mà gặp vận. Ba kỳ thi lạc đề, nhà lại nghèo thêm sinh ra chán ghét đường công danh, lấy cớ không đủ lực theo đuổi khóa sau này mà coi rẻ việc đèn sách. Nhân vốn tập tành mấy môn võ nghệ, sở đắc về đường quyền kiếm cũng không đến nỗi thiếu kém, nên cái lòng ưa mạo hiểm bốn phương được thể ngày một thêm hào hùng.

Tôi bèn quyết chí bỏ làng, viết một bài ca từ gửi cho mấy người trong chỗ thân bằng gọi là đáp lại những lời khuyên can, mà cũng là để từ biệt hẳn cái đời văn chương kinh sử.

Rồi “bán kiên hành lý nhất thân khinh”, cuộc đời giang hồ kể lắm bước gian truân nhưng cũng đem lại cho mình nhiều cái thú đột ngột.

Hồi đó, mấy khúc trường hành của tôi, làm từ ngày còn ham mê đường khoa hoạn vẫn được cái may là gọi hào hứng những bạn tri kỷ không quen biết ở nhiều nơi. Vì thế mà có được những cuộc gặp gỡ thực bất ngờ nhân mới nhận ra rằng mỗi bước đường đi lại khiến mình sợ hãi thay cho cái lúc do dự toan ở lại với nơi quê quán. Mỗi bước đường đi, lòng được quyến luyến thêm một cảnh lạ người mới, trí được phong phú thêm những tư tưởng đắm thắm, những kinh nghiệm không thường.

Nay đó mai đây, khi lưu niên hằng năm ở một miền sơn thôn bình tịch, khi thì ngày ngày lặn đạn qua những miền thâm u thưa vắng bóng người. Bất cứ ở đâu, dù xa xôi hiểm trở đến đâu cũng mặc, hễ nghe tiếng có bậc ẩn sĩ hay có tay võ nghệ cao siêu thì thế nào cũng phải tìm gặp. Đó là hữu ý mà đến, nhưng cũng có những phen tình cờ. Một lần người ta chỉ lầm đường tôi lạc vào sào huyệt của bọn cường khấu. Ngót nửa năm trời, mình phải làm một hảo hán bất đắc dĩ, qua được phần tai nguy là nhờ có phần quyền thuật đã thêm vững chãi mà trốn được thoát cuộc đời hung bạo ấy, lại là nhờ ở phần mưu trí nhà nho. Kể cái hồi gian hiểm sống chung với bọn cướp rừng này cũng lắm chặng ly kỳ. Nhưng so với câu chuyện dưới đây thì cái tính mệnh của tôi lần trước chỉ như mới vướng phải bụi gai, còn lần sau thực như sa vào chàm ác thú.

Cũng vì cái tiếng là đã đi với kẻ cướp mà tôi không thể ở yên được một chỗ. Người đời đã hay nghi kỵ, lại nhân cái tính tình phóng lãng của mình không hợp với thói lệ thường ngày, ác cảm dễ sinh, rồi do thế, một lời đắc ý ngang tàng hóa thành những lời võng ngạo. Tôi đang ngồi dạy lũ trẻ ở nhà một người riêng có bụng mển mình thì được tin có trát nã gấp. Một ông bạn tâm phúc đến bảo mình rằng những bài ca từ của tôi súc tích nhưng ý phạm thượng, mà cái hình trạng phản nghịch đã lộ rõ ở thái độ của tôi, ở cuộc đời tôi, nhất là ở hồi gần đây tôi “đã từng giao thông với quân giặc cướp”. Tôi

biết trước, một án cữu như thế chỉ có một hình pháp, mà những người đã kết án, tôi lại biết là một vài người đồng học với tôi trước kia. Tìm cách minh oan tức là làm việc tối vô ích. Tôi chỉ còn một kế là lại đi. Bước giang hồ chỉ như mở rộng thêm, xa thêm. Chỉ khác là cuộc đời lữ thứ của tôi, từ đó lại canh cánh một nghĩa nữa là đời phóng trục. Mình tự phóng trục mình, mà đi là không hẹn ngày về.

Tôi theo đường tắt qua Lạng Giang. Ở Yên Thế ít ngày, rồi đi ngược sâu mãi vào trong cảnh sơn lâm, đổi họ đổi tên, nhưng tính danh dù để nguyên cũng vô hại. Bọn Nùng, Thổ man đã ở các nơi tôi đến trú ngụ là những người chất phác, tôi có đem hết nỗi bất hạnh của mình nói thực ra họ cũng vẫn quý mình như lúc họ mới biết.

Sống chung với người sơn dã, quen phong tục, thuộc ngôn ngữ, tôi dần dần cũng thấy tâm tư đơn giản như họ, rồi thành yêu chung trọng lẫn nhau tôi nhiều lúc coi mình là người đường rừng mà vẫn lấy làm vui. Trước còn ở miền dưới cũng thừa thấy yên thân. Nhưng lâu ngày quên cả chuyện trước, tính thích xông pha lại đến giục giã, tôi cứ lần hồi đi ngược mãi lên. Mỗi bước như một kích thích thêm lòng hiếu kỳ. Trong cái phong thổ hăm thiêng nước độc, còn chứa chất không biết bao nhiêu cái dị thường lẫn quần ở bóng tối vòm cây, ở giải nước sâu vắng xanh, ở những trận gió ồn ào như có rất nhiều thanh âm gở lạ. Tiếng chim kêu cũng phảng phất thành những lời nói. Những tên đất, tên làng là những tên, những tiếng khác tai. Mỗi cảnh vật đều có một sự tích oan khiên, hay khủng khiếp. Tôi từng nghe tiếng ngọn suối ban đêm như than khóc, người Thổ nói là tiếng kêu khóc của đôi trai gái bị hại ở lưng bờ. Hang núi, mạch rừng, thác, đèo... mỗi nơi có một tên phát tích ở một chuyện thảm khốc hay rùng rợn. Bóng oan khuất như gây ra các sự kinh hoàng, người ta dù cứng bóng vía đến đâu cũng không thể không thấy một thứ ghê rợn lạnh lùng rất khó nói. Đâu đâu cũng toàn là những chuyện kinh người hết. Nào chuyện ma gà, chuyện hùm tinh, chuyện lợn biết hát, chuyện thần rắn, chuyện Mán làm mắt trẻ con... Họ thuật lại cho tôi nghe như những việc hiển nhiên, sự khủng khiếp lộ ra trên nét mặt kính cẩn đang đột.

* * * * *

Chỗ tôi ở lâu nhất là một làng ở phía bắc trấn Lạng Sơn, tên gọi là Bản Khau, hay, là Khau Gié. Tiếng là một làng song chỉ lát gác mười nóc nhà tranh, hoặc dựng cao trên sàn, hoặc lèn đất làm tường. Dân cư, phần lớn là người Nùng, sinh nhai bằng nghề trồng hồi với nghề săn bắn. Người Nùng ở đây săn rất giỏi, cung nỏ bách phát bách trúng, lại riêng có tài dùng hỏa mai học được chẳng biết ở một người Tàu nào họ truyền dạy cho đã lâu đời. Những cuộc đi săn của họ, họ coi trọng lắm; rất nhiều nguy hiểm mà cũng cực kỳ vui. Tôi ở với họ liền ba bốn năm rất lấy làm vừa lòng, không muốn đi nơi khác nữa. Khi nào săn ở rừng xa, rừng dữ, thì gần hết cả làng cùng đi.

Lần ấy định săn ở tận cùng Lùng Sa, Mùng Sáy, gần miền cương giới. Sáng hôm đi, bạn săn dậy thực sớm. Hơn hai chục đàn ông tay lao tay nỏ, gậy gộc khí giới đủ mọi thứ, cơm nước xong, mỗi người đèo thêm một nải gạo hoặc lương khô đủ dùng trong mười mấy ngày. Đàn bà con trẻ với những ông cụ già tuổi quá thì sắm sửa giúp những vật dụng lặt vặt. Đầu canh tư thì lên đường. Bọn ở lại ra tận đầu làng để tiễn chân. Gặp những dịp này, tôi là người hăm hở bận rộn hơn hết, vì mỗi năm họ mới đi như thế có một lần, vào hồi cuối thu.

Từ canh tư hôm trước, đi không nghỉ. Đường càng gần tới càng gập ghềnh. Phải qua những nguồn suối dềnh lên bất ngờ, có khi phải chịu ngừng lại lâu, ngồi đợi cho nước rút xuống. Qua canh năm đêm hôm sau thì đã trông thấy Lùng Sa. Sương sớm còn đặc. Giải rừng lớn, hình bóng còn chập chờn. Tuy mô núi không cao, xem ra chỉ ấp thoai thoai giữa những đồi trụi mống trọc kỳ khu hơn nhiều. Nhưng cứ nhìn cái dáng lù đen của những vòm già lá kết cũng đủ đoán biết cái tính ác dữ không phải là ngoa truyền. Lùng Sa có tiếng là hoang hiểm. Thực là một cảnh săn tốt đối với con nhà đi săn.

Chúng tôi không ai tưởng đến nghỉ ngơi, thẳng bước vào tìm chỗ làm chòi. Trú ngụ ở đâu khác cũng làm cho dân làng quanh quất đó kinh nghi. Đi toán đông thì chỉ ăn ngủ ngay trong rừng là tiện.

Tìm được một khoảng vừa ý, từ cửa rừng đi vào không xa lắm, chúng tôi đang chia nhau người dẫn cây, người kéo lá, thì một anh trong bọn bỗng reo

lên, gọi tất cả chạy đến một đám cây thấp bùm tum. Phát cảnh rút rọ vào xem, thì ra đấy là một tòa cổ miếu. Chung quanh miếu có tường quây, nhưng tường phần lớn sập đổ gần tới móng. Mái cũng vậy, bẹp trĩu dưới những đợt lá nặng, chỉ ở một góc bên trong còn lại dấu vết mấy chiếc rầm mục với vài ba miếng ngói đen sì. Ánh sáng qua những tán cây soi xuống tha hồ. Trước miếu có một khoảng sân khá rộng gạch đã nứt vỡ hay bật chồi lên vì rễ cây to, mà hầu hết bị cỏ lá với đất rêu phủ kín khắp mặt. Không còn cảnh nào có vẻ hoang phế hơn nữa. Cả cái bệ chính giữa cũng lở nứt, có chỗ như bị xô, bị húc nhiều lần. Hương ngói lạnh lẽo hẳn đã lâu lắm rồi, sự linh thiêng có lẽ không bằng một cái chòi lá đơn sơ dựng ở một quãng vách đèo hay hốc suối. Nhưng tôi vẫn lấy làm nghi ngại mãi trong lúc bọn người Nùng sạ sục mà chẳng tìm thấy gì thêm. Miếu tuy bỏ vắng nhưng cũng đã phụng sự một uy quyền nào ở đây. Không thì cũng đã yên ủi một vong hồn nào bị oan khuất. Cái nơi nguy hiểm ghê gớm là cảnh rừng này, một thuở xa xăm nào đó, cũng đã từng có vết chân người. Mấy chữ đá thảo còn sót lại ở những chỗ trước kia là cột viết câu đối. Tôi không thể nào đọc rõ: hẳn chữ với màu mực đã mòn lẩn mất hết. Một mảnh đại tự mập mờ không đủ cho mình đoán được là chữ “Hải” hay là chữ “Mai”.

Có người bàn nên dùng chỗ này, đắp đất chất gạch cho cao tường thêm, để thay cho cái chỗ ở bằng chòi định làm khi trước. Ý kiến ấy được mọi người khen hay. Chúng tôi liền đem chỗ cây, lá mây, nửa, đã kiếm được chất cả lại trước khu miếu. Rồi lèn vách, trồng cột, lợp gồi, đan liếp, không mấy chốc dựng thành cái nhà một gian rộng rãi, có tường dày, có cửa phen chắc chắn, vừa làm nơi ăn chốn ngủ, vừa có chỗ chứa sậy vật sẵn được, tiện lợi không đâu bằng. Làm xong nhà thì ống cơm nếp lù cũng vừa chín. Chúng tôi ngả lưng ra ăn uống no nê rồi vun thêm lá khô bên ngoài giải lên đất mà nghỉ ngơi.

Đi đường xa, lại vừa lợp lát, tuy có mệt nhưng tôi cũng không muốn ngủ. Mình là người hay thần thơ: Gặp cảnh lạ cảnh mới bao giờ cũng thấy lòng bồi hồi náo nức. Tôi ra cửa ngòi đó một mình. Cái khoảng phát quang chạy ngang trước mắt như một con đường, mà bên kia đường chẳng chịt, uốn éo chùm rù cả một phần rừng xanh lúc đó như sẵn lại trước mặt. Tôi vui mắt

mãi xem bầy khỉ đu nhảy trên những dây võng cành lá gần đó. Một vài con men xuống bám ở những chạc thấp nhất, nhòm nhòm ghé ghé vào gian nhà mới của chúng tôi ra vẻ hết sức ngạc nhiên.

Bỗng có tiếng lạ tai. Tôi giật mình. Cùng một lúc với tiếng sột soạt lùm cây rậm trước cửa rung động một vẻ khác thường. Hình như có một con vật đang rẽ lá lách cành mà tiến đến. Tôi sửng sốt, đứng phắt dậy, quay vào trong lều. Các bạn sẵn ngủ ngon giấc quá. Tôi không đánh thức ai vội, vớ lấy một cái nỏ, chĩa vào bụi cây một hai chỉ đợi bắn. Thì bụi cây lại thấy yên, không còn run rẩy nữa. Nhưng có tiếng chân rẽ về phía khác. Bước chân mau nhẹ, dẫm lên một lối chùng quang phẳng nhất, mà nghe mỗi lúc một xa dần. Tôi đoán có lẽ không phải là thú dữ, vì nếu phải nó tất đánh hơi thấy, đã xông ra hại mình rồi. Nghĩ thế nên vững tâm hơn, tôi liền rẽ ngang, chạy theo một lối nhỏ cây thưa, cứ tiếng chân dẫm lá của con vật làm chùng mà đuổi nó. Tôi hết sức đuổi, cố tình tìm bắn cho bằng được. Được chùng quá trăm bộ đến một chỗ ngoặt, cây chen mau, nhưng lối không dốc, tôi sẵn bước nhảy cho chóng tới gần con vật. Thoáng một cái, trong một vùng quanh có ánh nắng ló xuống tận cổ tôi thấy bóng một người. Không thể trông rõ mặt được; tuy cách nhau chỉ vài chục bước nhưng hắt lẩn nhanh lắm, như biến vào đám cây lá, mà từ lúc ấy không để lại một tăm hơi nào. Chỉ kịp nhận ra là người ấy to béo, quần áo màu chàm bạc, đầu lại có đuôi sam. Chắc hẳn là một người Tàu. Nhưng người Tàu ấy là hạng người nào, ở đâu đến đây, mà đến cái chốn nguy hiểm này làm gì? Bảo là đi săn chăng? Người Tàu họ không săn ở đây. Mà có chăng nữa tất phải đi thành đoàn, thành bọn; mấy ai dám xông pha vào một mình. Điều kỳ dị hơn nữa là sao hẳn lại có vẻ lẩn lút, thấy tôi lại trốn chạy như một kẻ gian đồ? Hay có lẽ hẳn quả là một tên cường bạo? Một tội nhân vượt ngục hay một kẻ vong mệnh bị truy tầm tước nã gì đây chăng?

Tôi vừa quay trở về vừa nghĩ bụng thế, thỉnh thoảng vẫn trợn trợn ngoái lại đằng sau. Về nhà, ngồi vẫn vợ mãi cũng không đoán ra người khách ban nãy là người thế nào. Bọn người Nùng ngủ dậy, thấy tôi vẫn tư lự. Tôi đem việc vừa rồi kể lại rành mạch cho họ nghe. Không ai tin. Họ bảo tôi rằng không có gì đâu, không đời nào có người dám táo tợn một mình vào trong

nơi ghê sợ này như thế cả. Tôi nói là chính mắt tôi trông thấy người khách, tôi lại cầm chính cái nỏ kia đuổi theo hắn. Họ vẫn một mực không chịu tin. Mà như thế không phải để chọc tức tôi. Họ quả quyết bảo không thể có người nào dám cả gan vào rừng này được. Người nhiều tuổi nhất trong bọn phân giải câu chuyện tôi như thế này: cái người mà tôi trông thấy, không phải là người. Hắn trước đây có anh khách nào đó, vì không biết mà đi qua rừng một mình rồi bỏ mạng; vong hồn không tiêu tan được, vẫn lẩn quất ở đây, rồi bây giờ làm ma rừng, hiện lên để trêu tôi đó. Rồi mọi người thành thực tin, khẳng khái tin là thế. “Phải, phải, ma khách đấy. Ở trong rừng thì nhiều ma lắm, nhưng đừng sợ nó thì nó sợ mình”. Ý nghĩ của họ thật đơn giản quá. Tất nhiên tôi không thể cũng tin như họ được, nhưng cũng không cố biện bạch gì, dẹp chuyện đó lại cũng như họ thản nhiên gạt hắn ra ngoài tâm trí. Đến lúc sửa soạn khí giới, bàn tính cuộc săn đêm thì tôi cũng không còn chút băn khoăn nào nữa.

Chúng tôi ở đó được ba hôm, ngày thì ngủ, đêm lại đóng cửa kéo nhau khua động vây đón rộn cả mấy khu rừng. Săn có hai đêm mà được cả một hồ, con đực to lớn lạ thường, hai con hoẵng, ba con nai, một con hươu nhung. Hồ thì chỉ lột da, dóc cốt. Những con khác mới giữ lấy cả thịt phần lớn phơi sấy, hoặc ướp; còn thì nướng ăn tại trận cùng với lương thực đem theo từ nhà. Vụ săn xem chừng còn mẫn nhiều; cuộc xông pha càng nguy hiểm càng thấy có hứng thú. Mọi người đều lấy làm vui vẻ sốt sắng, thường cười nói bảo nhau: “Giời giáng thiên tai cho rừng này nên sai toán thiên tướng chúng ta xuống sát phạt một mẻ”.

Chiều ngày thứ ba tôi thức dậy trước nhất. Tôi mở cửa vừa bước chân ra khỏi miếu vụt đã thấy bóng người khách kỳ dị hôm lâu. Lần này thì tôi trông thấy mặt và nửa người phía trên của hắn. Khuôn mặt to phình, nhô ra giữa cụm lá lạng lẽ mà nham hiểm, lại như vừa ngạc nhiên vừa căm tức. Trong có giầy lát mà hình ảnh ấy như in mãi trong tâm trí tôi. Nhất là hai con mắt sếch của hắn tuy nhỏ mà sáng lạ, sắc lạ, long lanh một vẻ độc ác ghê người. Thấy tôi, chừng sững sờ hắn chưa kịp lui. Rồi tức khắc, hắn thụt vào, mau như biến. Thoáng cái, đã mất hút y như là không có bao giờ! Tự nhiên cơn giận bùng bùng nổi, tôi trở vào, vớ lấy cái cung sắt lớn, miết

đuổi theo. Tôi không cần gọi bọn người Nùng, rắp tâm thề trông thấy thì dù là người khách hay là ma khách tôi cũng bắn chết.

Tôi sẵn chạy vào lối hăn lui, nhảy những bước rất táo tợn qua những đám gai sắc. Được một chặp, hết sức khẩn bách, tôi đã trông thấy hăn chỉ cách tôi độ dăm chục bộ. Sợ hăn sớm lách vào đám rậm mắt tôi không đợi gần đích vừa chạy vừa giương cung. Khoan bước để hất một cành lá đâm ngang thì thẳng khách đang khom người. Nó tìm cách lẩn đây! Tôi liền phóng ngay phát tên ra. Rắc rắc! Mấy tiếng cành gãy cùng với tiếng lá xô. Mười phần chắc bắn trúng cả mười, nhưng trông lên thẳng khách đã đâu mất. Rồi ngay lúc ấy, từ cái phía sột soạt ấy, một vật loáng dài như một thân cây quẫy cựa trong khoảnh vòm tối tranh sáng. Tôi nhận ngay ra là con trăn! Một thứ trăn lớn nhất, khỏe nhất! Nó lẳng lẳng mà tiến thẳng lại trước mặt tôi chậm chạp, lừ lừ lại có vẻ thản nhiên, nhưng quả thực là ghê gớm! Tôi biết cái nguy hại cấp thiết đến mức nào rồi. Phát tên vừa buông đã thành hư vô. Rút bắn phát nữa tôi lại thấy trật đích, mà trật một quãng xa như người bắn vụng! Trong lúc đó con trăn vươn lên một chạng đáng sợ. Tôi vội càng quay đầu chạy. Con trăn lạng lẽ trườn theo. Gần về đến khu miếu tôi hét rất lớn để kêu gọi bạn sẵn. Họ đã ngủ dậy cả. Nghe tiếng tôi, một vài người nhanh chân xông ra trước. Con trăn coi như không thấy ai. Nó cứ tôi đuổi mãi. Sau, tất cả bọn giáo mác gậy gộc ồ cả ra, kẻ sủa người nện nó mới quẫy ra chạy. Con trăn khỏe mà lại dai đòn một cách quái lạ. Suýt nữa nó quấn được mấy người lúc nó vượt qua cửa miếu. Tuy bị thương nhiều vết nặng mà nó còn bắt được chúng tôi phải đuổi xa đến mấy trăm bộ nữa mới chịu nằm im. Con trăn chết rồi, hai mắt vẫn mở như sống.

Bọn người Nùng hỏi tôi sao đi ra sớm thế, mà đi xa trong rừng sao không gọi ai cùng đi? Tôi thuật chuyện đuổi thẳng khách cho họ nghe. Họ cười ồ cả lên. Tôi ngạc nhiên, họ lại càng cười to. Rồi ôn tồn phân giải cho tôi biết rằng; “Nó là ma đấy, thẳng khách là ma rừng đấy sao lại đuổi bắn nó? Bây giờ thì nó đây rồi; con ma ấy đây rồi!”

Vượt nói, họ vừa trở vào con trăn, vỗ tay lên vai tôi để yên ủi tôi. “Con ma ấy mới nhập vào con này bây giờ con này nó chết, con ma nó cũng chết”.

Câu nói của họ rất thành thực có một giọng quả quyết rất chắc chắn. Tôi cũng thấy sồn lòng, thế gian quả có những sự biến ảo hiển nhiên đến thế được sao? Thằng khách kia chỉ là một hình ma! Mà con ma lại hóa ra con trăn bị giết chết? Thực là kỳ quái hơn cả mọi điều kỳ quái! Tôi nhìn xuống. Hai mắt con vật mở như vẫn nhìn tôi trừng trừng! Tôi rợn người lên một lượt, sợ hãi tràn lạnh khắp thịt da. “Có lẽ là ma quái thực cũng nên. Lúc trước rõ ràng phát tên của mình nhằm trúng thằng khách. Thoát được tất phải do một sự may mắn kỳ diệu lắm lắm, không thì tất phải do một sức huyền bí nào! Vậy mà nó thoát khỏi, nó biến mất, rồi tức thì thấy tiến ra cái quái vật này”. Tôi vốn không tin ma quỷ mà lúc đó cũng phải nhận rằng yêu dị chưa hẳn là chuyện hoang đường.

Nhưng dù sao tôi cũng qua cơn hiểm nguy rồi. Người khách kia dù có phải là giống hung thần nào tôi cũng không còn quan tâm nữa. Người Nùng nói có lý lắm, đuổi bắt nó làm gì. Tự dưng chúng nó có làm hại được mình bao giờ đâu?

Phải đến ba bốn người mới lôi cái xác con trăn được dễ dàng. Ai nấy gặt gù bảo nó lắm mỡ, ép ra thắp đèn thì tốt không gì hơn; da nó là thứ bịt chuôi dao rừng vừa bền vừa quý. Tôi đi đầu đoàn. Đến quăng rẽ trông thấy được cửa miếu tôi hốt nhiên kêu lớn tiếng kinh ngạc. Tôi thoáng thấy thằng khách! Nó vừa lên vào trong lều.

Tôi hét âm lên báo cho các bạn sẵn biết.

Bọn người Nùng vẫn chưa nghe ra, đứng đĩnh hỏi :

- Lại cái gì đấy?
- Thằng khách!
- Thằng khách nào?
- Thằng khách chứ còn thằng khách nào!
- Nhưng thằng khách làm sao?
- Nó vừa vào trong miếu.

Tôi bảo họ bỏ con trăn đấy, cùng xông vào với tôi. Nhưng không một ai vội vàng. Họ lại còn ra ý không tin.

- Không có gì đâu mà, không có gì đâu, anh trông lầm đấy.

Tôi phải nhắc đi nhắc lại :

- Chính nó tôi trông thấy chính nó! Không thể sai được!

Rồi sấm sấm tôi chạy về! Chợt chợt dạ. Tôi đứng lại giục họ vẫn chùng chình vừa lắc đầu vừa gàn :

- Đã bảo không có gì mà, sợ gì mới được chứ?

Tôi bực dọc quá phát gắt lên :

- Thì cứ vào với tôi xem nào! Chẳng lẽ tôi lại mờ quáng đến thế?

Mãi lúc ấy họ mới miễn cưỡng mà theo tôi.

Tuy để chậm mất một quãng khá lâu, nhưng lúc đó tôi vẫn không rời mắt khỏi cửa miếu. Chiều đã mát bóng, nhưng đến một con chuột ra vào bấy giờ tôi cũng thấy được rõ. Thằng khách chắc chắn vẫn còn trong lều.

Tôi vung thanh đao giật ở tay một người để xông lên trước, quyết bắt, mà thế nào cũng bắt được thằng khách cho bọn người Nùng hết nói là ma.

Tôi bước vào. Bọn người Nùng cũng đã ồ tới chập cả cửa. Trong lều im phăng phắc. Tôi quắc mắt nhìn đến cùng kẽ mọi xó tối. Kỳ dị thật. Không thấy qua bóng vết thằng khách đâu.

Đánh đuốc lên xem nào.

Lửa sáng soi cũng chẳng thấy gì khác. Cũng không có gì thay đổi, đồ vật mọi chỗ vẫn y nguyên. Trong lều còn một vài chỗ dấp lá khô, nhưng đồng tháp, bới tìm chi thêm việc. Tường vách làm để phòng ngừa thú rừng, một con mèo cũng không lọt được, mà lúc đó vẫn kín không một dấu đào khoét nào qua. Vậy thì thằng khách trốn đằng nào? Chỉ có lối cửa thì tôi đã để ý chăm chú lắm rồi, không thể bảo nó ra khỏi mà tôi không trông thấy được!

Tôi kinh ngạc hết sức. Nhớ lại thì cái bóng thằng khách lúc lên vào vẫn rõ rệt, cái mình áo chàm, cái đuôi sam đen, cả đôi ống quần nịt quần của nó, nhất nhất tôi thấy rành rẽ. Cả cái vẻ lén lút của nó nữa. Thế mà rồi thành hư ảo, mà sự biến ảo chỉ có tôi trông thấy, hình như chỉ ngạo nạt riêng một mình tôi. Các bạn sấn thì không ai ngẫm nghĩ lâu. Họ cứ tin theo ý họ vẫn tin, một mực bảo tôi rằng “Chỉ là ma đấy thôi đừng sợ nó, ma không bao giờ làm chết những người ngay thẳng hiền lành”. Tôi không hiểu nên cho thế nào là phải, tâm trí như rối loạn, vừa hoảng sợ ngấm ngấm, vừa tức giận, bó gối ngồi bực dọc một xó, mặc những người Nùng này hì hục lột da con trăn.

Họ thấy tôi chưa từng bắn khoán quá như thế bao giờ, thấy một người gan dạ vui vẻ như tôi mà bỗng có thái độ đối khác đến thế, họ cũng phải sinh ngờ vực, cũng phải hiểu rằng những điều tôi trông thấy tất hẳn là những điều phi thường. Sau cùng người trưởng đoàn cho là tôi gặp bóng thần rừng, hay chính thần miếu. Vị thần khu cổ miếu này bị bọn tôi đến quấy rối sự yên tĩnh, hiển hiện lên để tỏ ý giận dữ; đã thế thì chỉ có việc cúng bái là yên ngay. Họ vừa sùng sốt vừa trầm trồ như mới vỡ ra một lẽ tất nhiên không thể nào khác được. Trong bọn có người thường nhật làm thầy “mo” cho cái ý vừa rồi phải đem làm ngay. Hẳn liền đốt lửa giữa lều, gõ thanh la, niệm thần chú để tạ ông “thêng”, ông “thần” ở đây. “Xin ông ‘thêng’ ông ‘thần’ ở đây cho phép bọn người đi săn giết nhiều hổ, nó vẫn làm hại con cháu người dân người làng, nó vẫn ăn trộm con lợn, con bò của người dân người làng, xin ông đừng giận người đi săn làm chi nữa”.

Cầu cúng xong, thế là yên chuyện. Bọn họ lại nói đến cuộc săn, không ai nhắc đến người khách hay ông thêng thần nữa. Gặp phải sự cản trở cho công việc họ thì họ giết phắt kẻ làm trở ngại kia đi. Nếu lại là thần thánh hay tà ma xui nên thì họ cầu đảo, phù chú. “Đói khát thì ăn thì uống, đau ốm thì thuốc thì bùa”. Sự cầu cúng họ tin có hiệu lực vững vàng như kết quả của mọi sự thiêu thực. Phần tôi, tôi không thể dễ dãi yên lòng được như thế. Tuy không lộ vẻ lo ngại nhiều, vì không muốn họ cho mình quá nhút nhát, song tôi thành ra ít nói, lúc nào cũng trầm ngâm cố giải những điều kỳ quặc nọ. Cả những lúc săn bắn trong rừng, tôi cũng không thể quên đi được, mỗi chốc lại tưởng chừng sắp thấy một sự lạ nào xảy ra.

Chiều tối hôm sau, nhân phần khởi về số vật săn khá nhiều trong đêm vừa qua, lại hăm hở sửa soạn cuộc săn vầy lớn đêm sắp tới, mọi người ăn uống một bữa ồn ào vui vẻ khác thường. Họ rót cho tôi một gáo rượu đầy, bông đùa mấy câu về những chuyện ma rừng, lại ép tôi uống thực nhiều để thêm vững trí. Tôi không hay rượu, nhưng bữa này lây vui, rượu cảm ngon một hương vị riêng, tôi cũng sẵn lòng cười nói như thường. Tâm trí nhẹ hẳn đi; những việc quái dị, những điều lo ngại không còn gì quan trọng mấy nữa, mình lại tự nhủ: ừ, tội gì mà thắc mắc. Mình là người chính trực không làm hại ai, không có gì tà khuất trong lòng, thế thì dù có những loài yêu quỷ

hung bạo thật hăng nữa, chúng nó đã dám làm gì được mình. Chuyện nói bữa đó nhiều câu thực hào hứng, rượu uống cũng hăng hái, lúc sực nhớ đến cái hại quá chén, biết nghĩ đến sự nên ngừng lại để khỏi phải bỏ cuộc săn, thì đã say mất rồi. Tôi đứng lên được nhưng bước đi cố gắng cũng không giữ nổi thăng bằng, ăn được chút nào thì chỉ chực những nôn ra hết. Một người bạn săn phải đỡ lấy tôi. mấy người khác phải dọn vội lấy một góc kín rồi cùng vực tôi đến, đặt nằm yên đấy. Tôi mơ hồ thấy mấy bộ mặt cười cợt hiền lành cúi xuống, rồi từng khoảng ánh lửa trong lều đổi chỗ bước chân của bạn săn nhẹ nhõm với những tiếng trò chuyện như thấp xuống, như thì thào!

Tôi ngủ một giấc thẳng căng không biết được bao lâu. Lúc thức dậy, bàng hoàng nhưng tỉnh ngay tức khắc. Chừng đã khuya lắm. Trong lều tối như bưng. Bấy giờ hơi rượu đã tan hết. Sờ quanh mình thì biết là đang đè lên đám lá khô. Trên bụng đắp một manh chiếu cói. Nằm rốn một lúc nhìn đến rức mắt cũng không biết được là đang ở khoảng nào, cũng không rõ cửa ở phía nào. Bạn săn có lẽ đi đã lâu lắm. Thử cố nghe xem có thấy tiếng tù và hay tiếng thanh la đưa vọng lại không. Tĩnh không. Bầu tối nghịt đen. Tiếng rùng đêm cũng như nhỏ xuống mãi. Trong lòng tôi tự nhiên thấy ghê sợ quá; mình như bị bõ vào chốn ngục sâu lạnh lẽo kín mít trong đó đầy những sức âm u quái gở, không mong có ai ngó ngang cứu vớt mình. Tôi lại nhớ ngay đến thẳng khách, nhớ đến con trăn lớn, nhớ hết các việc dị kỳ mấy hôm vừa qua. Nghĩ cứ giận bọn người Nùng sao nỡ để tôi trở lại chốn này. Chắc hẳn tôi say quá họ biết không thể đi săn được, đành để tôi ngủ yên ở nhà. Nhưng họ có ngờ đâu là tôi không thể yên tâm được, đối với những điều xảy ra kia, tôi có đứng vững được như họ đâu?

Có tiếng động khác lại.

Bên ngoài, những bước chân như đang tiến lại. Tôi lắng nghe. Không thể làm được. Tiếng chân bước đều thông thả, mà như quen đi trên đường lối gần đấy. Nhưng khi gần tới chỗ mà tôi đã nhận ra là phía cửa thì bước đi lại ra chiều dè giũ rón rén. Loáng thoáng có ánh lửa đuốc. Vì thế tôi mới nhận được phương hướng cùng với chỗ mình vẫn còn nằm. Bước đi càng thêm nường nhẹ, có vẻ nghe ngóng, lá khô bên ngoài bị xéo đi xuống mà tiếng

nghe vẫn êm. Rồi im hẳn. Lửa đuốc như sáng to hơn. Một tiếng cọt kẹt từ từ mở cửa phen. Một bó đuốc đưa vào cùng một cánh tay áo chàm, rồi cả một người lách vào. Tôi nhận được mặt ngay:

Chính là thằng khách!

Tôi tái hẳn người đi. Mép chiếu đã kéo lên tới gần mắt, tôi cố thu mình lại, mong cho nó không biết trong này có người. Cũng may, bấy giờ tôi nằm ở một góc miếu phía trong cùng, nơi xếp những lương khô, mình khuất sau mấy nải gạo mà bọn người Nùng kéo ra có lẽ để dọn cho tôi được chỗ kín gió mà sạch sẽ cao ráo nhất. Từ góc đó, tôi có thể trông qua những quãng hở để xem cử động của thằng khách mà nó thì khó thấy được tôi.

Thằng khách giơ bó đuốc nhựa lên, nhìn khắp lều một lượt, xem chiều yên trí rằng bọn đi săn thực không còn một ai ở nhà. Tuy vậy, lúc nào nó cũng vẫn có vẻ giữ gìn, đề phòng, hai mắt sắc, nhanh như lửa, liếc đây liếc đó; mà tai thì lúc nào cũng như lắng nghe. Nó bước lên một bước, ngoảnh nhìn ra cửa một cái, cúi xuống cầm bó đuốc ở một kẽ gạch, rồi rút ở lưng ra một con dao rùng lón, nhìn thẳng về phía tôi. Trống ngực tôi đánh mạnh rất dữ! Có lẽ nó nghe tiếng mất. Nó cứ nhìn về phía tôi mãi, nhất định không rời mắt đi đâu. Nó nghĩ ngợi, như còn lưỡng lự nghi ngờ một lát, rồi thông thả bước lại góc miếu, lôi một nải gạo áp tường bê lên rồi vút lên người tôi. Tôi phải hết sức nhịn mới khỏi kêu. Hai nải gạo nữa lại đề lên tôi, một ở chính giữa bụng, một ở dưới đầu gối. Dĩ thường nó giữ cho tôi không dậy được chắc. Tôi vừa nghĩ thế thì nó đã nhặt con dao lên ướm, trở cái mũi vừa sắc vừa nhọn vào cạnh sườn tôi. Tôi không còn hồn vía nào. Toàn vùng chạy nhưng chân tay lại bị bó ép trong mảnh chiếu dưới ba nải gạo nặng, thì con dao đã cắm xuống cách đùi tôi chỉ độ một gang. Thằng khách cúi khom người mặt nó sát gần với mình tôi, đang lúi húi vun những lá khô đất vụn mới rấp tại chỗ ấy. Nó chưa biết có tôi ở đó cũng là một sự lạ. Cái khăn chàm quấn trên đầu tôi tuy sờ ra nhưng búi tóc tuột xuống, thò ra ngoài mép chiếu khá nhiều. Hay nó biết mà làm như không? Tôi thực khổ sở vì điều ngờ vực ấy. Nhưng có lẽ ánh đuốc xa, nó lại sắp bóng, mà những áo tôi, bao tải thì hỗn độn trong góc miếu, vì thế mà tôi chưa bị lộ diện cũng nên. Tôi nhíp mắt nhìn xuôi xuống xem nó làm gì thì cái chuôi dao đang bị

hai tay nó ấn xiêu về phía lòng nó; nó đang bẫy một gì ở dưới đất. Tôi không phải chú ý lâu đã thấy chồi lên một phiến gạch lớn, dày lắm, vuông mà to gấp hai ba chiếc bàn cờ. Tiếng động chạm lúc thăng khách lôi nhích phiến gạch, nghe có âm vang khác lạ. Tôi nhận ra đó là nắp đậy của một cái hầm đào.

Người tôi mỗi lúc một cứng ra như gỗ, hết sức ghìm giữ hơi thở, vì để nó biết thì chỉ một nhát dao kia là uổng đời. Lúc đó nó có còn mãi chưa để ý, nhưng lát nữa nó đem bó đuốc lại soi xuống hầm, mà tôi thì nằm sờ sờ ra đây, dưới ánh sáng rõ, thì thoát sao cho khỏi đôi mắt sáng như hai mũi gươm kia!

Thăng khách tra dao vào vỏ, nâng phiến gạch nặng lớn như thế mà coi ra vẻ rất nhẹ nhàng. Lúc nó kéo hẳn sang một bên miệng hầm thì bỗng thành linh cái nải gạo trên bụng tôi lăn ngay xuống. Cổ tôi tắc lại vì sợ. Lần này thì hẳn nó biết. Nhưng nó vô tình. Nó cho là việc tự nhiên lúc xô dịch phiến gạch vừa rồi, nên lấy chân ấn hai nải gạo còn lại trên người tôi vào quá phía trong. Có lẽ lúc ấy cả người tôi cũng chỉ là một bọc lương hay một bó chiếu gì đó. Nó hăng giọng khạc nhổ một cái rồi vừa lẩm bẫm nói vừa bước ra phía cửa phen. Cửa vẫn chỉ mở hé. Nó mở rộng thêm chút nữa, đến bên toan nhổ bó đuốc, nhưng sau ra khỏi lều tay không. Tôi dè chừng nó còn định mang xuống hầm một vật gì nữa.

Tôi liền hất chiếu vùng dậy. Phải lợi dụng cái khoảnh khắc thăng khách vắng mặt ở đây. Chưa kịp có mưu kế gì, tôi nhảy một bước đến bên vách, hăng nhắc lấy cung tên treo ở tầm tay. Trông trước trông sau, không có một chỗ nào khả dĩ ẩn được kín đáo, thì tiếng lá khô bên ngoài đã lạo xạo. Túng thế, tôi thấy chỉ còn cách trốn xuống ngay dưới hầm. Cái tiếng nải gạo rơi xuống đó lúc trước, nghe gần lắm, hầm tất cũng chẳng sâu bao nhiêu. Tôi bèn lẹ chân nhảy xuống. Trong trí bây giờ đã tính sẵn: nếu không tìm được chỗ nào khuất, nếu thăng khách xuống hầm còn có thể vớ được tôi, thì thừa lúc anh chàng bất ngờ, cắm ngay cho mấy mũi tên sắt này vào gáy là rảnh chuyện.

Chân tôi chạm tới đất thì vừa vịn ngôi lên nải gạo lăn xuống vừa rồi. Đất dưới chân ẩm, nhưng không mềm nhèo. Hầm tối như hũ nút. Quờ tay sờ

soạng chỉ thấy quăng không đen ngòm. Trông lên, chéch phía trên đầu là cái khung vuông, ánh sáng đổ mờ mờ; đó là cái miệng hầm nắp mở ra gần hết.

Cứ trông qua cái miệng hầm ấy cũng đoán được hành vi thằng khách trên miếu lúc đó. Bó đuốc chùng nó đã nhổ lên, rồi đi xoi mói khắp mọi xó. Khoảng mái lá tôi trông được bên trên, ánh sáng lúc tỏ, lúc mờ, có lúc tối hẳn. Có lẽ thằng khách bấy giờ mới sinh nghi, hoặc vẫn chưa đành tâm về hồi xem xét sơ qua lúc đầu, nên soi lại để cho thực vững bụng. Xem chùng nó không bỏ sót một chỗ nào. Tôi nghĩ mà hú vía. Giá nó cẩn thận như thế từ lúc trước, lúc tôi còn nắm dí ngay trước tầm dao của nó thì muôn phần không có một phần mong vẹn toàn.

Ánh lửa biến dần, rồi lại sáng lên rất mau. Rồi sau cùng, tôi trông thấy cả ngọn đuốc. Thằng khách đã cầm bó củi nhựa ngay cạnh miệng hầm. Nhờ có ánh sáng, tôi nhận ngay được một cái hõm thụt vào vách đất cách tôi không đầy ba bước, khuất sau một thứ cột cây mà lúc ấy tôi mới thấy hiện ra. Tôi nép ngay vào cái hõm để ẩn. Trên kia, thằng khách đưa xuống một cái thang. Một cái thang nhỏ ngắn, làm sơ sài bằng những gióng cây không thẳng. Nhanh nhẹ như nó mà phải dùng thang mới xuống được, đã một điều bất ngờ. Lúc nó xuống thang, tôi lại thấy nó phải dò dẫm. Chân nó chậm chạp đặt vào từng bậc như miễn cưỡng bị ai bắt xuống. Thì ra nó mang trên vai một vác lớn, một thứ bọc vải dài xem chùng khá nặng, lại đeo thêm một gói nhỏ cũng bọc vải, buộc ở bên. Xuống hết bậc, nó đi ngay vào trong bóng tối, có vẻ quen chân lắm. Tôi đoán chùng chứ không trông thấy nó đặt cái vác nặng xuống một chỗ. Một lát, tay không, nó trở ra leo lên thang lấy bó đuốc xuống nhân thể đập lại cái nắp hầm.

Nó đem bó đuốc vào, cắm bên cạnh cái bao đã đặt trước một bệ đất, trên đó có mấy đồ thờ cũ, kiểu lạ, chỉ thấy ở những đình chùa của người Tàu. Chỗ ấy cách chỗ tôi chùng hai chục bộ. Nó còn trở lên xem lại cái miệng hầm một lần nữa. Biết là nắp hầm đã đập thực kín nó mới yên tâm xuống, đến bên hai cái bọc, mở cái nhỏ lấy ra vàng, hương, xếp trên mặt bệ. Nó thắp hương cây cắm vào hai cái lọ vuông, châm thêm điểm hương vòng rất lớn

vẫn treo đó từ trước, rồi đốt bốn ngọn nến sáp cắm sẵn trên bốn cái giá nến bằng đồng hun. Lúc đó tôi mới để ý xem xét.

Hầm này không biết có từ đời nào, hầm đào do hạng người nào, mà sâu rộng được đến thế! Chu vi có ngót ba miếng, gần theo hình chữ nhật, song không được ngay gọn; bề cao một người trung bình cố nhảy lên mới với được đến trần. Bề đất trần dày non một thước, có những đầm lớn bắc ngang giữ lấy những bắp tre dài đặt dọc. Bảy tám súc cây để nguyên thân chỉ để có vỏ ngoài dựng thành hai hàng cột không thẳng, không đều, xiêu vẹo, cong queo. Từ chỗ bệ thờ, lửa nến, lửa đuốc chiếu tóa ra những hình đen ngả lên mặt đất, giải lên trên trần, to lạ lùng và dài ngoẵng ngoẵng, nhích động như linh hoạt, theo những lúc ánh sáng bập bồng. Bóng tối, lửa đỏ, cảnh tượng chập chờn âm u, tôi khác nào ở giữa một nơi yêu dị kinh hoàng. Không khí trong hầm lại bức nặng. Hơi mục, hơi ẩm, hơi dễ ngái, đất lạnh, bọc thấm tận da thịt mình: mà lẫn với mùi hương nến, mùi khói nhựa ở đuốc tàn ngọn, lại thoảng những hơi cá ươn, cóc chết trong đám vẩn rác ruộng hôi. Một thứ sương mờ loe quanh mấy quầng sáng trên bệ đất.

Phía trước chân bệ, một khoảng đá lớn bằng nửa cái chiếu, phẳng liền như chỉ độc một phiến. Thằng khách lom khom quỳ trên đó, bên cạnh cái bao lớn đặt chéch một bên. Vách hầm bên hữu, treo hai thanh mác cực lớn: tuy hoen rỉ nhưng vào hạng cổ khí rất tốt. Sát vách bên tả, một bản gỗ to, cao gấp rưỡi cánh phán, dày đến ngót nửa gang, dựng đứng như một thứ bia. Trước mặt bản gỗ lưng lảng những vòng sắt móc sắt với xích sắt mắc treo tận dầm trần. Dưới chân bản gỗ cuộn nằm ngổn ngang những sợi dây thừng nhỏ có lớn có. Thoạt tiên, tôi cho chốn này là một thứ sào huyết của bọn giặc cướp nào, không thì cũng là một nơi ngục thất bí hiểm đặc biệt, mà những hình cụ đó tất dùng vào một việc tra tấn hành phạt riêng. Từ lúc thấy thằng khách vẫn quỳ gối trước bệ, lằm rằm như khẩn khứa, nhân lại thấy nó mang cái bao xuống theo, thì tôi đoán ngay rằng: có lẽ thằng khách, đem yếm vàng, yếm ngọc chi đó. Cái bao kia tất không đựng cái gì khác một số của vĩ đại phi thường. Sự tình cờ khiến tôi bắt gặp cái công việc mà nó hết sức giữ kín đáo. Tôi nghĩ bụng: hẳn là thế thực. Có vàng bạc đem chôn giấu tất nhiên phải cẩn mật lắm lắm: những việc rình mò lẫn trốn của thằng

khách mấy hôm trước kia cũng không có gì lạ lùng quá đáng nữa. Thế thì mình chỉ việc đợi cho nó cất xong bao của rồi lên khỏi là mình sẽ có cách thoát thân. Tôi nghĩ vậy, nên kiên lòng vừa chờ vừa xem.

Sau khi cầu cúng vị thần mà tôi đồn là Tài Thần của nó, thằng khách dậy lôi cái bao vải chàm ra để nằm chính giữa phiến đá, rụi tàn cho cháy to chỗ đuốc còn có một đoạn ngắn, rồi dùng lưỡi dao rạch ngược để mở cái bao ra. Nó rút bỏ một ít mảnh vải lót đi, bên trong còn bọc một lần chần màu tro. Khi những mối buộc, thắt ở mấy góc đã cởi đến nút sau cùng, thì kỳ dị quá, tôi thấy lại là một người, một người con gái Tàu, quần áo thường ngày nhưng vào hạng lịch sự khác xa với cách ăn mặc thô dày của thằng khách. Người con gái trạc độ mười tám hai mươi tuổi. Nước da xanh, lúc đó xám mét vẫn không làm kém vẻ đẹp của khuôn mặt nhỏ, nét đều mà thanh. Hai mắt nhắm nghiền dưới ánh đuốc sáng gần đó, cô ta im bặt như chết. Nhìn kỹ mới biết là hơi thở rất nhẹ, như chỉ còn thoi thóp. Thằng khách không ra vẻ để ý đến vội thong thả kéo cái bọc nhỏ lại, mở lấy ra một cái bầu, bình tinh đổ vào miệng người con gái, rồi lặng lẽ ngồi chờ. Tôi thốt nhiên trợn lòng, sức nhớ đến một điều kinh khủng, một công việc ghê gớm trong những chuyện yếm vàng của người Tàu.

Mình thường nghe nói đến nhiều phép người Tàu họ giấu của ở nước ta, mà cách hiểm độc nhất là bắt một người con gái còn trinh, cho ngậm nhân sâm, gấn trám đường vào mồm mà táng sống trong một sinh phần riêng hay trong một hầm huyết nào để làm thần giữ những của để trong đó. Tôi chắc hẳn một cảnh tượng giết người độc địa như thế sắp diễn ra trước mắt tôi. Thằng khách đem người con gái vào nơi rừng sâu hoang tịch này làm gì? Chẳng phải cũng là đem khóa miệng một cách thái ác, rồi bắt chết dần ở đây sao? Duy tôi còn ngờ một điều: bọn người Tàu thường bắt con gái nước Nam ta để phong thần, chứ chưa từng nghe thấy họ dùng con gái nước họ. Tôi nghĩ bụng, hay đây là một sự bất đắc dĩ, một biến thái cũng nên.

Người con gái dần dần tỉnh dậy. Cô ta ngồi lên, ngơ ngác giữa các cảnh lạ như còn trong mộng. Mắt cô ta chớp đến ba bốn lần, rồi lại chớp nữa. Lúc gặp mắt thằng khách, cô ta trân trân nhìn một lát, bỗng biến hẳn sắc mặt,

miệng há, con người long, người co rúm lại, tất cả thân hình cô ta thành một dáng khiếp sợ dữ dội mà im lìm. Cô ta muốn gào thét mà đã như tuyệt hẳn mất hơi. Rồi mãi sau, mới run run khắp mình, vừa run vừa lê dần, cố lùi xa lại đằng sau. Thằng khách bất thành tình vồ sấn ngay lấy hai tay cô ta, nhoèn miệng cười như người nhản, cười lên những tiếng đặc ý ngạo nghễ mà nghe thực quái lạ. Thoắt một cái, nó ngừng bật, hai mắt mở như điên khùng, nó nghiêng răng lại vừa rít vừa trỏ tay lên bệ thờ, gầm ghè nói một thôi một hồi những câu tôi không hiểu gì, chỉ đoán già là những lời nạt nộ tức tối. Người con gái cố vùng được, riu chân mà chạy. Thằng khách chỉ nhảy một bước nắm được vai cô ta lại, rồi xô cho ngã lăn trên phiến đá, dúi vào chân bệ, Những tiếng đe dọa chửi mắng lại tuôn ra không ngừng. Người con gái giấu mặt khóc, cố nói to trong những tiếng nức nở. Tất nhiên tôi không hiểu gì hết. Cứ thấy câu nói nhắc đi nhắc lại những tiếng như: “Ngộ, ngộ... ngộ dẫu cái gì. Chờ cô”. Giọng nói như van vãn, như phân trần. Thằng khách thấy thế, lớn môi lên cười trông đến là khả ố. Nó quắc hai mắt sáng như hai điểm lửa lạnh rồi chõ cái mặt đầy những hằn học sát vào tận mặt cô ta. Người con gái quay cổ đi. Nó liền nắm ngay lấy mớ tóc xõa, vặn cho đầu cô ngẩng lên mà khạc nhổ ra một mẻ những lời cộc cằn nữa. Người con gái chỉ biết khóc, hai bàn tay nắm lấy nhau, run bật lên. Nó trỏ ngón tay đâm vào tận trán cô ta, rồi sấn sổ đến định lột áo người con gái. Cô ta hết sức chống cự, úp sấp người xuống để giấu ngực. Thằng khách phải giằng co mãi, sốt ruột, xoắn ngay lấy tóc lồi cô ta đến chân bản gỗ dày. Nó xách cô ta kéo dậy như xách một con mèo, đẩy cho đứng dựa vào bản gỗ, lấy dây thừng trói mỗi cổ tay vào một vòng xích lưng lồng rử xuống. Hai tay cứ thế giơ mãi lên phía trần hầm. Hai chân cô ta giãy đạp vung lên, nó ghì xuống, buộc vào hai cái vòng sắt phía dưới. Trói xong cả bốn chân tay, nó hục hặc vừa mắng chửi vừa giằng rút hết mấy lần áo trên thân người con gái. Vải lụa tơ tằm thành trăm mảnh theo hai bàn tay vũ phu. Cô ta không thể vùng vẫy ngăn cản được, cứ thảm thiết mà gào khóc. Nó mặc kệ. Lột hết áo, thằng khách lại xé đến quần.

Tôi đứng trong xó tối, bấy giờ vừa lo sợ vừa kinh dị, lại vừa tức giận, chưa biết thằng khách còn hạ những thủ đoạn đê mạt độc địa tới bậc nào. Chân

tay tôi như bị tê liệt đi, thần trí không được yên vững. Tuy sẵn cung tên đó mà tôi không dám dùng; không những khó lựa chiều vì hàng cột án ngữ, tay cung của tôi bấy giờ lại không được thực mấy, tôi sợ rằng bắn ra rất dễ sai, không khéo nhằm thẳng khách mà lại trúng vào cái thân thể lỏa lồ kia mất. Tôi lại tính đến cái nguy khác nữa, thẳng khách mà biết tôi ở đó tất không để cho tính mệnh tôi vẹn toàn. Dưới cái hầm bí hiểm của nó đây, nó khác nào một bạo thần vô địch. Mỗi lúc xem thái độ nó, nhìn cử chỉ nó, tôi một nhận thêm nó có một sức lợi hại chẳng phải vừa. Trông người con gái thảm hại quá! Vừa khiếp hãi, vừa thẹn thùng, kêu gào cũng vô ích, van vỉ chỉ chuốc lấy sỉ nhục thêm: cô ta tỏ ra một vẻ tuyệt vọng bi đát đến cùng cực. Hầm trong cái cảnh ác hại ghê gớm này, cô ta chắc hẳn không còn một ai biết đến, không thể có một sự tình cờ nào đến cứu được mình.

Bó đuốc tắt hẳn rồi. Bốn ngọn nến hoe quầng như rung rinh hoai. Thằng khách ngạo nghễ nhìn từ đầu đến chân người con gái, cười gằn lên mấy tiếng thô bỉ. Nhân đó tôi ngờ rằng đây là một chuyện cường dâm, một chuyện hãm hiếp ô uế cũng không biết chừng. Có lẽ, ở nơi khác, thằng khách đã bị xấu hổ, đã bị người con gái khinh bỉ, cự tuyệt, nên nó lập mưu bắt cô ta xuống đây để tha hồ mà lăng nhục. Mấy phen tôi giương cung toan bắn, nhưng sau cùng lại thôi. Tâm thần tôi không định. Thằng khách lại không ở ngoài cái đường xuyên nguy hiểm cho người con gái. Phát tên buông ra, rất có thể giết chết người tôi muốn cứu vả lại, như tôi đã nói, chỉ sớm gây họa cho chính mình tôi.

Tôi hồi hộp mà cứ phân vân mãi. Cái ý nghĩ cứu người con gái liền theo với cái ý nghĩ liều chết? Liệu cứu có nổi không? Hay đành cứ đứng yên mà coi cái hành vi khốn mạt của con vật bị ôi đó? Tôi thở thấy bức nặng. Cái không khí bấy giờ sao mà kỳ lạ, y như ám ảnh mình, làm mê loạn trí mình lẫn của mình, thằng khách lại cười. Tiếng cười hề hề, nghe mà thêm lợm lợm cả mình lên. Nó đã áp đến gần người con gái Tàu. Người con gái đã rú cả lưỡi vào, nói khóc không ra tiếng nữa. Tôi bất giác nhắm mắt lại quay mặt đi, như không nỡ nhìn một cảnh nhẽ nhạt rác rưởi, cả tấm lòng bất bình chợt thấy hổ thẹn quá đổi thấy mình vô lý, thấy mình hèn nhát không đáng làm người con trai! Chẳng biết mình giận mình hay giận nó hơn, nhưng sự

phần nộ lúc đó ghê gớm lắm. Tôi quay lại, quả quyết, chân dọn sẵn bước nhảy ra. Nhưng điều trông thấy trước mắt lại thực bất ngờ. Tôi kinh lạ, đứng sững đó, không hiểu ra sao hết.

Thằng khách lúc ấy lại đang quỳ gối trước bệ! Mình cúi gằm, hai tay chống đất, gần như phục vị trên phiến đá, không một chút cử động nào. Thế là nghĩa lý gì? Nó cứ im lặng như thế mãi, tưởng không bao giờ ngồi lên. Mãi sau tôi mới thấy hai vai nó dần dần rung rẩy, mỗi lúc một rõ, nhịp với tiếng sụt sùi, rồi nức nở, trước còn nhỏ sau to thêm, rồi sau cùng bỗng òa lên những tiếng khóc lớn. Tiếng khóc nghe ra thảm thiết cay đắng, bào xé gan ruột, vang âm đầy cả cái hầm đất. Thằng khách vừa khóc, vừa đen đét vỗ hai tay lên phiến đá, trước bệ thờ. Từ những ngọn lửa bập bùng cho đến các đồ đạc, hình ảnh trong chốn này lúc đó như có một cảm giác, một tâm hồn, như xúc động cùng với tôi. Tiếng khóc càng lớn, tôi càng thấy kinh dị, tưởng đâu như trời đất điên đảo, rừng núi chuyển lay, tất cả sập đổ xuống cái hầm này mà lấp đi cả, mà chôn tươi vùi sống ba sinh mạng, thằng khách, người con gái, lẫn tôi.

Trong có chốc lát thì giờ, tôi thấy kế tiếp diễn qua mỗi điều một thêm kỳ quặc, mà mau chóng quá, đến nỗi trí tôi không kịp hiểu, không kịp suy lường. Ngờ thằng khách là gian đồ, rồi tức khắc tưởng nó là một kẻ có của mà hiểm ác. Đang cho nó là một con dâm quỷ khôn mạt, thì lại thấy cái cơ sự vừa rồi; mỗi lúc nó lại hiện ra một hình trạng khác hẳn. Có lúc tôi chực không tin rằng mình còn là người dương gian. Trong cảnh huống kia, gặp những diễn biến đổi dị thường ấy giống như ở giữa một trường ác mộng, ai là người chẳng bất thần? Tôi đi săn trải những phen rất hiểm nghèo, đã từng bị hổ báo nhảy chồm đến tận vai mấy lần hút chết. Nhưng tôi đều coi thường. Ngay lúc lâm nguy mà trí vẫn tỉnh gan vẫn vững. Là vì những nguy nan đó dẫu đến thế nào cũng không ra ngoài chừng mực, người đi săn ai cũng đón đợi những phen như thế, ai cũng trải qua ít ra cũng vài ba phen. Nhưng mà những cảnh tượng trong cái hầm đất kia, tôi tưởng chả cần phải gặp thêm một lần nào nữa mới biết thế nào là sợ hãi. Suốt đời tôi, tôi có quên được bao giờ đâu?

Thằng khách khóc một hồi lâu lắm. Bỗng nó vùng dậy, khạc nhổ, rồi lấy ở đầu ra bốn năm cái roi mây dài, vẫn còn màu xanh chập cả lại mà vút ngang mình từ mặt đến chân người con gái. Cô ta gào lên những tiếng rất đau đớn, răng rít chặt, mình oằn oại như con rết bị chịt đầu. Trong lúc đánh, thằng khách quát tháo không ngơi mồm, như muốn nhồi nhét bao nhiêu câu nguyền rủa căm hờn vào những vết lằn đỏ nổi trên khắp thân thể người con gái. Vụt bằng roi chán, nó lại cứ mặt cô ta nó vả. Hai bàn tay hộ pháp ấy vả chán lại cầm roi vút. Người con gái khóc khàn cả cổ, tiếng sặc nghẹn vì nước mắt, vì máu mồm trào ra. Nhưng nó vẫn không nghỉ tay. Mớ tóc dài rũ từng món hỗn độn ở bên mình cô ta mỗi lần vướng vào bàn tay hay vào ngọn roi, lại bị nó dật đến nghẹo hẳn đầu đi trong lúc nó phải gỡ. Sự đau đớn tưởng đến ê chề rồi, đến một độ khiến xác thịt người ta không biết đau thêm nữa. Thằng khách bật lên cười mấy tiếng quái ác, lấy trong bọc ra một nắm lá tươi, trông tựa như lá trúc đào, cùng với một nắm muối. Nó vò hai thứ ấy với nhau rồi đem cái bã xanh nhào nhót kia mà sát vào những lằn roi rớm máu: Người con gái thét lên một tiếng rùng rợn, mặt sắt lại, đầu gục xuống ngực, người lịm bật đi. Trong hầm lặng lẽ một lát ngẩn, rồi lại vang ầm lên vì tiếng thằng khách vừa líu lô kể lể, vừa gào khóc. Nó quỳ gối, lưng cúi, tay chống lên phiến đá, vẻ khúm núm trước cái bệ thờ.

Khóc chán, nó lại đứng lên xia xói người con gái cô ta vẫn bất tỉnh hồi lâu. Nó đi vốc nước đọng ở một chỗ hõm sâu bên vách hầm toan vả lên mặt người con gái, thì cô ta đã thở một hơi mạnh. Đôi mắt nhắm chặm chập mở. Cô ta cất tiếng rên rĩ, lời nói gắt những đoạn nức nở, giọng tha thiết như kêu van. Cái câu ngộ... chời cô vẫn thấy nhắc đi nhắc lại nhiều lần. Nhưng thằng khách không thôi xia xói, chửi rủa. Không cần phải hiểu nghĩa cứ nghe lời tuôn ra từng thôi, từng tràng vội vã, tôi cũng biết thằng khách nạt nộ những câu ghê gớm chừng nào. Cô ta vừa lắc đầu vừa năn nỉ luôn miệng. Biết cô ta đã tỉnh hẳn, thằng khách mới lấy ra một con dao nhọn, sáng như tráng bạc, giơ lên tận mặt cho cô ta nhìn. Người con gái lạng người đi vì vừa nghe thấy một câu dọa ghê sợ. Dứt lời, thằng khách mở hẳn cái gói riêng, tãi ra một bó đến ngót hai chục con dao nhọn cũng sáng cũng sắc như con trước. Nó gằn lên mấy tiếng cười mà nhảy lùi lại. Người con

gái vừa rú một tiếng thì một con dao đã cắm sát vào sườn cô ta. Nó nhát con dao thứ hai, lùi đứng chỗ cũ, một tiếng cười, một rút tay, ánh sắc loáng, mũi dao bập sát bên vú. Nó ném mấy con dao sau cùng một điệu như thế. Dao chỉ bén sát da thịt chớ không hề phạm vào người. Dao đến cắm bên cổ, dao đến cắm hai bên đùi, con thì nằm trên đỉnh đầu, con thì chỉ ly sợi tóc nữa cắt mất tai. Thì ra thằng khách dùng một phương pháp khủng bố cực kỳ nham hiểm. Mỗi nhát dao nó ném ra, nó khiến người con gái tưởng là tối độc. Lần nào người con gái cũng tưởng bị dao giết chết. Như thế tức là chết đi rồi sống lại, sống lại để chịu chết thêm chưa biết đến bao nhiêu lần. Chẳng biết rắp tâm từ bao giờ mà thằng khách tìm được cách hành hình hiểm độc đến thế. Dao ném đã gần hết. Còn lại con sau cùng nó sợ người con gái chết khiếp từ trước khi nó giết, nên còn giữ lại, cầm lủng lẳng ở hai đầu ngón tay. Im lặng một lúc hồi hộp. Người con gái xem chừng cũng hiểu. Tính mệnh cô ta sắp đến lúc kết liễu: nhát dao ấy mới thật là nhát hại người. Thằng khách nhìn như để hưởng cái thảm khốc sau cùng ở tội nhân của nó. Mắt nó nheo lại, long lanh cái ánh quái ác hơn cả mọi lúc trước. Tiếng cười của nó làm tôi sớn lạnh khắp mình. Nó nhảy lùi đến cỡ trước, miệng mím, răng nghiên nổi gân hàm, nó lừ lừ mắt nhắm một chỗ hiểm trên thân người con gái. Con rắn độc ngó cổ lên để rình bõ, vẻ ghê gớm thế nào thì đáng điệu thằng khách cũng thế. Nó thông thả, nó chậm chạp nữa đưa cái bàn tay cầm dao lên cạnh vai, nhẹ nhẹ sẽ đưa về phía sau, theo điệu tay giơ. Cái cử chỉ khủng khiếp lạ lùng. Tôi nóng bừng mặt lên. Cái tên lấp sẵn ở cung để giữ mình vút ra cùng một lúc thằng khách hất tay qua sau gáy. Con dao văng ra một chỗ, thằng khách chỉ: “Ây a!” một tiếng rồi bóp lấy tay mà nhăn.

Vẻ rõ rệt nhất trên mặt thằng khách không phải là đau mà là kinh sợ. Nó không hiểu một sức thần bí gì vừa hiện ứng, trước hết trông lên bệ thờ, rồi lấm lét quay nhìn về phía tôi. Tôi biết là cơ sự đã đến lúc kịch liệt. Tôi không thấy mình sợ hãi thái quá nữa, cũng không hề ân hận về sự liều lĩnh vừa rồi. Tôi lấp sẵn tên để đợi, trí xếp đặt đường lối sẽ đối phó. Ngoài kia thằng khách đã rút được mũi tên ra khỏi cánh tay. Vết thương khá nặng mà không làm nó tê liệt. Nó chệch lấy chỗ áo thùng cho máu đỡ chảy, lẳng tai

nghe ngóng rất cẩn thận, vẻ kinh ngạc trên mặt dần dần thêm vẻ tức giận trông dữ dội không biết ngần nào. Hai con mắt sắc dị thường của nó nhìn soi vào khoảng bóng tối như trông được thấy tôi. Nó bước một bước, hai bước, định tiến đến phía tôi ẩn, nhưng dừng ngay lại ra chiều e dè, rồi từ từ nó đi giật lùi lại đằng sau, xiên về phía người con gái, cử chỉ lơ đãng bí hiểm, nhưng tôi đoán trên cái khuôn mặt mờ tối sắp bóng kia đang hiện những ý nghĩ, những mưu mô quý quyết khó lường. Nó cứ lùi hoài. Tôi chưa đoán được nó giở ngón gì thì thoáng một cái, rất nhanh nó vùng tay giăng một con dao bên cạnh người con gái. Tức khắc một ánh loáng sắc bay vào người tôi. Tôi né mình tránh được, thì con dao khác đã cắm phập vào mé dưới cái cột gỗ, ngay cạnh chân tôi. Con thứ ba liệng tới một bên vai, nhưng không cắm vào vách hầm, rơi xuống, tôi cúi toan nhặt, vừa may thoát được một mũi chí nguy: đứng thì thế nào cũng bị trúng giữa ngực. Không thể yên chỗ được. Tôi liền nhảy bổ ra, bắn cho nó một tên vào giữa bụng. Nhưng nhanh như vượn, thẳng khách gạt được rất dễ dàng. Nó ném con dao nữa ra, lại rút mũi tên đâm cạnh bản gỗ mà ném lại tôi. Tôi bắn phát nữa thì nó lánh ngang, bắt ngay được chiếc tên mà cười. Tôi rợn tóc gáy lên vì thấy cái tài nghệ phi thường ấy. Nó ném tên lại, tôi may mắn tránh được. Hai bên cách nhau chỉ còn hơn chục bước, cùng lấy những cột cây để lẫn nấp, nhưng xem chừng thẳng khách nó tiến đến tôi mau hơn. Nó không cần giữ gìn nhiều nữa. Tôi chấp tên bắn ra giữa lúc nó hờ mình nhất, nhưng nó lại tránh được như chơi. Tôi vừa đặt phát nữa thì nó đã xông lại trước mặt gạt tay tôi, đâm thẳng một cái miếng thương. Tôi né được, vội nhảy giữ thế. Nó đánh gấp ra, khiến tôi sợ bí đường phải tiến về phía bệ thờ, sau hàng cột tay phải. Tôi đã tưởng nó chỉ cốt chen lối ra, nhưng sau tôi nhận thấy ngay là nó còn có ý xem xét: ngoài tôi, còn có người nào khác xuống đây nữa chẳng. Thừa lúc đó, tôi vớ được thanh mác đương treo, liền múa hết vòng rộng ra. Vừa múa vừa định trí.

Hiệp xung đột vừa rồi, vì may mà không chết. Còn thẳng khách thì quả thực là một tay tuyệt giỏi; to béo thì to béo nhưng mau lẹ một cách bất ngờ. Ngón võ của tôi lúc ban đầu chừng nó không coi ra trò gì cả. Tuy thế, hết sợ hãi, lại thêm kích thích, chiếm được thanh mác, tôi thấy cũng có thể bắt

chấp được tài thuật của kẻ thù. Trong lúc giao tranh, thắng thế thì dễ lắm, võ thư thường khẩn thiết răn người ta về cái họa khinh địch. Tôi nhớ điều đó lắm. Thanh mác lợi hại thực, nhưng không hẳn để cho mình cầm được phần thắng dễ dàng đâu...! Nhưng không nguy hiểm như lúc tay chỉ có cung tên, tôi không luống cuống chút nào như trước nữa. Tiến đã vững, lui đã có ích. Thăng khách chỉ có một mũi tên sắt sau cùng của tôi để đối lại. Tôi chú ý không cho nó lấy được thứ khí giới nào khác, nhất là cố ngăn không cho nó giăng thêm dao ném lại tôi. Nó cúi xuống, nhảy lên, tránh được những miếng công phu nhất của tôi mà chỉ đầu mũi tên của tôi trong tay nó cũng khiến được tôi luôn phải tinh ý thủ ngự.

Nó biết rằng tôi khó lấy được đà chém bổ xuống, vì trần hàm thấp mà phạt ngang thì chỉ có lợi ở khoảng giữa hàm. Vì thế gần hàng cột vẫn là một phương hay nhất để cầm cự với đường mác của tôi. Nó cứ giữ một mực thế mà đợi lúc tôi hờ cơ: Tôi quen mưu nó rồi, bèn tính sẵn cách trừ nó. Tôi tính thế này: hết sức đánh cho nó phải xa hàng cột, lừa khi nó áp gần vách tôi sẽ dùng lối hư công. Dữ đánh một chiêu, làm như để hết tinh thần về một bên, rồi tức thì, đá lưỡi mác cho một phát phản diện, thế là xong đời anh chàng.

Song nó chống giữ rất kín, rất vững, không một lúc nào sự sệt lại thường trực lẫn đất của tôi. Cái chủ ý rõ rệt của nó có lẽ là mong tôi chém mạnh, huyệt nó, bập lưỡi mác vào cột gỗ. Tôi biết thế vì hai ba lần suýt mắc phải cái nước đó. Một lần chỉ thiếu một ly nữa là tôi bị nó bắt được tay. Dụng tử công phu mới khiến được nó đi vào được thế của mình. Lưỡi mác của tôi cấp thiết mà ý tứ lăm lăm. Nó phải chuyển chỗ dần dần lùi về một bên, chỗ ấy là sau hàng cột phía hữu. Tôi mừng thầm. Lại thấy như nó không ngờ vực gì, tôi càng thêm phấn khởi. Nó vẫn tỏ ý ngạo mạn; mình né chân lượn, mà miệng vẫn cười một vẻ rất khinh thường. Tôi nổi giận, đánh càng hăng. Sau cùng, sự tiến thoái của nó đã có vẻ hỗn loạn. Tôi không để nó kịp điều khiển lại cử chỉ, sẵn đến công kích rất dữ. Rồi, xuất kỳ bất ý, tôi hét lên một tiếng, lưỡi mác hết sức văng đưa ngang cổ nó. Đến loáng một cái, cả mấy ngọn nến, cả cái bệ, đảo lộn một vòng, cùng với hình người, chân cột, trần hàm, cùng dốc ngược quanh tôi.

Tôi đã lăn quay dưới đất. Thằng khách nhảy ngay lại. Cả cái thần xác vạm vỡ của nó ngồi đè lấy ngực tôi.

Thì ra, ngay từ lúc đầu, thằng khách đã biết ý tôi định. Lợi dụng ngay cái mưu tôi toan đem lừa nó tương kế tựu kế, nó mớm cho tôi ham đánh, rồi chờ lúc tôi xuất lực bình sinh ra chém, nó đâm soài người xuống đất, đưa cả sức mạnh lừa tay mà gạt ống cẳng tôi. Tôi thành linh xiêu người đi, gần như bị hất tung lên, đầu chao xuống theo một đường cánh cung nguy hại.

Lưỡi mác văng ra, tay tôi bị trói nghiêng lại. Hai chân đá đập quăng không cũng bị giữ nốt, kẹp ở trong bàn tay nó thắt lại như gọng kìm. Không thể nào vùng được lên. Trên người tôi, một quả núi đè nén dị xuống. Lúc thằng khách đứng dậy thì hai cổ tay tôi quặt ra sau lưng, cùng chung một dây thừng trói lẫn vào thịt.

Nó không nói nửa tiếng từ lúc tôi ra mặt. Bấy giờ cũng vẫn lảng lạng, nó kéo tôi lại gần cái phiến gỗ dựng đứng, cạnh chân người con gái Tàu. Cô ta nhìn tôi chăm chăm đầu tóc rũ rượi, nét mặt thiếu nảo, có vẻ tự hỏi, không hiểu tôi là người thế nào vào đây có ý gì để cho thằng khách tóm được.

Tôi bụng bảo dạ: “Thôi thế là hết. Định cứu người con gái, mà rồi đến mình cũng khó lòng cứu nổi mình”. Cái chết thực mười phần cầm chắc cả mười. Chỉ còn cách là đành tâm mà chịu. Oán thán nữa, có ích gì đâu? Chỉ hận rằng mình phải chết mà không biết người con gái đáng thương kia phải đau đớn ô nhục đến thế vì tội tình gì. Tôi nhìn lên, cô ta vẫn chưa khỏi lấy làm lạ, nhưng đôi mắt ra chiều cũng ái ngại cho tôi. Cô ta cũng biết rằng đã vào tay giống lang sói kia thì chỉ có việc đợi nó giết chết. Tôi cũng chẳng còn một chút hy vọng nào khác, chỉ mong cho nó hạ thủ mình càng mau chóng càng hay. Nhưng ao ước đến như thế cũng không xong. Thằng khách đâu có chịu cho tôi thoát nợ ngay! Nó cúi xuống, soi mói nhìn khắp người tôi, để lộ một cái vui ác nghiệt, miệng nó nhếch ra, một vẻ cười hóm hình, ngạo nghễ, như bảo cho tôi biết rằng nó đã nghĩ được lối ghê gớm để làm tội tôi. Cái vết thương do mũi tên tôi bắn, chừng đến bây giờ mới bắt đầu tấy; hoặc vì mãi đối địch với tôi nên lúc này nó chưa để tâm. Tôi thêm sồn gáy vì chợt thấy cái vẻ căm tức im lặng của nó. Đôi mắt kia hẹn cho tôi một hình phạt xứng đáng. Nó liếc nghiêng nhìn tôi một cái trong lúc quẳng mũi tên

nó vừa nhặt lên xem. Tôi cứ lấy làm tiếc rằng đó chỉ là thứ tên bịt sắt dùng để giết thú lớn vì sức mạnh thôi, chứ nếu là tên tre ngâm thuốc độc thì tình thế có lẽ ổn tiện lắm.

Máu ra cũng khá nhiều, đọng quện lại ở ngoài lần vải, nhưng vết thương không nặng lắm. Nó vén ống tay áo lên tôi mới biết nó bị toạc đứt thịt ở khoảng giữa bắp nhỏ: xương cựa tay không việc gì. Lấy một nắm lá dẫu mà người đi rừng ai cũng nhớ mang theo, nó nhai dẹt vào chỗ đau cùng với một thứ thuốc bột; xé vải buộc lại, co duỗi mấy cái nhẹ nhàng, rồi cứ giữ cánh tay thực thẳng, chừng nó dùng một phép nội công mà tôi từng nghe nói đến sự công hiệu, để cho thương tích khỏi làm liệt gân về sau. Phàm chi thể bị đau, cần phải giữ yên một chiều, để thuốc ngấm càng lâu càng có cơ chóng lành, lại cũng phải giữ yên cả thần thái.

Trong thời khắc thẳng khách ở yên, có lẽ vừa để nghỉ ngơi, nó phục vị xuống trước bệ thờ. Tôi nghe thấy tiếng lầm rầm từng hồi. Chừng nó tạ cái tội bất cẩn để cho người ngoài lên được vào đây. Tiếng khấn nhẹ nhàng, đều đều, rồi sau dần im hẳn, chẳng biết nó đắm chìm vào những tư lự trầm ngâm nào. Nó cứ nằm phục vị như thế hoài. Nến trên bệ còn có vài đốt ngón tay, lửa không gió nhưng chốc chốc lại khe khẽ tắt ngọn. Tôi nằm hơi nghiêng ra, mình đề lên một cánh tay bị trói, người chênh chếch với chiều dọc phiến đá, đầu về phía cửa hầm. Hai vòng sắt mắc vào rầm trần ở ngay trên mắt tôi thẳng lên. Gần đấy là hai hàng xích sắt kéo hút tay người con gái Tàu. Tôi ngoảnh nhìn cô ta thì thấy cô ta đang mấp máy môi như muốn nói gì, đầu cử động, mắt long lanh những ý muốn cho tôi hiểu. Tôi chăm chú một lúc mới nhận thấy cô ta đưa mắt cho tôi để ý đến con dao rơi ở bên cạnh mình. Tôi càng lấy làm lạ: có lẽ nó xui mình tự tử để tránh khỏi cái đáng sợ sau cùng hay sao? Nhưng người con gái vẫn ra hiệu, cấp bách hơn trước. Mắt cô ta vừa cau vừa trợn, đảo đưa nhìn con dao, nhìn thẳng khách, nhìn tôi. Tôi chợt hiểu, liền se sẽ lê mình, cho tay thu được con dao, cố lựa lưỡi dao lách vào những vòng dây từng trói cổ tay, rồi hết sức cứa. Dao sắc, chỗ buộc tuy chặt nhưng cũng dễ đứt. Tôi vừa nhìn thẳng khách vừa thong thả gấp chân lại cho gót sát với móng. Tìm mãi không thấy đầu mối tôi đành phải cắt giữa khúc quăn. Thẳng khách vẫn nằm phục, thấy tôi thờ

mạnh, ngoảnh đầu xuống nhìn. Tôi chờ người ra. Cỗ tắc nghẹn. Nhưng may chân lúc ấy chưa gỡ xong, mà tay vẫn quặt ra sau lưng giữ nguyên cái vẻ bị trói. Nó không ngờ vực gì, lại cúi trán sát đất, lại phục vị như cũ. Bấy giờ tôi mới dám thở. Người con gái sợ quá, vẫn chưa hoàn hồn. Thoát được dây trói chân, không một tiếng động nhỏ, tôi đứng lại một lúc ngắn, rồi lấy thế gân ức nường giữ cho êm nhẹ tôi đứng dậy, rón rén bước đến chỗ thằng khách lăm lăm con dao, nhắm một chỗ trên lưng nó để đâm. Trước khi cắm ngọn lưỡi dao vào cái xác thịt to béo kia, làm sao tay tôi như chùn lại, làm tôi thấy ngần ngại một cách thực kỳ dị. Trong giây thoáng mà bao nhiêu ý vương vít. Tôi phải giận mình là nhu nhược vô lý, phải thúc giục mình bạo dạn để lấn át cái thứ tâm trạng quái lạ lúc ấy... Không giết nó chết là nó giết chết mình kia mà!

Thằng khách như sẵn lưng đón cái chết. Tôi lăm lăm cầm vững chuôi dao trong nắm tay, giơ cao lấy đủ tầm, mắt môi đâm xuống. Bất đồ thằng khách vừa đến lúc ngồi thẳng dậy! Con dao trượt sát cánh tay trái nó. Tôi chúm ngả xiêu theo đà, cố đứng lại thì nó đã vội cướp sẵn lấy tay tôi bóp cho con dao rơi xuống. Túng thế, tôi xuất lực đâm trái một đâm vào bên má. Hai mắt nó hốt hoảng, mặt bì ra trong lúc kinh ngạc. Tôi giật được cánh tay phải về. Rồi “chát” một cái liền theo, tôi cho luôn một tổng vào mang tai nữa. Nó đã búa được tôi lại, nhưng quả đâm sau rất dừ lại vào chỗ phạm, nên nó gục xuống ôm lấy chân tôi. Tôi đạp nó ngã ngửa ra, rồi vội vàng đến bên người con gái toan gỡ trói hộ. Cô ta thở như bị đè nén, nhất định không chịu, lấy đầu ra hiệu giục dã, như bảo tôi trốn ra ngay tức khắc. Tôi chưa có chủ định gì rõ rệt lại thêm luống cuống vì thấy thằng khách đang cựa mình. Tôi liền chạy lại cửa hầm, leo lên thang, lấy tay nâng phiến gạch bên trên, nhưng không thấy chuyển. Càng vội vàng càng thấy sức đuối, hì hục mãi, cái nắp hầm vẫn không nhích qua chút nào. Ngánh xuống xem thì thằng khách đã trỗi dậy được. Nó loạng choạng bước tới chân thang. Tôi lo cuống lên. Còn bao nhiêu gân sức dồn cả lên đấy một cái cực mạnh. Cửa hầm mới thấy bật hé được ra. Chỉ gắng húc một cái mạnh nữa cho phiến gạch nhích thêm ít nữa là tôi chui qua được, nhưng thằng khách đã đến nơi rồi. Tôi liền bám mép gạch, đu hăng người lên, đạp rồi rít vào đầu vào

ngực, vào vai thẳng khách. Nó điên tiết nắm lấy hai chân tôi lôi tuột xuống, rồi cứ thế kéo thẳng đến trước bệ thờ. Lần này nó trói tất nhiên là kỹ lưỡng. Dây nghiện tưởng cắt được ống chân cổ tay mình. Ấy là nó bị thương đấy, chứ không thì chưa biết tôi còn đau đớn tới bậc nào. Tay tôi ngoặt ra sau, bị trói cũng như lần trước, và cũng như lần trước cùng một sợi dây cổ chân. Rồi từ mắt cá lên đến vai, một cuộn dây chằng quấn thêm mấy vòng nữa. Thực là hết mong lại có cách thoát thân! Vả lại cũng đừng hòng thẳng khách lại sơ ý đến lần nữa. Nghĩ mà cứ lấy làm hối hận mãi, mình thực đáng giận vì đã quá ngu ngốc. Thằng khách bị điếng người lúc này, sao tôi không biết thừa cơ lấy dao, lấy mác hay cái gì đó mà giết phăng ngay nó đi. Thực chẳng dại nào giống cái dại nào. Mà cái dại đột này, mới thực là cay đắng, thực là khốc hại! Nhưng lúc bối rối thì cũng không thể nói mạnh được, vả lại tôi cũng tưởng có thể thoát khỏi tay thẳng khách mà không phải giết nó kia! Tôi còn mong có thể đi gọi bọn người Nùng xuống giúp tôi bắt sống lấy nó. Tôi vốn không bao giờ khinh sát. Người Nùng cũng vẫn cười tôi về chuyện đó, họ bảo tôi lẩn thẩn, hay nghĩ rắc rối. Nếu ở địa vị tôi thì họ không hề do dự, xử gọn được ngay. Ăn năn thì sự đã rồi. Thằng khách trói tôi xong đang chọn một sợi dây thừng to, ra ý sửa soạn cho tôi một hình phạt mới.

Nó chập cái dây, chung đôi lại, ném quăng gấp khúc cho mắc lên một chiếc móc sắt trên trần rồi kéo tôi lại, buộc một đầu dây vào chỗ thừng trói chân tôi, rồi sau cùng cầm nửa phần dây kia mà kéo. Hai chân tôi bị rút ngược lên gần chạm tới cái rầm ngang, đầu dốc xuống, cách mặt đất độ hơn một sải tay. Người tôi lủng lẳng như một bó giò treo. Mọi vật trong hầm tôi trông đều đảo lộn lại một vẻ kỳ quặc. Người con gái ở cách tôi vài ba bước không hiểu sao lại nức nở khóc. Thấy vậy thằng khách quắc mắt, tuôn ra một mẻ lời tức giận, cột đầu dây xuống một vòng sắt dưới đất rồi lấy roi vun vút quất lên mình cô ta. Không chịu nổi, người con gái lại bật lên tiếng khóc. Tiện tay, thằng khách quất luôn cả tôi.

Thế Lữ

Tiếng Hú Ban Đêm



Một chuyện ghê gớm (2)

Ấy giờ máu khắp mình tôi dồn cả xuống mặt. Đầu ù, mắt hoa, da mặt nóng như hơi lửa, cổ chân đau như bị tiệt, mình mẩy nhức nhối vừa bởi lẫn dây thắt, vừa bởi lẫn roi. Hình như thằng khách có một thuật riêng về đòn vọt. Mỗi cái vút của nó tôi lại phải nghiêng răng lại để khỏi kêu. Tôi cố giữ vững lòng kháng khái. Nét mặt không đổi, nhất quyết không lộ ra vẻ sợ hãi đau đớn. Mắt tôi lẳng lẳng nhìn thẳng khách cho nó thấy tôi khinh bỉ nó không biết ngần nào. Nó càng thêm tức tối. Nó tưởng rồi tôi phải van vỉ nó, có lẽ nó muốn xem tôi khổ sở kêu khóc cũng nên. Tính mệnh tôi ở trong tay nó, đã đành. Nhưng như thế chưa hẳn là tôi bị thua nó. Tôi còn một thứ để nó phải thấy là phần thắng ở tôi ấy là sự nhẫn nhục, sự thản nhiên, cái thái độ khinh sinh của người quân tử. Thành thực mà nói, tôi đã phải gắng sức kiên cường, phải tưởng nhớ đến các gương oanh liệt, mới cầm vững được can trường. Nó thấy tôi không thềm coi sự hành hạ của nó vào đâu, nó giận sôi lên. Nó rít răng lại mà đánh tôi như một thằng điên cuồng. Roi rát như đốt da thịt tôi, quất gập trận đồ hồi lên cái thân trơ trơ sắt đá, mồ hôi đã thành giọt lăn trên mặt tôi. Tôi hết lòng mong nó tức giận nữa lên, đến phát khùng lên mà giết ngay tôi tức khắc.

Nó vẫn không quên người con gái. Vì thế ngừng được một lát, tiếng khóc của cô ta lại từng chập nổi lên ảo não thâm bên tai tôi. Có gan chịu nổi thứ đòn thù dữ dội kia, tôi lại không nén được lòng thương con người tội nghiệp ấy. Thực đáng thương lắm. Trai trẻ như tôi bấy giờ mà còn phải trọ hàm răng đi để cố nín thinh, huống chi một người con gái yếu ớt, thân thể lại bộc lộ. Thằng khách lúc đó trông hung bạo hơn cả loài ác thú. Tôi thù ghét nó đến cực độ. Sự phẫn nộ đã đến lúc khó nén được yên. Tôi đem hết

khinh bỉ vào trong một câu rẽ rọt ghê gớm như một lời tuyên án, một lời nguyền. Tôi nhìn thẳng vào mặt nó mà nói: “Đồ phi nhân, chúng tao chết đi vong hồn sẽ báo oán sẽ theo đuổi mày không biết đến mấy mươi đời”. Thằng khách dừng tay lại nhìn tôi sùng sộ một lúc, rồi mặt đang trang nghiêm, nó bỗng nhăn tít lên mà cười. Nó vừa đưa đẩy gậy gù cái đầu vừa cúi xuống gần mặt tôi, sì sồ nói như bảo cho tôi biết rằng: “Mày cứ đợi đó, ta cho mày biết một lối chết thực là hay hay”.

Nó đi lấy nển đốt nối vào bốn cây chày gần hết, rồi nhăn nhở đi nhổ một con dao trên phiến gỗ, đưa qua mắt cho tôi xem. Nó nói gì tôi không hiểu nhưng vỡ nghĩa ngay, vì con dao kia nó đem chõng đặng chuôi xuống đất, mũi dao trở thẳng lên chính đầu tôi. Tôi đoán lát nữa, dao cắm đã vững chặt, nó sẽ cắt đứt cái phần dây vẫn giữ tôi lửng lơ dưới trần hầm; tôi sẽ rơi tuột xuống, đầu tôi sẽ đâm xuống lưỡi dao, hay nói đúng hơn, lưỡi dao sẽ cắm ngập vào đầu tôi.

Nhưng nào nó đã cho tôi hưởng cái chết nhanh chóng ấy! Như thế chẳng khác nào thí ngay cho tôi một nhát rảnh đời sao? Cái phần dây rút tôi lên móc sắt trần hầm, vẫn buộc một quãng ở cái vòng sắt đầu phiến đá lớn: thằng khách quay mình tôi lại để tôi dễ nhìn thấy nó cởi nút buộc ra. Cởi xong, hai tay nó nắm chắc lại, rồi thả dần ra cho đầu tôi hạ xuống đất. Nghĩa là nó muốn làm một ác thần cầm giữ cái giờ tận số của tôi. Nó thả xuống, chỉ cho mũi dao chạm vào da tóc, là lại kéo người tôi lên ngay. Kéo hết mực lại thả xuống. Cứ thế tái tam tái tứ, lần nào tôi cũng tưởng là lần quyết liệt cuối cùng! Có lúc buông từ từ, để tôi thấy cái ghê buốt xuyên từ óc vào suốt sống lưng; rồi thoát lúc lại buông mau. Tay nó điều khiển một cách khôn khéo rất tinh ma, vừa kéo tôi lên cao, bỗng nó để buộc dây, đầu tôi vừa chấm mũi dao thì nó giữ lại kịp. Nó cười khoái trá lắm, trong lúc ấy thì tôi toát mồ hôi lạnh. Lối giả vờ quái gở ấy nhắc lại luôn mấy lần. Ví phỏng tôi giàu có mà nó dùng cách ấy để khảo của thì có dễ tôi đến phải xưng. Nhưng đòi lấy một lời năn nỉ bấy giờ thì có phương khùng khiếp hơn cũng vô ích. Tôi không dám nói là mình không sợ chết, nhất là cái chết theo kiểu độc địa kia. Lòng tôi lúc ấy chua xót vô cùng, tâm trí cũng dị kỳ lắm. Vẫn mong cho nó giết đấy, lúc tưởng phải chết lại mong nó khoan tay.

Cái lòng muốn rút cho xong tức thì lại có lòng muốn sống thêm chút nữa đối ngay lại. Thằng khách có biết tâm sự tôi không mà nó làm khổ tôi đến thế? Tuy vậy tôi nhất định không để lộ một vẻ gì khiếp nhược ra bề ngoài, cả đến sắc mặt tôi cũng cố không để biến.

Thằng khách thấy tôi trơ trơ, không một tiếng kêu thốt nhiên, không một hơi thở mạnh, thì cảm giận lắm. Cái lối hành hình của nó hóa ra nhàm, hóa ra nhụt trước sự kiên cường, khó chuyển của tôi. Trước nó còn hăm hăm phun ra những lời tức tối, sau nó như lấy làm lạ, nhìn tôi chăm chú lắm lắm nói như thách thức, như nạt nộ: “Được lắm được lắm, rồi mày biết tay ta!”. Rồi nó cột dây lại như cũ, ngồi nhìn quanh quẩn ra vẻ suy nghĩ nhiều lắm. Tôi biết nó đang nghĩ cách hiểm ác hơn để làm tôi đến điều khổ khổ. Nhưng tôi đã nhất quyết không để nó được vui sướng mà trông thấy cái chết trong lòng tôi lúc bấy giờ.

Người con gái rũ rượi lả lờ kia vẫn không nhịn được rên khóc. Tiếng khóc nấc lên từng hồi. Tóc cô ta xoa thành nhiều món hỗn độn bết vào nước mắt nước mũi, với những vết máu rướm trên mình. Tôi bị treo cách bản gỗ dựng không xa, song dần dần mắt tôi hoa lên, lắm lúc chỉ trông thấy một hình thể mờ trắng, có những ánh lửa lấp lóe trên mấy lưỡi dao sát cạnh cô ta. Thằng khách chừng không để tâm đến cô ta nữa.

Nó đứng dậy quay đầu nhìn khắp hầm, dáng vẻ bản khoăn suy tính. Mắt nó gặp mắt tôi hai ba lần, hẩn học, thâm hiểm. Bỗng nó phát tay lên dúi một cái reo lên chặng cười thích ý, nói lảm nhảm một thôi một hồi. Tôi chớp mắt, chăm chăm đợi, thì thấy nó ôm ở đâu ra một tảng đá lớn, rồi nhanh nhẩu đi lôi cái nải gạo ở chân cầu thang vào để một bên. Trong hầm đất này, cái hình vóc to sù kia qua lại, cử động có một vẻ hoạt bát dị kỳ như một bóng ác quỷ trong một địa ngục lạnh lẽo.

Nó hạ tôi xuống. Lựa cho ngực với bụng tôi nằm áp mặt đất, bên cạnh con dao nhưng chân vẫn bị treo ngược. Tôi không rằng, không nói, không một mảy may chống cự vô ích cứ lẳng lặng mà xem nó làm. Nó cởi bỏ cái dây chảo quấn bó người tôi ở lần ngoài cùng đi, rồi kéo hai tay trói kẻ sau lưng tôi mà buộc làm một với hai chân; gối tôi liền gấp lại. Tôi chẳng khác gì

một con vật sắp bị đem làm thịt. Người tôi lung lảng sát đất, ngực ưỡn mũi dao sắc, búi tóc sổ rủ xuống hai bên thái dương.

Thằng khách lại rút tôi lên, rút lên giữa chừng cái khoảng từ trên hãm với mặt đất. Giữ như thế làm mực nhất định, nó bắt người tôi bị kéo lên hạ xuống mấy lượt nữa. Chỗ mở sắt dây từng cọ đi cọ lại từ trước lúc đó đã nhẵn bóng, tay kéo đã thêm dễ mà tiếng dây siết đã êm hơn. Chán rồi nó mới đem buộc kỹ lưỡng đầu nải gạo với tảng đá lúc nãy vào với nhau, lại buộc phần dây từng buông kéo tôi vừa rời vào hai thứ ấy. Buộc xong, nó còn thử xem nải gạo với tảng đá có đủ nặng cho người tôi khỏi lồi bổng lên được không. Thử đã vừa ý - sức nặng của tôi với hai vật kia vẫn thăng bằng, thằng khách liền buông tay ra. Người tôi lúc ấy lửng lơ, không rơi lên được lưỡi dao dưới đất. Thằng khách bèn lấy con dao khác, chọc một lỗ, ở đáy nải cho gạo chảy ra dần. Bấy giờ tôi mới hiểu cái độc kế của nó.

Nó khoanh tay ngắm cái công trình cơ xảo độc dữ của nó, vẻ đắc chí hơn hở trên mặt. Tôi lấy làm ảo não mà hiểu rằng lần này thế là hết, lần này thì cái phép tuyệt diệu của nó sẽ đưa thằng tôi đến cái chết sau cùng. Nó đang ngồi chăm chú dò xem thần sắc của tôi, sực nhìn lên thấy người con gái nức nở. Nó ùng ùng nổi giận, vớ roi nhảy lên vừa quất tháo vừa thẳng cánh vụt. Người con gái lại gào khóc. Nó càng hăng đánh. Tiếng roi bay vun vút như quật đen đét vào trong những tiếng kêu thảm thê. Tôi nghe chừng người con gái đã nhọc sức lắm. Trận đòn vẫn dư, mà tiếng khóc như yếu đi, nghe càng chua xót, càng não lòng thêm nhất là vì tôi biết cái số mệnh của tôi cũng không được bao lâu nữa.

Dòng gạo trắng bên cạnh tôi vẫn không ngừng chảy. Cái dây treo tôi bắt đầu cựa ở chỗ móc sắt, các thớ da thịt thân thể tôi gai sồn cả lên. Huyết mạch chuyển qua từng đợt sóng bàng hoàng. Người tôi chốc chốc lại tưởng tụt mau xuống một cái.

Nải gạo đã vơi đi chừng ba bốn đấu, hạt gạo rơi bắn tán mạn trên mặt đất đã thấy dần dần thành có chôm, mà mỗi khắc một cao dần. Thằng khách chợt để ý. Nó vội lấy chân vun hết gạo hất thật xa. Từ lúc ấy nó vẫn coi chừng giữ cho cái khoảng đất xung quanh con dao bao giờ cũng quang phẳng.

Lưỡi dao loáng sắc yên lặng chĩa cái mũi nhọn lên ngực tôi, như đợi chờ ở đó đã lâu như một thứ khí giới yêu ma, chỗi mọc từ một cõi âm ty nào. Lưỡi dao đó chỉ lát nữa sẽ ngập vào tim phổi tôi, tôi sẽ giẫy giụa hấp hối biết bao lâu, rồi người sẽ cứng còng, chân tay co quặt trong một dáng thiếu nảo!

Gạo cứ chảy. Tôi cảm thấy từng mẩu dây chậm chạp tuột qua vòng móc. Chẳng mấy chốc nữa đồng cân bên gạo rút đi, mà người tôi sẽ gấp mau sức nặng thêm.

Tôi thực là trông rõ thấy mình chết.

Mặt tôi nóng như tức máu, những vết trói, dấu đòn không biết đau nữa, trống ngực đập đến tức thở, hai tai nghe ào muôn nghìn tiếng rất lạ lùng.Ồ! Cái chết phi thường, cái chết tai quái! Nải gạo kia tức là một thứ đồng hồ, mà gạo trong nải tức là những giọt nước vô cùng thấm khốc, vô cùng khắc nghiệt, mà mau chóng làm sao! Gạo tuy cứ đều đều từ từ mà rơi, nhưng thoát ra lẽ nào vực nào là cái chết nghiêm khấn, khắt khe lại gần chừng ấy! Cái thời khắc vừa quá ngắn, lại vừa dài ghê!

Tôi bắt đầu nghĩ đến thân thể tôi, đến quê hương tôi, nghĩ đến tất cả các bằng hữu thân thích tôi, đến cuộc đời của tôi đáng lẽ còn dài, còn nhiều bước hạnh ngộ tốt đẹp, còn bao nhiêu hứng vị sẽ được hưởng ở bao nhiêu độ tiến của tuổi trời. Đột nhiên đến bây giờ là đoạn tuyệt! Tôi phải chết. Mà chết bởi một kẻ thâm độc ở đâu chợt đến, chết vì một việc kỳ quái, vô nghĩa lý, chết thầm kín, chậm chạp, giữa lúc khỏe mạnh, tỉnh táo: trong giờ bi đát không được xuôi ruổi, không ai phủ khăn vuốt mắt; chịu để cho một lưỡi dao bình yên giết hại; chết trong lúc làm trò vui mắt cho một con quái vật nó lấy câu nguyên rủa để làm lời tiễn tống mình. Bao nhiêu ý nghĩ chua xót thấm thìa!

Người tôi hạ xuống một gang rồi hai gang.

Nhưng tôi biết trước rằng chẳng mấy chốc, khi nải gạo vơi quá nửa, nhẹ bổng đi thì tôi sẽ rơi xuống thẳng một mạch, chứ không dần dà được mãi như lúc này. Ý nghĩ cay đắng ấy chói buốt tâm can. Chẳng biết tôi làm thế nào mà giữ được thần sắc lạnh lùng chứ thực tôi thấy lòng tôi thấm hại quá, thiếu nảo quá. Mắt tôi đến lúc lóa thêm rồi, nhìn cái chân quét gạo của

thằng khách chỉ thấy một hình thù sẫm xanh cử động, nhưng lưỡi dao như sáng thêm, dài thêm. Cái dây chèo kia thực là dây treo tính mệnh tôi, mà thực cũng mảnh hơn sợi tóc.

Dòng gạo trắng đổ xuống một vệt trắng mơ hồ, cái thằng bằng đã thiên lệch nhiều. Nải gạo với tảng đá không ở tầm nhìn của tôi nữa. Càng khắc tôi càng thấy người thêm nặng giá tôi quẫy mạnh lên một cái thì xong nợ tức thì. Nhưng tại sao lại không? Tôi cứ ở yên, cố sức lặng yên. Cứ y như là vẫn trông mong một sự gì đây: nhưng bấy giờ thì trông mong gì được! Nải gạo nhẹ lắm rồi. Dây chuyển qua chỗ móc sắt cấp thiết thêm. Tôi nín thở lại mà gạo vẫn cứ chảy. Chẳng biết vì có gì người con gái gần tôi vẫn khóc: thằng khách đã nghỉ tay đánh từ lâu. Tôi phảng phất thấy một khuôn mặt tròn, nhả nở cười, nhe trắng một mảnh răng. Nó áp mặt rất gần để xem tôi hấp hối. Miệng nó thốt ra những tiếng như găm ghè, hục hặc. Rồi lại hề hề cười. Vừa cười, vừa hô, vừa lấy tay đánh nhịp để thúc giục cho gạo chảy mau hơn nữa, cho tôi thêm mau rơi xuống, cho mũi dao cắm ngay vào ngực tôi.

Tôi chịu sự khốn khổ đến mức cùng tột mất rồi, phải nhắm mắt lại để đợi, mà cũng là để thôi nhìn cái mặt ác thú kia. Tôi buông sức cố gắng ra, tâm thần hồ thành mê loạn. Chỉ trong khoảng hai hơi thở, hai nhịp trống ngực mà tôi thoáng nghĩ đến trăm nghìn muôn ức hình ảnh kỳ quặc, thoáng nghe thấy hỗn hòa những tiếng ồn ào. Mà bên tai vẫn nhận rõ tiếng người con gái vẫn thút thít, với lại tiếng thằng khách hô nhịp không ngơi mồm. Rồi như xôn xao tiếng người thưa thưa gọi gọi, lại như huỳnh huých những tiếng tấp nập chen chúc ở đâu đây. Người tôi như ngã từ trên mây, rơi tuột xuống rất nhanh. Nhưng không có một chút gì là đau đớn hết. Có tiếng gọi ôn tồn ngay bên cạnh.

- Anh Triệu à, anh còn tỉnh chứ?

Tôi thấy tôi hẫng lên, rồi hạ năm nghiêng dưới đất. Tiếng vừa rồi tưởng như nói trong thế giới nào. Tôi mở mắt, thấy toàn là người quen cả: không biết xuống đây từ bao giờ? Bọn săn của tôi đã lấy dao gỡ hết dây trói, chân tay tôi đã thoát nhưng vẫn tê dại, họ phải xốc đỡ tôi ngồi lên. Tôi vẫn mơ màng chưa hiểu ra sao. Bao nhiêu miệng cùng thăm hỏi mà mình vẫn cứ ừ

ào chưa nói lên được. Trông đến người con gái thì mặt xám ngắt như chàm đổ, bấy giờ bất tỉnh, vẫn bị giăng trói, vẫn trần truồng. Tôi cũng không phân giải được câu nào, chỉ lấy tay ra hiệu cho họ nhổ dao quanh mình rồi cởi trói cho cô ta. Còn thằng khách thì đã bị năm sáu người đè xuống, đang lấy dây quán chịt từ đầu đến chân.

Bấy giờ tôi biết là thoát nạn rồi, nhưng phải nghĩ mới dám tin là chắc chắn. Một lúc lâu nữa tôi mới thực hoàn hồn. Người con gái hơi thở đã mạnh, mắt đã lại sắc dần, họ đã lấy quần áo của tôi mặc cho, đặt nằm một nơi đợi cô hồi tỉnh. Tôi bèn đem việc ở dưới hầm sơ lược kể cho họ nghe nhân lại hỏi sao họ biết được tôi bị khốn ở đây mà xuống cứu.

Người Nùng đêm ấy bàn nhau nghĩ sẵn sớm, cuối canh ba đã gọi nhau trở về khác hẳn lệ thường cứ đến gần sáng mới nổi hiệu mãn cuộc. Họ định trưa mai đem da cọp đi trình ông châu Lùng Sa. Vào đến miếu, họ không thấy tôi đâu, điếm xem thì lại thấy mất một nải gạo. Họ còn chưa hiểu duyên cớ thì bỗng vắng vắng nghe tiếng rên khóc cùng với tiếng quát tháo. Họ ngạc nhiên lắm, lẳng lặng tìm sục các nơi xem. Không thấy gì cả, nhưng tiếng khóc tiếng mắng vẫn còn. Trước họ còn tưởng là chính ông thần miếu này đang nạt nộ sau mới chợt tìm ra lối xuống hầm. Thì ra lúc tôi chực trốn lên, tôi đã hé mở được phiến gạch mà thằng khách vô tình không đập lại. Tiếng dưới hầm do đấy vắng lên, người Nùng mới vì thế biết được lối xuống. Cũng may, họ không làm ồn. Còn thằng khách thì phần vì đang mải, phần không ngờ, nên không nghe thấy gì hết. Họ mở nắp hầm lên, trước hết trông ngay thấy người con gái trước phiến gỗ, thấy tôi đang bị treo, rồi thấy thằng khách quay lưng ra, tay đang khoa, miệng hò hét. Họ máy nhau rón rén xuống cả nấp sau bóng cột rồi cùng một lượt ồ lại bắt thằng khách. Hai bên xung đột một lúc thằng khách mới chịu thua. Trong khi đó, hai người đến cứu tôi. Họ vừa kịp đón lấy tôi chính giữa lúc tôi tuột xuống. Trước hết lấy chân xéo đổ con dao dưới đất, một người bế nâng tôi lên cho người kia cắt dây.

Thực hứ vớ! Muôn phần tôi không ngờ được một là còn được sống ở đời. Trong bụng vui mừng mà tôi vẫn trở trợn bàng hoàng, tâm thần như chưa thực hẳn.

Chúng tôi bàn định ngay hôm ấy sáng rõ thì dẫn người con gái với thằng khách lên châu Lùng Sa, để quan châu tra vấn. Tôi bảo bạn sẵn hãy vực người con gái lên trên miếu để khi tỉnh dậy khỏi phải trông thấy quang cảnh khủng khiếp dưới hầm.

Bỗng từ chỗ thằng khách nằm, mấy chạng cười rống lên. Tiếng cười nghe thực ghê rợn, không ra tiếng cười ròn, không ra tiếng khúc khích mà cũng không hẳn tiếng cười nữa. Cứ thấy khê nặc lên từng hồi những tiếng “hô hô” “hệch hệch” rất lớn, vang âm quái gở, nghe gần tựa như tiếng ễnh ương hay ếch trâu nó òa òa ỳ oặc liên thanh sau những trận mưa rào. Ai nấy kinh ngạc đứng phỗng ra. Lúc đến gần, soi đuốc xem thì trên mình thằng khách máu trào ra như chan, đổ ngòm hai tay nó lại vũng cả một khoảng mặt đất. Thì ra tay bị trói đề lên bụng nó đã cố lần lách vào lần áo trong móc ruột ra mà tự tử! Ngăn cản thì đã quá muộn. Thằng khách không giãy giụa, chỉ co giật mấy cái rồi chờ người, nằm im. Nó chết mà hai mắt vẫn trừng trừng còn mở, nhìn trao tráo vào mắt tôi. Tôi rùng mình bất giác lại tưởng đến hai mắt tôi bắt chợt hôm nào, rồi lại nhớ đến hai mắt con trăn... Mắt người đã chết rồi mà sao vẫn có cái sức yêu ma đến thế! Suốt đời tôi khó mà quên đi được, mà mỗi thốt nhiên nghĩ tới thì vẻ nhìn quái gở lúc đó vẫn còn xiên qua khắp tâm hồn tôi. Lại còn tiếng cười kia nữa, tiếng cười kỳ quặc, khủng khiếp! Tôi tưởng như đó là những câu đe dọa ghê gớm: trước khi nó chết, hình như thằng khách hẹn với tôi rằng nó sẽ không quên tôi, nó còn tìm được mưu độc hại cho bằng được tôi để báo oán. Trong cuộc đời tôi sau này, mỗi khi bị hiểm trở, mỗi lần mắc phải tai ương nào, tôi lại nghĩ là do vong hồn con ác quỷ kia xui nên. Cả trong yên vui tôi cũng thường chợt dạ. Oan khí như không bao giờ tiêu tan hết, bao nhiêu căm hờn, bao giờ cũng theo đuổi bước đời của tôi ám ảnh sự thái bình của tôi: không có cách nào trừ đi được.

Cả bọn người Nùng đều lắc đầu lè lười trước cái chết đột nhiên mà phi thường này. Còn tôi thì như đã quen, đã dạn những điều quái đản từ trước, tôi không lấy sự thẳng khách cấu rồn tự tử làm quá đổi lạ lùng. Chỉ ngấm ngầm lo sợ không dám nhìn đôi mắt mở của thằng khách, tôi nín thinh, vừa

rờ tay thăm lại những dấu đòn trên người, vừa đi xem xét khắp hầm vừa ngẫm nghĩ.

Tôi bụng bảo dạ: những việc xảy ra dưới hầm này đêm hôm đó, tất thẳng khách đã rắp tâm từ lâu, mà chùng làm quen tay lắm, cho nên mới sẵn những hình cụ như bản gỗ, những móc xích với những dây thừng. Các thứ ấy đã cũ đã rỉ ra cả. Công việc hẩn làm có lẽ không hề ai biết, không từng có ai cản trở. Bỗng đến nay, thấy một bọn người từ đâu đâu kéo đến làm cho hẩn kinh lạ. Hẩn phải để mắt dò xét cẩn thận: những lúc thốt nhiên thấy cái bóng áo chàm xanh trong rừng, có lẽ chính là những lúc thẳng khách lẫn lút quanh quất đó mà dòm dò chúng tôi. Cả bọn hẩn lén vào trong nhà lều, hẩn cũng là một phen trốn tránh những lúc bí thế; không chùng thẳng khách nhân dịp ấy còn muốn gây cho cái thói mê tín của người Nùng thêm vững, để cho họ đừng chú ý đến các tính cách công việc riêng của hẩn cũng nên. Hay ngoài ra, lén vào lều hẩn còn chú ý gì khác nữa, thì tôi không đoán ra được. Lúc hẩn lén vào trong miếu, chỉ có tôi trông thấy hút; nhưng dù cho cả mọi người trông thấy nữa, hẩn cũng biến mất tích như một bóng ma. Lúc ấy thì nào ai ngờ đâu đến cái hầm dưới đất? Thẳng khách chỉ việc lật cái phiến gạch, nhảy xuống, đập lại như cũ, thế là đủ cho bọn người sẵn lòng tin chuyện biến ảo, yên trí là vừa gặp vía quý thần. Trốn ở dưới hầm, giá thẳng khách biết rằng trên miếu người ta đang lửa hương cầu cúng hẩn, chắc cũng phải lấy làm buồn cười. Rình mò nghe ngóng mấy hôm, thẳng khách dò biết chắc chắn rằng chúng tôi là bọn đi săn, mà chỉ ban đêm mới kéo ra khỏi miếu, hẩn mới đem tội nhân của hẩn xuống. Hẩn không ngờ là trong miếu đêm ấy lại có tôi, sự tình cờ đã khiến tôi biết được những “chuyện kín” ghê gớm dị thường kia, lại cũng khiến tôi phải một phen kinh khủng hút chết.

Song thẳng khách là người thế nào? Vì những lý do gì mà lại đến tận chốn này mà thi hành những việc độc ác như thế? Trong mình nó không có qua một thứ giấy má nào để người ta có thể biết được tên tuổi, lai lịch của nó.

Thẳng khách đã chết thì bao nhiêu ẩn tình về chuyện này họa chăng chỉ có người con gái Tàu kia là biết được ngành ngọn. Từ hôm đưa cô ta đi trình Ông châu thì cô ta bị một cơn sốt kịch liệt rồi cứ mê mê mẩn mẩn, khi cười

khi khóc như người hóa điên. Ông quan châu biết chưa thể tra vấn được, nên cắt người săn sóc thuốc thang đợi cô ta hoàn lại tính người. Trong khi đó, thổ dân ở những thôn gần đó, không mấy ngày là không nói đến việc xảy ra trong rừng lớn Lùng Sa. Người thì cho rằng người con gái kia là một vật hy sinh đem đến cho con yêu trong miếu ăn thịt, người thì lại bảo là thằng khách cưới vợ cho Thần Rừng. Vì thế có kẻ lo sợ rằng vị thần Lùng Sa sẽ oán bọ người Nùng đi săn, rồi oán lây cả dân làng, vì bọn đi săn đã làm chết mất thằng khách là người hăng năm vào trong hầm cúng tế. Nhiều người kể cho tôi nghe rằng, mấy năm trước đây, họ trông thấy một người khách to béo thường vào trong rừng hoang, khi đi một mình, khi dắt theo một người con gái; cứ gặp thấy người làng là ù té chạy, rồi không biết biến dạng nào mất.

Những điều ước đoán với cách giảng nghĩa của họ cũng như của bọn người Nùng bạn săn với tôi, đều mơ hồ lắm. Lòng tin tưởng của họ ngây ngô, đơn giản nhưng là vững mạnh. Tôi cũng không muốn biện bạch với họ làm gì. Tuy vậy, cũng có điều khiến tôi suy nghĩ, là thấy họ nói đã từng gặp thằng khách một vài lần. Về điều này nhiều người cam đoan là không sai, vì đã có nhiều người trông thấy. Thế thì có lẽ cái cảnh tượng tôi được “thực mục sở thị” đêm hôm xưa, quả như điều tôi đã đoán trước, không hẳn chỉ mới diễn ra lần đầu. Mà nếu thằng khách không bị bại lộ thì chưa biết chừng nó còn ngấm ngầm tác ác đến bao nhiêu phen nữa.

Ông châu Lùng Sa cùng những người có trách vụ hoặc chú ý đến chuyện này, trong khi đợi người con gái bình phục, đều băn khoăn như tôi. Thằng khách là hạng người nào? Cái hầm đất kia với nó có những quan hệ gì? Những việc nó hành động là do những căn nguyên nào? Khó lòng phân giải được cho xuôi ổn.

Khám xét trong hầm cũng không thấy ngách ngả nào thêm nữa. Hầm đào chừng lâu lắm, cách chống đỡ rất kiên cố, mà xem ra đào cùng thời dựng tòa miếu. Không thể nào đoán được miếu ấy thờ ai. Có lẽ miếu dựng lên chỉ để làm nơi đánh dấu, hoặc để người ra vào hầm đó không bị nghi ngờ gì. Cửa hầm thì ở một góc miếu phía tay tả (kể lúc mình ngoảnh mặt vào trong), nhưng hầm lại đào ở hẳn khu ngoài. Tìm kỹ lưỡng, thì thoát tiên

ngoài những cái tôi trông thấy ngay đêm bị nạn, chỉ thấy thêm được ít lương khô cùng với mấy nén bạc thăng khách đem theo. Mãi sau vì cái mùi thối nát khác thường, không thể ngờ là do xác chết của thăng khách xông ra được, người ta mới đào một vài chỗ lên xem thì thấy những xương người đen sì; thịt chưa rửa hết, có đến hai ba bộ. Những sự kỳ bí chỉ tối tăm dày đặc thêm lên.

Người con gái Tàu thì ngày càng kiệt lực. Cô ta không mê hoảng như mấy hôm đầu nữa, song bệnh tình trầm trọng như thế, xem chừng cũng không đậu được bao lâu. Một hôm tôi ở bản Khau đến thăm cô ta bên châu, cô ta ứa nước mắt không nói gì cả. Tôi lấy giọng ôn tồn dịu ngọt yên ủi cô ta. Tuy không hiểu tiếng, nhưng cũng biết là lời ân cần khuyên nhủ mình, cô ta nhè nhẹ mỉm cười, đầu khe khẽ gật.

Cách đó ít bữa, tôi lại đến châu Lùng Sa thì được tin người con gái Tàu đã chết. Tôi bùi ngùi lắm, toan trở ra về thì ông châu cho người lưu lại, mời tôi vào nói chuyện. Ông ta lấy trong tráp, đưa ra cho tôi một phong thư dày, nói là của người con gái Tàu để lại, dặn gửi riêng cho tôi. Bức thư dài lắm, nét bút éo lá, viết lối hành khải, nhiều dòng chữ lú rú chi chít nhưng cũng đủ rõ ràng. Ông châu nói rằng trước hôm cô ta tắt nghỉ, lại thấy tươi tỉnh, ra hiệu mượn bút giấy, nhờ người đỡ ngồi dậy để viết bức thư này. Trong thư, người con gái Tàu kể rõ tên tuổi, lai lịch mình, với cái duyên cớ vì đâu cô ta bị thăng khách hành hạ. Nhờ đó tôi biết được phần lớn câu chuyện. Mãi mấy năm về sau, được gặp một viên quan Tàu trong sứ bộ Trung Quốc sang giao thiệp với triều đình ta, ngẫu nhiên tôi nhắc đến việc xưa thì thấy ông phó sứ ấy nói là đồng quận với thân nhân người con gái Tàu. Hợp với lời trần bạch trong thư của cô ta, câu chuyện ông quan Tàu thuật lại với tôi đã khiến tôi biết được hết đầu cuối những điều mà tự mình suy tầm, tưởng khó lòng thấu rõ được.

Thế Lữ

Tiếng Hú Ban Đêm



Một chuyện ghê gớm (3)

ô ta tên Thúy Liễu, con gái họ Lâm, quê ở mạn Phù Nam bên Tàu, cha mẹ nhà nghèo, chỉ có một mụn con gái làm của báu. Năm cô ta lên chín, hai ông bà kế nhau tị trần. Trong họ có bà dì nhà cũng khá giả, động lòng vì cái cảnh thương tâm cùng mực đó, đem Thúy Liễu về nuôi. Thúy Liễu ngoan nết lại thông minh, bà dì hết lòng chăm nom dạy dỗ, nhan sắc ngày một thêm dịu dàng, được nhiều người quý mến khen ngợi. Đến năm cô ta mười tám, bà dì từ chối các đám giàu có, gả Thúy Liễu cho một viên huyện quan họ Mã, tính tình thuần lương.

Mã Sinh là người ở xa đến, mãi đâu từ trên Hàn Khẩu. Nhậm huyện này kể đã năm sáu năm, mà chưa lần nào về thăm quê nhà. Từ ngày lấy nhau, vợ cũng không từng về được chào lạy họ mạc bên chồng. Mã Sinh quý vợ lắm, tình ngày thêm khăng khít mà hai người trọng lẫn kính chung. Nhưng Mã Sinh vốn ít nói, về chuyện tổ phụ mình, chàng lại kín đáo lạ thường. Thúy Liễu thường bất chợt thấy chàng băn khoăn lo lắng, có hỏi thì chỉ đáp là bận lòng về việc quan. Được dịp, giục về thăm quê, chàng bao giờ cũng tìm được cơ thoái thác. Mã Sinh làm quan hết lòng chăm chỉ, rất mực liêm khiết; thái độ nhũn nhặn; tính hiếu thiện, hay thương giúp người khốn cùng. Cả huyện ai cũng yêu mến mà nể sợ. Cảnh gia đình tuy thanh bạch song thực là đầm ấm êm ái. Mã Sinh như thế có thể gọi là người được sung sướng ít ai bì. Nhưng cái mối u uẩn kia bởi đâu, khiến vẻ mặt chàng lúc nào cũng có bóng ưu phiền? Thúy Liễu hết cách ý tứ để dò xét cũng không thể nào biết được. Có những buổi chồng nàng lặng lẽ thái quá, lại có những khi cười nói hớn hờ một cách không được tự nhiên, những lúc đó Thúy Liễu lại lo hơn, mắt chàng thoáng qua những vẻ hoảng hốt.

Một hôm, thần sắc Mã Sinh biến loạn, một vẻ rất đáng sợ. Chàng bỗng như cuồng dại, không thể giữ gìn được cử chỉ, cả ngày bút rứt đứng ngồi không yên chỗ, mà cứ quanh quẩn ở hậu đường. Đến tối, sai tôi tớ mỗi người một việc, chàng gọi Thúy Liễu vào phòng, cầm lấy hai tay nàng rồi rưng rức lên khóc. Thúy Liễu hết lời khuyên van căn vặn mãi, chàng mới đem chuyện kín ra kể cho vợ nghe.

Ông thân sinh ra cha Mã Sinh là Mã Hồng, trước kia làm quan cao phẩm, có thể lực lớn. Khi hồi hưu, vẫn giữ thói thị oai thường làm nhiều điều tà khuất ức bách dân gian. Tuổi tuy già nhưng tính đam mê nữ sắc đẹp không bớt. Đàn bà con gái, cứ thấy ai lia mắt là sai bắt về cho bằng được, gây ra nhiều tình cảnh oan khổ mà không ai dám hé răng. Sự buông túng ngày một tệ thêm, vợ con trong nhà khuyên can thế nào cũng không nổi.

Trong bọn người bị cưỡng đoạt có Trương Thị là người nhan sắc hơn cả. Trương Thị khảng khái trinh liệt, một mực không chịu để người nhục phạm được mình. Mã Hồng dụ dỗ chỉ uổng lời, đe dọa cũng không thấy chuyển. Sau cùng Hồng sai lột hết xiêm áo của Trương Thị, trói chân tay lại mà hành hạ, dùng cách tàn ngược để bắt phải theo. Trương Thị phần đau đớn, phần hổ thẹn, đến hôm thứ ba, Mã Hồng mở cửa phòng giam bước vào thì đã thấy người đàn bà cắn lưỡi chết. Mã Hồng vội sai người đắp diệm rồi ngấm đem vùi một góc vườn ngoài.

Chồng Trương Thị là Lý Chu, cùng với con trai đi buôn ngọc ở các nơi xa về căm tức đến phần uất, Chu biết rằng mình thấp cổ bé miệng, dù có phá sản để đi kêu đi khiếu cũng vô ích; cái quyền thế của họ Mã vững chắc như thành liền. Những nhà giàu có chẳng kém gì nhà Lý, vai vế lại không phải tầm thường mà đối với sự tàn ác của Hồng cũng đành phải nhịn nín. Chu nuốt hận, nuôi chí báo thù.

Chu để tâm hết sức dò xét, biết được chỗ đất chôn Trương Thị, nhân một đêm tối, đào lên đem xác về mai táng hẳn hoi. Trông thấy cái thân hình lỏa lồ của vợ, Chu cuồng dại lên vì đau xót, thề nguyện rất độc rằng sẽ ăn gan uống máu Mã Hồng. Nhưng Mã Hồng đã dự mưu từ trước, dùng luôn việc báo thù của Lý Chu để hại Lý Chu.

Một đêm Chu lên được vào tướng phủ, thấy Mã Hồng ngồi đọc sách ở đại sảnh một mình Chu nhảy xổ lại đâm thì bị gia đình của Hồng phục sẵn đó đổ ra bắt Chu trói lại. Muốn trừ tiết hậu họa, Hồng bèn nghĩ ra một kế thâm độc là mua chứng cứ, hãm Lý Chu vào tội thái ác, Mã Hồng vu cho Lý theo nghịch đảng ước với giặc về mưu sát công thần. Trong nước bấy giờ, vào khoảng năm Đạo Quang thứ mười, bề ngoài vẫn bình trị, nhưng ngầm ngầm đã có những mối loạn lẩn nấp lẩn với những bọn cường khấu ở một vài nơi. Đạo số của Mã Hồng tâu lên, triều đình tin ngay, tức khắc truyền chỉ bắt lấy cả nhà Lý Chu và hạ lệnh tru lục, Mã Hồng tịch thu lấy sản nghiệp của họ Lý, bao nhiêu bạc vàng châu báu riêng lượm lấy hết, trích ra phần lớn đút lót cho mạnh thêm vây cánh, cho việc mưu tính của y chóng xong: Việc bức tử Trương Thị, người ta có đoán biết cũng làm ngơ, lấp liếm dưới của hối lộ và quyền thế.

Con trai lớn của Lý Chu là Lý Thạch đang trên đường lên Bắc Kinh để chạy chọt cố kê oan cho cha nghe tin biến, tức khắc quay lại, nhưng không dám về nhà nữa. Hắn phải ẩn náu trốn tránh đến điều cơ cực. Khi cả nhà bị đem xử tử thì Lý Thạch đã lẩn lút ở miền Nam. Đến đâu cũng thấy bị truy nã, hắn phản chí, theo bọn cướp lớn Linh Lâm, một đảng có tiếng là xuất quỷ thần.

Cách đó ba năm, Mã Hồng đương ung dung tác uy, tác hại thì bị một người giữa đêm nhảy vào nội đường giết chết, cắt đầu mang đi. Bên cạnh thầy, một bức thư ký tên Lý Thạch. Trong thư, Lý Thạch thách thức, đe dọa hẹn rằng sẽ giết ba đời họ Mã để rửa hờn. Việc ám sát Mã Hồng, người nhà hết sức bưng bít để tránh thêm phần nhơ nhuốc cho gia thanh, vì thế, người đến phúng viếng có hỏi, Mã phu nhân đều trả lời rằng tướng công vì ngộ cảm mà tạ thế. Mã Hồng bị giết, tổng táng vừa được ba ngày, thì chính thất phu nhân tự dưng không biết đi đâu mất. Cả nhà chưa hiểu sao, cũng chưa kịp thăm hỏi các chỗ thân thích bỗng một buổi sáng Mã Hoảng là trưởng nam nhà họ Mã dậy sớm chợt thấy một mũi tên cắm ở cửa phòng phu nhân. Cuối tên buộc một cuốn giấy. Giở ra đọc thì chỉ có năm chữ: “Hảo hán báo mẫu cừu”. Mã Hoảng nhớ ngay đến bức thư bên cạnh thầy cha, biết rằng mẹ chàng cũng mắc tay Lý Thạch. Hoảng lo sợ lắm. Mấy lời nguyên cả

quyết báo thù kia, Lý Thạch tất không đời nào quên. Vậy thì mình, cùng với anh em mình, rồi vợ con mình, rồi đây tất sẽ lần lần bị hại. Cơ nguy bao bọc lấy con cái họ Mã trong cái trùng vây thù oán vô hình. Họ không cho tiếng tăm lọt ra ngoài, nhưng ngày đêm vẫn tìm hết phương kế phòng ngừa. Mã Hoảng có độc nhất một con trai là Mã Sinh, bấy giờ tuổi đã mười bốn. Mã Sinh đang ham chuyên việc khoa cử thì thấy cha bắt sửa soạn gấp rồi gửi mình cho một người cố hữu ở tận Quảng Tây. Trước khi chia tay, Mã Hoảng ghé tai dặn dò cẩn thận rằng, việc nhà chớ nên đem thổ lộ với ai, đi xa như thế lấy tiếng là du học, nhưng chính là để lánh họa. Mã Sinh cứ đi xuống Quảng trước, rồi độ dăm bữa nửa tháng gì, khi nào thu xếp cửa nhà xong, cha mẹ sẽ liệu xuống sau.

Mã Sinh đến Quảng Tây được hai hôm thì có hai tên đầy tớ cẩn tin ngày đêm đi từ nhà đến báo luôn mấy tin dữ. Mã Hoảng bị một mũi dao phóng chết trong phủ rồi ngay đêm sau Mã Thao, em ruột Hoảng cũng bị giết vì một mũi tên. Tìm hung thủ không những không thấy mà rồi mẹ với cô dì Mã Sinh cũng không biết bị bắt đi bằng cách nào.

Thế là chỉ trong vòng hai tháng trời, con gái anh em nhà họ Mã cùng bị hại về tay Lý Thạch. Trong lá thư đầu nó đã nói: Lý Thạch còn báo thù nữa kỳ lấy được mạng đủ ba đời thù nhân để hả oan hồn của cha mẹ họ hàng. Vậy thì rồi cũng đến lượt Mã Sinh. Sinh còn sống ngày nào còn phải lo sợ ngày ấy.

Ở nhà vị thân nhân của cha, Sinh hết sức kín tiếng. Quảng Tây cũng xa nơi hoạn họa hàng trăm nghìn dặm sơn xuyên. Tuy vậy Mã Sinh không mấy lúc dám ra ngoài. Một tiếng động cũng khiến chàng nghẹn hơi. Chàng e dè những kẻ ra vào, ngờ vực cả kẻ hầu cận. Thỉnh thoảng phải đi đâu, chàng tránh hết những đường vắng, nhưng cũng không yên bụng ở những chỗ đông người. Sinh thấy kẻ thù đón mình ở khắp các nẻo.

Nhưng hết năm nọ sang năm kia, lạ thay, Mã Sinh vẫn vô sự.

Chàng không ứng thí nhưng được hưởng lệ tập ấm ở Quảng được năm năm thì chàng đặc cách được bổ nhiệm một huyện ở Phù Nam. Kẻ thù chết rồi, hay bị bắt rồi chẳng? Sao chàng không được tin tức gì? Sinh quyết rằng sự yên ổn đó không phải là do ở sự Lý Thạch lạc mất tăm tích chàng: chàng

trốn tránh ở đâu mà cái chí báo thù kia không tìm thấy được? Có lẽ Mã Sinh vốn là người chuộng nhân nghĩa, đã hết lòng làm điều thiện, cố ý chuộc lại tội lỗi của ông cha, nên đã được thần minh giữ gìn chẳng? Mã Sinh nghĩ thế nên khi làm quan, cái phẩm hạnh với đức độ liêm khiết của chàng trong quan liêu không ai sánh kịp. Hai mươi tuổi thì lấy vợ. Gặp được Thúy Liễu là người vừa đẹp vừa hiền, Mã Sinh thầm tạ ơn trời, tưởng sẽ được yên tâm mà hưởng thú đình viên. Không ngờ, một buổi sớm ra công đường lúc chưa có ai, một phát tên cắm trên án với một bức thư của Lý Thạch, thư rằng:

“Cha mẹ họ hàng ta đang an cư lạc nghiệp, tổ phụ nhà người dùng thủ đoạn thái ác mà giết hại, khối máu căm giận chưa biết bao giờ mới tan. Ta may còn lọt sống lại đây, nên quyết đem cái mạng thừa này làm cho ba đời nhà người cùng chịu với cha mẹ ta một số phận. Bấy lâu người chưa phải chết là vì người chưa có gia đình để ta đến phá. Bây giờ người đã có vợ, là đã đến giờ ta ra tay. Thủ cấp người, ta đem tế cha ta, còn tính mạng vợ người ta sẽ đem tế mẹ ta ngày nay ở dưới cửa tuyền vẫn đợi trông ta báo phục”.

Thúy Liễu nghe chồng kể hết căn do câu chuyện kia, lo sợ lắm, bàn với chồng tìm cách tị lánh hoặc đề phòng. Mã Sinh lắc đầu thở dài, chàng biết rằng kế nào cũng vô hiệu: vì nếu mình còn có thể trốn chạy, ngăn ngừa để thoát khỏi tay nó được, tất nó đã không bắn thư đe trước làm gì. Vả lại Mã Sinh vẫn giấu kín việc nhà, cả đến Thúy Liễu mãi bây giờ sự đã đến nơi, chàng mới đem tâm sự ra thổ lộ cho hết. Thúy Liễu nghĩ cũng không thấy được mưu nào có thể tránh được họa nữa, phần thương chồng phần tự thương mình, rồi hai người chỉ biết ôm nhau mà khóc.

Mã Sinh cùng với vợ ngồi sợ hãi thâu đêm. Tường tuy cao cửa tuy kín, nhưng thâm nghiêm sao được bằng dinh phủ của cha ông chàng? Mã Hoảng cũng vẫn biết trước có ngày Lý Thạch đến, đã tìm hết phương đề phòng cẩn mật. Thế mà tên cướp rừng tự xưng là hảo hán kia cũng len được vào tận nơi mà trả thù. Huống chi một khu huyện đường bé nhỏ này thì ngăn ngừa sao nổi cái tài nghệ thần bí của nó. Mã Sinh đành bó tay chịu, phó mặc thân mình cho số mệnh, kẻ thù đến chỉ cố hết lời kêu xin cho Thúy Liễu khỏi chết oan vì chàng.

Qua mấy trống canh nôn nao trong sự lặng lẽ hãi hùng, bỗng có tiếng động trên mái ngói. Rồi cửa phòng bật mở, một người to béo, nai buộc gọn ghẽ, nhảy vào, tay giơ một con dao sáng. Thúy Liễu rú lên một tiếng, ngất lịm đi. Rồi về sau tâm thần hoang mang, cứ ngỡ ngác như ăn phải bùa; Lý Thạch đem đi đâu cũng theo, bảo gì cũng nghe nhưng không hiểu gì hết. Mãi cho đến lúc Lý Thạch bỏ vào đây vác nạng xuống cái hầm kia, Thúy Liễu mới tỉnh lại để chịu hành hạ.

Hầm đất này trước kia nguyên là một nơi giấu của Lý Chu tìm được cùng với một bọn chuyên đi tìm vàng các nơi. Bao nhiêu vàng ngọc của người Tàu cất ở đó từ xưa, đều về tay bọn Lý Chu hết; của cải không còn gì ở trong nữa, Lý Thạch bèn dùng cái hầm bỏ không làm nơi mai táng hài cốt song thân, rồi sắm các hình cụ để làm tội các kẻ hăn đem xuống. Cái hình phạt Thúy Liễu phải chịu đó, nó nói cho biết là để tế vong hồn cha mẹ nó. Vì thế, trước khi ra tay, nó nhớ đến cái thảm cảnh nhà nó phải chịu nên động lòng gào khóc trước cái bệ nó thiết lập lên như một bàn thờ. Trong cơn thịnh nộ, Lý Thạch vừa nguyên rửa vừa quát tháo, hét vào mặt Thúy Liễu mà bảo rằng: bao nhiêu con trai nhà họ Mã đều phải chết như phụ thân nó, mà con gái, con dâu nhà họ Mã cùng chịu một khổ hình cay độc như nhuốc như mẹ nó đã bị hành hạ khi xưa. Khi nó đã giết được đủ ba đời nhà Mã Hồng, nó sẽ đào lấy những thủ cấp chưa kịp cắt đem xuống chôn cùng với những thầy bị hành hình ở trong hầm này, để cho cha mẹ nó ở dưới âm ty còn được báo thù một phen nữa.

Duyên do câu chuyện ghê gớm kia, phần lớn thuật lại ở bức thư của Thúy Liễu viết cho tôi lúc biết mình không sống được nữa. Bức thư tôi vẫn còn giữ. Lời chân tình có một giọng tha thiết mà cảm động, nhất là đoạn cuối cùng:

“Tiện thiếp nhờ được tráng sĩ ra tay hào hiệp, nên thoát khỏi lưỡi dao độc địa của thù nhân. Những tưởng thân được sống để còn mong có ngày báo đáp cái ơn cứu mệnh. Nào hay bấy nhiêu hình cực khổ, cùng với bấy nhiêu điều khủng khiếp, đã khiến thiếp mang trọng bệnh mà từ bỏ trần gian.

Những việc trên đây, đáng lẽ thiếp phải biết giữ kín nhưng nghĩ rằng chiếc thân gửi nơi đất lạ, không đành làm một khối oan hồn kỳ bí, khiến cho ân

nhân không hiểu những tội tình kia thiệp chịu là duyên cố vì đâu. Vậy tiện thiệp không quản bại nhược cố tĩnh tâm thần, để lại mấy hàng này, xin ân nhân soi xét”.

Thế Lữ

Tiếng Hú Ban Đêm



Giấc mơ

e hơi tắt máy dừng lại. Nguồn âm nhạc huyền ảo bật ngừng. Hai bên đồng không, phẳng buồn và bát ngát, trắng lạnh lùng treo cao.

Thanh và tôi đã đứng trên đường rất ngạc nhiên trong sự im lặng mênh mang của hơi sương bao phủ. Một điểm sao lạc trên bầu trời pha loãng. Một vừng cây đơn chiếc hiện

lên trước một giải vân xa.

Chân mây mơ hồ như kéo gần lại.

Thanh tiến lên trước. Tôi theo. Đây là đâu thế này?

- Ai biết!

Chúng tôi đi về một phía đường đất lẩn vào cõi mịt mù; ở đây, một dãy hình bóng mờ đen; cây cối, nhà cửa như bình bồng trong sương.

* * * * *

Chúng tôi tới một xóm nhà tranh liên tiếp nhau. Bóng đen rải trên lối đi cỏ mọc cần, len với những gạch ngói lổn ngổn. Không một tiếng động. Không một ánh đèn lửa. Lạnh lẽo, im lặng. Mọi nhà im im đóng. Chúng tôi qua hết dãy này đến dãy khác, như trong một làng bỏ hoang.

Một vài con chó lòi ở đâu lui lui bước về, dừng dưng, trông thấy chúng tôi đến thì vẫy đuôi mà đi xa ra huýt gọi cũng không trở lại.

Chúng tôi rẽ về một xóm khác, vắng lặng hơn. Bóng dãy nhà bên này ngả kín khắp lối đi và chỉ để sáng một nửa trên cửa những căn nhà trước mặt.

Chúng tôi bỗng quay lại một phía. Sau một tấm cửa phen lạ lùng quá! - Mấy tia lửa sáng yếu ớt xuyên qua. Đó là ánh lửa một ngọn đèn hoa kỳ. Căn nhà này ẩn trong bóng tối. Một thứ bóng xanh đen, trong trẻo và lạnh lùng và hư huyền.

* * * * *

Im lặng kỳ dị!

Vô tình, hai ba tiếng dế cất lên đầu đây rồi nín ngay lại, chìm đi mất, biến hẳn, không để lại một vết thanh âm nào trong tâm tư. (Sự ấy qua đi như một ý nghĩ chưa thành hình, và quá mau, khiến trí ta không kịp ghi nhớ).

Rồi tất cả lại vẫn im lặng, một bầu im lặng không hồn.

* * * * *

Không bảo nhau, mà chúng tôi cùng bước lại nơi ấy, hai bàn tay cùng đẩy tấm phen nhẹ mở, và hai người cùng thản nhiên vào. Nhà rộng thênh, vách trống trơn, ngọn đèn lạng sáng trong bên chiếc giường dài. Trên giường một thiếu nữ nằm lịm.

Nàng mặc toàn trắng; màu trắng mềm, xanh phớt, nếp lụa mỏng, êm dịu, buông xếp trên tấm thân nàng những nét yêu kiều.

Chúng tôi đứng yên, chờ đợi một điều không bao giờ đến. Vì thiếu nữ không bao giờ cử động hình như đã nằm đó từ muôn nghìn năm xưa.

Bao nhiêu lần, một tư tưởng sắp hiện vào trí tôi, nhưng vội biến mất. Một chút băn khoăn ở đâu vờn tới sự bình tĩnh của tâm hồn ngạc nhiên.

Tại sao anh Thanh lại nhìn tôi buồn rầu thế kia?

Anh thở một tiếng dài, rất nảo nùng; trong đó thềm vang lên những ý thúc giục, những lời khuyên nhủ, những giọng van lơn.

Tôi thông thả gật đầu.

Thanh lặng cảm ơn tôi và đưa tay cho tôi cầm lấy.

Tôi dắt Thanh bước tới bên chiếc bình phong nét vẽ đơn sơ chỉ cho anh trông thấy chiếc dương cầm đặt trên cái giá thấp. Mọi vật trong nhà ấy tôi quen thuộc hết: biết được chỗ nào thì có vật gì. Bình hoa pha lê kia, tôi nhớ ra vẫn để trên bàn mà lúc nào tôi không chú ý. Cái lư trầm khói lạnh vẫn lè loi trên chiếc đôn gỗ ở góc phòng.

Tôi cầm một ống địch ở trước tầm tay, nâng lên ngang môi.

Bên ngoài, trong nhà trong lòng chúng tôi, vẫn im lặng.

* * * * *

Một câu âm nhạc chưa từng biết dặt dìu trong tâm hồn. Tôi thấy lá lướt qua những chữ uyển chuyển của thanh âm. Lòng tôi reo động những tình cảm chập chờn.

Tôi không biết vì đâu, không biết tự bao giờ, một khúc thanh âm thoát lên, uốn nắn trong bầu không khí thần thờ, nhịp theo những ngón tay nhấn trên cung bậc.

Tiếng dương cầm cũng nảy lên, như những tinh hoa của ánh sáng du dương.

Và tiếng địch, tiếng dương cầm vẫn vít đê mê, tản mạn đầy căn phòng dần dần đầm ấm.

Tôi thấy rùng rợn êm ái tràn xuống khắp người. Nỗi cảm xúc dâng lên tràn trề. Vì dưới ánh đèn mờ, một giọt lệ ở khóe mắt Thanh đang lấp lánh.

* * * * *

Cảnh như đổi khác từ lúc nào.

Màu tường đất biến ra màu gấm vàng cũ. Bình hoa lồng ánh ngọc lư hương tỏa khói huyền trong ánh sáng dịu xanh.

Trên giường, người thiếu nữ tựa mình, nét mặt đăm đăm nở tươi. Nàng thong thả ngồi lên, lặng nhìn về phía chúng tôi, mỉm một nụ cười buồn, đưa hai bàn tay trắng mềm sửa gọn lại ánh tóc đen buông hỏn độn.

Nàng khoan thai đặt chân dưới đất, nhẹ nhàng đứng dậy, và uyển chuyển đi về phía chúng tôi.

Nàng đi rất dẻo, rất đều, đặt từng bước lên từng nhịp đàn và uốn mình theo điệu lá lơi của tiếng địch.

* * * * *

Bên ngoài, mây kéo đầy trời, cả vũ trụ kinh hoàng chuyển gió khắp nơi. Mưa vẫn ào ào đổ thác.

Nàng vẫn lặng lẽ bước. Điệu nhạc gay gắt giục giã. Nhưng nàng vẫn còn xa... Không! Nàng vẫn xa hoài, vẫn tiến mà vẫn không tiến tới gần: miệng cười, đôi mắt ân ái nhìn chúng tôi, dịu dàng âm thầm, nồng nàn và quyến rũ.

Tôi đưa tay ra đón lấy nàng, chiếc địch rơi gãy tan dưới chân, nhưng khúc đê mê vẫn không dứt.

Tôi đứng dậy, định đón lấy nàng, nhưng Thanh một tay vẫn đánh dương cầm một tay với giữ tôi lại, nhất định không cho bước.

* * * * *

Tôi ghen ngào vì cảm tức.

Tay Thanh vẫn búa nặng bên vai. Tôi thu hết sức bình sinh đưa cả người tiến lên. Giật mình tỉnh giấc mơ, mà vẫn còn chưa nguôi giận.

* * * * *

Thanh lay tôi gọi :

- Ngủ giỏi thế! Xong việc rồi về thôi!

Tôi hỏi Thanh sau một tiếng ngáp gất gông :

- Đi đâu mà lâu thế? Máy giờ rồi?

Và trước khi cho xe chạy về, tôi còn nhìn ra cánh đồng sương dưới ánh trăng lạnh lùng. Từng dải hơi trắng nhẹ vắt ngang, xóa hết cảnh làng xóm ở chân trời. Một cây đèn nổi bật lên giữa quăng không bên một con đường đất mờ mịt.

Thanh nghe tôi kể lại câu chuyện và cười vang lên khi thấy tôi có ý ngộ nghĩnh thử đi vào đó để tìm căn nhà lá với người thiếu nữ trong giấc mơ.

Rút trong tập “Gió trắng ngàn”

Thế Lữ

Tiếng Hú Ban Đêm



Cô Thơ

ấy tiếng chim hót sau vườn, dài và trong trẻo.

Tâm đứng dậy mở cửa trông ra. Ánh bình minh có một vẻ đẹp khác thường sau mấy trùng núi biếc. Những vùng cây hỗn độn trong sương hồng tía là những hình ảnh mới lạ, như ở tận đâu hiện lên đêm vừa rồi. Ruộng lúa và đồi núi chung quanh sạch sẽ như mới gột rửa.

Tâm vươn vai, sung sướng, thấy lòng cởi mở ra trước cái buổi sáng rực rỡ tốt lành kia.

Anh lấy cái áo trắng dài mặc cho đỡ lạnh, rồi chạy lên phía đồi cạnh nhà, miệng nở tươi, tâm hồn phơi phới xác thịt khoan khoái được tắm trong thứ gió dịu ngọt và tĩnh mịch của cảnh thiên nhiên này.

Anh không đi trên lối đường đất nhỏ, cứ lảng bãng để cho đôi guốc nhẹ dẫm tan từng đám mạng nước chăng trên nền cỏ non. Để guốc mộc trắng phau vì được chùi sạch trên tấm thảm xanh ướt.

Đứng trên đỉnh đồi. Tâm nhìn xuống làng Nửa Tóc bé nhỏ trong đám cây lá chen xít giữa quăng đồng rộng mênh mông. Vài ngọn núi đá xanh lẫn với màu sương trên các mái nhà. Tiếng gà gáy sột, tiếng vịt ngỗng ỉ eo đưa vang đến tai Tâm.

Một cái suối nhỏ chảy vờn chân đồi. Anh nhoèn cười, liếc nhìn bầu trời mỗi lúc một xanh thêm, một tươi thắm hơn lên và lắng nghe tiếng nước reo không ngớt. Rồi anh chạy xuống bờ suối, thọc tay xuống tận đáy trong vắt quờ nhặt những đá cuội đủ các màu. Một dòng nước nhỏ chảy rẽ sang một bên tới một cái lều con, cách đó chừng ba chục bước. Trong lều đưa ra những tiếng kéo kệt nhịp theo những tiếng đập êm và đều. Anh biết đó là một cái cối giã gạo chạy bằng sức nước như anh thường thấy ở đây.

Tâm chạy lại đứng bên lều, chăm chú nhìn cái máy móc cổ sơ kia và ngẫm nghĩ đến cái đời thong thả bình thường của người Thổ.

Thực là một đời giản dị mà sung sướng, sản vật thiên nhiên dồi dào, sự cần dùng cũng ít, công việc cày cấy không vất vả lắm. Rồi đến lúc được thóc thì đã có suối nước đến già gạo hộ người.

Anh lại gật gù, và hứng khởi đầy lòng, anh lẩm bẩm nói một mình bằng tiếng Pháp :

- Ở đây sự sống mới đáng yêu làm sao! Người ở đây họ có biết là sung sướng? Ô! Những người mộc mạc, những tâm hồn mộc mạc!

* * * * *

Bỗng một tiếng gọi đằng sau khiến Tâm quay lại :

- Kìa thầy giáo! Thầy giáo đi chơi sớm thế!

Trên bờ suối bên kia, một cô gái Thổ xinh tươi đang bước lại gần, cô mặc bộ quần áo chàm gọn ghẽ, thắt ở ngang lưng, trên vai cô đeo một cái “dậu” (một thứ thúng có hai quai) treo ở đầu đòn đằng trước, miệng vẫn tươi nở và đôi mắt đen láy nhìn Tâm cũng tươi cười.

Lúc tới bờ suối, cô với một tay xuống kéo hai ống quần để lội qua. Hai chân trắng khoa dưới nước suối như đôi chân ngọc. Tâm sững sờ không nói. Cái tiếng gọi đột nhiên lúc nãy, cái thân hình kiều diễm với khuôn mặt sáng sủa bây giờ với cái tình thế khác thường anh gặp cô ta trong lúc cả buổi sớm mai huyền ảo dưới sương hồng nắng dịu; tất cả mọi sự đều như hoa mỹ văn vẻ theo một nhịp thơ.

- Thầy giáo vừa rồi nói chuyện với ai thế?

Đôi mắt của cô lại ra chiều hỏi tiếp câu hỏi vừa rồi. Một câu hỏi yên lặng mà Tâm tưởng đoán được ý nghĩa. Anh cũng mỉm cười đáp :

- Tôi ấy à?! Không? Tôi nói một mình thôi.

Rồi anh lại tiếp luôn :

- Tôi thì còn có ai mà nói chuyện với nữa.

- Thiếu gì? Chỉ sợ không có người đáng được nói chuyện với thầy giáo thôi.

Câu ấy khiến Tâm êm dịu cả tâm hồn. Anh biết rằng đấy là khởi đầu một câu chuyện thơ ngây êm đềm, từ đó vang dậy những cảm tình man mác,

nhẹ nhàng và chân thực. Anh chân thực trả lời :

- Không cô ạ. Tôi lên đây chẳng biết ai cả, ở một mình cũng chán, chỉ ước được một người bạn gái ở chung cho vui.

- Người bạn gái à? Người ấy không biết là ai, thầy giáo nhỉ?

Tâm cười và lặng im.

Cô Thổ đã sang bờ bên này và đi đến bên cái cối gạo. Tâm thấy trong “dậu” có thóc thì hỏi :

- Cô đem thóc đến cho vào cối phải không?

- Vâng. Em đem thóc cho vào cối đấy. Em đổi chỗ thóc này lấy chỗ kia đem về. Chắc ông không biết em. Em là chị của Minh, học trò ông ấy mà!

- Thế ra cô là cô Thơ phải không?

- Vâng, em là cô Thơ nhưng sao ông giáo biết?

- Tôi hỏi chuyện Minh nên biết. Trước cô có đi học, sao bây giờ lại thôi?

Thơ cười nụ:

- Vì em lớn rồi. Em thôi học từ năm ngoái, trước khi ông giáo đổi về đây cơ. Lớn rồi, đi học em thẹn quá.

- Nhưng sao lại thẹn?

- Là vì em thẹn.

Câu chuyện cứ dớ dẩn như thế, nhưng cũng làm Tâm ngây ngất lòng. Anh thấy cô Thổ cười nói tự nhiên, và vì thế vẻ đẹp cô lại trong sáng thêm, nên không e ngượng như lúc mới gặp. Anh say sưa khen

- Cô Thơ! Cô đẹp quá!

Thơ không đáp, cúi xuống dựng cần cối lên đổi mẻ thóc; một lát sau cô đứng lên.

Cô nhìn Tâm và hỏi :

- Ông vừa nói ông muốn có bạn gái cùng ở với ông à? Thế mà em cứ tưởng ông chỉ muốn ở một mình thôi.

- Sao cô lại tưởng thế, cô Thơ?

- Vì em chẳng thấy ông vào làng chơi bao giờ, cũng chả thấy ông cười nói mấy khi. Em vẫn biết ông là thầy giáo của Minh, em cũng trông thấy ông luôn, nhưng em thấy ông trang nghiêm quá. Em đến ở với ông nhé, có được không?

Tâm như được một lời hứa hẹn, ân ái, mừng rỡ quá, vội đến gần để tay lên vai cô ta. Người thiếu nữ gỡ ra, nhắc “dậu” thóc lên rồi bước về phía bờ suối.

Anh chạy theo gọi :

- Kìa cô Thơ! Cô giận tôi đó sao?

- Không! Em không giận ông giáo đâu.

Nhưng cô đã lội qua suối và thoãn thoắt đi xuống làng, không quay lại nữa. Sương sớm đã tan gần hết. Năng hồng đã vàng tươi. Trên những thửa ruộng xa xa, một vài người Thổ đang lom khom, da mặt hoe đào trên những bộ quần áo phơi màu như mới.

Lòng Tâm rạng rỡ tình yêu, một thứ tình mờ ảo như buổi gặp gỡ trong sương mai, đẹp đẽ như ánh nắng ấm dịu. Anh lững thững bước về, không muốn tìm hiểu những cử chỉ lạ lùng của cô Thơ. Vì anh mong và tin chắc rằng sẽ được gặp Thơ nhiều lần nữa.

Cái tâm hồn người con gái Thổ, anh đã hiểu. Họ là những tấm lòng lúc nào cũng sẵn sàng rung động vì sự yêu đương. Tình yêu của họ là thứ tình đậm đà thấm thía giản dị và chân thực; họ như những người khát nguồn ân ái, thèm những lời thơ mộng nào nuốt và chỉ đợi dịp để gọi những thứ tình cảm êm đềm trong lòng người con trai.

Tâm vẫn nói với các bạn hữu ở vùng xuôi rằng:

Mỗi cô gái Thổ là cả một bài thơ mộc mạc và trong trẻo.

Cả ngày hôm ấy tuy anh bận dạy học, nhưng trong trí lúc nào cũng nghĩ mơ tưởng đến hình ảnh cô Thơ. Đến chiều tan học về nhà, Tâm sửa soạn để định đi vào trong làng, có ý mong cho sự tình cờ lại xui mình được gặp người thiếu nữ. Bỗng nhiên, lúc bước ra, anh thấy Thơ hiện ngay đến, ngoan ngoãn và lẳng lơ như một cô tình nhân.

Tâm cầm lấy tay Thơ vừa hỏi vừa vồn vã :

- Cô Thơ. Sao sáng nay cô giận tôi thế?

- Không, em không giận ông giáo bao giờ, sáng nay em vội về thôi. Bây giờ em đến đây ở với ông nhé. Ông có cho em ở không?

Tâm chỉ cầm lấy hai vai cô, không trả lời.

Thơ nhẹ nhàng gỡ ra, đi xem xét khắp phòng Tâm, hỏi từng thứ đồ vật và lật gối lật chăn lên xem. Sau cùng, cô ngồi hẳn vào giường, nghiêng đầu nhìn Tâm :

- Ông, ông cho em ngủ đây nhé?

Tâm cười :

- Tùy cô.

Cô Thổ ngả lưng xuống. Nũng nịu như đứa trẻ rồi lại ngồi ngay lên :

- Ông ngồi xuống đây với em đi ông.

Tâm đến ngồi bên vuốt ve cô, âu yếm nói :

- Em Thơ....

- Dạ!

- Bây giờ ta gọi nhau là anh em cho thân, rồi em ở đây luôn với anh nhé!

- Thưa anh vâng.

Nhưng Tâm thấy thoáng vẻ buồn thương trong đôi mắt trong sáng ấy. Tâm hỏi, cô mỉm cười lắc đầu nói là không có gì cả; rồi thở dài một tiếng rất ảo não; cô chạy đến bên cửa nhìn ra ngoài.

Trời tối dần và tối rất mau như những ngày gần rét. Ánh trăng non đã rải màu lạnh sáng lên những khóm dâm bụt chạy qua nhà.

Tâm được có người đẹp bên mình, im lặng để hít thở lấy cái không khí sung sướng. Rồi anh đem bao nhiêu lời ngọt ngào của lòng âu yếm ra nói với Thơ. Anh say sưa man mác như chính những câu ân ái của mình đến du lòng mình, đến vuốt ve mình. Bỗng để ý đến đôi mắt đăm đăm của Thơ, anh thấy đôi mắt ấy đầy những lệ.

- Trời ơi, Thơ của anh khóc đấy ư?

- Vâng!

- Mà sao em khóc?

- Em buồn lắm anh ạ. Chẳng biết anh có thương em thực không?

Tâm ôm rõ chặt Thơ vào cánh tay cứng mạnh của anh áp má mình vào má Thơ, rồi dìu Thơ trở vào nhà.

- Thơ ơi, Thơ ơi, Thơ ơi! Yêu Thơ anh yêu Thơ nhiều lắm!

* * * * *

Tâm không nghĩ đến những điều ngang trái của cuộc tình duyên thâm kín này. Bởi vì ở đây, luân lý giản dị của người ta không coi đó là một sự ngang trái. Yêu nhau thì đến với nhau và đó là lẽ tự nhiên.

Một đôi khi Tâm cũng có e dè và vì thế trong lúc giáp mặt Thơ anh được hưởng cái thú oái ăm của những người “ăn quả cấm”. Anh mỉm cười tự nghĩ: “Ta đem cái tình cảm văn minh vào trong một chuyện ái ân hoàn toàn sơn dã thế này, cũng hơi có vẻ một nhà khảo cứu lấy lý luận phân tích những câu thơ hồn nhiên đơn giản của phong dao...”

Tâm rất nồng nàn trong sự yêu đương.

Thơ thì giản dị và im lặng, nhưng trong nhan sắc bình tĩnh ấy. Tâm biết là ẩn chứa một tâm hồn đắm đuối, ham yêu tha thiết và chan chứa những tình tứ lãng mạn thơ ngây.

Từ lúc quen nhau, thỉnh thoảng cô lại đến thăm Tâm ở nhà riêng và chọn những giờ tối vắng người qua lại.

Lần nào cũng thế, trước khi bước vào, cô còn đứng nán lại nhìn qua khe cửa để xem Tâm ngồi đọc sách hay soạn bài dưới ánh đèn. Thơ ưa đến một cách đột nhiên nên Tâm không bao giờ biết trước mà chờ đợi.

Cửa mở, cô ta lẹ làng bước lại gần bàn giấy chào Tâm một câu khẽ rồi bỏ khăn, bỏ áo ngồi xuống giường. Lần nào Tâm cũng lộ hết sự vui mừng. Anh đứng lên cầm lấy bàn tay cô để vào ngực mình. Nói những câu sôi nổi say sưa khiến người con gái giương mắt nhìn anh như không hiểu gì hết. Thơ đưa tay vuốt tóc anh, vịn tay anh kéo ngồi bên cạnh và khi thấy cử chỉ âu yếm của anh đã dịu, mới bắt đầu thuật chuyện cô nói dối nhà để đến với anh:

Hôm nay em bảo em đi “chơi hương” bên nhà chị Tươi...

Hôm nay ăn cưới bên làng, nhưng em không đi... Hoặc một câu tương tự như thế.

Rồi cô lại bảo: “Anh, anh kể chuyện đi nhé, anh kể những chuyện anh vẫn kể cho em nghe đi nào... Em thích nghe!”.

Những lời ân ái của Thơ bao giờ cũng chỉ có ngần ấy câu, mà Tâm nghe lúc nào cũng vui tai và có vẻ mới lạ.

Anh đem hết nỗi lòng ra nói với người thiếu nữ mà mỗi ngày anh thấy một yêu dấu hơn. Lời anh toàn là những lời êm dịu chân thành, anh dịch ra bằng thứ tiếng Thổ gọn gàng nhưng tươi đẹp. Thơ nhắm mắt lại để nghe, im lặng một cách trầm ngâm hoặc se sẽ rùng mình lên, thu nhỏ người áp má vào cánh tay anh. Tâm thấy những giọt nước mắt nhỏ xuống thấm lên áo. Anh hỏi :

- Thơ của anh khóc đấy ư?

Thì bao giờ Thơ cũng trả lời bằng câu :

- Thưa anh vâng

- Mà tại sao em khóc hả Thơ?

- Tại em buồn.

Nhưng không lần nào Thơ nói rõ vì sao Thơ buồn, dù anh có căn vặn hỏi. Có lần Tâm nói mãi, Thơ mới dùng những lời bóng gió thường sẵn thay ở các câu hát tự tình mà trả lời Tâm :

- Em buồn vì em thấy buồn... vì em thấy anh yêu em; vì em nghĩ rằng những lá cây mùa xuân trên rừng, xanh tốt ít lâu rồi rụng héo. Mà em được yêu anh cũng chỉ giống như thế thôi.

Anh viện các lẽ để tỏ lòng yêu dấu không cùng cửa anh; anh tìm hết lời say đắm để an ủi Thơ; anh chọn những câu thề thốt chặt chẽ nhất để chứng thực lòng anh. Nhưng Thơ vẫn thế. Giữa lúc gần gũi anh, hoặc sau cuộc ái ân, hoặc đang lúc tự tình đắm thắm bỗng nhiên không vì sao cả, Thơ sinh ra ử rũ gục xuống vai anh khóc, và bấu chặt lấy anh một cách đau đớn van lơn.

Tâm trước còn cho đó là một cách nũng nịu, một lời xúc động của những tấm lòng giàu tình cảm ủy mị và mơ hồ. Nhưng sau anh cũng phải lấy làm lạ. Một hôm, anh vuốt tóc Thơ mà nói :

- Em Thơ ạ, anh hiểu tại sao em buồn rồi cơ.

Thơ giương mắt yên lặng hỏi Tâm. Anh nói tiếp :

- Anh chắc tại Thơ không muốn anh yêu Thơ như thế này mãi, Thơ muốn cho anh kết duyên với em lâu dài...

“Nghĩa là... Nghĩa là anh cũng muốn thế... Anh ở đây vắng vẻ một mình, quê quán anh, anh cũng không tưởng đến nữa, vì anh không còn thân thích nào... cảnh thượng du với lòng yêu của em đã giữ anh rồi, đã là sự yêu

đương thiêng liêng của anh rồi, em có hiểu không, nghĩa là... anh không tưởng đến bao giờ nỡ bỏ em; anh là bạn em, là chồng em, anh sẽ hỏi em làm vợ”.

Tâm chưa nói dứt lời Thơ bỗng nức lên, khóc mấy tiếng, ngồi thẳng dậy vội vã, sợ hãi, đội khăn mặc áo rồi không để cho Tâm kịp hiểu, cô ta vùng chạy ra ngoài.

“Lòng một người con gái Thổ sao mà phức tạp đến thế kia ư?” Tâm vẫn tự hỏi lại cho rõ ràng. Anh đã nhất định tìm hiểu cho bằng được, nhất định không để cho Thơ còn có những cử chỉ lạ lùng như thế nữa, và bắt đầu thấy quyến luyến, thấy yêu chân thực, và thấy lòng trống trải vì vắng bóng Thơ. Nhưng Thơ lại không trở lại nữa.

Bao nhiêu tuần lễ ủ rũ, u ám, Tâm đi thơ thẩn các nơi gần đó sau những giờ học, nhưng không thể nào gặp được Thơ. Anh đến chỗ cối giã gạo là nơi gặp gỡ ban đầu, anh quanh quẩn ở gần làng, anh hỏi dò Minh là em Thơ học ở lớp anh một cách kín đáo. Nhưng đều vô ích. Thơ không đến nữa, không để gặp anh nữa, và hình như không còn tưởng gì đến anh.

Tâm bây giờ mới nhận thấy cái mệnh mông của sự buồn thương, thấy nỗi đau đớn nhớ tiếc của lòng yêu đương, và thấy lời nói anh dùng để an ủi Thơ hôm nào chính là lời rất thành thực.

Anh nhắc đi nhắc lại:

“Ô hay! Thế ra mình đi mê một người con gái Thổ ư? Một người Thổ mà cũng làm cho mình buồn tủi đến thế được ư? Vô lý thực!”

Mùa đông tới vội vàng, đem lại tất cả cái lạnh lẽo, buồn tẻ ở nơi chỉ có những rừng núi này.

Mưa phùn bay mù mịt dai dẳng, phủ kín cả cảnh vật, những ngày u ám phóng lên nhau, ngày nọ nhắc lại màu thảm đạm của ngày kia. Trên mấy quãng đồng nước rải trắng xóa giữa những vùng cây âm tối nặng nề. Những nhà trong các thôn xóm đều im lặng trong mưa và như so ro lại vì rét.

Được một ngày chủ nhật tạnh ráo, Tâm mặc ấm áo mở cửa ra đi. Hôm ấy Tâm mới thấy trong người hơi nhẹ nhàng và mừng rằng anh đã có cách ruồng đuổi hình ảnh Thơ vẫn vấn vương trong tâm tưởng.

Bầu trời không có một tí mây nào, không khí trong sạch khiến những cây cỏ không sai lạc màu đi như mấy ngày mưa. Nhưng gió âm âm thổi mạnh trong các rừng cây, siết qua mặt người, và khí lạnh thấm vào tận da thịt. Tâm đi bít tất dày và kéo cổ áo lên bước nhanh trên mặt đường bắt đầu khô ráo, rồi mạnh bạo bước theo phía Đàng Lang. Đến một cái cầu con hai bên đóng gỗ đóng thành lan can, anh đứng lại tựa vào một bên và lấy thuốc lá ra hút.

Trong khu rừng gần đấy có tiếng chặt cây đưa ra. Tâm liền tìm lối đi vào chỗ đó. Giọng nói chuyện vui vẻ của hai người thiếu nữ khuất sau một bụi cây lớn khiến anh vừa lạ vừa mừng.

“Tiếng ai như tiếng của em Thơ”.

Anh nghĩ bụng thế rồi lại dẫn bước lên.

Thì quả thấy Thơ đang ngồi trên một cái cây lớn mới bị chặt đổ, bên một đống lửa bốc cao. Thơ đang vừa khêu lửa cho cháy to thêm vừa nói chuyện với người bạn gái đang chặt một cành củi.

Mặt Thơ bên ánh lửa trông hồng hào, đẹp tươi tắn. Tâm đứng lặng, mắt bao bọc lấy tấm thân yêu quý ấy, lòng hồi hộp như trước một nhan sắc mới gặp gỡ lần đầu.

Anh đứng ở một chỗ khuất đến hơn năm phút, không dám cử động mạnh, hình như sợ rằng Thơ sẽ biến đi. Rồi anh rón rén bước lại gần nhằm tìm một câu gì để nói cho khỏi đột ngột.

Bỗng một tiếng cành cây gãy rắc dưới chân anh.

Thơ quay lại, nhận ra anh, kêu lên một tiếng rồi vùng chạy.

Cô lách qua những vùng cây dây leo chằng chịt, nhẹ nhàng như một cái bóng, và bỏ anh một quãng xa. Tâm cố hết sức đuổi theo. Ra khỏi khu rừng, đến nơi thung lũng thẳng và rộng thì anh thấy người con gái chạy về một lối tắt rồi sau cùng, nhọc quá lăn mình lên một đống rơm phơi khô. Tâm chạy ngay lại đó, thì người con gái ngồi dậy, buộc lại cái khăn xô, nhìn anh bằng đôi mắt van lơn.

- Sao ông cứ theo đuổi em mãi thế? Ông tìm em làm gì nữa. Đôi ta còn có duyên gì nữa đâu!

- Trời ơi! Sao Thơ lại nói thế?

- Thực đấy, ông ạ. Ông quên em đi là hơn. Bởi vì số em chỉ biết được ông có thể thôi.

- Mà tại sao lại lạ lùng thế, Thơ?

Người con gái quay mặt đi không nói. Anh cầm chặt lấy hai tay cô, giọng tha thiết :

- Sao em nở tộ với anh thế? Em không biết rằng vắng em, anh khổ, anh buồn biết chừng nào ử?

“Em không biết bao lâu nay anh chỉ tìm em, anh chỉ mong gặp em, mà em thì...”

- Không, em biết lắm chứ. Em biết ông vẫn ra chỗ cối giã gạo là chỗ ta gặp nhau hồi nọ, vì lúc ông ra đấy, em cũng có ở đấy, nhưng em không muốn ông trông thấy em thôi.

- Mà tại sao thế, hử Thơ?

- Tại... ta không thể gặp nhau được nữa.

Đáp lại lời căn vặn của Tâm, cô Thơ chỉ rưng rưng nước mắt. Anh không hiểu và cũng không biết nên làm gì! Những câu nùng nàn của anh xem ra cũng không thể yên ủi được người thiếu nữ.

Sau cùng, gỡ tay anh ra, cô nói :

- Thôi, ông về đi. Rồi chiều nay em sẽ đến nhà ông... Vâng ông về đi, đừng đứng ở đây...

Tâm chực kéo cô vào lòng, nhưng cô lắc đầu :

- Không! Ông đừng hỏi em gì nữa.

Cả buổi chiều giá lạnh ấy, sự chờ đợi đã làm lòng Tâm ấm áp hẳn lên.

Anh thắp đèn trong nhà được ngót nửa giờ thì Thơ vui vẻ bước vào, ăn mặc gọn gàng và đóm dáng hơn mọi bận. Thơ ngoan ngoãn để cho anh vuốt ve, rồi nói :

- Anh ạ, tại sao anh yêu em quá thế? Anh coi em như một người bạn gái thường có được không? Chúng ta thân yêu nhau một ít lâu rồi ngày kia ta xa nhau, ta đừng yêu nhau nữa. Như thế có hơn không? Em thấy anh yêu em nhiều, em sợ lắm.

Tâm hỏi sao Thơ lại sợ kỳ quặc thế, thì cô ta chỉ lắc đầu mỉm cười. Nhưng ngoài sự lạ lùng ấy ra thì Thơ vẫn tỏ ra mình âu yếm dịu dàng, và đối với

người bạn trai, có một lòng chân thực trong sự ân ái. Sau cùng cô rí tai Tâm nói nhỏ :

- Anh yêu em thực lòng nhé. Vì em chỉ gặp anh được lần này nữa thôi. Không, anh đừng hỏi em, anh cứ yêu em thôi. Đêm hôm xưa, em thấy anh nói anh muốn lấy hẳn em làm vợ anh, em biết anh đối với em đã có tình nặng lắm... cho nên em khổ. Em chỉ muốn hễ lúc nào em không gần anh thì anh quên em ngay. Chúng ta đừng thề thốt gì với nhau, thỉnh thoảng em lại đến với anh để được nghe anh nói những câu em rất thích nghe... Duyên ta, em chỉ muốn có thể thôi... Nhưng anh lại muốn lấy em làm vợ! Anh yêu em quá, chỉ làm cho em thêm tủi, vì bây giờ... vì đã lâu... (Thơ ghen ngào nói càng nhỏ) vì đã lâu... em đã có chồng rồi.

Lúc ấy Tâm mới tỉnh ngộ ra. Anh cảm động vô cùng. Anh hiểu sự yêu đương trong lòng người con gái Thổ lắm. Đó là sự khao khát những lời ngọt ngào, đẹp đẽ, những cái vuốt ve êm dịu, những tình tứ yên lặng và những tiếng thở dài thấm thía nồng nàn... Bao nhiêu điều đó một người con gái Thổ không thấy trong đời sống mộc mạc với chồng, và phải đi tìm trong những lúc gặp gỡ tình cờ ở các chốn hội hè, hoặc ở những cuộc tình duyên thầm kín. Tính lãng mạn hồn nhiên là bản tính của người đàn bà Thổ khi còn xuân sắc. Tâm thấy nó thực thà, ngây thơ và có những thi vị man mác như cảnh đẹp của núi rừng.

Tâm mỉm cười theo đuổi ý nghĩa riêng và ôm người thiếu nữ trong cánh tay, lẩm bẩm nói bằng tiếng Pháp :

- Ô, con chim xanh bé nhỏ của lòng tôi... Tôi yêu cái tâm hồn rất chất phát, nhưng rất văn vẻ của em. Tôi yêu em hết sức...

Hai mắt của Thơ tròn xoe đen láy, nhìn Tâm ngạc nhiên ra ý hỏi :

- Anh nói cái gì thế, anh Tâm?

Rút trong tập “Gió trắng ngàn”

Thế Lữ

Tiếng Hú Ban Đêm



Trại Bồ Tùng Linh (I)

rại Bồ ngày... tháng 9 năm 1930

Anh Bình,

Chỗ tôi đến ở là Trại Bồ. Tôi gọi đùa là Trại Bồ Tùng Linh. Cái tên đặt trong lúc cợt tính đó không ngờ lại hợp với cái cảnh biệt tịch này đến thế (nhất là từ bữa xảy ra ở đây những việc có thể gọi là rất dị thường).

Anh thử tưởng tượng một cái trại rộng ngót hai mẫu và rậm như một khu rừng. Cây toàn là cây cối. Gần hết là nhãn, mười gốc mít và mấy thứ cây ăn quả mà người ta không nghĩ đến sự lấy hoa lợi; lại thêm hai gốc đa cổ kính, buông từng súc rễ chằng chịt xuống lối đi. Trên là bóng lá rườm rà. Dưới là cỏ và hoa. Những thứ cây bụi không biết tên là gì và thường thường chỉ mọc ở những cánh đồng hoang, cũng tìm đến sống ở đây, chen lẫn với những khóm hoa không được chăm bón. Một vài khoảng đất vuông vẫn trên đó cỏ lau đâm lên tự do, có lẽ đã là những thửa vườn cũ. Trên con đường rộng nhất trở vào từ cái cổng xây đã đổ nát và mất cánh cửa, một đoạn còn thấy dấu gạch lát, nhưng gạch chỗ thì lún, chỗ thì bị bầy chồi lên vì những rễ ngầm. Một cái ao lớn, bèo tấm xanh lè kín gần khắp mặt chắc là một chỗ trước kia rất đẹp: vì trên một phía bờ ao, một rặng liễu già rũ lá xuống tận nước xen lẫn với mây khóm trúc lá mập và mình vàng. Thêm vào đó một ít cây ngọc lan hoàng lan và từng vầng lớn mẫu đơn cao um tùm. Lốp nhà ngói tôi ở, ẩn khuất trong những cây đẹp và quý ấy.

Nhà kiểu cũ, tuy làm trên nền đá nhưng vẫn thấp; hiên trước rộng; bên trong, hai hàng cột lớn chia thành ba gian. Gian giữa cửa bức bàn. Gian hai bên tường bưng, có cửa sổ nhìn ra cảnh trước hiên; cửa sổ chấn song con tiện, nhưng long mất gần hết. Một nơi phảng phất mùi phong lưu và... chứa chất mùi ẩm mốc. Ngay từ sáng hôm đến, tôi để ra cả một nửa ngày bảo

quét tước sửa chữa, sắp đặt và làm cho bọn khách bình yên trong ấy - lũ dơi và lũ chuột - phải một bữa hoảng hồn.

Tôi phân ra từng căn riêng (nhưng là những căn tưởng tượng lấy cột làm địa giới). Một cái giường cầu mua lại, một cái va ly đứng và một cái treo áo: đó là phòng ngủ. Ở giữa, một cái án thư cũ và một cái bàn mây: đó là “phòng khách” có tên mà không có thực, vì nhất định sẽ không bao giờ có ai đến chơi. Một cái bàn kê áp cửa sổ căn thứ ba, một ngăn sách, một va ly đựng cũng toàn sách và một cái ghế mây dài dùng để nằm nghỉ: đó là “phòng” làm việc và thư viện, chỗ lịch sự và quan trọng nhất nhà. Cũng nên kể thêm một vài bức tranh mang theo, một bình hoa. Thế là chỗ ở của tôi thành một biệt thự cũng khá tươm tất.

Tôi muốn trốn Hà Nội với sự náo động và bao nhiêu cái bận rộn vội vã, tìm thuê một chỗ tĩnh mịch để làm việc thông thả trong yên lặng; gặp được cái trại bỏ không những tưởng không cần phải mong đâu hơn. Có thể nói cái ý muốn của mình được tô điểm thêm lên nữa. Cảnh tĩnh mịch của tôi lại là một cảnh kỳ thú, giữa một màu cổ kính, bí mật trong bóng những cây cối gần như hoang dại. Tôi đã nghĩ đến một vài chuyện và một vài cảnh tả trong truyện Liêu Trai. Thăng Dần thăng nhỏ tôi đem theo tuy rất ít mồm miệng mà ngay hôm đầu cũng nói lên một ý nghĩ tương tự như của tôi :

- Cậu ạ, trại này trông như một trại có ma ấy.

Nó ngạc nhiên và có vẻ lo sợ khi tôi bảo :

- Có ma thì càng hay chứ sao!

Tôi phải tìm lời an ủi nó ngay, vì xem ra anh chàng chỉ chực những xin trở về. Tuy vậy, nó không phải là một đứa yếu bóng vía.

Chắc anh muốn biết tôi lần mò thế nào tìm được chỗ này. Tôi không phải tìm lâu. Nói là gặp có lẽ đúng hơn. Và do một sự tình cờ kể cũng hơi lạ. Tôi đến thăm một người có họ xa ở Hà Nội, một tin trong báo nói về vụ kiện ở một đồn điền, câu chuyện dây dưa từ đó đến những ấp, những trại và đến một khu trại bỏ không ở Thái Bình. Tôi chú ý liền. Hỏi rõ thêm. Và tức khắc đi tìm chủ nhân trại Bồ hiện vẫn ở Hà Nội. Tôi hỏi thuê ngay từ trước khi đến thăm và người ta rất vui vẻ cho tôi thuê trước khi biết tôi là người thế nào và đến ở đó để làm gì. Giá trả hàng năm và rẻ một cách không thể

ngờ được. Hôm tôi tới xem trại, người gác ở đây cũng tỏ ra vẻ mừng rỡ như người chủ mấy hôm trước. Trong câu chuyện qua lại, tôi đoán thấy một vài điều hơi có vẻ bí mật khi người ta muốn tìm cách cắt nghĩa vẻ hoang phế của trại Bồ. “Trại Bồ bỏ không vì không hợp với cụ cố chúng tôi... vì mợ cả đau yếu luôn...” Tôi cũng không gặng hỏi kỹ càng hơn, vì điều quan trọng nhất đối với tôi là có một chỗ ở yên lặng và biệt tịch. Hôm “dọn nhà xuống” - tất cả đồ đạc là hai cái va ly lớn và những thứ ứng biến mới sắm thêm ngay ở đây - tôi cũng có nghe thấy mấy người tôi thuê đến quét dọn nói bóng nói gió đến sự “bỏ không” của trại này. Hình như trong gia đình “cụ lớn” có người chết oan, hoặc tự tử hoặc hóa điên, không rõ lắm; và hình như từ đấy, nhà “cụ lớn” không được phong túc như xưa. Tôi còn thoáng bắt chợt được những tiếng “oan hồn”, “con ma gốc đẽ” - (cây đẽ mọc lẻ loi ở cuối trại) - và những câu trả lời lúng túng của họ khi tôi hỏi rõ thêm. Tôi không muốn có một điều gì đến làm vướng bận cái vui của tôi nên không để tai đến chuyện của họ nữa. Tôi lại tự nhủ: cảnh như ở đây tất nhiên gây nên những ý huyền hoặc trong óc người quê mùa... Còn mình chỉ nên để tâm đến vẻ đẹp của cảnh với sự tiện lợi của nơi ở. Và lại, dù cho có ma nữa, thì đã sao chưa?

Trước sự lo ngại của thằng Dần, tôi cũng vẫn giữ vững cái ý nghĩ vừa rồi: Tôi thành thực tin rằng dù có những việc hiển hiện lên trước mắt, tôi cũng không khiếp sợ - có lẽ lại coi là một dịp tốt cho cái tính tò mò của mình.

Ngày thứ hai ở trại Bồ tôi đã bắt đầu nghĩ đến cái công việc sung sướng tôi định làm ở đây: là khoan thai viết tập tiểu thuyết tôi nghĩ đã lâu, một tác phẩm thân yêu mà tôi vượt ve từ trước cái hình ảnh mang trong trí. Thực ra không phải là “làm việc” nữa, tôi thấy tôi say mê khoái trá khi nghĩ đến, khi dàn xếp những ý tưởng, khi cầm bút sắp viết, và khi những hàng chữ hiện lần lần trên giấy với tất cả sự rung động của tâm hồn mình

Lúc nghĩ viết lại là những lúc vui thú khác: hoặc đọc sách hoặc thức dậy giữa cái thế giới nhỏ của khu cảnh trong trại Bồ. Những cây cỏ rất nhiều hình sắc ở đây hiện trong vẻ đẹp riêng của sự kích thích tinh thần. Phạm vi của một vùng xanh tươi như rộng rãi thêm; có những trường hợp trùng

nhau của cảnh tưởng tượng với cảnh bên ngoài, khi đó thì nhân vật tạo tác thường như hoạt động trong lúc thực hiện.

Cái thói quen làm việc ban đêm để tránh sự náo động ban ngày khi còn ở thành phố khiến cho những lúc viết của tôi thường lẫn xa vào những giờ khuya. Và ban đêm ở đây có một sự yên lặng lạ thường, đầy những tiếng rộ lớn của gió cây rì rào và tiếng giun dế dưới chân hoa cỏ.

Một tối về thượng tuần trăng, tôi mãi ngồi ngắm cảnh ở ngoài hiên cho đến lúc trăng lặn đã lâu và trời đã trở lại tối đặc. Hàng liễu trước nhà là hình ảnh đẹp mắt và đáng yêu nhất trong cả buổi. Đến lúc trăng khuất hẳn, những nét mảnh dẻ, mềm mại vẫn như còn in trên những vầng đen nặng, vẫn như còn nhuộm rất huyền ảo một ánh sáng mà trí tưởng vẫn thấy còn sót lại riêng trên những mình óng mượt của lá tơ... Những hình ảnh tưởng tượng nhẹ nhàng cử động theo hơi gió đùa qua, phơ phất, lả lướt, chập chờn... Những cảm giác rất mong manh cũng phảng phất qua, gợn trong tâm hồn, gợn trên da thịt... Tôi được hưởng một thú say sưa hiếm có và chóng biến nhưng vẫn để cho tình cảm còn rung mãi một điệu rất êm nhẹ và ngọt ngào. Khi tôi chợt nhớ đến đoạn văn sẽ viết tiếp trên bàn, tôi trở vào, ngồi ở cái bàn áp cửa sổ rồi cầm bút lên, nhưng trong trí vẫn còn những nét liễu se se động, xiêu xiêu như theo một chiều nghĩ ngợi. Hình ảnh ấy gợi ra những tà áo mỏng manh và những dáng điệu biến hiện trong mờ ảo... Tâm hồn có một ý băng khuâng, lưỡng lự, hình như sắp định một điều chưa rõ rệt, chơi vơi một chút rồi lại buông xuôi vào một cõi bất định, không biết đâu là bến bờ. Cứ thế, tôi ngồi trên bàn viết, đầu ngả dựa trên một tay chống đỡ, chiếc đèn cây chụp hắt ánh sáng xuống vòng quanh. Tiếng giun dế dỏng dả run lên khi tai lắng nghe và dần dần chìm đi, lùi xa vào trong lãng quên để rồi lại giục giã thêm và nài gọi sự chú ý. Tiếng gió hình như vẫn reo hoài và vừa mới ngừng lại. Một luồng nhẹ mát thoáng ùa qua cửa sổ như đem gửi vào một phần đêm bên ngoài.

Tại sao tôi lại rờn rợn người lên? Tôi biết tâm trí vẫn nghĩ bình thường - đang cố nhận lấy từng chút chi ly đổi thay của cảm xúc. Mắt tôi lúc đó đang nhìn hàng chữ cuối cùng trên tờ giấy viết dở chừng.

Không, không có gì khác thường.

Nhưng tôi vẫn thấy một cảm giác lạ. Một cảm giác đột ngột, không liên lạc, hình như vừa chợt đến: gờn gợn, lạnh lẽo, rõ rệt và mạnh mẽ. Tôi nghĩ bụng: “Hừ! Vô lý thực?” Nhưng vẫn cảm thấy như một sức gì, một sự gì... một vật gì đang chú ý đến tôi. Ở đâu? Ở rất gần mình, ở trước mặt mình - từ cái khung đêm tối đen ngòm kia - ở cái chỗ tôi không trông thấy gì, nhưng đối với “nó” tôi hiện ra rành mạch trước ánh đèn sáng.

Chỉ ngẩng lên là tôi sẽ trông thấy - sẽ biết, hoặc sẽ yên lòng là đã nghĩ lầm. Nhưng không, tôi không lầm. Sự ấy tôi có nghĩ ra đâu. Nó đến và bắt tôi nghĩ, và tôi vẫn không nhúc nhích, mắt vẫn đọc hàng chữ viết, cố tình chậm cái lúc nhìn ra, tuy đó là sự rất vô lý... Sau cùng, lấy hết can đảm, tôi ngẩng mặt lên.

Cửa sổ - cái huyết đen, sâu thẳm và vô cùng - cửa sổ vẫn không có gì khác. Nhưng ngay lúc ấy, tôi tái hãn người đi một lượt. Một tiếng động nhẹ - nhưng rành rẽ - một tiếng nhẹ và nhanh do một cử chỉ nào của cái vật đứng bên ngoài. Đứng bên ngoài tường. Và cũng nghe ngóng. Tôi “cảm thấy” - không thể mơ hồ được - rõ ràng nó có ở đây, nó đứng đây...

Tôi tính nhẩm: sẽ gọi thằng Dần dậy - nó vẫn nằm ở cái ghế dài cạnh ngăn sách, và rất tỉnh ngủ - cùng chạy ra cửa, rồi chia hai ngả đuổi (nếu nó chạy): Dù là vật gì cũng không để thế được. Tôi nhẹ nhàng với lấy cái đèn bấm trong ngăn kéo rồi ngẩng lên, và kinh ngạc dị thường.

Giữa khung cửa sổ, một khuôn mặt lạng lẽ, trắng một cách lạ, một khuôn mặt đàn bà rất trẻ, đẹp, một vẻ đẹp tuyệt mỹ, đẹp đến lạnh mình...

Hiện lên như ở đó đã từ bao giờ và thoáng biến ngay, như không bao giờ có...

Thế Lữ

Tiếng Hú Ban Đêm



Trại Bò Tùng Linh (II)

iết tới đó, Tuấn ngừng lại, ngón tay cầm bút cứng ra vì mỏi: anh đã viết thẳng một mạch cả câu chuyện lạ lùng lên hơn tám trang lớn lúc đó dùng thay cho giấy viết thư.

Việc xảy ra ở Trại Bò này cùng với bao nhiêu cảm tưởng chi ly mà thói quen phân tích của nhà văn khiến anh ghi nhớ được, Tuấn đem thuật lại tường tận với một người bạn ở xa. Anh muốn cho bạn biết chuyện để hỏi ý kiến, để xem một người khác sẽ nghĩ và sẽ đoán về việc ấy ra thế nào, và cũng để qua thì giờ. Đêm nay, anh cũng lại thức. Anh không đọc sách hay viết tiểu thuyết như mọi tối, vì anh có ý đợi. Anh chắc hẳn sự kỳ dị sẽ “nhắc lại”, cũng như đã nhắc lại ngay đêm sau.

Cái bóng đàn bà thoáng hiện ra lần đầu, lại hiện ra lần thứ hai, trong đêm vừa qua, cùng một trường hợp giống nhau nghĩa là lúc anh đang làm việc mãi miết. Thốt nhiên một cảm tưởng là lạ ám đến, anh trợn trợn như mình có người chú ý ngẩng đầu lên: trong khung cửa sổ, một người rất đẹp đang nhìn anh, lảng lảng, và miệng như mỉm cười. Tuấn chưa hết kinh ngạc thì người ấy đã lui ngay, nhẹ nhàng như lẩn biển vào bóng tối. Tuấn cầm đèn ra soi khắp hiên, tìm quanh nhà sục sạo khắp trại, nhưng đều vô ích: không có một dấu vết nào khác lạ. Người đàn bà đẹp như đã tan vào trong đêm.

Nhưng Tuấn không thể tin đó là một hình ảnh hư ảo được. Tuy hình ảnh chỉ hiện ra trong thoáng mắt, Tuấn cũng còn nhớ rất rõ khuôn mặt tuyệt mỹ với nước da rất trắng và từng nét môi, từng vòng mi, từng vành tai nhỏ và nhất là cặp mắt nhìn đen láy, long lanh sáng và yên lặng một vẻ dị thường.

Không! Không thể là một ảo tưởng được. Một hình ảnh thấy trong lúc kích thích của trí não, hoặc lúc hốt hoảng của tâm thần, tất không có những nét hiện thực và nổi rõ đến thế. Cái ý tưởng rằng đó là một người sống sẽ chiều

được trí thiết thực của Tuấn nhưng sẽ đem lại biết bao nhiêu câu hỏi lạ lùng: Một người đàn bà - một người có nhan sắc và yêu kiều như thế, đến nơi hoang dại vắng vẻ này làm gì, và sao lại đến giữa những lúc đêm tối ghê rợn nhất? Cái dáng lạng lẽ, cái lối hiện biến nhanh chóng, những lúc tìm tòi vô hiệu của Tuấn và sự quái lạ của hành vi người đàn bà khiến cho Tuấn như không biết đường nào mà suy nghĩ.

* * * * *

Ban ngày anh đã hỏi chuyện mấy người cày cấy quanh trại, cho tìm cả người coi trại đến, nhưng không ai biết người đàn bà nào giống như lời anh mô tả. Họ không giúp anh gỡ được bối rối hoặc chỉ bàn thêm những câu chuyện huyền hồ. Người coi trại còn nhắc đến một vài chuyện ma quái mà hẳn đã có lần trông thấy hồi hẳn còn ở trại, trước ngày Tuấn đến ở. Anh hết lòng không để ý tới, nhưng sự mê tín của hẳn cũng làm anh băn khoăn. Tuấn không muốn nài thêm, gạt ra ngoài tai những ý kiến của mấy người nhà quê và cấm thẳng Dần không được nói là cậu nó thấy ma nữa.

Anh nhất định chỉ cho việc xảy ra hai đêm vừa rồi là một sự bí mật chưa khám phá được. Anh tạm cho là mình bất giác chịu ảnh hưởng của cái vẻ um tùm cổ kính trong trại. Cái tên “Trại Bồ Tùng Linh” biết đâu chẳng đã gợi ra đôi chứng dị đoan còn cổ hủu trong huyết mạch? Hay biết đâu óc tưởng tượng đã chẳng tạo ra cái hình ảnh mà anh trông thấy trong lúc kích thích mà không ngờ?

Nhưng mà...

Tuấn không muốn suy nghĩ kỹ càng hơn. Anh vội giữ lấy những lý luận sơ sài để yên lòng.

Buổi trưa, anh ngủ một giấc dài hơn mọi ngày để khỏi mệt tinh thần và đến chiều, sau bữa cơm, anh để tâm chỉ hát những bài vui trong khi đi bách bộ quanh trại.

Bóng chiều đổ mau dưới những vành lá nặng um tùm. Tuấn cắt nghĩa mỗi tiếng reo động gần quanh và luôn luôn tự bảo những lúc hồi hộp của mình là vô cớ, là vô lý. Anh đi thăm những cây đa cổ kính, nắm lấy những thân rễ lớn một cách bạo dạn và ngạo nghễ với những vừng bóng xanh tối mỗi lúc một thâm già. Gió rì rào trên đầu cây, trong cành lá, có một âm vang

như tự xa về, và hơi lạnh bao vây khiến Tuấn se sẽ rùng mình. Anh tự nhủ đó là do tiết trời về thu. Nhưng Tuấn thấy mình bỗng đi gập bước. Bóng âm u thay đổi cảnh hoa cỏ ở đây nhanh chóng quá. Tuấn nhìn lại và thấy lạ hẳn những chỗ lúc trước vừa đi qua. Anh bực mình vì không thể cưỡng nổi một ý lo ngại cứ dần dần tăng. Một đôi lần, lúc đang bước, anh quay cổ nhìn trở lại. Không ngờ Trại Bồ về tối lại có vẻ hoang tịch đến thế.

Tuấn bước lên tới thềm nhà mà vẫn còn thấy khó chịu. Anh vội nhảy qua bực cửa: ánh sáng đèn làm anh được tạm yên lòng.

* * * * *

Tuấn không thấy muốn làm việc như mọi lần.

Anh cầm bút rất lâu và sau cùng xếp giấy lại, trí nghĩ đi vào những hõm cây, hốc bụi và tưởng sự huyền bí ẩn nấp dưới các hình bóng dị kỳ: Trại Bồ lúc này là một nơi cũ kỹ trong một bầu không khí cổ sơ. Anh nhớ lại những chuyện truyền thuyết, những nhân vật hoang đường. Anh thấy mình có vẻ một chàng thư sinh ngồi dùi mài trong một ngôi chùa và có những sự gặp gỡ quái hoạc.

Sự hiển hiện hai đêm trước không giữ được cái tính cách bí mật “trần gian” mà anh muốn thấy. Tuấn cố xua đuổi những ý tưởng huyền hồ đến dui dặt tâm trí anh. Sự kỳ dị không để một lối nào để dò theo, không có một đầu mối nào có thể lần gỡ được. Tuấn không biết nên để sự suy xét theo một chiều nào. Anh chỉ biết - mỗi lúc một rõ, một chắc chắn thêm - rằng hẳn sẽ hiện về, thế nào rồi cũng lại hiện về. Điều đó thành một sự cố nhiên mà anh cứ yên lặng nhận lấy - và chịu lấy.

Tuấn thấy suy tính cũng vô ích. Anh đành lòng đợi vậy.

“Để xem đêm nay nữa, xem nào!”

Anh muốn đánh thức thằng Dần dậy để cùng đi rình bên ngoài - anh vẫn còn giữ một chút nghi hoặc mơ hồ - nhưng anh trông thấy trước sự khiếp sợ của nó. Tuấn đi dạo ngoài hiên hai, ba lượt. Ánh sáng từ cửa sổ chạy đến một khóm mẫu đơn gần nhất. Đêm tối sấn đến quanh đây cùng với cả một thế giới bí hiểm và vô hình. Tuấn bắt đầu cân nhắc thử can đảm mình và không thấy vững lòng lắm. Anh gắng đi quanh lớp nhà một vòng nữa, bước

chân ghê rợn: lúc trở vào, anh ngồi trước bàn viết và không còn tâm nào để lại bước ra ngoài đêm. Anh nói nhỏ bằng tiếng Pháp :

- Thế mà một người con gái dám ở đâu đến đây!

Tuấn toan nghĩ thêm :

- ... Nếu thực là người.

Nhưng anh vội bật cười thành tiếng và nghĩ chuyện khác.

Anh giở sách ra đọc, ngắt quãng từng đoạn để nghe gió chạy ò ạt từng trận, và chú ý luôn đến các tiếng giun dế ở xa và ở quanh thềm.

Lúc Tuấn nghĩ đến sự viết thư cho Bình, thì anh mừng rỡ như tìm thấy một việc rất ích lợi. Anh tự nhủ: “Không thể quên được thì gì bằng nói ngay đến. Xem Bình hẳn đoán việc này thế nào nào?”. Tuấn không nghĩ sắp câu, cầm bút lên là những chữ tiếp theo nhau hiện lên mặt giấy.

Tuấn thấy ham viết cũng như lúc khác viết văn.

Việc mới xảy ra còn rõ từng nét trong trí nhớ, thêm linh hoạt vì sức chiêu gợi: Tuấn thấy sống lại từng phút, từng đoạn cảm xúc trong những hồi đã qua. Sự “có mặt” của người giai nhân bí mật bớt vẻ tỵ hiềm vì sự tô điểm của văn chương. Anh nghĩ thầm: “Giá lúc này ta nhắc đến là nàng hiện ra nhỉ!”. Và mấy lần toan nói to ý nghĩ ấy lên.

Tuấn đọc lại những hàng cuối cùng. Tay đã hết mỏi, anh cầm bút để viết tiếp bức thư.

Anh đoán lúc đó đã khuya lắm và nghĩ thầm: “Hôm qua với hôm kia mười hai rưỡi thì mình thấy...”

Rồi lại đặt bút xuống.

Mười hai rưỡi là khoảng thời gian người đẹp vẫn hiện đến. Anh chắc lúc ấy sớm ra cũng đã hơn một giờ. Nhìn lên, cửa sổ là cái khuôn đen ngòm dẫn vào một chút gió rất chậm và rất yếu. Tiếng đêm ran trong vừng tối vẫn giống như bao nhiêu đêm... Trước khi lại viết tiếp, Tuấn lấy đồng hồ coi và biết mình đoán lầm: mới mười hai giờ hai mươi.

- Quái, thế mà mình tưởng khuya lắm rồi!

Và tự dừng Tuấn như thấy hồi hộp.

Anh cầm bút chấm mực, cho là do thói quen bắt ở hai lần kinh ngạc trước và tự an ủi bằng một câu cứng cõi vẫn quen nghĩ :

- Ủ! Thì là người, là ma, là tinh nữa, thế đã sao chưa?

Nhưng sự hồi hộp lẫn đến rất mau chiếm lấy cả tâm trí anh. Tuần lại có thứ cảm tưởng lạnh lùng nặng nề, và ghê rợn y như mấy lần trước...

- Chắc lần này lại...

Cả câu nghĩ thầm như cũng nghẹn ngào trong cổ.

Tuần chợt sinh bực tức, thấy rõ mình bị giễu cợt, trêu ghẹo, dù bởi ma hay người... Sự căm giận nổi lên vì hổ thẹn và phản kháng, như thêm một sức mạnh lạ lùng. Tuần nắm tay lại, nhìn phắt lên: ngoài cửa sổ vẫn không thấy gì khác.

Hơi Tuần thở vội, hỗn loạn với nhịp trống ngực. Tuần sững sờ và thấy mình ngộ nghĩnh đáng nực cười. Anh lại toan cất tiếng cười lên: Muốn tự cho mình là người lo sợ không đâu, và chỉ tưởng tượng ra những điều kỳ dị để tự nát. Nụ cười đã sẵn phác ở miệng Tuần, nhưng cứ giữ nguyên thế. Tuần vừa lại “cảm thấy” một sự gì khác thường. Phải, một sự gì vừa xảy ra.

Hình như có tiếng gì vừa động. Nhưng ở đâu?

Tuần toan nghe ngóng, bỗng quay lại đằng sau: Chưa bao giờ - thực vậy, chưa bao giờ - Tuần kinh ngạc đến thế.

Một người thiếu phụ - người hai đêm trước - vấn tóc trần, mặc hàng lụa xanh phơn phớt, ngồi bắt chéo chân trong chiếc ghế bành gian giữa, bình yên, lặng lẽ, và tự nhiên như người trong nhà. Tuần lần này mới nhìn rõ nhan sắc của nàng ta, và nhìn lâu. Và lần đầu tiên anh biết thế nào là sự rùng rợn.

Thế Lữ

Tiếng Hú Ban Đêm



Trại Bò Tùng Linh (III)

ao ý nghĩ vừa rồi về những việc đã qua, vẫn còn xao xuyến sôi nổi trong trí Tuấn. Tinh thần kích thích như dây đàn căng vừa ngắt tiếng sau một khúc, vang âm còn rung động giữa lúc yên lặng đêm khuya. Trên mặt bàn, ngay dưới tay Tuấn, tập thư vừa viết còn ghi nguyên tang chứng của “sự thực”. Cái bút đặt bên lọ mực, mấy quyển sách gáy in chữ vàng lấp lánh bên chân đèn. Tuấn nhớ rõ những hình ảnh hiện thực đó. Ánh đèn chiếu xuống không đổi sắc. Tuấn nghe thấy tiếng bắc cháy. Đồng hồ nhỏ lách tách những nhịp vội vã và đều đặn. Giun dế quanh nhà vẫn lách chích kêu như cũ và từ xa lắm, tiếng chó sủa đáp lại nhau qua mấy cánh đồng...

Tuấn để tai nghe tất cả một lượt rất nhanh. Anh kiểm điểm lại động tĩnh bấy giờ trong lúc nhìn cái bóng đàn bà ngồi kia, trong nhà anh, và ở đó như đã từ lúc nào rồi.

Sự kỳ quái của giấc mơ ấy lại là sự thực nhỡn tiền.

Mắt Tuấn nhìn người đàn bà đẹp từ đầu đến chân, nhận thấy từng dáng ngồi, đường thân, màu tóc, nếp áo. Bàn tay “nàng ta” trắng nuột, nhỏ và dẻo một cách lạ, đang nhẹ nhàng cầm giữ ở đầu ngón một lá cỏ dài và mập như một chiếc lá lan. Nước da trên mặt, cũng trắng nuột - một màu trắng đẹp tưởng chưa từng thấy bao giờ. Khuôn mặt thanh tú giữ những đường cong nét uốn hòa đối và mỹ lệ lạ thường. Tất cả người “nàng ta” đều có một vẻ đẹp khác thường, một vẻ đẹp quá chừng như *không thể nào có được*. Tuấn thấy rợn khắp mình. Một cảm tưởng lạnh mát lại gờn gợn chạy lan cả tâm hồn một cách rất nhẹ, rất chậm. Chưa bao giờ Tuấn nhìn một người đàn bà rõ ràng như thế và lâu đến thế. Mắt anh không thể nào rời khỏi được. Anh gần như không có quan niệm về thì giờ nữa. Sự kinh ngạc

giữ anh mãi trong cái phút vô cùng đó và anh tưởng chừng sẽ đứng như thế mãi, nhìn như thế mãi, và người đàn bà đẹp cũng sẽ ngồi đó mãi, cũng như vẫn ở đó đã từ bao giờ.

Nàng ta không hề ngượng, rất tự nhiên - có lẽ rất thản nhiên trước vẻ sững sờ của Tuấn. Điều ngồi lặng lẽ như người đang suy nghĩ. Tuấn như ở đâu chợt tới, và thấy người ta không để ý đến hay không biết đến mình.

Người bối rối nhất không phải là người khách dị thường kia. Tuấn lại thấy ở mình có một vẻ bối ngỡ như chính mình không phải là chủ nhân. Sự yên lặng vẫn ở nguyên, dai dẳng, bướng bỉnh và hết sức khó chịu.

Tuấn không thể tìm được cách nào để xử trí. Anh nhìn người ra và như có một sức ám ảnh gì giữ lấy sự lạnh lẽo. Tuấn muốn dăng hăng lên. Anh kéo chân về định cho tiếng dép xiết trên nền gạch. Hay vò một tờ giấy? Hay đánh rơi một vật gì rồi cúi xuống nhặt? Tuấn nghĩ đến các việc đó, nhưng anh vẫn đứng im.

Tuấn thầm bực tức cho cái vô lý của mình. Sao mình lại rụt rè thế? Sao lại có cái ý tưởng kỳ dị là cứ phải đứng lặng đó? Sao lại có sự ước mong hồ đồ rằng cái người kia sẽ thôi ở đây, sẽ biến đi?

Dù sao (Tuấn nghĩ thầm) ta cũng cứ nói lên một câu xem nào?

* * * * *

Sự kinh dị đầu tiên đã lui dần. Tuấn bắt đầu tìm một lời nào, một cử chỉ nào, để đối phó. Tuấn sửa soạn như sắp làm một việc quan trọng và khó nhọc. Anh lựa đường lối để tiến một bước hành động. Câu hỏi đã thầm quát lên trong trí, thầm nhắc lại vài ba lần và chỉ chực lên tiếng. Tuấn nuốt nước bọt mới nhận thấy cổ họng mình khô.

- Tôi muốn hỏi... cô...

Lời nói vang âm lên trong sự im lìm bị hoảng loạn.

Tuấn ngừng lại thấy trơ trên quá, sượng sùng quá. “Trời ơi! Sao lại thế! Sao lại thế mới được chứ!” Tuấn nhất định hỏi nữa, rồi muốn ra sao thì ra.

Nhưng rất dịu dàng, người đàn bà đẹp ngẩng nhìn, miệng ngậm một nụ cười kín đáo, nhã nhặn. Tuấn nhìn thấy một cảm giác rất dị thường cùng một lúc đôi mắt kia soi vào mắt mình - đôi mắt đen, sáng và lóng lánh những tia lửa lạnh.

Anh nghe thấy một câu nói nhẹ, giọng thanh và như đưa lại từ đâu xa :

- Thưa anh, anh hỏi gì em? Mà anh hỏi em để làm gì?

Câu đáp bất ngờ giọng thân mật càng làm cho Tuấn ngạc nhiên.

Nhưng anh đã thấy nhẹ mình.

Một chút rùng rợn êm ái dội qua tâm hồn một luồng khác lạ. Tuấn đáp lại và nghe lời nói của mình như trong mơ hồ.

- Tôi muốn... tôi... tôi chưa được cái hân hạnh gặp cô... quen biết cô...

Người ngồi đó đưa mắt nhìn vu vơ, miệng cười hé mở; đôi mày nhẹ nâng cao trên vầng trán xinh nhỏ và cả người đứng đĩnh một vẻ đom dáng lững lờ. Câu trả lời cũng giấu giọng là lời đùa cợt :

- Anh không quen biết em, nhưng em quen biết anh, thế là cũng đủ.

Nàng tiếp luôn :

- Và lại sự quen biết không cần cho sự yêu mến lắm. Anh trông thấy em, em trông thấy anh lần đầu tiên, thế là ta có thể thành đôi bạn thân yêu được rồi.

Tuấn không nhận thấy điều gì quá dị thường trong câu nói tuy có hơi kiểu cách. Anh đã tìm lại được can đảm. Anh lại thấy câu chuyện tuy vẫn lạ lùng nhưng không thiếu phần ngộ nghĩnh, dễ ưa. Những tiếng “anh” đột nhiên gửi cho mình và những tiếng “em” ngọt ngào người ta nhận lấy, nói lên tự cái miệng tuyệt mỹ kia, hứa một sự giao thiệp có thể trở nên rất êm đềm. Tuấn gần như được hưởng cái thú ghê rợn rất phức tạp. Anh sẵn sàng để cho tâm trí chiều theo những đường lối một câu chuyện anh chưa biết rồi sẽ dẫn tới đâu. Từ trước đến bây giờ anh chỉ toàn thấy hết cái ngạc nhiên này đến cái ngạc nhiên khác.

- Ta cứ nhắm mắt lại để cho “nàng ta” dẫn đi cũng được.

Ý nghĩ ấy khiến anh chợt tưởng tượng đến một sự không thể nào làm ngờ được. Tuấn nhìn soi mói người khách lạ của mình.

Anh nhận thấy vẻ kiêu lệ rõ ràng hơn: bực nhan sắc anh đang tiếp trong một trường hợp khác thường kia có một giá cao quý tuyệt phẩm. Tuấn băng khuâng như trong một xứ kỳ ảo, lòng mênh mang thắm nhuần hạnh phúc và lo ngại như chiếm giữ châu ngọc...

* * * * *

Người đẹp đang nhìn anh, miệng tươi, vẻ ân ái và mắt đắm đuối.

Nàng ta thong thả đứng lên, thong thả đến gần Tuấn, bước nhẹ và nhịp nhàng, người uyển chuyển trong màu áo dịu mềm và tỏa ra một làn hương mong manh của phấn son hay của da thịt.

Nàng đặt một tay lên vai Tuấn, cười một tiếng khẽ và ấm như hơi thở. Lần thứ nhất - Tuấn gợn người từ gót chân tới chân tóc - Tuấn chạm tới bàn tay mỹ nhân. Tuấn thấy tay mình đã nắm những ngón tay nhỏ, mát trong làn da nhung dịu như cánh hồng non. Một cánh tay anh đã quàng ở ngang tấm lưng thon và gọn. Anh được thấy bên người anh cả một sự xúc động âu yếm của tấm thân giai nhân hiện thực: một giai nhân “đúc bằng xương bằng thịt” có quả tim hồi hộp và có những huyết mạch nồng nàn.

Tuấn không cần biết tại sao người ấy lại ở trong tay anh, anh sẵn lòng quên hết các trường hợp ly kỳ. Quả vườn cấm đưa đến tận mình - cần gì biết do đường lối nào? - Anh cứ vui lòng hưởng.

Tuấn dìu nàng đến ngồi chung một ghế. Nàng ngoan ngoãn, và sung sướng vâng theo, dáng điệu thân mật như đã quen biết nhau lâu ngày.

Tuấn đã “cảm thấy” sự rạo rức rung động trong thân thể người thiếu nữ truyền đến cánh tay mình. Phảng phất một áng hương nhẹ lại thoáng qua, anh nhú mắt lại nghĩ đến một ý nhỏ nhắn. Anh chợt hỏi, giọng vô tình hoa mỹ và lời như đã chọn sẵn - và cả tâm hồn lúc đó như ngan ngát trong một khí vị văn chương :

- Em là ai, em ở đâu đến đây mà lạ lùng, mà bí mật như một người trong giấc mơ thế?

Nàng ta đáp ngay :

- Có lẽ em là người trong mộng của anh đấy, người trong mộng biến thành người thực, thành sự thực đến với anh đấy.

Tuấn mỉm cười :

- Anh không ngờ lại gặp một sự thực huyền hồ, một sự thực... mơ mộng đến như thế này...

Rồi giọng chân thực hơn, Tuấn nói :

- Nhưng không thể... vì không nhẽ chúng ta cứ như thế này mãi. Gặp nhau, mến nhau, thân cận nhau ngay từ lúc đầu, được lắm; nhưng anh muốn

biết... anh muốn em nói cho anh biết rõ hơn kia.

- Biết rõ mà làm gì? Mà anh muốn biết rõ những gì? Anh biết là em yêu anh, em tìm đến với anh, thế không đủ sao?... Còn ngoài kia, có quan hệ gì? Câu chuyện theo giọng ấy kéo dài thêm, Tuấn gạn gùng thì người thiếu nữ chỉ cười, hoặc thoái thác khéo. Sự cố ý giấu diếm đó, càng kêu gọi thêm cho Tuấn muốn thấu hiểu tường tận hơn.

Anh tìm được một cách ví von khôn khéo để làm cớ cho câu hỏi :

- Nhan sắc như bông hoa quý, anh không thể đành lòng không biết tên thứ hoa mà anh khen ngợi được. Không, hình ảnh chỉ để cho trí nhớ thôi; anh muốn lòng anh được gọi đến tên em, nhắc đến tâm tình em... anh muốn được tưởng thấy cả cái vườn tiên mà em đã tạm bỏ để đến đây thăm anh...

Tuấn mỉm cười, nhưng nói bằng giọng hết sức chân thực. Những câu hoa mỹ viễn vông đó hình như cũng làm xiêu được lòng giai nhân. Nàng ta nhìn Tuấn rồi lại nhìn vãn vợ và đứng đĩnh nói :

- Em thì em nghĩ rằng anh không biết có lẽ hơn... Nhưng nếu anh nhất quyết thì vâng, em cũng xin thú thực, không dám giấu nữa...

Tuấn vui vẻ :

- Thế thì em ngoan quá... Em nói đi... Em nói cho anh biết tên em đã này...

Nàng ta thoáng có vẻ buồn rầu, nhưng miệng tươi cười ngay :

- Tên em ư? Anh thử đoán xem.

Tuấn nhú mày nghĩ, rồi lắc đầu. Nàng ta nhắc :

- Tên em là tên một thứ hoa!

- Lan? Cúc? Huệ? Liên?...

Nàng ta lắc đầu :

- Không...

Và lại nói :

- Không, Lan Hương, Hoàng Lan Hương.

Tuấn cười :

- Có lẽ chính em là hoa hoàng lan đấy.

Nàng ta khẽ thở dài :

- Có lẽ.

Tuấn hơi ngạc nhiên. Anh hỏi cho có chuyện :

- Hoa Hoàng Lan à? Hoàng Lan thì tất ở trại... Hẳn em cũng có cái trại hoa nào gần đây?

- Không, nhà em ở trên một hồ nước, bên một hàng liễu xanh tốt và một khóm trúc vàng. Anh không thể tìm được đâu, trừ khi nào em dẫn anh đến...

Nàng là một bên đầu xuống gần vai Tuấn, hai giọt lệ đọng nơi khóe mắt. Tuấn không đứng cũng cảm thấy lòng buồn buồn. Anh mơ hồ tưởng đến một điều vẫn từng động tới cảm tình văn chương của mình và thoáng thấy trong một giây rất chóng biến, hình như hiện đang nhắc lại một cảnh đã sống ở một cuộc đời tiền thân nào đã qua.

Tuấn vội xua đuổi ý nghĩ đó và ôm lấy Lan Hương :

- Hoàng Lan Hương, cái tên em mới thơm tho làm sao? Nhưng sao vừa rồi em nói là anh không thể tìm được nhà em?

- Vì anh không tài nào tìm được nếu không có em dẫn đường.

Tuấn hỏi một câu rất vô tâm :

- Thế liệu em có dẫn anh tới không?

- Điều đó có thể có, mà cũng có thể không được... Vì đó là còn nhờ ở tình anh, và cũng ở cả duyên em...

Nàng thở dài khi dứt câu nói.

Tuấn không hiểu tại sao Lan Hương lại buồn. Nhưng anh cũng lựa lời dễ dàng, và chăm chút vuốt ve nàng. Bỗng nhiên Lan Hương lắc đầu, thong thả đứng dậy, thong thả bước ra phía cửa.

Tuấn hoảng hốt :

- Em đi đâu bây giờ?

- Em xin phép anh em về.

- Kìa, Lan Hương, sao em lại về ngay không ở chơi nói chuyện với anh lát nữa?

Nàng ta ngoảnh lại :

- Có lẽ đêm mai... em sẽ lại. Từ nay trở đi em không phải ở ngoài nữa, có lẽ đêm đêm em sẽ lại thăm anh... Bây giờ thì xin tạm biệt anh... Nhưng xin anh đừng tìm em đấy.

Nàng đã mở cửa ra.

Tuấn sững sờ nhìn trân trân ra cánh cửa vừa khép, hối hận và thương tiếc...

Chợt anh lạnh hẳn người đi, vấp phải một ý quái gở :

- Có lẽ... Phải, có lẽ đây cũng là...

Tuấn lấy đèn bấm, chạy ra ngoài sục tìm, và biết trước là vô ích.

Anh trở vào ngồi thở dài một tiếng làm động mép tờ giấy trên bàn.

Thế Lữ

Tiếng Hú Ban Đêm



Trại Bò Tùng Linh (IV)

ức thư viết cho bạn, Tuấn định sẽ không gửi đi. Anh chỉ thuật lại vắn tắt trên một bức khác để Bình biết đại khái câu chuyện, còn nguyên bản anh giữ lại để lúc nào cũng có sẵn trước mặt những “dấu tích thực tại” của những việc có đủ các vẻ huyền hồ.

Tuấn ngồi lặng trước bàn giấy đến ngót nửa giờ sau khi nàng ta không còn ở đó. Anh kéo tập thư lại, lấy bút định ghi chép theo cuộc gặp gỡ sau cùng. Anh sẽ chép lại các cử chỉ, các lời nói và tất cả cảm giác, ý nghĩ của mình, thành thực và rõ ràng như viết những trang nhật ký. Công việc đó thực quan trọng đối với Tuấn. Sự tưởng nhớ của ký ức chưa đủ: anh phải có tang chứng của những nét chữ kia để có thể tin rằng những việc xảy ra, quả nhiên đã xảy ra thực. Tuấn vẫn chực cho rằng có lẽ mình mơ.

- Một giấc mơ?Ồ! Có lý nào!

Nhưng Tuấn phải thừa nhận là một “sự thực” kỳ quái hết sức.

Người giai nhân biến đi như một cái hình bóng; Tuấn lại đã chạy ra sục tìm và cũng lại mất công như những lần hiện ra trước.

Trong đêm, Trại Bò càng rộng um tùm, nhiều bụi cây lớn lạ lùng và nhiều lối khuất khúc hiện lên một phần trong ánh điện soi mói. Tuấn muốn nghĩ rằng nàng ta có thể lẫn trốn đâu đây, nhưng trong lòng anh vẫn không chịu tin.

“Lẩn trốn làm gì? Mà nếu biến đi được thì chẳng hóa ra...”

Cái nhân vật quái lạ ấy thực đã có lần Tuấn ôm giữ trong tay kia mà! Tuấn càng nghĩ càng bối rối trong lúc trí anh, lòng anh và các giác quan anh còn rung động một thứ tình cảm ly kỳ và thơ mị... Màu đen sáng của đôi mắt nhìn. Miệng cười son thắm. Cái thân hình óng muốt lả lướt, ân ái. Tất cả cử

chỉ tin cần, vâng chịu của người đàn bà trong cái khoảnh khắc gần gũi... Tuấn nhắm mắt lại và lần nào cũng như còn ngửi thấy mùi hương phảng phất ở cạnh mình. Bên vai anh còn thấy nặng êm đềm dưới một đầu tóc đã ngã lên. Trong cánh tay anh đã ấn náu hình vóc nòng nài của một tấm lưng thon. Bàn tay anh còn mát rượi cái kỷ niệm một bàn tay nhỏ muốt anh đã nắm giữ.

Tuấn vân vê quản bút trước khi viết những hàng tiếp theo.

* * * * *

Suốt ngày với ánh sáng mặt trời khiến cho tâm trí mình mẫn, song không làm bớt một chút nào cái vẻ nửa hư nửa thực của việc xảy ra trong đêm. Tuấn tha thần hàng giờ trên các đường lối trong Trại Bồ. Nhìn lại từng bụi cây, từng góc vườn và thuộc hết những chỗ có lẽ không bao giờ Tuấn để ý tới. Tuấn mong thấy một câu trả lời đột nhiên hoặc một ý nghĩ nào vụt hiện lên trong lúc đi nhận xét đó. Nhưng Tuấn chỉ thấy mất thì giờ không đâu.

Cuộc đi dò tìm các vùng quanh trại cũng thế. Những xóm nhà tranh thưa thớt ở đây chỉ là chỗ nghèo nàn của những người cày cấy quê mùa. Một con đường rộng dẫn đến hai đầu làng xa. Tuấn nhìn lên những đồng lúa xanh bằng phẳng và thật thà, không giữ một vẻ gì là bí mật. Vừa nghĩ tới anh đã vội bỏ ngay cái ý kiến đi tìm những người anh đã hỏi han mấy hôm trước. Người coi trại thì có vẻ dè dặt khi anh vào chơi nhắc đến những chuyện hoang đường hẩn thuật lại hôm xưa: Tuấn hiểu ngay là hẩn sợ anh tìm cơ để không thuê Trại Bồ nữa.

Tuấn đành phải theo cái phương giản tiện nhất: là lại đợi như hôm trước.

Lần này anh đợi với một lòng hồi hộp và một ý mong mỗi riêng.

Nhưng đêm ấy người đẹp không đến.

Trong khi ngạc nhiên, Tuấn lấy làm bất mãn và nghĩ đến những ý nghĩ mà anh cũng tự nhận là vu vơ. Tuấn ngờ có lẽ “nàng ta” biết. Việc dò hỏi của mình, những hành vi trong suốt một ngày, những bước chân anh trên các đường lối Trại Bồ và ở gần quanh, không chừng vẫn có con mắt vô hình chăm chú theo dõi. Tuấn bật cười, nhưng không tìm được nhẽ nào khác để cắt nghĩa sự “vắng mặt” của người thiếu nữ đêm qua.

* * * * *

Đêm hôm sau, Tuấn lại thức để chờ. Nhưng lại không thấy gì hết. Rồi cứ thế luôn ba đêm nữa. Tuấn càng ngày càng có ý mong đợi hơn lên.

Đêm nào Tuấn cũng tự nhủ: “Chắc đêm nay đây”. Anh thấy mình thất vọng sau những buổi chờ đợi vô ích và vẫn vững lòng tin chờ lần sau.

Cái khoảng cửa sổ đen tối mỗi đêm một bớt sâu thẳm vì trăng một thêm tròn, Tuấn nhìn quen đến nỗi nhận xét được những vẻ thay đổi rất nhỏ nhẹ.

Tuấn không muốn làm việc trong những lúc ngồi hàng giờ yên lặng trước bàn viết, đọc sách không cầm giữ được trí, giác quan chăm chú đến từng tiếng động rất khê trong đêm. Những hình ảnh tưởng tượng về dáng điệu giai nhân càng làm thêm lạnh lùng, sự lạnh lùng vắng mặt. Tuấn nhớ lại và bắt gặp thấy lòng mình âm thầm buồn. Khi nào ngồi lâu mỏi mệt, anh chợp đi một lúc rồi choàng dậy. Tuấn ngỡ ngác như thấy một sự gì vừa hiện lại vụt biến ngay - Tuấn vẫn tự giấu mình - “Để thường mình tương tư một cái bóng kỳ dị hay sao?”. Ý nghĩ ấy khiến anh lại tưởng đến những chuyện dan díu với tinh hồn hoa, cây của những ngày xưa huyền hoặc.

Một đêm Tuấn ngồi ghéch hai chân lên bàn giấy vừa đợi vừa mơ tưởng. Thần trí anh hoang mang không hẳn theo một ý nghĩ nào. Nhiều lần anh thấy, rất nhanh chóng, như có lại những cảm tưởng mới mẻ giống hệt lần gặp gỡ đầu tiên. Anh tưởng chừng như người đẹp lại hiện về, đang đứng ngoài, đang đợi chờ... Nhưng lúc định thần lại, cảm tưởng ấy lại mất. Tuấn dần dần một thêm bị kích thích. Hai ba lần anh trỗi dậy chạy ra hiên để thấy ngoài đó vẫn vắng lặng như thường. Anh bực dọc và giận dữ như người bị lỗi hẹn. Anh vào ngồi chỗ cũ định tìm đủ các lẽ để tự bảo là mình đang làm những việc vô nghĩa lý và để giục mình đi nằm. Đêm đã quá khuya và người anh đã mỗi lúc một thêm bơ phờ.

Nhưng Tuấn vẫn ngồi yên, vẫn phảng phất có một ý trông chờ và hy vọng. Tiếng gió xào xạc bên ngoài như nghe qua một giấc mơ chập chờn mong manh.

Tuấn tưởng chừng người đẹp hiểu thấu lòng anh và đang tìm đến. Anh lại thấy hình như nàng đã đến, đã ở đó và đang nhìn mình. Dẫu là người hay là nhân vật hư huyền, giai nhân cũng đã từng nói lên lời những câu dịu dàng và cũng đã làm anh cảm động. Cái tên Hoàng Lan Hương anh thầm nhắc

đến bằng tất cả sự âu yếm của lòng thanh niên lúc đó hình như bay thành phấn hoa bao quanh Tuấn. Anh thoáng thấy từng làn hương đưa lại từ đêm xưa, từng làn hương ý nhị, đặc biệt của người đêm xưa. Tuấn cảm thấy một sự gần gũi rất thân mật và hơn nữa, rất “thực”.

Anh lo sợ không dám trông lên cửa sổ để vội thất vọng. Anh muốn để mặc cho sự kích thích của tưởng tượng đánh lừa mình lâu nữa, lâu mãi, và mỗi lúc một thêm sức mạnh để anh “thấy” hình ảnh Hoàng Lan Hương một rõ lên.

Hương hoa - phải chăng chính là hương Hoàng Lan dù đặt trong mơ tưởng của anh, cùng với một dáng người nhịp nhàng ở gần đâu đây, ở trước mặt hay ở ngay cạnh? Tuấn để cho người anh mê đi trong tay ôm ấp gọn ghẽ của chiếc ghế bành - cũng như tâm hồn du dương ẩn nấp trong lòng một thứ vui mơ hồ.

Một tiếng động khẽ của tờ giấy trên bàn.

Tuấn hé trông thấy một bàn tay quen, mấy ngón muốt búp măng hiện tỏ hiện mờ theo chiều mơ tưởng chờ vờn bay theo nhịp lim dim của đôi mắt nhíp.

Cái hình ảnh thân yêu vẫn không mất. Tuấn tưởng thấy cả hai bàn tay, cả màu áo xanh phơn phớt và màu da trắng điểm hồng. Hoàng Lan Hương... Hoàng Lan Hương đến đây chẳng? Câu hỏi nhắc lại ba lần trong trí chưa tỉnh giấc của Tuấn, và sau cùng cất lên thành tiếng nhỏ dụi. Tuấn mơ hồ nghe thấy lời mình :

- Hoàng Lan Hương đấy phải không?

Một tiếng đáp bên tai :

- Vâng

Tuấn nghe rõ ràng câu tiếp liền theo :

- Chính em của anh đây!

Tuấn thức hẳn dậy.

Người thiếu nữ đã ở đó, đứng phía bên trái, đang mỉm cười nhìn anh. Lan Hương nhìn Tuấn không chớp - và không cất nụ cười - vẻ ngạc nhiên vui tươi và êm lặng. Tuấn chưa tin ngay và vẫn lo sợ. Anh hỏi rất nhẹ tiếng :

- Thế ra... thế ra tôi không nằm mơ?

Anh hơi rụt rè nhưng thoát lại không tưởng đến giữ gìn nữa, vội cầm lấy tay Lan Hương, nắm chặt trong tay mình vuốt nắn dọc theo cánh tay nàng. Sau cùng, anh đứng dậy và lại hỏi :

- Thế ra anh không mơ?

Người thiếu nữ thông thả lắc đầu, dáng điệu khoan hòa và có vẻ nhu mì rất trẻ thơ, rất ngoan ngoãn.

Nàng để cho Tuấn dìu ngồi xuống cái ghế anh vừa ngồi. Nàng đợi, nhưng sự vui mừng làm Tuấn lúng túng. Tay nàng - bàn tay trắng đẹp làm sao! Vẫn cầm một tập bản thảo mà lúc đó Tuấn mới nhận rõ là của anh: đó là tập thư đối thành nhật ký.

- Em đến lúc nào thế? Em đến lâu chưa?

Nàng thưa :

- Thưa anh, chưa lâu lắm, nhưng cũng đủ để xem văn của nhà văn.

- Văn nào? Tập thư này sao?

- Vâng, xin anh thứ tội cho, em thấy nói đến một câu chuyện hay, nên...

Nàng cười rất dịu dàng.

Tuấn thấy ngượng một cách sỗ sàng, y như người bị bắt chột đang lúc tắm gội. Nàng tiếp luôn :

- Em vẫn là giống ham văn chương, yêu văn nhân, thi nhân cũng như yêu hoa cỏ, yêu non nước, yêu trăng gió... Em được đọc một bài văn thì như được tưới thêm nước, lòng sung sướng không biết ngần nào.

Lời nói lưu loát như câu nói văn hoa. Nàng có một giọng nhẹ trong và hơi trầm mà Tuấn muốn cho ấm hơn, vui hơn. Anh bỗng lo ngại vì cái vẻ trầm lặng và vẻ buồn nhẹ nhàng của người thiếu nữ. Anh chột nhớ đến sự thay đổi đột nhiên đêm nào và dụng tâm ngăn đón trước. Tuấn toan hỏi một câu nhưng lại thôi.

Nàng đặt tập bản thảo xuống bàn, nhìn sang một bên, đôi mắt nghĩ ngợi. Thấy nàng thờ dài một tiếng, Tuấn vội vàng gọi :

- Em!

Nàng ngẩng lên mỉm cười, đôi mắt lặng lẽ chứa chan một ý thân mật âu yếm. Tuấn thấy xôn xao cả tâm hồn.

- Em Lan Hương... Em... Em... có cho phép anh nói chuyện với em, nói chuyện lâu với em không?

- Thì em đến đây chỉ mong được thế...

- Em đến một cách bất ngờ, một cách êm nhẹ như một cái bóng hiện lên. (Tuấn sợ lơ lửng, chữa ngay) như... một nàng tiên đến trong giấc mơ...

- Và anh cũng sợ như nàng tiên trong giấc mơ rồi em sẽ biến mất sao?

Đôi mày nàng hơi nhíu lại khiến Tuấn sợ cuống lên tìm cách cãi lời nói của mình. Nàng lắc đầu khoan thai để tay vịn vai Tuấn :

- Không, em không biến vội đâu... Đêm nay em còn nói chuyện với anh, em sẽ bầu bạn với anh lâu hơn đêm hôm nào... Và nếu anh biết cho em...

Nàng ngập ngừng một lát, khe khẽ thở dài :

- Nếu anh hiểu cho thân phận mong manh của em, em sẽ được gần gũi anh nhiều đêm hơn...

Tuấn càng nghe càng ngạc nhiên nhưng giữ nét mặt rất vui để khuyên nàng. Anh ngắt lời :

- Không, em sẽ là bạn của anh mãi mãi.

- Em không dám chắc, từ cổ chí kim, hạng chúng em chỉ là...

Tuấn vội vàng nói :

- Không, dù sao, dù em là ai, nhưng anh chỉ biết em là một nhan sắc quý báu, một châu ngọc anh tìm thấy tình cờ... Không, em Hoàng Lan của anh... sẽ mãi mãi là của anh.

Tuấn chợt nghĩ đến cái tên Hoàng Lan Hương, để ý đến cái hương riêng phảng phất bên mình... Anh rùng rợn khắp tâm hồn và thấy ghê người một cách rất êm đềm, rất đắm thắm và rất mới lạ. Anh nghĩ bụng trong lúc âu yếm quàng tay giữ lấy ngang lưng nàng :

- Có lẽ ta được sống những cuộc đời rất kỳ quái như ngày xưa thực chẳng?

Tuấn lại chợt hiểu cái tiếng “nàng ta” mà anh vẫn thầm gọi đến khi nghĩ đến người thiếu nữ.

Cảnh tượng lúc đó có một vẻ văn hoa - một vẻ văn chương kiểu cách - đem lại cho tâm hồn Tuấn một thứ cảm động cổ kính như ở nhân vật sống trong chuyện hoang đường. Tuấn nghĩ đến hiện tại bấy giờ và thấy nó như lùi lại

rất xa. Anh nhìn anh với người đẹp như ở trong một bức tranh quý giá. Anh thoáng nghĩ thầm :

- Lan Hương ơi, hai ta trong khoảng khắc này là hư đấy hay là thực đấy?

Những tiếng xưng hô mà Tuấn định sẽ nói, trong giây phút ấy không phải là những tiếng anh em mà Tuấn đã dùng. Giá gọi Lan Hương là “nàng” và tự xưng là “kẻ thư sinh này” có lẽ mới thực đúng, mới thực hợp.

Ngồi trong ghế và lả mình vào tay ôm giữ của Tuấn, Lan Hương đang lặng lẽ nhìn phía trước mặt. Nàng ta thở đều và thong thả, ở yên đó như người tình nhân ngoan ngoãn đang chung một phút trầm ngâm thân mật với người yêu. Không hề có một chút sượng sùng. Tuấn lại ngạc nhiên khi nhận thấy cái vẻ quen thuộc trong lúc thân cận đột nhiên ấy.

Tuấn nghĩ thầm một câu hỏi vặn vẹo :

- Hoàng Lan Hương ơi, nàng là ai thế, nàng là người ở đâu đến đây?

Và đoán chừng câu trả lời sẽ có những ý tứ cho mình biết Lan Hương chỉ là hiện thân của thảo mộc, là hương thơm của Hoàng Lan biến thành người, là một nhân vật trong cái thế giới u linh ở lồng với khung cảnh trần gian nhưng lại cách biệt hẳn trần gian; người ta phải có con mắt riêng của một tâm hồn khác thường mới gặp thấy. Tuấn cũng như một người sót lại tự cái thế kỷ cổ sơ trước, Tuấn là một linh hồn còn thuộc những âm vang và những hình ảnh cũ của một thời đại nhuôm màu tím huyền...

Tuấn thu hẹp lại cái cánh tay ôm quanh vai người thiếu nữ. Anh mỉm cười vợ vắn, nhận thấy từng chút thời khắc đi qua, tĩnh mịch trong cái lặng lẽ khuya khoắt của không gian. Anh sống một khoảng đời băng khuâng rất lạ lùng, tâm trí vừa ngạc nhiên vừa bình thản mà hướng theo nguồn tư tưởng không cố gắng, lưu loát như sẵn hiển trọn mình trên một trang văn thơ.

Một chút lo sợ rất quen cũng phảng phất trong lòng Tuấn.

Tuấn liếc nghiêng mắt nhìn người thiếu nữ và hồi hộp trong khi thầm khen nét mày rất thanh tú và hàng mi cong dài làm dịu thêm và xa xăm thêm vẻ nhìn trong sáng.

Tuấn lại thấy cần phải dè dặt những lời phải nói ra, những cử chỉ sẽ làm và im lặng như để dò ý tứ.

Không bao giờ có đôi bạn gần gũi nhau một cách khác thường như thế.
Tuấn lại nghĩ :

“Hoàng Lan Hương ơi! Em là ai thế? Em ở đâu thế? Sao em lại ở trong tay ta lúc này?...”

Câu nói dìu dặt vang khẽ trong lòng Tuấn và hình như cũng động tới ý Lan Hương. Người thiếu nữ nhìn lên và mỉm cười với Tuấn, rồi lại nhìn đi.
Tuấn bỗng gọi :

- Lan Hương!

Và tưởng tiếng nói mình có thể lại kinh động cả bầu không khí.

Nhưng Tuấn nhắc lại, tiếng ghìm khẽ xuống :

- Lan Hương! Lan Hương! Em nghĩ gì thế?

Tuấn muốn thú thực hết cả nỗi sùng sảng của lòng trai trẻ, hết cả nỗi xúc động của sự gặp gỡ và ngộ hết tình âu yếm với Lan Hương. Nhưng người thiếu nữ lại nhìn lên, đôi mắt đen lặng lẽ một ý quá đỗi nồng nàn. Những tia lửa chìm trong đôi ngọc huyền ấy bỗng dừng khiến Tuấn ngây ngất. Anh đê mê im lặng.

Đầu nàng ta rất nhẹ nhàng giấu mãi vào lòng tay Tuấn và cả tấm thân yêu kiều nhỏ bé lại lả lướt bên người con trai. Năm tay nàng víu lấy Tuấn với một ý nhắc bảo xui giục. Và bao nhiêu cử chỉ ấy thắm lặng gào lên những nỗi lòng van lơn.

Nàng không cho kịp nói với nhau thành tiếng một câu ân ái nào.

Nàng để Tuấn hiểu trước lời nói. Và Tuấn mỗi lúc một hiểu rõ ý nàng mỗi lúc một đắm đuối tha thiết hơn.

Anh nghĩ thầm:

“Lan Hương ơi, vì đâu?... Lan Hương ơi... cố sao... Lan Hương, em là loài đa tình nào... Lan Hương ơi...”

Những ý nghĩ âu yếm gạn gùng reo động vang cả tâm hồn. Nhưng đôi mắt kia nhìn Tuấn.

Ngọn trào bỗng bột dâng lên.

Tuấn ôm bên mình một mỹ nhân nhu mì, thuận thực nhưng nồng nàn xiết bao! Anh cúi xuống dần. Đôi mắt kia dìu Tuấn vào một bể sôi nổi.

Đồng hồ trong nhà lách tách đều rõ rệt từng tiếng. Tuấn âu yếm bước xa dần ánh sáng đèn trên bàn viết, bên vai êm trịu một sức nặng bám níu lả lơi. Nàng ngoan ngoãn như trẻ thơ, bước chân nhẹ nhàng và ái ân theo Tuấn. Ngoài đêm, tiếng gió vừa chạy ào qua. Vài tiếng dế bao quanh. Tuấn tưởng qua đến sự thức giấc của côn trùng và trông thấy hình lá reo động... Nhưng tất cả thành hỗn độn, bị quên đi, mờ xóa trong một cử chỉ vuốt ve. Tuấn thu lượm trong bàn tay mê man những đường nét thanh tân của một thân hình dịu mềm và rung động.

Thế Lữ

Tiếng Hú Ban Đêm



Trại Bò Tùng Linh (V)

áng hôm sau Tuấn thức dậy như tự trong một giấc mơ dài. Ánh sáng vàng tươi soi vào tận chỗ gối chăn và bên mình anh không còn chút dấu vết nào của người đẹp. Phảng phất một làn hương thơm mát đâu đó. Tuấn trỗi dậy.

Ở ngực anh rơi xuống một bông hoàng lan cánh đã hơi se.

Tâm trí Tuấn bàng hoàng, nhưng không! Không thể là một sự mơ hồ được.

Anh còn nhớ rõ quá. Hơi thở ấm áp của người thiếu nữ với nhịp tim hồi hộp... Hơn thế nữa, bao nhiêu ái ân dữ dội tuy thầm lặng còn để lại xác thịt anh một kỷ niệm mê cuồng. Người đàn bà trong tay ôm ấp anh đêm qua là cả một tâm tình, là cả một thân thể đa tình bùng cháy. Trong bóng dìu mở, cái nhan sắc nghiêng ngả trong nệm trắng kia đã khiến anh mừng rỡ kiêu căng giữa lúc ngạc nhiên. Không có cuộc sóng gió âu yếm nào anh thấy hết vị nồng nàn bằng. Người thiếu nữ còn có những lúc tỏ lòng yêu một cách kỳ dị nữa. Tuấn nhớ đến những tiếng cười ngẩn, những tiếng kêu cắn chặt trong răng, những ngón tay trói thắt lấy da thịt anh... và nhất là - và dữ dội hơn - trên khuôn mặt đờ say bỗng bênh thả trong đám sóng tóc tối đen, đôi con mắt lạ lùng thỉnh thoảng lại mở nhìn anh một vẻ lạnh lẽo rùng mình: Tuấn tưởng chừng lại thấy những tia lửa chìm giấu trong đó.

Cả câu chuyện trong lúc gần gũi chỉ là những câu hỏi giở chừng của Tuấn và những câu trả lời lảng tránh của người con gái tên là Lan Hương. Anh đã cố tình muốn được biết người yêu của anh hơn. Anh đã quyết hỏi cho rõ hơn.

- Lan Hương ơi? Lòng anh em đã chiếm được rồi. Chúng ta đã là của nhau rồi, mà anh chỉ biết tên của em thôi ư?

- Lan Hương ơi! Em nói cho anh biết hết cả đi...

- Lan Hương ơi! Em không muốn thực tình yêu nhau sao? Sao em cứ mãi lững lờ...

Phần nhiều là những ngón tay đặt lên miệng giữ lời nói của anh lại; hoặc bịt lại bằng cặp môi hôn vô cùng tận; đôi khi anh ngoảnh đi để tránh thì Lan Hương chúi đầu vào nách anh và cùng cười với anh. Nàng đứng đĩnh nói một giọng đùa cợt :

- Lan Hương của anh là Lan Hương của anh.

Hoặc :

- Lan Hương là người yêu của anh...

Hoặc nữa :

- Em có biết anh là ai đâu, anh ở đâu đâu.

Nhất định Lan Hương chỉ nói có bằng ấy câu khi Tuấn nài hỏi.

Anh lựa lời căn vặn nữa thì nàng buồn rầu đáp :

- Có lẽ em không đáng cho anh thương em...

Tiếng thở dài của nàng khiến Tuấn vội dõ dành vuốt ve để yên ủi. Tức khắc Lan Hương lại cười, và nhí nhảnh như đứa trẻ tinh nghịch trong tay anh.

Tuấn ngủ đi giữa lúc thử tìm cách phân giải cái ý nghĩa sự giấu diếm của nàng. Lúc đó Lan Hương đã ngủ yên từ lâu, bỏ dở một câu ước hẹn không rõ rệt.

Tuấn không thể đoán được Lan Hương lên ra đi lúc nào.

Sự nhớ tiếc chân thành xui anh nghĩ đến sự đi tìm, nhưng anh lại bỏ ý đó ngay: anh chắc lại sẽ mất công như mấy lần trước.

Tuấn nhìn bông Hoàng Lan trong lòng bàn tay và tưởng tới sự liên lạc với tên người thiếu nữ. Không thể xua đuổi những ý nghĩ sẵn sàng đến trong trường hợp đó. Tuấn nhìn ra ngoài phong cảnh ban ngày như cố ý để phản đối lại. Những cảm tưởng ban đêm lúc gần người thiếu nữ vẫn còn vương vấn trong trí anh.

Tuấn tắc lưỡi :

- Thì lại đợi xem!

Một lần nữa anh lại bất chợt thấy mình có cái hy vọng rằng Hoàng Lan Hương biết anh đang nghĩ đến nàng trong lúc này. Anh nhìn bông hoa lòng chứa chan âu yếm.

* * * * *

Buổi chiều hôm ấy, Tuấn chợt nghĩ ra một ý để đến tối thực hành.

Trước lúc người đẹp quen “hiện” đến nửa giờ, Tuấn bắc ghế ngồi ở một chỗ khuất ngoài hiên với chiếc đèn bấm, và đợi đến quá một giờ đêm. Nhưng không thấy gì. Anh trở vào, ngồi bàn giấy đợi hơn một giờ nữa, cũng vô ích. Suốt đêm ấy, Tuấn không thấy bóng Lan Hương.

Đêm hôm sau, Tuấn có ý ngồi đợi ở trong nhà như mấy lần đầu thì Lan Hương lại đến.

Rồi đêm sau và những đêm sau nữa cũng vậy, Lan Hương vẫn giữ cách hành động bất ngờ và bí mật của nàng. Tuấn đang ngồi trước bàn, lúc ngoảnh lại đã thấy Lan Hương hoặc ở gian giữa hoặc ở trong cửa, hoặc đứng bên mình anh.

Lúc nào cũng lặng lẽ, lần nào cũng để cho Tuấn tưởng như chợt hiện lên.

Và bao giờ cũng nồng nàn âu yếm.

Không đêm nào Tuấn thức được trọn để rình lúc nàng lên mất, anh đành phải lợm lấy bông Hoàng Lan mà bao giờ nàng cũng để lại như một lời an ủi cột đũa.

Sự quẩn quýt vẫn giữ một mực đam mê, nhưng cái bí mật của Lan Hương Tuấn vẫn chưa vào thêm được bước nào. Nàng vẫn lững lờ khi Tuấn căn vặn hỏi. Tuấn hơi tỏ ý giận thì nàng buồn rầu có khi đến khóc sụi sùi, nhưng tức khắc lại vui vẻ cười khi Tuấn vỗ về.

Tuấn cũng muốn để mặc ý nàng và bỏ mặc cả tính thóc mách của chính mình: cần gì biết Lan Hương là người thế nào; gặp nhau thì cứ yêu thau, như lời nàng vẫn nói. Nhưng Tuấn đã thấy lòng yêu người con gái kỳ dị ấy một cách sâu xa hơn. Nàng nhắc lại câu vẫn quen nói :

- Anh yêu em chừng nào em càng được đến với anh chừng ấy... Tự em không bao giờ bỏ anh đâu.

Tuấn hỏi tại sao có đêm anh phải đợi vô ích thì nàng đùng đỉnh cười, lắc đầu không thừa. Tuấn hỏi gặng, nàng đáp một câu làm Tuấn càng nghĩ ngợi :

- Thì anh cũng biết đấy!

Một đêm, Lan Hương vừa chợp ngủ, Tuấn vùng dậy thắp thêm đèn và đốt hết cả bao nến cho nhà sáng trưng lên. Lan Hương thức dậy hỏi, anh không đáp chỉ trần trần nhìn nàng. Lan Hương cười một cách rất lạ lùng rồi đi tắt hết các ngọn lửa mới thắp.

- Em dù là thứ người gì mà yêu anh được như lòng em yêu anh thì cũng đáng là bạn sánh đôi với anh rồi. Anh đừng tìm cách xua đuổi em như thế. Tuấn phân giải sự ngờ vực của mình bằng lời khôn khéo. Mãi sau, một hôm bất ngờ, nàng vừa hỏi Tuấn, vừa mỉm cười như mĩa mai :

- Nếu bây giờ anh biết em không phải là người thường như mọi người thì anh nghĩ sao?

Nhưng nàng không nghe câu trả lời lúng túng của Tuấn. Mà chính câu nàng vừa nói ấy cũng không rõ ý. “Không phải là người thường?” Người thường đây liệu có cùng một nghĩa như Tuấn hiểu không?

Một đêm khác, đang ngủ, Tuấn bỗng giật mình thức dậy. Anh tưởng ngay Lan Hương không ở đó nữa. Nhưng lúc anh mở mắt ra thì Lan Hương đang ngồi bên anh và đang cúi nhìn anh. Tuấn mỉm miệng, nhưng nụ cười ngừng hẳn lại. Lan Hương sao nhìn anh chăm chú thế, kỳ dị thế? Và đôi mắt - anh rợn người lên một chút - đôi mắt sao lại sáng một cách quái lạ thế kia?

- Lan Hương!

Tuấn gọi, nhưng người thiếu nữ lặng thinh và vẫn cúi nhìn xuống anh, im lặng và chăm chú như thế mãi.

- Lan Hương! Kìa Lan Hương!

Không có tiếng đáp. Lan Hương vẫn không nhúc nhích. Anh bắt đầu nghi ngại. Đưa mắt hai bên thấy nhà vắng và lạnh lẽo hết sức (thằng Dần anh cho ngủ buồng dưới từ sau hôm anh gặp nàng).

Hai con mắt đen vẫn soi mói nhìn anh.

Tuấn chực hét rất lớn và ngồi vùng lên...

Bỗng Lan Hương thở dài một hơi, nghẹn ngào, rồi tự dưng, ôm mặt khóc nức nở.

Tuấn hết sợ đến ngạc nhiên, ngồi lên đỡ dành đủ lời ngọt ngào. Lan Hương vẫn còn thẫn thức.

- Thân em chỉ là thân cây cỏ; anh có coi ra gì, anh ngờ vực em, anh không cho em được xứng đáng với anh...

Nàng nép đầu ngủ lại trong tay Tuấn dịu dàng và khăng khít, một cánh tay trần vắt qua ngực anh.

Tuấn mở mắt nhìn lên đỉnh chiếc màn không buông, và đôi ba lần nghe thấy nàng còn thốn thức trong mộng.

Tuấn nghĩ rất nhiều về Lan Hương. Tiếng đêm trăng bên ngoài nhẹ nhàng xôn xao theo hơi gió cột nhà.

Anh định tâm cố thức, nhưng đến chùng gần bốn giờ anh ngủ quên đi.

Sáng hôm sau, Tuấn thức dậy, tâm hồn băng khuâng quá chùng quạnh vắng. Anh thấy một sự biến đổi lớn, lòng chua cay một tình thương tiếc vô cùng tận, một nỗi lạnh lẽo mênh mang. Có dấu hiệu gì đâu mà anh tin chắc rằng Lan Hương giận anh và sẽ không đến với anh nữa. Anh buồn rầu nhìn chỗ nằm của người đẹp: bông Hoàng Lan vẫn để lại cái ý nghĩa bí mật như mọi lần.

Thế Lữ

Tiếng Hú Ban Đêm



Trại Bồ Tùng Linh (VI)

uẩn mong rằng mình nghĩ lầm.

Mấy hôm đầu, một chút hy vọng mơ hồ còn vẫn vương, song chỉ như thứ hương khói mong manh, lòng càng cố tình luyện giữ càng thấy mau tan biến. Ban ngày, vào những giờ quen làm việc, Tuấn thường ngừng bút giữa đoạn, thần thờ nghĩ những chuyện xa hẵn đầu đề. Phần thứ nhất thiên tiểu thuyết của anh gần xong, kết thúc một cách ưỡ oải. Tuấn không ham viết như trước. Anh thấy người mỗi mệt và cho đó là tại mấy đêm vừa qua trăn trở thâm canh.

Từ buổi gặp sau cùng về trước, Tuấn không kém làm việc trong khi đan dúi với nàng ta. Sự kích thích do một thứ tình yêu kỳ dị, cùng với sự hỏi lòng ân ái, không trực tiếp ảnh hưởng đến tác phẩm của Tuấn. Anh vẫn bình tĩnh trong sự suy tưởng, minh mẫn trong sự kết cấu và say sưa trong lúc phô diễn bằng lời văn. Hình ảnh của giai nhân có thoáng gợi lên những lúc này chỉ như màu hoa đẹp trong bình mà Tuấn chợt nhiên để mắt tới. Cả những nỗi ngạc nhiên hồi hộp vì Lan Hương cũng không lấn được hết cả tâm ý Tuấn. Anh chia biệt hẳn thời giờ tạo tác nghệ thuật với thời gian yêu đương. Nhà văn sĩ này giữa những giây phút say đắm nhất cũng không quên phân tích những cảm xúc rất chi ly. Anh vẫn ưa tin, theo quan niệm của anh, cái thuyết hai bản ngã trong một người; người sống và đam mê, nhà nghệ sĩ mới tận hưởng.

Nhưng băng đi luôn năm đêm liền, Lan Hương không đến. Có lẽ nàng ta thực không đến nữa chăng? Tất cả sự vắng lạnh bao quanh, phủ lấy nỗi trợ trợ của tâm hồn anh, đã trả lời Tuấn.

Lan Hương đã biến mất hẳn.

Những ngày trống không tẻ ngắt kéo dài từng phút thờ thần lê thê. Mùa thu muộn cũng vừa đổ tới nơi, bắt đầu xao xác khắp vườn. Lá lìa cành bay vào tận bàn viết.

Chiều nào Tuấn cũng lên đèn sớm để thấy đêm chóng về. Anh vẫn chờ đợi hết giờ nọ qua giờ kia, nhưng ở trong tuyệt vọng. Việc văn chương không còn chút nào hứng thú. Viết nhật ký anh chàng cũng bỏ, và những trang “thu” đọc lại chỉ làm gay gắt thêm nhớ nhung. Tuấn không còn lòng nào thưởng thức vị chua cay như nhà thi sĩ vẫn ca ngợi. Anh bỏ ghế để nằm thao thức trong giường. Hương hoàng lan thơm nhẹ vẫn chìm đọng lại ở gần anh, Tuấn dìm bên má xuống gối mềm và không buồn cầm giữ nước mắt.

Tuấn không còn đem những ý đùa cợt để tự dối lòng như trước. Anh hiểu rồi, bao nhiêu bữa ăn không biết vị ngon, bao nhiêu giờ ngồi đăm chiêu cùng khổ hận, bao nhiêu tiếng thở dài âm u ảo não, bao nhiêu khuya vùi mình trong chăn nệm để trào bên khóe mắt từng bao nhiêu giọt lệ tủi thương. Những triệu chứng đã quá rõ rồi. Tuấn chịu để cho lòng ủ rũ dưới âu sầu. Thời giờ qua, anh cứ ở hoài trong một hiện tại nặng nề, ngao ngán.

Tưởng lại những giờ gần kề người đẹp, tâm hồn Tuấn càng thấy ê chề. Tiếng cười, giọng nói, những lời âu yếm hay những câu êm ái văn hoa, những dáng điệu mềm dịu lả lơi - tất cả cái thân thể rung động kia, cái hình ảnh bừng cháy kia còn lưu lại trong bầu không khí nhà này một âm vang tịch mịch xa xăm, một hương vị thấm thía lạnh lùng của một sự gì rất thân yêu đã mất đi - đã chết hẳn. Thà Lan Hương là người tình đã chết! Tuấn sẽ không bị một sự ngờ vực khác thường ám ảnh thêm nữa. Tuấn sẽ thờ cái kỷ niệm trong đau đớn, hay Tuấn sẽ chết dần. Anh chàng chua xót nghĩ:

“Lan Hương ơi! Em là người gì mà cảm dỗ lòng anh tới bực này? Em chiếm cả tâm hồn anh rồi”.

Khắp tâm hồn Tuấn tê tái đi vì cái ý thiết tha não ruột. Anh lại thầm trách:

“Lan Hương ơi! Em quái ác lắm! Em để thương để yêu cho nhau mà sao em không cho anh một tia hy vọng nào tìm được em thế? Em là ai? Em ở đâu? Anh biết đường nào để theo bóng vết em?”

Tuấn càng suy tưởng, càng thấy lòng bối rối thêm. Anh không thể hiểu được những cái kỳ dị về Lan Hương. Điều đó như đã thành một sự dĩ nhiên cay đắng.

“Cái khổ của lòng ta càng thêm xót xa thấm thía vì đến lúc này ta mới thực sự yêu nàng... Lan Hương ơi! Em nữ phụ lòng anh đến thế sao?”

Và những tiếng thở dài từng khắc, từng giờ, xao động thâu mấy canh trường, hay ám nặng khắp ngày ủ dột.

* * * * *

Thằng Dần, tên đầy tớ yên lặng của Tuấn, bắt đầu lo sợ.

Sáng nào nó cũng lên nhà rất sớm để buồn rầu thấy chủ bơ phờ, một dục dạc thêm. Trong lúc anh ngồi thờ trước cửa sổ, hoặc nằm thẳng trên ghế dài, hoặc đứng tựa cột rất lâu ngoài hiên, nó thường quanh quẩn gần đó. Tính rất kín đáo, chỉ nói khi nào hỏi đến hay có việc tối cần, nó không tỏ ý kiến gì hay một thái độ nào về việc riêng của Tuấn. Anh cũng không cần để tâm đến sự nghĩ ngợi của đầy tớ. Nhưng đến nay anh thấy nó có vẻ ái ngại cho anh rất nhiều. Anh bắt chợt những lúc nó đứng sững nhìn bằng đôi mắt bản khoăn; thấy anh nhìn lại, nó vội cúi xuống dọn dẹp hay quét tước.

Một đêm, nửa thức nửa ngủ, anh thấy tiếng chân chạy nhẹ nhàng nhưng gấp ở đâu đó. Vùng thức dậy thì thoáng có bóng người động trong vùng liểu dưới đèn trăng tàn. Anh gọi, thằng Dần túng túng trở vào, ngượng ngùng và trả lời bên cạnh những câu anh hỏi.

Anh căn vặn mãi đến gần nổi giận nó mới rụt rè thưa :

- Con nằm mơ thấy có người đến...

- Ai đến?

- Con không biết.

- Nhưng người thế nào?

Dần thêm cuống quýt, ấp úng mãi mới nói được. Nó không trông thấy rõ mặt, chỉ biết một hình tóc xoắn, vận toàn đồ trắng chập chờn đi qua. Nó giật mình thức dậy, thấy tròn trợn và nghe như có tiếng loạt xoạt ở gần. Nó vùng chạy ra, thì một hành liểu bên rặng mầu đơn còn phe phất một cách khác lạ. Nó như sợ quá hóa táo tợn, sấn đến xem thì lại không thấy gì.

Tuấn đang nghi hoặc bỗng ngạc nhiên vì thấy Dần se sẽ gọi :

- Thưa cậu...

Nhưng nó im bật khi anh ngoảnh nhìn. Ngập ngừng mãi, rồi nó mới lại khẽ nói :

- Thưa cậu... ở trại này có ma.

Thoạt nghe, Tuấn cho ngay đó là do cái sợ lưu truyền và rất giản dị của những tâm trí ngô nghê. Thấy trời sáng dần, anh không muốn ngủ lại nữa. Nhân dịp vừa rồi, anh thử hỏi chuyện đầy tớ trong lúc đợi sôi ấm nước trên đèn cồn. Lúc đó, Tuấn mới biết đầy tớ anh ít lâu nay bị giày vò vì một sự khiếp sợ thâm kín.

Hắn biết chủ vẫn tiếp một người con gái đẹp dị kỳ đêm đêm thường hiện đến, nhưng sẵn tính nể sợ chủ và rất ít lời, lại thêm cái lòng kiêng dè, không hay dả động tới việc hắn biết, nên tuy vẫn lo cho Tuấn mà không dám đem điều ấy nói ra với anh. Vâng lời Tuấn, hắn phải ngủ dưới nhà phía sau và đêm nghe thấy những tiếng gió thổi kinh hoàng.

Hắn nhắm mắt lại là thấy người xoa tóc, giống với dáng người con gái mà chỉ đêm đầu hắn thoáng thấy trong nhà, ở cạnh Tuấn. Hắn thú thật vẫn mạn phép Tuấn đi rủ một người nhà quê, mua rượu cho người ấy uống để ngủ với hắn những đêm về sau... Dần không dám lộ chuyện xảy ra. Hắn lựa lời hỏi dần dà thì người nhà quê cũng chỉ mơ hồ nói đến những việc biểu hiện kỳ quặc mà chính mình không trông thấy. Theo lời đồn quanh quất thì Trại Bồ vẫn có ma, khi thì mập mờ, khi thì hiện rõ, nhưng không làm ai việc gì. Người nhà quê bảo Dần: “Mình không động đến họ thì chả bao giờ họ làm hại mình”. Dần vẫn không yên lòng, mấy đêm sau hắn phải trốn ra ngủ ở chính nhà người bạn táu tợn kia, cho đến hôm hắn thấy Tuấn bơ phờ như người ốm. Hắn lại ngủ ở nhà, ngủ gần Tuấn, mừng vì đoán rằng người đàn bà không hiện đến nữa, nhưng lại lo vì chủ của hắn mỗi ngày một hốc hác xanh xao thêm. Dần không dám nói rõ hết ý nghĩ của hắn, nhưng Tuấn hiểu thâm :

- Hắn nó cho là mình bị yêu ma ám ảnh.

Tuấn cười một tiếng vu vơ của người đã hiểu và không tin những ý nghĩa của kẻ khác. Dần càng ngơ ngẩn khi thấy anh vừa pha nước uống vừa mỉm cười. Một lát Tuấn thở dài, mắt đăm đăm buồn.

Anh chợt hỏi :

- Mà trốn... mà ra ngoài ngủ mấy đêm?

Anh lấy giọng ôn tồn để cho Dần khỏi lo bị trách mắng. Dần thưa :

- Bẩm cậu, bảy, tám đêm.

- Sáng về lúc nào?

- Bẩm, hôm nào con cũng về từ lúc còn mờ mờ đất.

Anh nghĩ một lát, dọn câu hỏi cho hẳn hiểu rõ :

- Thế... có sáng nào về mà thấy có người trong nhà nữa không?

Dần lúng túng :

- Bẩm... thấy... người đàn bà?

- Phải rồi. Có thấy gì không?

- Bẩm không. Hôm nào con về cũng lên ngay nhà dọn dẹp quét tước trong lúc cậu chưa dậy. Con không thấy gì cả... không thấy ai cả. Nhưng...

- Nhưng sao?

Tuấn chăm chú nghe, đôi mắt nhìn bao dung để khuyến khích. Dần nói tiếp :

- Bẩm... Chỉ có sáng sớm mười tư (Tuấn tính nhầm thấy cách đó đúng bảy ngày) sớm hôm mười tư con về tới cổng thì thấy như có bóng người đi ra...

- Ở đâu ra?

- Bẩm ở trong nhà này ra... con thấy đi rất nhẹ nhàng, nhưng lúc ấy chưa sáng giời nên con trông không rõ lắm.

- Người thế nào?

- Bẩm... người... ở trong này.

- Ăn mặc thế nào?

- Bẩm, áo trắng dài.

- Sao lại áo trắng?... Mà nhớ kỹ xem... Áo xanh phơn phớt chứ?

Dần không nhớ rõ, vả lại lúc ấy cũng không phân biệt được màu trắng hay màu phơn phớt, vì sương sớm vẫn hờn mờ chút bóng đêm tàn. Hẳn lại khiếp sợ quá, phải nép vào xó cổng, không dám thở nữa. Bóng dáng kia ra khỏi hiên, thướt tha bên rặng liễu, nhẹ nhàng một cách rất quái lạ, khiến hẳn sợ tưởng đến lịm người đi. Dần cố gượng đứng vững, tay níu gậy một cành khô bên cột gạch. Hình như thấy động, cái bóng trắng biến đi ngay.

- Biến đi?
- Bấm vâng...
- Biến thế nào? Biến ở đâu?
- Bấm...
- Nghĩa là mà thấy tới đâu thì mất?
- Bấm, ở khoảng cuối hàng liễu đầu hiên. Bấm đầu hiên phía này (Dần chỉ phía tay phải) ở khoảng cây đề ba chẽ với cây lan tây già.

Tuấn ra đầu hiên bên phải nhìn xem. Sau những khóm lá xum xuê, một cây đề phân trạc từ dưới gốc choãi ra những cành lớn, tán lá ken mau và chồm tới sát mặt một phía ao trước nhà. Tuấn chú ý đến cây hoàng lan hơn. Cây này to ôm, vươn cái thân vút cao lên trên cả lũy tre bên dãy ngoài và gửi những cành mềm cong, lá đính thành tràng vờn xuống những chòm cây khác.

Trời bành bệch sáng. Bóng mờ tối kéo lên khỏi cái thế giới cây cỏ vườn hoang. Một hơi gió chậm thoảng qua, đặt dịu trong ánh hương thơm mát và thân yêu làm động lòng Tuấn. Nỗi buồn khổ của chàng có một tình nũng nịu như được ai vỗ về.

Tuấn lặng lẽ trở vào mang theo một ý định còn mơ hồ trong lòng trống trải. Anh chậm chạp uống tiếp tuần nước, nghe vị trà nóng thấm dần vào huyết mạch và đợi cho rõ rệt thêm cái ý mới mẻ vừa rồi.

“Lan Hương có phải là thế đó chẳng? Hay em là một giống cây hoa nào khác trong trại này?”

Cái buổi sáng thẳng Dần trông thấy cái bóng đàn bà, chính là buổi sáng bữa sau cùng nàng ta đến với Tuấn. Nó có thể hết hoảng mà trông sai được, nhưng lối biến hiện của nàng ta bao giờ cũng đột nhiên. Tuấn cứ muốn suy nghĩ theo những cách thông thường của mọi trường hợp trần gian. Anh nhớ lại các câu nói bóng của người yêu và thấy những ý nghĩa rành rọt trong đó. Tuấn lý luận để tặc trách. Lòng anh không nghi hoặc như trước nữa, đã hướng cả về một chiều tin tưởng rồi.

Lan Hương biết bao lần bảo anh rằng nàng ta không hẳn là người thường: “Em dù là một thứ người gì mà yêu anh được thì cũng đáng là bạn của anh... Từ cổ chí kim, em là giống yêu văn thơ, yêu hoa cỏ...”. Và lần sau

cùng gần gũi, nàng than trách Tuấn: “Thân em chỉ là thân cây cỏ, anh có coi ra gì, anh ngờ vực không cho em được xứng đáng với anh...”.

Tuấn để trở đến tâm hồn mình tất cả bầu hương khói dị đoan mà trí não anh trước đây vẫn cố xua đuổi. Một chút phản kháng của phần thiết thực còn sót lại, nhưng Tuấn nhất tâm làm ngơ, con người si tình ấy như đã được thứ men nồng làm chìm lịm bớt đi cái sức giày vò của sầu muộn.

Thế Lữ

Tiếng Hú Ban Đêm



Trại Bò Tùng Linh (VII)

rửa hôm đó, Tuấn đã chịu ăn uống hơn mấy bữa trước. Tên đầy tớ của anh vẫn kín đáo hầu hạ gần đấy và lo ngại nhìn xem thái độ của anh. Có lần Tuấn bất chợt nhìn thấy nó kinh ngạc nghe thấy tiếng anh khẽ cười. Tự anh cũng ngạc nhiên khi thấy mình nhắm đọc những lời thơ Liêu Trai và có một ý mong đợi băng quơ và êm nhẹ.

- Hay là...

Nhưng anh không dám theo ý nghĩ này, vì vẫn sợ khơi gợi thêm sự thất vọng. Anh lặng lẽ mỉm cười và thở dài một tiếng rất thông thả.

“Lan Hương ơi! Em có biết cho lòng anh lúc này không? Em ở đâu, xa chơi ở chốn non nước nào?”

Anh nghĩ tới cái thân thể anh ôm ấp trong bao đêm nồng, đến này là một hình ảnh hư huyền mà tất cả sự rung động của tâm hồn anh, của xác thịt anh đều mê muội luyến tiếc, cả niềm oán hận, cả sự đau thương cũng thấm thía những ý vị yêu dấu chí tình mà anh tưởng có thể động được tới tâm ý người đẹp.

Buổi chiều, ngồi hờ hững giờ từng trang sách ngoài hiên, Tuấn trông ra cổng thấy Dần ở đâu về, mang lấp lánh một nghìn vàng hoa, một thẻ hương và xách một chai rượu nhỏ.

Tưởng như mọi lần đọc sách Tuấn không bao giờ để ý đến hấn, Dần đi ra phía đầu hiên bên ngoài. Tuấn không nói gì, ngồi lại một lát rồi trở vào, mở cửa sau xuống nhà dưới. Dần không có đấy. Anh rảo bước ra phía đầu hiên xem thì thấy hấn đang xếp vàng rượu lên cái bàn cũ đặt bên gốc hoàng lan. Dần lúng túng trả lời câu hỏi của anh. Hấn đặt lễ cho yên đất. Tuấn biết là nói dối, tra vắn mãi, Dần mới thú thật rằng hấn đi xem bói bên làng về.

- Ngài dặn cậu gắp vía âm, phải cúng ngay mới giải được hạn. Con sợ cậu cấm, mới mượn phép cậu tự ý sửa lễ ở đây...

Tuấn ái ngại cho lòng thành thực của tên đầy tớ trung thành, nhưng không muốn cho nó được để tâm đến chuyện riêng của anh thêm, Tuấn bảo :

- Thôi được, cất cả đi...

Vẻ mặt thất vọng của Dần làm động lòng anh.

- Cất cả lên nhà... Việc của cậu, để cậu... cúng lấy cũng được.

Anh nói cho hẳn vững bụng :

- Mà như thế linh nghiệm hơn.

Dần phải vâng theo.

Tuấn nhìn những lễ vật cất trên chiếc bàn nhỏ của anh giữa nhà, anh mỉm cười thấy cả hai đồng tiền xin âm dương đặt trên đĩa trầu cau. Mấy nén hương cháy đã cắm sẵn trên bát gạo sống.

Lòng ái ân ngan ngát một niềm thành kính, Tuấn bỗng trầm lặng, cảm thấy một sự xui khiến nào rất lạ lùng.

Anh khe khẽ gật đầu và thầm hiểu ra ngay cái ý định chập chờn trong tâm trí anh từ sáng sớm.

* * * * *

Buổi chiều, thằng Dần bưng cơm lên, Tuấn bảo nó lấy đưa cho anh chai rượu nhưng không được dọn chỗ vàng hương. Tuấn không quen uống rượu nên chóng ngà say. Anh thấy tâm tình nhẹ thêm được nỗi buồn, lại rót uống cố chén nữa. Chai rượu nhỏ chỉ vơi đi một phần ba nhưng Tuấn cho là mình đã túy lúy.

Anh đợi thằng Dần cất dọn mâm bát và lên đèn rồi dặn hẳn :

- Hôm nay cậu lại cần ở một mình nhà trên, cho mà xuống đi ngủ sớm đi...

Cậu như thường rồi, mà đừng lo.

Anh vui vẻ nói thêm câu sau cùng để yên lòng đầy tớ.

Bóng tối đã buông đầy vườn, trước khi anh chú ý. Tuấn ra đầu hiên nhìn cây hoàng lan vút lên trong cao thẳm, lòng ngậm ngùi một tình nhớ thương cũ kỹ như chàng thư sinh thuở nào. Anh thầm nhắm những lời khẩn gọi dật dờ.

Anh thoáng thấy mình nghĩ gàn gàn, nhưng tức khắc quên bỏ.

Tuấn rón rén trở vào nhà, ngạc nhiên thấy vắng lặng quá chừng. Anh làm ngoa thêm dáng điệu ngất ngưỡng, miệng mỉm cười hoài, nhưng lòng buồn vẫn còn rười rượi.

Anh nói lên tiếng :

- Biết thế, ta cứ uống hết chai rượu...

Trong lúc cả tâm hồn anh trách gọi Lan Hương.

- Lan Hương ơi, em nỡ bỏ anh thực sao? Bao nhiêu cực khổ tạm nguôi chẳng được bao lâu, vết cũ lại mở ra, càng thêm đau xót lắm.

Mắt anh nhòa trông ánh đèn. Anh đổ cho tạt rượu, anh dè chừng thương nhớ chua cay lại sắp kéo đến, và tưởng trước cái đêm trăng trọc, sẽ kéo dài hiu quạnh không biết đến bờ bên nào.

Nỗi sầu đùng đỉnh nhắc lại trong những lời thơ nã nùng.

Thi nhân xưa đã chịu vò xé biết mấy mươi từng mà thấu được tình cảnh anh chàng đến thế?

- Lan Hương ơi, em là người sống hay là vật hư huyền, thì tâm hồn em cũng phải anh linh để mà cảm thông với anh chứ. Mà hoa, cây là giống đa tình cảm, sao mà tệ ác được thế, sao mà để khổ cho nhau đến bực này?

Lòng thấm đượm oán hờn, và đôi mắt bi ai, Tuấn thần thờ đến rút thêm mấy nén hương châm cắm trên bàn và quên mình trong một bầu không khí buồn thương mệnh mang bát ngát.

Anh ngồi thả trong ghế bành nhìn sững làn khói đưa thẳng lên để uốn éo hỗn hòa trong sự tan biến. Tất cả tâm hồn anh như chấp tay cầu khẩn, lời thầm reo động, muốn quyện bay xa cùng áng hương ngà say.

Anh muốn có sự tâm niệm chân thực của người đàn bà góa ngồi trước bài vị lang quân. Anh muốn có những câu van nài di thấu tới cõi u linh của tâm tưởng. Lời của anh chỉ là ý nghĩ, anh thấy chưa đủ vang động. Giá Tuấn có thể quên thẹn để lên tiếng khẩn những ý kêu gọi trong lòng!

Một bài thơ đã nhiều lần nhắc tới, lúc đó như long lanh nổi lên những ý tha thiết không ngờ:

Có những buổi, ta nhìn em kinh ngạc

Hồn mất dần trong cặp mắt lưu ly

Ôi mắt xa khơi, ôi mắt dị kỳ!

*Ta trông đó thấy trời ta mơ ước
Thấy cả bóng một vùng đông thuở trước
Cả con đường sao mọi lúc ta đi
Cả chiều sương mây phủ lối ta về
Khắp vũ trụ bỗng vô cùng thương nhớ.*

Tuấn đọc khẽ mấy câu đầu. Rồi hứng khởi nâng giọng cao dần, anh say sưa nghe tiếng anh vang trầm và đưa xa, vượt hẳn từng đoạn ngân, dịu dàng và réo rắt theo những điệu sôi nổi:

*Ta run sợ cho yêu là mệnh số
Mặc tay em định hộ kiếp ngày sau
Vì người em có bao phép nhiệm màu
Một sợi tóc đủ làm nên mê hoặc
Ta đặt em lên ngai thờ Nữ sắc
Trong âm thầm chiêm ngưỡng một làn da
Buổi em về, xác thịt tâm hương hoa
Ta sống mãi, thờ lấy hồn trinh tiết
Ôi! Cám dỗ! Cả mình em băng tuyết
Rợn xuân tình lên bộ ngực thanh tân!
Ta gần em, mê từ ngón bàn chân
Mắt nhắm lại, để lòng nguôi gió bão.
Khi sùng bái ta nâng từng nếp áo,
Nhưng cúi đầu trước vẻ ngọc trang nghiêm
Ta khẩn cầu từng sớm lại từng đêm
Chưa tội lỗi cũng thấy tràn hối hận.*

...

Một câu cười khẽ sọc lên đầu đó.

Tuấn quay đầu lại nhìn ra hiên. Khung cửa sâu tối trống không. Anh ngoảnh sang phía trong thì Lan Hương đã đứng cạnh anh, áp bên tay trái.

Tuấn mừng rỡ không nói được.

Khói hương bay loạn vì anh vùng đứng lên.

Lan Hương lại về! Đang ở trước mặt anh đây, và Lan Hương tươi đẹp lộng lẫy hơn trước! Áo nàng màu lá cây điểm kín đóa những vòng thêu ẩn hiện

lấp lánh như dát ngọc châu. Thân nàng như một mình cây rêu bán đầy hạt móc. Chiếc quần cẩm nhưng mềm nhẹ phủ trùm xuống như hơi sương trên đôi chân hài.

- Lan Hương! Lan Hương! Em... ồ... thực Lan Hương của anh đây rồi!...

Nàng mỉm cười, đôi mắt ngọc huyền khoan dung soi vào lòng sung sướng của anh...

- Lan Hương! Em có biết anh đang cầu khẩn em đây không?

Nàng thoáng liếc những vàng hương bày giữa nhà. Nàng đứng đĩnh nói qua nét cười :

- Em không biết sao em lại về?...

Rồi nghiêm nét mặt lại, nàng thở dài, nhưng đôi mắt lại tươi sáng ngay, nàng ngồi xuống ghế và dìu Tuấn ngồi ghé cạnh. Một tay vẫn đặt lên vai anh. Nàng nhìn nhận vẻ mặt xanh gầy của anh.

Nàng nói, tiếng nói nghe gần mà như từ đâu xa vừa tới.

- Em giận anh lắm, anh đòi biết những điều không cần biết, anh bắn khoản nghĩ ngợi quá để động tới lòng hờn dỗi của em... Em vẫn còn giận anh, đã nguôi đâu, nhưng giận mà vẫn không thể nào quên được thương nhớ.

Nàng ngả đầu bên má Tuấn, giữa lòng bàn tay cho anh đặt tay lên. Tuấn chỉ khẽ nói được một câu :

- Thế em có còn giận anh mãi không?

Nàng ròn rã cười, ngẩng lên nhìn nghiêng :

- Cái bác si tình này rõ khéo hỏi ngẩn ngơ. Những nỗi khổ lòng còn cả trên nét mặt anh đây, sao em không cảm không thương? Thôi, em chả giận nữa đâu, đừng khóc nữa.

Tuấn đã qua được cái phút mừng tủi ban đầu. Anh tự nhiên hơn trong cử chỉ thân yêu, và lời nói có duyên dễ dàng đến miệng :

- Không đâu, anh không khóc nữa, mà cũng chẳng còn khổ nữa. Em đến, thế là hết cả gánh nặng cho anh, tiêu tan hết cả muôn nghìn vạn ức cay đắng... Lòng anh bây giờ chỉ tràn đầy hạnh phúc mà Lan Hương mang đến, đem trả lại cho anh...

Nàng nghe, mắt đăm đăm một vẻ say sưa dịu dàng. Nàng hướng lấy những lời tâm tình của ai mỗi lúc một nồng nàn theo sự ấp iu một thêm khăng

khít.

Cánh mũi hơi nheo lại, nàng trách đùa :

- Anh chàng này lại sinh ra rượu chè nữa đây!

Tuấn cười, muốn nói: “Uống để quên buồn” nhưng anh chỉ im lặng. Nàng nhẹ gỡ cánh tay Tuấn, đứng lên nhìn anh trong làn mắt quyến luyến lả lơi, rồi lững thững đi xem khắp nhà như một người mới đến.

Tuấn nhân lúc ấy ra hiên vội sửa lại vẻ trẻ tràng của râu tóc anh. Anh cạo mặt mò trong bóng tối. Lúc Tuấn trở lại thì Lan Hương đang bỏ áo bên giường.

Anh đến trước mặt nàng, thân thể bừng dậy một sức trai tráng si mê và lòng khê run một thứ tui hổ êm nhẹ. Anh quỳ gối xuống đất giấu đầu vào lòng Hoàng Lan Hương, muốn giữ mãi mãi lấy nàng trong hai tay ràng buộc.

Lan Hương đỡ anh dậy, ánh đèn vắn nhỏ trên bàn làm trong treo bóng tối. Thân hình nàng dưới màn áo dịu mỏng lồ lộ hết châu báu của tòa nữ sắc vô song. Cái lâu ngà ngọc đẹp thêm một vẻ thần tiên khi ở trong màn sương chập chờn.

Những ngón măng chuột của nàng bó lấy cánh tay anh, nàng nói như mê man :

- Ai mà không thương anh cho được! Người đàn ông nào đây? Mà có sức quyến rũ nhau đến chừng ấy...

Nàng kéo Tuấn lên, nói nhỏ vào tai chàng :

- Tất cả mình em nhớ anh quá quắt lắm... chốn nằm ngòì của thân em như trăm nghìn cánh tay ôm ấp của người yêu...

Tuấn chỉ khê đáp :

- Lan Hương!

Nàng liền lả người, giao phó toàn thân, buông mình trong nguồn im lặng nồng say và dữ dội.

* * * * *

Tuấn rắp tâm hỏi một câu anh đã dự sẵn.

Anh chưa lựa được cách cho lời nói thốt ra, và lặng nhìn bên trong khi nàng thu người nép bên cạnh. Nghe hơi thở của nàng, Tuấn sợ nàng ngủ đi mất, khê gọi :

- Lan Hương!

Đôi mắt đen ngược lên nhìn anh. Miệng nàng mỉm cười, chờ đợi.

- Lan Hương ơi... em... em có biết anh nghĩ gì lúc này đây?

Nàng hơi nhú mày nhưng vẫn cười :

- Anh chỉ nghĩ lẫn thân.

Rồi không để Tuấn nói nữa, nàng tiếp luôn :

- Em khổ lắm. Anh giày vò em vì bao nhiêu tầng nghi ngại... Anh đón hỏi, anh nghĩ ngợi... cả trong những đêm yêu dấu, anh dò xét em trong giấc mơ. Không, anh để em nói. Anh nghĩ gì, anh định hỏi gì em đêm nay, em biết cả, mà em biết, em càng thêm tủi... Em yêu anh, em có cần biết rõ anh đâu. Cả đến tên của anh em có hỏi đâu. Duyên may như gió thổi, tình cờ đưa em qua chốn này. Em thấy một văn nhân cầu tứ trong đêm khuya, thế là lòng em rung động. Đến với nhau ngẫu nhiên, rồi sẽ phải xa nhau mãi, trước kia không duyên có, không gặp gỡ mà yêu dấu thì sau cũng không oán giận sự chia ly... Duyên ta chỉ có một hồi, anh nên để cả trăm năm vào sự ngăn ngại ấy.

Câu nói nàng đượm một giọng buồn mà Tuấn chưa từng biết lần nào. Những lời yên ủi anh như thốn thức những ý tủi hận. Tuấn ôm sát nàng vào lòng thì thấy đầm ướt một bên ngực.

- Trời ơi! Sao em lại khóc! Lan Hương?

Nàng nghẹn ngào :

- Không, em sung sướng mà khóc đấy. Em chỉ nghĩ đến lúc này thôi, chỉ hưởng lấy hạnh phúc được nằm bên anh thôi. Giây phút này còn nhiều nữa trong đêm nay kia mà, phải không anh, phải không mình?

Tiếng “mình” nàng gọi đến lần đầu tiên, tha thiết một vẻ rất lạ thường trong giọng ướt lệ. Tuấn chột lo sợ, chống một bên cánh tay nhìn nàng. Anh không nhận được câu hỏi :

- Sao, Lan Hương? Chỉ còn đêm nay nữa thôi ư?

Nàng gật đầu, nhưng rồi bật cười thấy Tuấn cuống sợ ra hết cử chỉ. Nàng nhẹ bặt tay lấy miệng Tuấn, và kéo anh chàng xuống bắt nằm im.

- Anh để em nói anh nghe. Lúc này vào đây em bảo là giận mình, nhưng em nói dối đấy. Em chỉ tưởng kiếp kiếp không thể nào về với nhau được

nữa, nhưng lòng em còn ân hận mãi, đêm nay cảm vì tâm thành của người yêu, em lại về cảm tạ tình anh, cũng để giải cái hận không có đêm từ biệt... Không, mình đừng nói, em nghe thấy ý mình rồi. Duyên ta có lúc cùng, nhưng tình ta còn mãi mãi không thể mất được...

Nàng vui vẻ đưa tay cho Tuấn giữ.

- Thật đấy, thân em sẽ không được gần anh nữa, nhưng tâm hồn Lan Hương không mất được... vì... vì... còn ở mãi trong tưởng nhớ của anh, phải không? Đây em nói rõ cho anh biết nhé: Anh có biết tình anh đã sinh ra một Lan Hương không giống ai, không thuộc về loài nào, cũng không có hẳn nguyên tính, nguyên chất của Lan Hương nữa. Trước kia có lẽ em là một loài thảo mộc nào. Nhưng bây giờ anh muốn nghĩ em là giống nào thì em là giống ấy, một buổi chết rũ dưới hoa, và tâm hồn u uất còn vẫn vơ mãi; em có thể là một người của những áng văn thơ ngàn đời kết lại, mà cũng có thể là hồn tinh của hương hoa. Nhưng Lan Hương của anh chỉ muốn là Lan Hương của anh thôi.

Nàng đắm mắt nhìn xa, đối diện Tuấn mà như cách biệt, nói những lời quá chừng hoa mỹ mà giọng hết sức chân thành.

Lòng Tuấn ngỡ ngác nghe theo và ngạc nhiên thấy trong ý sâu kín của mình đã nghĩ đúng như nàng vừa nói.

Thốt nhiên, nàng cười dồn một chặng, tiếng lạnh lạnh rung động khắp người Tuấn, rồi nàng cúi đầu vào vai anh rúc rích hoài. Tuấn lùi ngực lại, nhẹ ấn vai nàng ra coi thì đôi mắt lại như vừa khóc, vẻ mặt buồn khổ ngoảnh giấu vào phía trong. Tuấn lại chống tay dậy vỗ về nàng, tâm trí hỗn độn và ảo não một tình thương mơ hồ. Anh âu yếm lau nước mắt cho nàng và ngừng tay trước hai mắt kia nhìn anh một vẻ yên lặng vô cùng tận.

Anh gạt người lên vì một tiếng gọi âu yếm :

- Mình!

Nàng thấp tiếng xuống nói tiếp :

- Em nói nhiều quá, toàn những lời vô ích, đến với nhau có phải để phân giải đâu? Đêm của đôi ta một khắc một mất đi mãi. Em... Có chuyện này muốn hỏi mình. Nàng trỗi dậy áp miệng vào tai Tuấn nói bóng gió một câu rất tình tứ.

Nhưng nàng lại ngả người ra tiếp sau tiếng cười khẽ.

- Phải đấy, ta yêu nhau hơn, mình yêu Lan Hương nữa đi!

Nàng áp má đón giữ lấy bàn tay ve vuốt của anh.

Tóc nàng xõa lượn dưới khuôn mặt bừng say...

Và biết bao đắm đuối mê cuồng trong hai vòng tay mềm của nàng quấn quýt!

* * * * *

Tuấn nhất định cố thức. Đêm tĩnh tịch trèm vầy lấy căn phòng mờ sáng trong một màu hồng. Lan Hương khép cánh hoa dịu thơm bên mình anh. Thần trí Tuấn dật dờ trong các tiếng canh khua, chập chờn vương theo một ý băng khuâng... và bỗng như choàng tỉnh dậy.

Anh không trỗi, tin rằng mình không hề ngủ. Có chăng chỉ là chớp mắt một giây lát ngắn thôi. Nhưng Lan Hương nằm đâu? Anh chực vùng dậy lòng sẵn đón các điều buồn bực, thì nhận thấy có người thấp thoáng trong nhà, ở gần kê bàn làm việc của anh.

Nàng.

Anh gọi :

- Lan Hương!

Người thiếu nữ không giật mình, “ạ” một tiếng rất ngoan. Nàng đã chinh tề ăn mặc như lúc mới vào, lững thững bước lại gần Tuấn. Lần thứ nhất anh chú ý đến bước đi quá chừng êm nhẹ của Lan Hương. Nàng đi như không hề đặt chân xuống mặt đất. Anh chợt hỏi :

- Kìa, đôi giày của em đâu rồi?

Nàng đặt tay giữ ống quần và hé bàn chân không ra, vừa thong thả cười nói :

- Em... đang tìm giấy gói để lại đôi hài này cho anh.

Rồi nàng đưa cái tay giấu sau lưng ra. Tuấn cầm lấy đôi hài ngẫm nghĩ một lát.

Nàng ngồi xuống mép giường kéo tay Tuấn đặt vào lòng với đôi hài và dò ý tứ trong mắt anh. Rồi chậm rãi, nàng hỏi Tuấn :

- Đôi hài này còn ghi những bước sau cùng của em khi tới đây với anh...

Nàng vội nói thêm :

- Nghĩa là làm chứng cho lòng ân ái của em khi trở lại với anh lần sau cùng. Em để vật ấy lại cho anh làm kỷ niệm.

Tuấn bất chợt thấy mắt nàng long lanh lên trên vẻ mặt nghiêm trầm. Nàng đứng dậy vừa nói :

- Nó cũng là hoa kết lại đây, mình nương nhẹ cho em.

Rồi đỡ lấy đôi hài, nàng đứng đỉnh ra ngồi trên ghế bành và gọi Tuấn :

- Anh ra đây.

Lúc Tuấn ngồi chung ghế với nàng, Lan Hương lại dặn :

- Anh lấy giấy bọc lại rồi cất đi, em chẳng muốn cho ai trông thấy nó đâu.

Tuấn với một tờ báo phong đôi hài đặt xuống gần đó và không dám đứng dậy.

- Anh đem cất đi đi!

- Không. Lan Hương, chẳng nhẽ bỏ anh bây giờ sao? Kỷ niệm của em anh giữ gìn nhưng anh trao lại cho em cả tâm hồn anh rồi. Cả sự sống nữa. Em mà ra đi lúc này...

Nàng giơ tay bịt câu nói của Tuấn :

- Không, em không đánh lừa anh để biến mất ngay đâu, em chưa đi vội đâu...

- Nhưng rồi em cũng bỏ anh phải không?

Nàng thở dài :

- Em không gần anh được mãi.

Bao nhiêu lời van lơn của Tuấn chỉ làm nàng thêm nước nỡ. Hỏi, nàng chỉ ghen ngào than trách số phận ác nghiệt. Tuấn cũng rưng rưng nước mắt. Hai người ôm nhau chung một tình ngậm ngùi.

Lan Hương thu nhỏ người lại trong tay vỗ về im lặng của anh.

Tất cả vẻ đẹp của nàng như nổi dậy lên, như lộng lẫy thêm, quý báu vô cùng vì sẽ không còn đó mãi. Sự tiếc rẻ thêm gay gắt và lòng quyến luyến càng thiết tha. Tuấn muốn hòa hợp hai người vào một cuộc đắm đuối vô cùng và đã thấy những ý kêu gọi long lanh trên mắt người thiếu nữ.

Thân thể nàng rung gợn cùng một câu nói hạ thấp :

- Sao mình không... cất đôi hài của em đi.

Tuấn đem cất vào ngăn kéo bàn giấy rồi trở lại ngay. Lan Hương đã ở bên giường nhí nhảnh vui tươi, nhưng một vẻ trang trọng lả lơi còn trầm ngâm lắng trong đôi mắt.

Nàng ngừng lại giữa lúc cởi áo ngoài, run run tiếng nói riêng vào tai Tuấn :

- Mình, em yêu mình, em yêu mình!

...

Tuấn thức dậy thì trời đã sáng bạch. Anh không thấy bông hoàng lan nào nàng để lại như mọi lần. Có lẽ đó cũng là một dấu hiệu. Anh cố tìm cách tự an ủi để đành tâm chịu lấy sự vắng mặt người yêu. Tất cả ân hận của anh bây giờ là không thể gắng thức được lúc nàng đi, gọi là có phút thở than vĩnh biệt.

- Nhưng Lan Hương có để cho ta tiễn biệt bao giờ đâu? Có lẽ nàng không đủ can đảm.

Tuấn đoán rằng đêm vừa qua nàng định ra đi ngay từ lúc để lại đôi hài.

Tuấn cảm động nghĩ đến sự gìn giữ trân trọng của anh đối với vật kỷ niệm thân yêu đó. Anh thầm nhủ :

- Lan Hương ơi, từ nay anh chỉ còn một chút hương thừa của bàn chân em nữa thôi.

Đến bàn viết, rút ngăn kéo nâng cái gói cất đó đêm qua, thì lạ lùng sao! Anh thấy trên tay nhẹ bồng.

Tuấn thất vọng mở mau tờ báo ra để thấy điều mà mình đoán trước.

Trong gió toàn một thứ cánh hoa mẫu đơn trắng lẫn với những sợi cỏ tóc tiên.

Mấy bông hoàng lan khô anh giữ trong hộp đựng thư cũng biến mất.

Thế Lữ

Tiếng Hú Ban Đêm



Trại Bồ Tùng Linh (VIII & IX)

uẩn lượng trước cái buồn của mình trong những ngày dài dằng dặc sau này. Anh không thể đành lòng ngay với sự đoạn tuyệt đột nhiên và kỳ dị của người thiếu nữ. Cái phen tái hợp ngắn ngủi kia chỉ khiến anh thêm tiếc thương, thêm ham muốn người đẹp. Lòng anh mất hẳn mọi hy vọng của sự nghi ngờ. Thôi, từ nay trở đi Lan Hương sẽ

không khi nào còn đến với anh nữa.

Tuấn nhận được điện tín của Bình ở Hà Nội hẹn về chơi. Anh mong bạn như mong sự yên ủi. Trong thư trước trả lời anh, Bình xem ra để tâm tới chuyện của Tuấn lắm. Anh chờ đợi bạn đến mãi mười một giờ hôm sau.

Nhưng đến khi Bình đến Trại Bồ, Tuấn thấy hơi khó chịu. Người bạn vui vẻ nhanh nhẹn kia hỏi han và xem xét cuộc tình duyên của anh như một nhà luận lý thiết thực. Tập “Thư nhật ký” giờ chùng của Tuấn, Bình đọc rất chăm chú nhưng mắt thoáng có những ánh cợt đùa. Tuấn thuật tiếp chuyện Lan Hương để đáp lại những câu hỏi cặn kẽ của Bình và rào trước :

- Không phải là tôi không suy nghĩ đến đủ các lẽ, nhưng vô ích. Đến ở ngay trong cảnh, đem hết tri giác, hết tâm tư ra mà luận đoán bao lâu còn không hiểu gì cả, nữa là đứng ngoài trông vào... Đây có phải là tiểu thuyết đâu?

Bình gật đầu mỉm cười nói chậm rãi :

- Đứng ngoài trông vào... Có lẽ chính vì thế mà cái tiểu thuyết của anh, hay của Lan Hương mới rõ được các đường lối... Giá như anh tình tường được như lúc chưa bỏ dở những đoạn nhật ký rất hay của anh thì có lẽ tôi nói chuyện với anh dễ hơn. Nhưng anh si tình mất rồi. Tôi lấy làm lạ rằng anh si tình như một cậu học trò hai mươi được yêu lần thứ nhất.

Tuấn nhìn bạn, buồn rầu và thương hại cho bạn hay cho chính anh. Một lúc lâu anh mới thở dài nói :

- Không phải thế đâu, Bình ạ. Có lẽ tôi yêu mê, yêu say thực, nhưng chính tôi không còn tấm lòng của người học sinh tuổi hai mươi... Đàn bà qua trong đời tôi cũng đã nhiều, nhưng toàn là những thứ tình đẹp đẽ một cách rất văn chương: tôi ôm ấp trong tay và nghĩ đến một đoạn văn sẽ viết. Tôi thực không được yêu - không yêu được ai hết. Nhưng đến người đàn bà kỳ dị này.. Không! Thực thế đấy, cái sự vô lý ỡm ờ đó thực đã khiến tôi... không đời nào sẽ quên được. Cái bí mật của Lan Hương tôi dò xét chán chê rồi đấy, nhưng bây giờ tôi đành chịu...

Anh nhìn xa, nói trầm ngâm như nhắc cho mình nghe một câu quen nghĩ :

- Đã là sự bí mật thì chỉ là sự bí mật, không thể nào tìm được một cách phân giải nào bao giờ...

Tuấn để mặc bạn dò xét, tìm tòi và căn vặn.

Anh trả lời các điều Bình hỏi và lững thững đưa Bình đi xem khắp Trại Bò. Tuấn nhìn lại các hình cây vòm lá anh đã thuộc lòng và nay thấy mất đi một khí sắc huyền hồ rất thân thiết. Anh nhớ lại những lúc đứng dưới bóng đa cổ kính mà tưởng đến hồi quá khứ nặng trĩu cành lá những ngày nào: bây giờ cây đã hóa không hồn cũng như những rèm liêu, những vùng mầu đơn và cả đến dăm bảy gốc hoàng lan trơ trẽn.

Tuấn nhìn vẻ trầm mặc ngẫm nghĩ của Bình mà thấy hết cả sự vô ích của lý trí. Bình trở cây bồ đề cối gần bờ nước :

-Từ khoảng cây này đến cây hoàng lan là chỗ cái hình bóng biến đi phải không? Thăng Dần không trông rõ lúc biến mất?

Tuấn toan nhại lại: “Trông - rõ - lúc - biến!” Nhưng anh chỉ gật đầu.

Bình với tay ướm một đoạn thân cây, rồi lên qua khóm lá thấp tới bên gốc đề ba trạc.

- Trèo lên đấy dễ lắm. Lá chung quanh phủ kín đáo ba mặt. Giá... một buổi tối nào tôi muốn biến mất thì...

Bình bật ngừng lại: Đôi mắt Tuấn vừa lờm anh.

Bữa cơm chiều, Tuấn khề khà uống rượu trước vẻ ngạc nhiên và ái ngại của Bình. Tuấn chỉ nói đến chuyện văn thơ, Bình hiểu anh chàng tránh những lý luận của bạn. Nhưng Bình đã rắp tâm hỏi lại các việc muốn biết, rồi đi

bách bộ ở ngoài hiên rất lâu. Anh nhăm thăm trong trí câu nói của Lan Hương mà Tuấn chép lại trong tập “Nhật ký”.

“Nhà em ở bên một hồ nước, sau rặng liễu và khóm trúc vàng... em sẽ đưa anh đến nếu anh xứng đáng...”

Bình vào nhà, ngồi trước bàn viết của Tuấn nghĩ ngợi đến khuya rồi mới đi nằm. Bên cạnh Tuấn, trong bóng hồng mờ - ngọn đèn treo trên phía bàn lúc ấy đã vụn nhỏ hơn - Bình chập chờn với nhiều câu hỏi. Anh ngủ thiếp đi khi tưởng tượng đến một hình ảnh kiều diễm.

* * * * *

Sáng hôm sau Tuấn thức dậy, chưa biết Bình đi đâu vắng, toan gọi thẳng Dần hỏi thì Bình mũ áo hăn hoi ở ngoài vừa trở về.

Bình trả lời Tuấn :

- Tôi đi tìm cô Hoàng Lan cho anh. Chưa thấy nhưng thế nào cũng thấy. Tôi muốn cả anh cùng đến một chỗ này, nhưng tôi còn muốn anh nghe tôi nói đã. Đêm qua tôi nghĩ nhiều lắm, thì ra câu chuyện của anh cũng có liên quan đến các bí mật của chủ nhân Trại Bồ này...

Hôm nhận được bức thư văn tắt của Tuấn, Bình đã hỏi biết được rằng chủ nhân khu Trại Bồ là một vị hưu quan. Ông ta có một trai và một gái. Người con trai lấy vợ rồi sang Pháp học và chết ở đó; con dâu ông Án buồn rầu quá, tự tử chết, nhưng việc ấy giữ kín trong nhà. Hai cô con gái lớn lên rồi “lấy chồng rất xa”... cả việc ấy cũng chỉ là một cách che đậy. Hình như họ bị thất tình, trốn đi, hoặc bị cầm giữ ở một bệnh viện nào, hay cũng lại quyên sinh như người chị dâu. Nhưng chuyện đó đến hôm nay Bình không cho là quan hệ lắm nữa. Vì Bình đã biết người văn “hiện” đến đây, trái với điều Bình đoán từ hôm trước, không phải là người nhà này. Cô con gái tên Hoàng Lan Hương (tên đó có phải tên thực hay tên mượn?) có lẽ chỉ là bạn bè thân thuộc gì với ông Án. Cũng là con nhà thế gia, sống trong khuôn viên nghiêm cấm, và nuôi tâm hồn cô quạnh bằng tất cả cái kho tàng lãng mạn nồng đằm của văn chương, Hoàng Lan Hương hẳn có một phen thất tình (Bình vội chữa câu nói lỡ) hẳn cũng... có một sự uất ức gì đó. Người thiếu nữ kiều nhược sống với tưởng tượng, lòng âm ỉ cháy những sự ước muốn ngấm ngầm, là hạng người rất dễ bị kích động. Một cuộc phân ly, một

chuyện bức bách về tâm tình, một sự tuyệt vọng cho duyên phận, thế là đủ cho cô Lan Hương khuê các, lặng lẽ thành ra cái nhân vật kỳ dị mà Tuấn thấy “hiện lên” ở Trại Bò này. Trại Bò chẳng qua là nơi trước kia Lan Hương thường qua lại chuyện trò với mấy người bạn chí thiết? Những lời tâm giao, những câu than thở hay giải bày, những mộng tưởng ân ái thổ lộ qua từng đoạn văn thơ... Bao nhiêu tâm sự ấy vẫn còn u uất trong bóng lá cây.

Trại Bò về sau bỏ hoang vì cái oan khí của người con dâu và cảnh chia rẽ đột nhiên của gia đình chủ nhân.

Chỉ có Lan Hương là người thỉnh thoảng đến thăm viếng. Và chỉ đến những lúc đêm tối, hoặc để không ai trông thấy hoặc để cảm thông với hồn cảnh vật hay để tưởng mình là hiện tinh của hoa cỏ, nay vì một cơ éo le ồm ờ nào thường dật dờ trong trí não vợ vẩn của người... người... (Bình chọn lấy tiếng nhẹ) người không vững bộ thần kinh.

Tuấn ngồi nghe, bình tĩnh và có lẽ nhẫn nại. Anh chỉ mỉm cười một đôi chỗ, rồi lại chăm chỉ yên lặng theo lời phân giải của Bình. Lúc đó anh mới khẽ nói :

- Không... vững bộ... thần kinh? Thì anh cứ bảo là người điên có tiện không?

Bình :

- Người điên... có lẽ. Nhưng không là thứ người điên rồ dại mất hẳn thần trí. Lan Hương có những lúc, những hồi giữ một ý định rất bền chắc, những hoài niệm rất mạnh mẽ và có lẽ tinh thần sáng suốt một cách kỳ dị để sống trong những nhân vật và những cảnh tưởng tượng ra...

Lan Hương đến trại lần này anh thấy không phải mới lần đầu. Những lần trước không biết cô ta tưởng mình là gì. Nhưng khi đột nhiên thấy có một anh chàng viết lách dưới đèn trước cửa sổ, không biết ở đâu tới, nhưng đoán chắc là một nhà văn, Lan Hương mới nảy ra cái ý dàn xếp câu chuyện có một vẻ đẹp huyền hồ và làm thực hiện một thiên Liêu Trai mới. Trong ý đó có sự tò mò tinh nghịch của người đàn bà và tính thị kỳ của tấm lòng ưa tác quái. Cử chỉ của anh, sự kinh ngạc cùng với những câu hỏi ngờ vực kêu gọi thêm cái hứng thú khác thường của người thiếu nữ. Cái tấn kịch

ứng biến ấy, đêm này qua đêm khác, nối tiếp theo một điệu, một cách khá công phu. Không khí huyền ảo đã thừa có ở nơi hoang tịch này rồi, chỉ thêm sự giữ gìn chờ đợi cho khôn khéo, Lan Hương có thể ẩn đâu mà chẳng được? Cô nàng chọn một nơi ẩn tiện nhất, những khi cần phải lẩn tránh; không kín đáo lắm nhưng lại rất chắc chắn vì không ai ngờ. Những người vào hạng này thường vẫn có những thông minh sắc sảo thế đấy.

Tuấn đứng đỉnh hỏi :

- Anh cho là Lan Hương trốn lên cây... hoàng lan?

- Không

- Cây liễu?

- Không. Có một cây đậm hơn... dễ leo hơn...

- Cây đề?

- Có lẽ. Một người gái đẹp ẩn lên cây để xem một anh chàng ngớ ngẩn theo tìm... sao lại không? Mà sự trêu ghẹo đó biết bao thi vị!

- Nhưng về sau, Lan Hương có bị ai tìm theo đâu? Tôi ngủ dậy thì...

Bình bật cười :

- Thì không thấy cô nàng bên cạnh? Lạ nhỉ. Anh không thể ngờ được sao? Cô nàng đã biến một cách giản dị nhất: là nhân trời chưa sáng, bỏ anh ngủ đây, để lại cho anh một bông hoa hoàng lan nhạt ở ngoài vườn hay đem theo sẵn trong mình... lẳng lặng ra về, dễ lắm. Những bông hoàng lan của Hoàng Lan Hương... Cái ý nên thơ xinh xắn có thể làm vẫn vợ được một anh chàng tên là Tuấn... Nhưng đến mớ cỏ với những cánh mẫu đơn tráo đổi vào đôi hài... thì... cũng hơi ngoa.

Bình chắc hẳn hồi lý thuyết của mình làm tỉnh ngộ bạn ngay, và sững sờ thấy mặt Tuấn vẫn lạnh lùng. Tuấn khảy một nụ cười nhạt nhẽo của người không tin nhưng không buồn cãi.

- Đa tình cũng đẹp lắm, nhưng đừng mê muội, Tuấn ạ. Anh làm tôi muốn thương hại cho anh...

- Đúng đấy. Bây giờ anh dẫn tôi đến con đường cuối cùng của anh đi.

- Con... đường... cuối... cùng?

- Ừ. Quên rồi à? Anh còn đưa tôi đi tìm... tìm thấy Lan Hương mà! Phải không? Ở đâu thế nhỉ?

Bình toan gặt với cái giọng thờ ơ của Tuấn, nhưng anh vẫn ôn tồn :

- Ở cũng không xa đây, độ hơn hai cây số. Tôi biết đây có một ngôi chùa, và mới qua quýt hỏi thăm được rằng có một người con gái nhà giàu đến ở trong ấy. Tôi chưa kịp tìm đến tận nơi, và muốn về để anh khỏi nóng ruột lúc thức dậy. Rồi ta sẽ cùng đến để anh trông thấy người tiên của anh giữa ban ngày. “Nàng thiếu nữ ban đêm” có lẽ bây giờ đã ngủ dậy.

Tuấn không nói gì, lấy chiếc áo trắng dài mặc, rồi theo Bình.

Ngôi chùa nhỏ có vẻ cũ nát ở trong một rào cây lưa thưa. Trước chùa một cây đa lớn và cả bóng. Cửa chùa bưng đóng, một cánh gỗ hé mở một phía bên.

Im vắng nhẹ reo trong râm lạnh và thơm nhẹ hương hoa. Một cây hoàng lan nhô lên khỏi một khóm trúc.

Tuấn thán nhiên trước một cảnh vô nghĩa lý.

Hai người đẩy cánh cửa hé bước vào. Không thấy ai. Hương khói vắng ngắt.

Trở ra còn đang bỡ ngỡ thì từ phía sau chùa có tiếng lá khô bị dầy xéo chầm chạp. Một bà già ăn mặc cũ kỹ cầm chổi bước ra sân, một đứa bé con gái, đầu còn trái đào, tay cầm một cành ổi, hai quả đã chín, trở mắt nhìn hai người.

Bà già lúc đó mới biết có khách lạ.

Bình hỏi nhưng bà già không biết ai là cô Lan Hương. Ở đây độ hơn tháng nay có một cô con gái lịch sự, nói tiếng trọ trẹ, và một đứa ở gái, không biết tự đâu đến xin trọ ở chùa. Đứa bé nói leo: À phải rồi, cô Huế với chị Tân. Cô con gái hình như ở dưỡng bệnh, cả ngày cả tháng chẳng chuyện trò chi hết, chỉ thỉnh thoảng vợ vẫn hát những câu lạ tai và buồn buồn... Bà già là người vẫn ở nhờ đây, giúp đỡ người đầy tớ cô gái kia về việc mua bán thối nấu; nhiều lúc bà già cũng dò hỏi và tìm cách gợi chuyện với cô Huế, nhưng không biết được gì.

Bình hỏi người con gái hình dung thế nào.

Bà già đáp rằng cô ta mặc quần áo hàng đen, tóc tết vấn trần, cũng có hôm búi thành món sau gáy, da trắng xanh, dáng người yếu ớt có lúc nào sai bảo đứa ở thì nói nhỏ nhẹ ít khi bà hiểu là nói gì.

Bình thấy Tuấn nghe bằng cái tai rất lơ đãng. Tuấn có vẻ một người ngoài cuộc đi với Bình cho có bạn và lễ phép không dính dáng đến việc không phải của mình...

- Thế... (lời Bình hỏi bà già) cô... Huế không ở đây nữa sao?

- Bấm vâng. Hai ba hôm trước người nhà đưa ô tô đến đón đi, hôm đến ở cũng người nhà đưa đến.

- Sao lại ở đây mà không ở chỗ khác?

Nhưng Bình tặc lưỡi mà hỏi tiếp một câu mà bà già lại không biết thế nào mà trả lời. Sau một hồi căn vặn không có kết quả gì, Bình đành phải trở ra với anh chàng Tuấn hững hờ một vẻ đáng ghét. Hai người không nói với nhau một tiếng nào trên đường về.

* * * * *

Về nhà, Tuấn ngả người trên ghế bành, ngồi rất im lặng.

Bình đang tìm cách phân giải cho Tuấn nghe những lý luận của mình thì đột nhiên, nhìn thẳng vào mặt bạn, Tuấn hỏi :

- Này Bình, bao nhiêu lời anh nói với tôi lúc sắp ra đi, anh còn nhớ cả chứ?

- Còn, thế sao?

- Anh cũng không tin hẳn, phải không?

Tuấn lẩm bẫm như nói một mình :

- Sự bí mật có bao giờ cắt nghĩa được đâu.

Bình không giấu được vẻ lúng túng. Mắt Tuấn sáng lên một cách lạ.

Bình hiểu rằng lời thuyết giải đến thế nào cũng không ích gì, ái ngại nhìn Tuấn.

IX

Mặc dầu bao nhiêu công tìm kiếm về sau, Tuấn và Bình đành chịu nhận Hoàng Lan Hương là sự bí mật không thể khám phá được. Một lần, cách đó tám năm, Tuấn nghe một vị bác sĩ chuyên chữa về thần kinh nói đến một bệnh nhân có những triệu chứng giống như giả thuyết của Bình. Đó là một người đàn bà. Người ấy tưởng mình là đủ các nhân vật trong tiểu thuyết, khi tin mình là công chúa trong cung cấm, khi là người kỹ nữ sông Hương ca những câu ai oán, lại cũng có khi tự nhận là một vài đào hát trứ danh

Nam Kỳ. Bệnh không thể nào chữa được. Người điên mất hết lý trí, đã giao trả về nhà và hình như đã chết. Tuấn không còn cách nào biết rõ thêm.

Thời gian không có hiệu lực gì: Tuấn không bao giờ quên được Hoàng Lan Hương, và cả với Bình, anh cũng không bao giờ chịu nhắc đến chuyện trước. Văn nghiệp của Tuấn không hề có chút dấu vết nào của người thiếu nữ. Cuộc đời tình duyên của anh chàng cũng không thiếu những phen gặp gỡ dễ ư.

Nhưng đàn bà, đối với Tuấn, không ai có nhan sắc nữa.

Thế Lữ

Tiếng Hú Ban Đêm



Vàng và máu (I)

ẽ từ châu Kao Lâm ở phía đông và miền bản Slay ở phía tây mà đến, từ mạn bản Pắc đi xuống, và từ bản Hạ trở lên, cách non mười dặm chung quanh chỉ có quả núi đá Văn Dú là cao lớn nhất.

Sừng sững giữa trời, bao quát đồi cây gò đất, núi ấy trông đường bệ hách dịch như đứng làm chúa tể cho cả một vùng phong cảnh hoang vu. Dân Thổ ở các làng gần đó, ngày nào cũng trông thấy ngọn núi mù mù lam tím, nhô lên trên những hàng rừng xanh chi chít um tùm.

Những buổi hoàng hôn bóng chiều soi riêng một phía cũng như các ngày ủ dột âm u, Văn Dú lại hiện ra với một vẻ riêng oai linh và màu nhiệm.

Đối với ngọn núi lớn, người Thổ không chỉ có tấm lòng kính cẩn phảng phất đối với mọi cảnh bát ngát cao cả, họ còn sợ hãi Văn Dú như một vật có tri giác, có quyền phép làm hại người. Ở những miền quanh đó và trong thời bấy giờ, ai nói tới Văn Dú là một sự gở lạ. Họ chỉ gọi đến tên quả núi trong những khi tức giận nhau mà chửi rủa hay những khi thề bồi. Một người say rượu lớn tiếng xúc phạm đến Văn Dú cũng đủ làm cho khắp cả một châu biết đến tên mình; họ thuật lại những lời nói và cử chỉ của anh ta một cách e dè, nhưng đó là thứ chuyện họ ưa nghe ưa kể nhất.

Núi Văn Dú có một cái hang lớn. Đó là nơi chứa những tai họa ghê gớm cho giống người Thổ và là cái nguồn những sự khủng khiếp và những chuyện kinh hoàng. Người ta gọi hang là hang Thần, vì đó là chỗ thần núi ở.

Thần núi Văn Dú linh thiêng lắm, lại rất độc ác và hay nghi ngờ. Người nào hoặc vô tình, hoặc cả gan đến gần thần núi là bị thần hang bắt vào giết đi.

Cho nên từ Văn Dú trở ra chừng hai ba dặm chỉ toàn thấy rừng xác, đất hoang; người Thổ không dám đến khai phá để cày cấy.

Trong một năm có nhiều khi trời đất đang yên bỗng ùng ùng một cơn sấm sét. Trên không gió vù, chớp loáng như gươm thiêng vung tít; cây cối vật vã tan nát, người vật lo sợ mất hồn. Khắp mọi nhà đều khua gõ inh ỏi cùng với các bà then thầy pháp kêu khẩn cho đến khi nguôi cơn. Nhưng thế mới đỡ tai họa.

Lại nhiều khi, sau một hồi giông tố dữ dội, mây đen biến hết, ánh nắng lại soi xuống; bấy giờ trên đỉnh núi chập chờn một tầng khói phủ dần dần bay đi. Trong đám hơi trắng mà người ta bảo là nộ khí của thần hang, có người nói rằng thường trông thấy những hình bóng kỳ dị.

Trong trí tưởng tượng của người Thổ thì cửa hang Thần trông như mồm con yêu hay hổ quái gở. Cái mồm ấy phun ra những hơi độc làm thành dịch tễ, gió bão để phá hủy các làng. Trước cửa hang Thần, người thì bảo có toàn đầu lâu, người thì bảo có đủ các rắn rết. Lại có người khoe đã năm mớ vào tận trong hang xem. Qua khỏi những chỗ nguy hiểm rồi thì đến nơi ruộng nương tươi tốt, suối chảy thông dong, cây lá rườm rà, bò lợn từng đàn ăn trên những bãi cỏ xanh non, lại có các nàng tiên nhờn nhờn chần dặt. Song cái tấm ảnh đào nguyên kia, người tả cũng cho là một cảnh mai mĩa không thể làm dịu được vẻ độc ác của núi Văn Dú gây nên bởi những truyện phao truyền từ trước đến giờ. Những người già cả trong làng thì cho rằng hang Thần hóa thiêng là vì trong đó chôn cất không biết bao nhiêu thầy của quân giặc Khách. Bọn giặc này sang tàn phá nước Nam khi trước bị quân ta đuổi riết, túng thế ẩn vào Văn Dú rồi bị hãm chết đói trong hang. Đứa nào cũng mang theo rất nhiều vàng đã cướp của dân lành. Nay những của ấy hãy còn, nhưng chúng thành thần để giữ lấy.

Về đời ông cha họ thì dân cư vẫn thường cấy cày được ở gần hang Văn Dú; bấy giờ những tai họa chưa có mấy, nhưng mỗi khi sục sùi mưa gió lại vắng vắng như có tiếng khóc thảm thiết lẫn với tiếng cười gằn; chốc chốc một cơn gió là là mặt đất chạy qua, cửa hang bỗng gầm rít lên một cách giận dữ. Gần làng kia thuộc châu Kao Lâm có một cái suối chảy đến. Suốt phát nguyên từ Văn Dú và chạy ngang mặt đông bắc quả núi, là phía hang Thần

trông ra. Như thế là một sự nguy khốn cho làng ấy. Đã có một hồi, muốn phòng những tai nạn, người ta đặt ra lệ tế thần Văn Dú hàng năm. Vật hy sinh là một người con gái đẹp. Tiếng oán khóc của các cha mẹ những người gái trinh bị giết quăng xuống suối nghe bi thảm đầy trời đất, nhưng không hề cảm được lòng những dân làng độc ác vì ngu dại kia.

May sao được mấy năm sau, có một ông quan trấn người Kinh nghiêm cấm không cho giết người như thế nữa.

Về sau họ thấy trong châu động dữ và đã mấy phen toan giữ lại lệ xưa nhưng đều không thành.

Song cái tục vô đạo này tuy mất đi, cái linh thiêng của tà thần Văn Dú mỗi ngày một lớn, lòng mê muội và khiếp sợ của người miền ấy ngày một tăng thêm.

I

Một buổi chiều mùa đông, trời rét căm căm, mưa phùn bay mù mịt.

Từ miền bản Đông thuộc châu Kao Lâm đến mạn Văn Dú, có hai người đàn ông Thổ đang rảo bước đi. Hai người mặc quần áo vải chàm; áo cộc thắt lưng chèn ngoài quần ngắn và chít ống. Một người trạc ngoài bốn mươi, nét mặt già dặn, mắt sâu, miệng nhỏ, thở hơi ra như khói, cái quai nón mắc xuống cầm đờ lấy bộ râu thưa còn lấp lánh những giọt nước mưa. Thịnh thoảng ông ta ngoảnh bảo người đi sau mấy lời. Người này không nói gì cứ ra chân bước. Hăn còn trẻ; trông rắn rỏi và khỏe mạnh không kém người trước; hai môi dầy, trán nhô và cao; đầu quấn một cái khăn lớn. Một tay hăn thủ vào trong áo, còn tay kia thì nắm một cái lao dài. Hai người cứ trông thẳng phía núi đá mà tiến lên, lúc xéo lên những lối rậm rạp bên đồi, lúc giẫm gãy những nắm rạ cụt ở ruộng lúa. Qua hết đồi này lại đến những gò khác; những bụi cây xanh mưa ám mỗi ngày một rậm, đồng ruộng ngày một thưa; ngọn núi đá mờ mờ trong đám sương mù cũng ngày một rõ.

Gió bắc thổi bên tai vù vù từng trận. Trước mấy rặng rừng hay trước những khóm cây nặng nề ướt át, những làn mưa bụi trắng từng lớp bay qua.

Chân tay mặt mũi hai người tái cứng đi. Giá cầu chắc không biết đau, có lẽ cũng không biết rét nữa. Quần áo phía trước, mưa hắt nhiều nên ướt đẫm.

Từ đầu gối trở xuống toàn những đất đỏ với bùn; mỗi lúc qua một đám cây thấp nào thì cành lá gột sạch gần hết.

Đi tới miền đồi núi và bụi cây chen chúc nhau, không còn dấu vết cày cấy nữa, hai người Thổ trông thấy quả núi Văn Dú đứng chắn trước mặt, hình vóc cao lớn như ngăn đôi phần đất, đỉnh núi như chạm bầu trời.

Họ dừng chân ở cạnh một cái suối lòng sâu như vực. Nước suối xanh đặc như rêu thẫm, đang lừ lừ đi vào một cái hốc to dưới mấy cụm cây lá xò ra và phủ xuống như cánh tàn.

Họ cởi đôi hài xỏ [1] chùi xuống cỏ ướt rồi nhét vào trong nai.

Rồi họ đứng thẳng dậy, ngoảnh trông lại quãng đường họ vừa đi qua. Bấy giờ vào khoảng cuối giờ Thân (bốn giờ chiều), mưa đã gần tạnh. Bao nhiêu rừng núi đằng xa đều tan thành hơi trong đám sương dày đặc trắng đục. Chân trời một màu xám như bạc cũ, làm nổi bật những bụi rậm ở gần bên.

Trông sang mạn bờ suối bên kia, thì Văn Dú như sát lại cạnh mình. Quả núi lồng lộng đen sì làm át cả những đống gò nhỏ mọn. Một vài bụi cây xơ xác chen lách dưới những tảng đá lớn mốc rêu. Về phía trong cùng, một rặng rừng thấp và thưa thưa như không dám xanh tốt.

Hai người lằng lạng tìm một chỗ đỡ trớn và hẹp nhất, lần lần bám víu lấy cành lá rễ cây mà xuống rồi lại chậm chạp khó nhọc như thế mà leo lên bờ suối bên kia.

Từ bờ suối bên kia là địa phận của sự ghê gớm.

Sang tới nơi, họ lại xỏ chân vào đôi giày rơm, rồi cùng nhau đi đến chân núi.

Lần này, người tuổi trẻ phải cầm lao đi trước.

Họ bước đi rón rén, cẩn thận, bốn mắt liếc đây liếc đó. Hơi có tiếng lạ cũng dừng lại bởi vì họ yên trí rằng họ đã đi vào nơi hoang dã có lẽ chưa bao giờ có vết chân người.

Mưa đã tạnh hẳn rồi. Gió cũng đã ngớt. Chim chóc bắt đầu lên tiếng ở trên mấy ngọn cây cao hay trong ngách đá. Thỉnh thoảng một vài con quạ vừa bay ngang núi vừa kêu.

Đường đất cũng không đến nỗi khó đi quá như họ tưởng. Nhưng họ cũng không dám bước bạo.

Đi khỏi một cái đồi, qua mấy tảng đá nằm nghiêng trên đám cỏ lau đến một tùm cây họp lại thành gần như một cái miếu. Thấp thoáng trong đám lá xanh um, thấy như có dấu vết một bức tường đồ nát. Hai người không đứng lại. Dẫn lên mười bước nữa, đi về phía chân núi, qua khỏi cái miếu nhỏ, thì hang Thần hiện ra.

Hang Thần trông cũng không to: bề cao bằng nửa cây gạo già mọc trước cửa. Miệng hang loe ra như cái miệng hũ. Phía trên toác ra như cái môi rách, phía dưới có hai tảng đá dài và nhọn đâm lên ở hai bên mép như hai cái nanh. Trông vào trong hang càng xa càng rộng, càng đen tối thêm thăm thăm sâu vô cùng tận. Trên cửa hang chỉ chít các giống thảo mộc kỳ dị lấp lánh vì nước mưa phùn mới rửa. Từ trong kẽ đá, bò ra những khúc cây tròn và mốc, bám chặt vào miệng hang. Những dây những rễ; những lá đỏ, lá xanh, lớn bé lẫn lộn, mọc đầy mép hang; những cụm trúc rất nhỏ với những đám cỏ xác xơ chen nhau ở bên những khóm si con và những vùng tóc tiên xanh tốt.

Tiếng hạt nước đọng trên cao vẫn rơi xuống lộp độp lẹt đẹt không dứt, nghe mạnh hơn tiếng chim kêu ríu rít ở những ngọn cây nào. Bỗng chốc cơn gió thổi qua, một loạt nước đổ ào xuống như muôn nghìn quả chín rụng.

Hai người Thổ cùng nín tiếng, hai mắt mở lớn, người thì đưa nhìn tả, người liếc hữu, rồi lại trông vào cái lỗ hang đen tối âm thầm. Họ đã chực lảng lảng đi vào. Nhưng lại cùng nhau dẫn bước qua, đi sang phía hữu hang Thần đến bên lớp dứa ông xúm quanh chân mấy cây đại hình thù kỳ quái: những cây này đang uốn éo sát chân núi; cây thì chui ra khỏi một tảng đá vỡ, cây thì để cho dây leo quá chằng chịt, nhiều cây đã đổ, gãy, bật hẳn rễ, mà vẫn còn sống như thường.

Đang tha thẩn nhìn, không có mục đích, hai người bỗng trông thấy một vật gì màu lam ở dưới một cụm dứa. Nhìn kỹ thì hình như một bọc vải, một cái khăn gói màu lam, nằm trong đám lá đại với cỏ cao trên mặt đất. Nhưng không ai dám nói gì hết: nhiều vật tương tự như nhau có thể làm cho mình trông lầm được. Họ bèn bước lại gần để xem sao.

Thì ra một cái khăn gói thực. Một cái khăn gói đã mở, ướt như mới lấy dưới nước lên bên cạnh cái khăn gói ấy còn thấy một con dao rìng và một

cái gậy lớn.

Hai người Thổ cùng kinh ngạc như nhau, mỗi người toan kêu lên: “Có ai tới đây rồi!” nhưng không thể nào dám thốt ra miệng một điều quái lạ như thế.

Ông già ngập ngừng một chút, rồi cúi xuống giở cái bọc ra xem: một cái áo chàm vải thô, gói lấy hai nén bạc còn nguyên, vớ lại...

Bỗng một tiếng khiếp sợ rú lên ở bên cạnh. Ông già đứng phắt dậy, nhìn, thì thấy người con trai mặt tái mét, hai mắt mở to lạ, vừa chỉ về cái miếu trước mặt vừa lớn tiếng nói :

- Kòi ka! Kòi ka! (Kìa trông! Kìa trông!)

Vang núi cũng đáp lại hai tiếng “Kòi ka!” nghe như lời quát tháo.

Ông già trông theo ngón tay trỏ thì thấy trong đám miếu nhỏ, một người chết treo dưới một cây bàng trụi lá, mọc bên một bức tường đổ nát và mốc rêu.

Người chết hình vóc to lớn, đầu có bím vắt ra sau lưng. Chiếc dây chèo thông xuống thắt nút ở gáy và lẩn vào cổ, làm cho cái mặt phi, xám hơn bộ quần áo chàm ướt, cúi gằm xuống mà nhìn người ta bằng con mắt không có tròng đen. Hai bàn tay buông thõng, để cho nước mưa ở năm đầu ngón rõ xuống như giọt tranh. Hai bàn chân đen sì kiểng trên không, như muốn vớ lấy đám lá sắc cỏ nhọn mọc ở mặt đất.

Các nhánh cây cao chung quanh thỉnh thoảng lại đưa đẫy. Một đàn quạ đen sợ người không dám xuống, gọi nhau bằng những tiếng thê thảm lạnh lùng. Hai bác Thổ nắm chặt lấy tay nhau, không dám tiến, không dám lùi: quanh mình chỗ nào cũng thấy toàn sự chết.

Họ liếc nhìn vào chỗ tường đổ, trên mặt những gạch còn lại rêu non và những lá nhỏ bám xanh lè. Ở quãng giữa những mảnh tường, tự do mọc lên những cây lá lạ kỳ, rậm rạp. Dây bìm nứa tươi nửa chết bò leo ra tới mấy cây ở gần và rủ xuống phất phơ bên cạnh đui cái thây ma in lẩn trong hai ống quần dẫm nước.

Một trận gió lạnh buốt ào ào chạy đến làm rung động cả một phía rừng cây. Người Thổ già rùng mình một cái, còn người con trai thì bắt đầu run. Anh ta lẩm nhẩm trong mồm những câu gì mà người kia đứng bên cũng không

nghe rõ. Dần dần ông già như đã định trí, bèn dắt người con trai quay lại, toan cùng đi tới cửa hang. Song anh chàng càng đi càng run thêm, phải níu lấy ông già, van đừng tiến lên nữa.

Người Thổ già đứng lại, ngẫm nghĩ một lát, rồi lẩm bẫm mấy tiếng, trong lúc ấy người con trai một tay nắm chặt lấy lao chống xuống đất, còn một tay nhất định không chịu buông ông già.

Yên lặng hồi lâu, trời đất hình như chỉ riêng u ám ở chỗ hoang dại ấy.

Mặt ông già không còn nét kinh hãi nữa. Ông ta đang cúi đầu nghĩ, bỗng ngẩng lên, rồi nói :

- Bây giờ đi vào trong hang.

Anh con trai mở mắt rõ to :

- Hử? Đi vào hang à?

- Chứ gì!

- Không! Tôi sợ lắm!

Ông già cau mặt :

- Sợ gì mà sợ! Đẳng nào cũng phải vào trong ấy xem đã, rồi còn đi về nữa kia mà?

- Không! Không! Đi về thôi! Không vào! Vào thì chết!

Ông già lấy trong mình ra một mảnh giấy. Trên đó có mấy hàng chữ nhỏ mà ông ta không đọc, chỉ để mắt tới những hình vẽ ngòeng ngoèo như hình sông núi của bức địa đồ. Ông ta ngẩng nhìn thân quả núi cao, trông vào cái hang cách độ mười bước và lãnh đạm nhìn cái xác treo lủng lẳng kia.

Rồi ông ta thản nhiên nói :

- Nào! Ta đi vào đi.

Người con trai lắc đầu không thôi :

- Không có vào! Vào thì chết! Vào chết đấy!

Ông già cứ trông kia thì biết. (Hắn vừa nói vừa chỉ vào thân người Khách).
Người ta nói không sai đâu.

- Mà không vào thì tao vào một mình. Đừng có nói lời thôi. Rồi về đừng kể công đấy... Đi vào không?

- Không... vào thì chết thôi! Vào thì chết!

Người Thổ già thấy vậy bực mình để mặc người trẻ tuổi đấy, xăm xăm bước lại cửa hang.

Đến nơi, ông ta lấy trong bọc ra mấy thanh củi thông, một ít bụi nhùi với một hòn đá lửa.

Lúc bó đuốc thông đã cháy, ông già một tay cầm bó đuốc giơ lên ngang trán, một tay cầm thanh đao to bản, quay lại mắng người con trai là nhát, rồi bước thẳng vào hang Thần. Người con trai cuống cuống chạy vội lại cửa hang, cất tiếng gọi.

Nhưng ông già đã lẩn vào trong bóng tối. Ngọn lửa đỏ ngùn ngụt cũng dần dần bé, rồi biến hẳn đi.

Ở ngoài này, anh ta lắng nghe còn thấy đặng hắng một vài lần và thỉnh thoảng có tiếng chân thong thả khua trong một vũng nước.

Anh con trai chợt nghĩ đến những chuyện ma quỷ ám ảnh người chết mà dẫn vào chỗ chết. Anh ta thốt nhiên hối hận rằng không nhảy xổ vào mà kéo ông già lại. Chắc hẳn ông già này lại bị thần núi bắt vào hang. Anh chàng cố nín hơi nghe tiếng chân dần dần bước còn thấy đưa ra là ông già vẫn còn sống...

Gió bên ngoài thổi qua không buốt bằng hơi lạnh ở hang đá. Anh ta run cầm cập, hai hàm răng va nhau ngày một mạnh.

Bước chân đã thấy im từ lâu.

Chốc chốc lại có tiếng kêu “chít chít” nhỏ, với tiếng thì thầm lớn, tưởng như lời mĩa mai độc ác của yêu quái, ngời xồm đang vừa ngáp vừa bàn nhau. Thỉnh thoảng hình như cả cái hang thở dài. Rồi, im lặng. Không thể nào đoán được những việc xảy ra trong cái miệng tối bí mật ấy.

Anh Thổ nghe thấy tiếng lạ thì sợ. Anh ta thấy yên lặng lại càng sợ già.

Anh ta muốn hắng giọng lên, hay nói đùa một câu gì để phá cái tịch mịch nặng nề kia; nhưng không dám. Anh ta cũng không dám nhìn về phía cái xác chết; lại tưởng người thắt cổ sắp đứng xuống đất, sắp đi lại gần mình.

Anh ta rợn người lên, khẽ ngánh đầu nhìn lại.

Những bụi cây rậm rịt chung quanh như vây chần lấy mình: chưa bao giờ anh ta thấy có cái cảm giác vắng vẻ biệt tịch bằng lúc ấy!

Thế mà có một người đi cùng, thì lại vào trong hang mất, lại vào đấy sau khi gặp người thắt cổ! Chẳng hiểu bụng dạ ông thế nào. Mà sao mãi không thấy ông ta ra? Mãi không thấy tiếng gì hết! Hay lạc mất lối? Hay bị mê mẩn sợ hãi quá? Hay gặp ma quỷ? Chết rồi cũng không biết chừng!

Trong lòng người con trai nôn nao như điên dại.

Anh ta nghĩ: hay là gọi thực to lên cho lão già đáng giận kia nghe thấy. Nhưng anh ta lẳng lặng trông xuống dưới chân.

Bên những cái màng đeo những hạt sương sáng đẹp như thủy tinh, anh Thổ trông thấy những hòn đá sỏi lăn dưới cỏ. Chợt nảy ra một ý kiến. Anh ta nhìn vào trong đám tối: cúi xuống nhặt ba bốn hòn to nhất, nghĩ ngợi một lát, rồi đánh liều vứt mạnh vào hang. Hòn sỏi hình như bị rơi xuống chỗ có nước, vì nghe đánh “bồm” một cái. Anh ta lại ném hòn đá nữa, lần này ném thẳng không rụt rè.

Tức thì trong hang có tiếng rên hừ hừ đưa ra. Anh này chưa hiểu sao, bỗng lại nghe thấy tiếng bịch bịch rất mạnh và rất nhanh, rồi như có muôn vàn đá sỏi đổ mưa xuống một cái vũng nước không trông thấy.

Ngay lúc đó, ông già ở trong đám tối hiện ra, nét mặt ông đổi hẳn đi; hai mắt kinh sợ mở đến rách kẽ; nón lật ra đằng sau, khăn buột xuống quanh vai, tóc xõa ra rũ rượi.

Người trai Thổ chưa kịp kêu hỏi thì ông già đã loạng choạng bước vội đến bám lấy hắn, vừa rên, vừa thở hồng hộc, lưỡi líu lại không nói được nên lời nào. Anh chàng điên cuồng vội quăng cái lao đang cầm đi, rồi vục ông già ngồi xuống một bên, một cánh tay đỡ lấy sau vai, tay kia rờ lên trán ông già thì thấy toát ra một thứ mồ hôi lạnh và dính nhờn nhờn. Anh ta rồi rít gọi ông già tiếng kêu vang động cả quả núi; nhưng ông ta đã rũ xuống, chỉ lắc đầu không thưa. Ngực ông ưỡn lên, hơi thở càng ngắn càng tức tối. Hai mắt ông trợn ngược nhìn về phía cửa hang là phía ông quay đầu vào. Mồm thì há cứng đờ, thỉnh thoảng như muốn hớp lại. Một dòng máu từ mũi chảy ra, đen và loãng, lăn vào bọt dãi ở hai bên mép, rồi cùng chảy xuống cái cổ xanh xám, đầu ngoặt ra đằng sau. Người trai Thổ vừa run run kéo vạt áo lau cho ông già, bỗng trông thấy trong cái tay co quắp của ông ta một mẫu giấy nhỏ.

Ông già lúc ấy không thở được nữa.

Anh ta không thể nào biết được vì sao mà ông ta đến thế, thấy mẫu giấy lạ, bèn cạy tay ông già ra xem: đó là một mảnh giấy khổ vuông, to bằng hai bàn tay màu hung hung vàng, dày và dai lắm.

Trên mặt giấy, về phía tả, có vẽ một người quỳ, cầm một tờ giấy lớn giơ lên ngang mặt; ở phía hữu vẽ một bó đuốc đang cháy; nét vẽ rất ngây dại. ở hai hình vẽ có mấy hàng chữ Hán, nghĩa như sau:

Miệng có hai răng

Ba chân bốn tay

Mày vào trăm chân

Mày lên ba tay

Tên mày là đá

Đá sinh trứng đá

Trứng đá giữ của

Mày có sức mang

Mày giàu mày chết.

Thế Lữ

Tiếng Hú Ban Đêm



Vàng và máu (II)

ề mạn tây nam, sau lưng Văn Dú, là châu Nga Lộc cách xa
hòn núi đá chùng ngót một phần tư ngày đường.

Nhà quan Châu nằm trên một cái đồi, mái lợp tranh, tường
đất lèn, thấp và vững chãi. Chung quanh cây tre bụi rậm
vây kín. Dưới chân đồi là xóm làng.

Quan châu Nga Lộc năm ấy chừng ngoại bốn mươi tuổi;
người khỏe mạnh và tinh anh.

Trong nhà lên đèn đã lâu. Ông xếp gọn các đơn từ đã phê xong, lấy cái
nghiên mực lớn chặn lên, và gạt nhỏ ngọn đèn dầu lạc để trên một cái giá
cao trên án sách. Ông tụt giày, kéo cái chăn dệt ngũ sắc lên tận vai, đặt cái
gối xếp lại cho chỉnh, rồi vừa ngả lưng lên bộ ván gỗ quý, vừa thở dài một
cách khoan khoái nhẹ nhàng.

Rồi ông quay đầu về nhà bên, cất tiếng se se gọi :

- Tô Nang à! Tô Nang à!

Tô Nang là người thiếp thứ năm của ông châu Nga Lộc.

Một lát tiếng chân ở ngoài đi tới; ông lim dim mắt nhìn lên đình cái màn
chưa buông, nằm vuốt râu có ý đợi.

Cái cảnh tù mù trong gian phòng kín đáo kia vì đâu làm cho ông thấy thú
vui của sự sống?

Cửa khê cọt kẹt mở, rồi tiếng một người đẩy tứ vào thưa :

- Quan Châu à!

- Há?

- Có một thằng trông mặt sợ hãi lắm, ở đâu hồng hộc chạy vào đây. Nó còn
ở ngoài sân đấy.

- Nó vào làm gì?

- Không biết, nó không nói được, nó cuống quýt bám lấy Noòng, chỉ một tí nữa thì bị chó cắn chết.

- Mà sao lại để cho nó vào mới được chứ? Đuổi nó ra.

Quan Châu càu nhàu quay lưng vào. Rồi lại gọi :

- Tô Nang à, đi đóng cửa nhé!

Một lát, cửa lại thấy mở hé :

- Quan Châu à!

Quan Châu ra dáng bực mình :

- Cái gì?

- Cái người lúc nãy...

- Mặc kệ người lúc nãy! ày... à!

Rồi ông ta lại gắt :

- Mà làm sao cho nó vào mới được chứ?

- Cổng sắp đóng, nó chạy nhanh quá, đâm bổ vào, không ai giữ được. Bây giờ nó không chịu ra nữa.

- Nhưng mà nó vào làm gì?

- Nó đã nói được rồi, nó bảo, nó cần thưa với quan Châu một chuyện ghê gớm lắm.

Ông Châu bực tức vô cùng. Ông chống tay chực dậy, nhưng còn mong bảo cái thằng Thổ quấy rầy kia một lần nữa rằng: Việc quan trọng đến thế nào cũng phải để đến mai.

Người đầy tớ trình :

- Nó bảo nó thấy một việc ghê gớm lắm: Một người thắt cổ, với một người chết. Mà nó ở hang Văn Dú ra.

- Ở đâu ra?

- Hang Văn Dú!

- Hang Văn Dú?

- Phải rồi.

Ông Châu ngồi hần dậy, bảo :

- Gọi nó vào đây.

Rồi ông tung chăn ra, kê to ngọn đèn lên, sốt sắng muốn nghe câu chuyện lạ.

Một người trần gian dám vào hang Thần là một việc ghê gớm vô cùng. Song đối với quan Châu thì lại là một điều lạ thường hơn là quái gở. Vì ông là một người Thổ vào hạng trí thức, đọc quá nhiều sách chữ Hán, biết rất nhiều chuyện cũ. Những điều kỳ kỳ mà dân ông mê tín, như những việc bí hiểm trong hang Thần, ông vẫn ngờ là chuyện huyền hoặc cả. Ông cho rằng đó chỉ là điều phao truyền vô lý của những người bày chuyện, hoặc là những mưu kế của kẻ nào có vàng bạc giấu ở trong hang.

Nhiều lần ông muốn vào tận hang xem, ông lại hy vọng sẽ tìm thấy của cải trong ấy nữa. Song những điều dị đoan truyền lại lâu ngày vẫn có cái vẻ hiển nhiên rất vững chãi, thường khiến những người cứng cỏi nhất cũng sờn lòng. Ông chắc hang Thần không làm hại được mình. Thế mà biết bao lần ông hăm hở định vào thám hiểm trong hang, rồi lại thôi không dám quyết.

Người Thổ lúc này đến tưới dầu vào ngọn lửa can đảm chỉ chực những tắt trong lòng ông Châu.

Hai người đầy tớ dẫn anh ta vào, như dẫn một người tù. Ông Châu bảo họ lui ra và đóng cửa lại.

Người lạ mặt đứng trong bóng tối, cách quan Châu chừng năm bước, vẫn yên lặng chưa nói gì. Ông Châu quắc mắt nhìn khắp người anh ta. Bộ mặt anh ta rõ rệt in hình ảnh sự kinh ngạc. Anh lăm lét vừa nhìn xung quanh, vừa thở, môi mấp máy không nói được lời nào.

Một lúc, ông Châu quát to :

- Mày vào đây làm gì?

Anh Thổ choàng người lên, rồi nhìn thẳng vào mặt ông Châu, nuốt nước bọt nói :

- Tôi trình quan Châu... rằng ở cửa hang Văn Dú... có một người thắt cổ.

Khi nói đến tiếng Văn Dú, anh ta tái mặt đi. Bỗng thấy ông Châu nhìn ra phía cửa gắt mặng âm lên :

- Ai cho chúng mày nghe trộm? Có cú đi không chết cả bây giờ?

Người lạ mặt luống cuống.

Ông Châu bảo :

- Tao mắng người nhà, mày không việc gì.

Rồi ông lại hỏi :

- Nhưng mà đến Văn Dú hay sao mà biết?
- Tôi ở Văn Dú về đây... Tôi đi với một người tên là Nùng Khai...
- Nó đâu?
- Chết rồi!
- Nó chết rồi à?
- Phải!
- Chúng mà là người ở đâu? Đến đây làm gì? Đầu đuôi thế nào, kể ra.

Người con trai chưa kịp trả lời, ông Châu lại hỏi :

Mày không biết Văn Dú là chỗ ghê gớm sao?

- Có chứ!
- Thế sao còn đến, đến làm gì... nói mau?

Người con trai thưa :

- Tôi là người châu Kao Lâm, làm bộ hạ cho quan Châu tôi. Tôi với Nùng Khai đến Văn Dú vì có việc riêng, quan Châu tôi sai làm. Chúng tôi đến nơi thấy có một người thắt cổ treo trên cây, mà là một người Khách, nên không dám vào nữa, tôi chắc người Khách chết vì hang Thần. Nùng Khai không thèm nghe, vào đấy một mình nên quả nhiên cũng bị chết.

Người lạ mặt bèn thuật lại việc từ lúc ông già Thổ đi vào trong hang tối, lúc anh ta đứng một mình chờ đợi nghe ngóng mãi, rồi ném hòn đá sỏi thứ hai và nghe thấy tiếng chân ông già chạy ra, cho đến lúc ông già chết cứng trong tay mình mà không nói được một lời nào hết.

Chốc chốc quan Thổ lại chặn hỏi cặn kẽ, nhưng người này, ngoài những cái hăn trông thấy, chừng cũng chẳng biết gì hơn nữa. Câu trả lời của hăn, bởi thế, không được vừa ý ông Châu.

Nhưng khi hăn nói tìm thấy mảnh giấy rướm máu ở tay ông già, và đưa ra để ông Châu xem thì ông ra chiều vừa ý lắm. Ông hăm hở cầm lấy, hình như đã nắm được đầu mối của sự dị thường này.

Trong lúc ông Châu giở tờ giấy ẩm ra xem thì người Thổ Kao Lâm nhớ lại bước nguy hiểm sợ hãi đã qua. Anh ta không ngờ một người yếu bóng vía như mình lại thoát được khỏi tay thần Văn Dú.

Anh ta nhớ rằng chính lúc sợ hãi ở bên cái xác nằm cứng đờ của Nùng Khai thì trong trí vẫn tỉnh.

Bây giờ trời mỗi khắc một u ám, người anh ta thấy lạnh lẽo, tưởng chừng như bị cái tử khí ngấm dần vào.

Nghĩ đến người Khách chết treo, nghĩ đến cái hoảng hốt của người Thổ già lúc chạy ra khỏi hang, nghĩ đến cái hang mình ngồi trước cửa cùng với một người bị nó làm hại; lại nghĩ đến những điều nguy khốn độc ác nó sẽ lừ lừ vây quanh mình như đêm tối ám mù cảnh vật; anh ta liền vùng dậy, buông cái xác ông già xuống đất, như thêm táo tợn vì quá khiếp sợ, khoa thanh lao sáng lên trước mặt rồi hết sức nhanh chạy về đường Kao Lâm.

Đang chạy, sức nhớ ra trước mặt mình có cái suối sâu khó lòng qua được; anh ta vội rẽ sang tay phải; chạy được một độ, thì lại gặp khúc suối nữa chắn ngang. Anh ta hét lên một tiếng to, rồi bán sống bán chết chạy về phía châu Nga Lộc.

Anh chàng thở không ra hơi mà vẫn cứ luôn mồm gọi tên các chư vị “săn slin” đến cứu. Lúc nào sau lưng cũng ồn ào như có ai đuổi bắt; mà càng chạy càng thấy chậm, bước đuổi càng thấy mau. Những đồi núi rừng rậm như thêm nhiều mãi ra. Đường lối gồ ghề, vừa dính vừa trơn làm cho anh ta cứ chúi vấp hoài, trượt ngã hoài; trăm lần tưởng chết!

Đến lúc trông thấy những nhà cửa dưới chân đồi và cái cổng lớn ở châu Nga Lộc thì trời đã tối. Anh ta chạy vụt ngay vào cổng. Những tiếng hò hét của bọn tôi tớ lại khiến anh ta thêm hoảng, vì anh tưởng đó là những tiếng ma quỷ ở trong chỗ nhà cửa biến hiện ra. Nhưng anh ta đã qua một cái sân rộng và phẳng; đã ngừng thấy mùi thóc vựa và ngựa chuồng là những mùi quen thuộc, rồi lại nghe thấy những câu hỏi giận dữ của mấy người nắm mình lại; lúc ấy anh ta mới dám chắc là mình thực còn ở dương gian.

Các người nhà ông châu Nga Lộc xôn xao nháo nhác lên vì nghe thấy anh ta bảo ở Văn Dú đến. Nhưng chính ông Châu thì không tỏ vẻ sợ hãi gì. Bấy giờ người Thổ Kao Lâm thấy ông ta tì trán vào lòng bàn tay, lẳng lẳng không nói câu nào và ra chiều suy nghĩ một cách điềm tĩnh.

Cái vẻ ấm áp trong gian phòng sáng bởi ngọn đèn cao này đã làm cho anh ta tỉnh hẳn người lại. Anh ta xì mũi vắt xuống đất, liếm môi một cái rồi khẽ

cất thứ giọng kín đáo của người hiền mưu kế mà nói với ông Châu những thần những thánh, những thầy mo, bà then, đến những phương cầu cúng để cho thần Văn Dú nguôi cơn lôi đình; vì hấn cho cái chết của người Khách và Nùng Khai là do sự tức giận của thần núi. Cái lòng mê tín của dân Thổ lại thấy biểu lộ ra một lần nữa. Ông Châu trí thức kia liệu có sờn lòng vì những điều mắt thấy của tên Thổ này chăng?

Người Thổ Kao Lâm cứ lái nhai hoai.

Ông Châu thì vẫn trầm ngâm nhìn xuống mảnh giấy dày đặt trên án. Có lẽ ông ta đang nghĩ ngợi đầu đầu chớ không để ý đến những lời anh Thổ nói: vì bỗng nhiên ông ta đọc:

Miệng có hai răng

Mày vào trăm chân

Mày lên ba tay

Tên mày là đá...

Rồi ông hỏi :

- Mày có biết chữ đấy?

Anh ta chừng hững một lát rồi thưa :

- Có biết.

Ông Châu cau mày, lại hỏi :

- Mà mày hiểu những câu này chứ?

- Hiểu à? Không!

Ông Châu thở dài :

- Thực mày không hiểu nghĩa gì à?

- Không, mà hiểu làm sao được.

- Mày lấy mảnh giấy này ở tay Nùng Khai à?

Người Thổ Kao Lâm thưa :

- Nó ở hang ra tôi mới thấy có. Tôi hỏi, nó không nói được, tôi bảo ra hiệu cho tôi hiểu ý, thì nó chết mất rồi.

Ông Châu vừa nhìn vào tờ giấy, vừa hỏi :

- Nùng Khai là người như thế nào?

- Là người ông châu Kao Lâm sai đi đến Văn Dú với tôi.

- Nó là người tin cẩn của ông châu Kao Lâm phải không?

- Phải, cũng như tôi.

Ông Châu khẽ gật đầu. Ông đặt mảnh giấy xuống bàn ngẩng đầu lên nhìn người Thổ Kao Lâm rồi dịu lời bảo hấn :

- Bây giờ, mà không được giấu tao một điều gì, thì tao mới xét được rõ việc này. Người Khách kia chết, người Thổ Nùng Khai chết, mà mà không chết; mà cũng đến Văn Dú; mà biết rằng ai giết nó. Thế ngộ bảo mà giết thì sao...?

Người trẻ tuổi vội nói :

- Không! Không phải! Không phải tôi...

Ông Châu liền chặn lại :

- Ủ, tao cũng biết. Nhưng người ta muốn buộc tội cho mà cũng được. Tao lại biết chúng mà định vào hang Văn Dú làm gì nữa kia... Lúc này mà bảo quan châu Kao Lâm sai đi có việc riêng, tao đoán biết ngay. Đây là tao hỏi cho rõ thêm, mà không được giấu nữa...

Rồi ông Châu nhìn thẳng vào mặt người trai Thổ hỏi một cách đồng dục :

- Tại sao quan châu Kao Lâm lại biết được trong hang Thần có của chôn?

Người Thổ Kao Lâm giật nảy mình lên, không giấu được cái kinh ngạc. Trong lúc hốt hoảng, hấn đã trót nói với quan châu Kao Lâm sai đi. Sau hấn nghĩ lại, định bịa đặt ra một câu chuyện nào đó: như đi tìm người nhà lạc, hay đi qua Văn Dú tự dưng bị dún dúi vào hang, hay là chuyện huyền hoặc nào khác đợi ông Châu hỏi thì hấn sẽ đem ra mà trả lời. Không ngờ câu hỏi của ông Châu dường đột quá, lại trúng ngay vào sự thực mà hấn muốn giữ kín. Hấn không dám nhìn đôi mắt soi mói của ông châu Nga Lộc nữa, và đứng lặng thinh.

Ông Châu lại lấy lời nói thực dịu dàng bảo hấn :

- Mà đừng lại gần đây. Đừng sợ mà cũng đừng ngại gì hết. Mà phải nói rành mạch đầu đuôi công việc mà định làm cho tao nghe.

Người Thổ Kao Lâm vẫn không thừa. Ông quan Thổ nói tiếp :

- Tao có đủ quyền thế để bênh vực mà, cũng có đủ quyền buộc tội mà nữa, mà tao muốn cho mà ở đây hay đuổi mà ra khỏi châu cũng được, ở châu tao không nhà nào dám chứa một người ở hang Thần về.

Ông châu Nga Lộc trông thấy rõ cái sợ hãi trên mặt người trai Thổ: Hắn nhìn ông ta ra ý van lớn.

Ông ta lại dỗ :

- Thế nào? Mà nói đi. Nói thực mọi điều cho tao nghe. Mà đã vào đây, đã khỏi chết vì ông thần Văn Dú rồi, thì mà nói đi, giấu tao làm gì nữa? Mà giấu tao, rồi tao cũng biết được kia mà?

* * * * *

Anh chàng nuốt nước bọt, liếm môi hai ba lần; mặt nhăn nhó ra vẻ khổ sở, tuyệt vọng. Nhưng hắn biết lời của ông quan này chắc chắn như dây sắt ràng buộc, nên phải khai rằng :

- Cách đây ngót mười hôm, một người lý trưởng bản Đông thuộc châu Kao Lâm đến nhà quan châu tôi để đưa một bản địa đồ vẽ đường lối đi vào Văn Dú và biên mấy câu thần chú để khi vào được hang ấy mà đọc thì tìm thấy vàng.

- Nhưng câu thần chú ấy chép trong mảnh giấy này phải không?

- Phải rồi. Nhưng mảnh giấy này lại khác. Chắc Nùng Khai lấy ở trong hang ra: chỉ thấy những chữ chớ không có địa đồ.

- Thế nghĩa là việc này có người khác biết chứ gì?... Có lẽ là thằng Khách?... mà sao nó lại chết, có người nào ở trong hang nữa không?

- Tôi không biết. Tôi biết thế nào được.

- Ủ, phải kể nốt đi.

Anh ta kể tiếp :

- Bản địa đồ ấy nguyên là của một ông già bản Đông tên là Hoàng An Lài, lúc gần chết trao lại cho người lý trưởng ở gần đấy, nói rằng đó là bản sao lại bức địa đồ của một người Tàu đời nhà Minh sang làm quan bên này; viên quan tàu có của để ở Văn Dú...

- Thế nào? Một người quan Tàu, đời nhà Minh?...

- Phải, bây giờ là hồi quan nhà Minh sang cai trị...

Viên quan Tàu kia tích được rất nhiều của trong hang Văn Dú một cách rất kín, rất khéo, không ai biết được, định sau này sẽ mang dần về Tàu; không ngờ trong nước người Kinh nổi lên đánh đuổi quân Minh, viên quan kia phải chạy ẩn vào nhà ông tổ ba đời nhà An Lài, rồi vì già yếu và lo nghĩ

quá nên chết ở nhà ấy. Lúc hấp hối, người ấy có để lại cho nhà họ Hoàng rất nhiều tiền bạc, và đưa ra một bức địa đồ chỉ nơi giấu của, nhờ đưa sang cho con cháu bên Tàu.

- Thế người quan Tàu không có bộ hạ sao?

- Nghe như có. Song người nhà họ Hoàng thông thuộc đường lối và trong khi loạn lạc, họ có cách trốn được ra ngoài. Người quan Tàu bắt nhà họ Hoàng thề nguyện rất độc, không bao giờ được lộ việc ấy ra cho ai biết, mà nhất là không được tìm cách vào hang Thần. Viên quan ấy lại cho biết rằng y đã yểm vào các cửa giấu ở trong núi và nhờ thần núi giữ của trong ấy nữa, của cải chỉ có con cháu người quan Tàu mới dùng được, mà ai cả gan hay vô tình vào hang Văn Dú sẽ bị thần vật chết ngay.

Nhà họ Hoàng không tin. Người Tàu chết rồi, họ liền đem sao lại bức địa đồ và chép lấy những lời “thần chú” biên lên một mảnh giấy khác.

Ông châu Nga Lộc hỏi :

- Thế thì có lẽ chính là mảnh giấy này.

- Tôi không biết chắc. Người nhà họ Hoàng đưa những giấy tờ của viên quan nhà Minh cùng với hai bản giấy kia sang Tàu, rồi không thấy ai trở lại cả. Để ý dò xét ba bốn mươi năm trời, sau lúc người Kinh đã bình định, và lúc mấy thầy địa lý Tàu đã qua lại được nước Nam, mà vẫn không thấy tăm hơi nhà họ Hoàng, cũng không thấy bóng người Tàu nào sang tìm của hết.

Về sau con cháu họ Hoàng học thuộc chú và đánh liều đi kiếm của trong hang thần. Nhưng người nào đi cũng không thấy trở lại nữa. Có hai lần người ta đi tìm thì thấy một đứa nằm chết ở gần suối Văn Dú, còn những đứa khác người ta chắc chết ở trong hang, nhưng không ai dám vào. Việc ấy đồn ra và từ đấy bắt đầu có những chuyện ghê gớm gây nên bởi thần Văn Dú. Ở làng gần suối lớn đã phải lập ra tục tế thần núi bằng các người con gái đẹp mới được bình yên. Nhà họ Hoàng không bao giờ dám lộ chuyện kín về sự yểm của ra vì sợ người ta đổ cho cái họa lớn kia gây nên tại nhà mình...

Ông Châu chặn lại hỏi :

- Ủ, thế sao họ Hoàng không hủy cái giấy kia đi?

- Hình như họ muốn giữ lại để sau này con cháu người quan Tàu có ai sang tìm của, họ sẽ đem giấy ra làm chứng, mong người Tàu đừng ơn. Song đến đời An Lài thì ông ta vẫn giữ kín không cho các con biết, sợ chúng vì tham mà mang họa... Hoàng có ý đưa cho lý trưởng bản Đông để hẳn trình cho quan châu Kao Lâm biết đến nguồn gốc những cái họa bí hiểm của hang Thần.

Quan châu Kao Lâm tôi lại không sợ những điều ghê gớm kia, bàn với tôi cái kế tìm vàng trong Văn Dú, và có ý sai tôi đi dò xét trước. Tôi mới nghe cũng đủ khiếp, nhưng quan Châu tôi nhất định bắt tôi phải vâng theo. Trong mấy ngày ông ấy giảng dụ các lẽ cho tôi nghe, cắt nghĩa cho tôi không sợ những chuyện người ta đồn về hang Thần, lại hứa cho tôi rất nhiều tiền, lại cho tôi được làm chánh tổng nữa... Nhà tôi mấy đời nhờ vả nhà quan Châu tôi, mà bây giờ cũng nghèo. Tôi biết chắc nếu việc thành thì sung sướng một đời nên mới vâng lệnh ông Châu tôi...

- Thế còn Nùng Khai?

- À, phải cũng tại Nùng Khai nữa, nên quan Châu tôi càng muốn tìm cho được của trong Văn Dú, mà tôi được vững lòng thêm. Nùng Khai là một tên cướp rất táo tợn, nó vẫn chửi rủa Văn Dú mà không việc gì. Nó lại bảo rằng nếu nó biết trước Văn Dú có vàng thì nó lấy đã lâu rồi, không phải đi cướp đâu nữa.

- Sao quan châu Kao Lâm lại giao việc cho một tên cướp?

- Vì nó có họ với một người thiếp của quan Châu tôi. Nó bị bắt đáng nhẽ bị chết chém, nhưng quan Châu tôi lấy quyền thế giảm tội cho nó. Bởi thế, lúc cho gọi nó lên, nói đi tìm của thì nó thề sống thề chết sẽ trung thành. Nó quả quyết sẽ đi vào hang Thần, sẽ tìm cho được của trong hang Thần. Ông Châu tôi liền giao cho nó bản địa đồ kia, lại cho tôi đi theo, vừa để coi chừng, vừa để giúp đỡ nó. Tôi thấy nó nói mạnh bạo và khôn khéo lắm, nên quên cả sợ. Nhưng đến lúc gần thấy hang núi, tôi đã lo ngại; lúc qua suối lớn, tôi đã ghê rợn; sau lại thấy thẳng Khách thất cổ... Rồi lại thấy Nùng Khai hốt hoảng ở trong hang chạy ra...

Ông châu vừa nghe người Thổ Kao Lâm vừa lấy que đẩy cho ngọn đèn dầu cháy to lên. Trên mặt ông hiện ra cái vẻ chăm chú của một người thu hết cả

tâm trí vào một công việc: Lòng mày nhúu lại, đôi mắt trong sáng lạnh lùng nhìn ngọn lửa mà hơi thở của ông làm cho run run.

Ông khẽ nói :

- Ai giết tên Khách kia? Trong hang còn có người nào không? Có vật gì không? Yêu quái ư? Sao Nùng Khai lại chết?

Mấy câu đó nói nhanh, nhưng chẳng bảo ai, như lời tự vấn; và người con trai Thổ cũng không biết đáp thế nào được nên ngậm tăm.

Ông quay lại nhìn hăn và hỏi to lên :

- Thế trong mình Nùng Khai không thấy có vết tích gì chứ? Mày có thấy dấu máu nào không?

Người Thổ Kao Lâm ngậm nghĩ một hồi :

- Không thấy gì cả... Hay là không thấy vết thương nào nặng đến nỗi làm chết được người.

- Nhưng không có một tí dấu vết gì sao?

- À có! Mà nhỏ lắm: chỉ lấm tăm rớm máu như chỗ da kỳ mạnh hay bị xước mà thôi...

- Thế à? Ở chân phải không? Nó hăn bị cái gì quấn chặt ở chân...

- Không! Ở tay, ở hai bàn tay, nhiều nhất là ở các ngón.

Ông Châu lăm bẫm :

- Thế thì quái lạ, quái lạ lắm!

Ông vừa nói vừa nhìn mảnh giấy vuông mà ông lật hết mặt nọ đến mặt kia.

- Vết máu trên tờ giấy này (lời người trai Thổ) là ở tay Nùng Khai dính ra đấy. Nó nắm chặt quá, tôi gỡ mãi mới lấy ra được.

Ông Châu tưởng chừng như không để ý đến câu vừa rồi, chỉ hỏi :

- Thế còn bản địa đồ kia?

- Bản địa đồ kia Nùng Khai giắt trong mình nó, tôi không dám lấy. Bản địa đồ ấy chỉ vẽ lối đi Văn Dú chứ không vẽ đường lối trong hang.

Ông Châu gật gù :

- Ừ, được rồi, tao hiểu rồi. Bây giờ mày hãy lui xuống nhà nghỉ đi. Rồi ở đây với tao, tao sẽ liệu. Chúng nó có hỏi thì không được kể điều gì về hang Văn Dú hết, nói rằng quan Châu bắt phải im.

- Mà quan Châu có bảo thầy mo...

- Được rồi. Có. Thôi xuống đi. Noòng à! Lên dẫn nó xuống cho nó thay quần áo, cho nó sưởi, rồi bảo nó ngủ đi.

Lúc theo tên Noòng xuống dưới nhà, người Thổ Kao Lâm còn dặn với :

- Quan Châu bảo thầy mo nhé... Quan Châu à.

- Được, được!

Thế Lữ

Tiếng Hú Ban Đêm



Vàng và máu (III)

uan châu Nga Lộc chẳng bảo thầy mo nào hết.

Cánh cửa vừa khép lại, ông ta liền thắp lên một ngọn đèn
nửa, hăm hở kéo tờ giấy gần lại, suy tư nghĩ ngợi.

Mặt ông Châu hồng lên và lộ vẻ mừng rỡ. Ông ta bắt đầu
xét lại mảnh giấy của người Thổ Kao Lâm rất cẩn thận, vì
ông biết rằng hiểu được ý tứ của những câu chữ Hán viết
trên đó, ấy là phá được cái tường bí mật của thần giữ cửa và cắt nghĩa rành
mạch được các điều kỳ dị xảy ra.

Những hình vẽ ngây dại và mấy hàng chữ viết rất tốt, tuy bị nước thấm ố
hoen, song vẫn rõ ràng lắm: Nét mực cũ đã ăn sâu xuống mặt tờ giấy ướt và
dày. Hình bên trái vẽ một người áo cộc quỳ lên, hai tay cầm một tờ giấy giơ
thẳng ngang mặt như người đọc sớ. Ông Châu đoán có lẽ nó muốn chỉ bảo
phải trân trọng giữ lấy và theo những lời màu nhiệm của mấy hàng chữ Hán
kia. Bó đuốc, vẽ ở bên trái, ngọn lửa cháy và bốc khói lên, chắc hẳn chỉ về
sự tối tăm, hiểm hóc trong hàng thần; hoặc ý bảo phải tìm xét cho hiểu thấu
những nghĩa ẩn trong mấy câu kia, mấy câu mà người Thổ Kao Lâm gọi là
những lời thần chú.

Ông đọc qua một lần mấy hàng chữ nhỏ. Rồi ông đọc lại lần thứ hai và thứ
ba; làm như cứ nhắc lại như thế thì sẽ thấy cái nghĩa ẩn trong đó:

Miệng có hai răng;

Ba chân bốn tay;

Mày vào trăm chân;

Mày lên ba tay;

Tên mày là đá;

Đá sinh trứng đá;

Trứng đá giữ cửa;

Mày có sức mang;

Mày giàu, mày chết.

Những câu kỳ lạ đến nỗi làm cho ông ngỡ là lời thần chú thực. Nhưng không có lẽ; nếu phải lời thần chú thì tên Nùng Khai đã học thuộc tất nhiên không đến nỗi chết, ngay sau khi ở hang thần chạy ra... Quyết nhiên đó là những bí mật, có nghĩa hẩn hoi, nhưng cái nghĩa ấy phải dùng hết tâm lực và trí sáng suốt mà tìm thì mới thấy được.

“Hừ! (ông lẩm bẩm nói để tiếp theo những ý tưởng vừa rồi). Bọn quan Tàu họ quý quyết lắm! Cũng là một thứ lời di lại, mà một đằng thì là những câu dẫn dò để tìm ra của, còn một đằng thì lừa cho người ta mắc phải những cái nạn gớm ghê... Nhưng ta, ta không mắc lừa đâu. Ta không nông nổi, u mê như bọn con cháu nhà họ Hoàng, tưởng đây chỉ là những câu có quyền phép màu nhiệm. Không. Ta biết. Rồi ta sẽ tìm cho ra nghĩa kín, ta sẽ khám phá cho kỳ được”.

Ông lại hơi mỉm cười và nghĩ đến cái độc kế mấy trăm năm nay sẽ bị ông hủy đi mất, mà cái kho của kia tất sẽ về tay ông.

“Miệng có hai răng... ba chân bốn tay”... có lẽ đó là mô tả hình dáng thần giữ của chắc? Không phải. Ta không được tin đến thần giữ của cũng như không được tưởng những câu này là thần chú. Vì nếu thế thì không bao giờ tìm được đầu mối.

“Miệng có hai răng... ba chân bốn tay...” Lạ! “Mày vào trăm chân, mày lên ba tay”. Hừ! Quái! Ai vào? Ai lên? Sao lại trăm chân, sao lại ba tay? “Tên mày là đá, đá sinh trứng”. “Đá sinh trứng đá? Trứng đá giữ của. Có lẽ họ để của ở dưới hang đá chắc? Mà sao lại gọi là trứng đá? Trứng đá giữ của. Mày có sức mang... mày giàu mày chết”.

Ông càng đọc càng nghĩ càng thấy mờ ám thêm. Chợt có một ý kiến thoáng qua, ông bèn xoay tờ giấy vuông đủ bốn chiều đọc từ trên xuống dưới, rồi đọc từ dưới lên trên; lại đọc ngang từ phải qua trái và từ trái sang phải. Nhưng cũng vô ích. Mấy hàng chữ vẫn trơ trơ giữ cái bí mật cùng với hai cái hình vẽ lạ lùng.

Ông Châu thử ôn lại các bộ truyện cổ mà ông đã xem, nhớ lại những sự tích chép ở trong ấy; bao nhiêu án ly kỳ ra đời trước cùng với bao nhiêu phương

pháp cổ nhân dùng để tra, ông đều đem ráp vào việc cắt nghĩa tờ giấy này. Ông thấy từ cổ chí kim không bao giờ có những cái khó hiểu hơn, mà đến những việc tương tự như thế cũng vậy.

Hai ngọn đèn dầu thi nhau sáng, cùng nhau như nín lặng để xem ông Châu nghĩ ngợi trầm ngâm.

Ông ta ngồi trên giường gỗ, trên án thư, khuỷu tay chống bên cạnh một cái đế đèn, nắm tay thì ấn vào mồm, đăm đăm như đang tìm gỡ một nước cờ bí. Lòng mảy nhíu lại một cách dữ tợn, hai mắt nhìn muốn thủng tờ giấy để trên bàn.

Lúc ấy vào đầu trống canh hai. Nhưng có lẽ ông Châu quên cả thời khắc.

Trong cái phòng ấm áp kín đáo ấy, ngoài ông ra lại còn Tô Nang là cô thiếp yêu quý, vào đó chầu chực chặn gối đã lâu. Cô chưa hề thấy quan Châu chăm chỉ miệt mài với việc quan như thế bao giờ. Cô ngồi ghé một chỗ lặng thinh, nghe tiếng quan Châu lẩm bẩm rồi lại im, nghe các tiếng buồn tẻ trong lúc canh khuya rồi cô dựa vào vách mà thiu thiu ngủ.

Chốc chốc, ngọn đèn lại nhô cao lên, rồi khẽ co thấp xuống và nhẩy chập chờn.

Ông quan Thổ không nói qua một lời gì nhưng hình như ông nghe thấy tiếng suy nghĩ của mình rõ rệt nói trong giữa khoảng tĩnh mịch sâu xa của đêm tối.

Bỗng chốc đồng hồ trên tường gõ một tiếng lạnh lùng vào giữa thời gian, cùng một lúc móng tay ông Châu vô tình cạo xuống cạnh án thư nghe như tiếng con mọt gặm.

Có lúc ông ngáp lên một cái, nói khẽ mấy câu nghĩ ngợi trong trí, rồi lại trầm ngâm đăm đuổi tìm những nghĩa ẩn nó chưa chịu hiện hình.

Dưới chân tường, tiếng chuột rúc rích chạy qua làm vãnh tai con mèo yên lặng. Ngoài sân, mấy con ngựa buộc trong chuồng tối đập chân xuống đất xôn xao. Một trận gió làm cát kết cành tre; văng vẳng sau thềm, tiếng lá reo và tiếng sâu để rì rì trong bụi rậm.

... Mây tên là đá

Đá sinh trứng đá

Trứng đá giữ của...

Cái đầu mỗi, ông mong gỡ được, càng tìm càng thấy bối rối thêm. Đã hơn một trống canh rồi mà những chữ này cùng với thằng người quỳ và bó đuốc vẫn cứ nhảy nhót hoài trong tâm trí ông quan Thổ.

Lúc ấy cô thiếp của ông ngồi dựa ở bên tường kia đang há mồm ra ngủ kỹ. Hai chân cô duỗi thẳng trên bộ ghế ngựa, bàn tay đặt ngựa trên đùi. Đầu vẫn chưa bỏ cái khăn vuông chàm, trên mặt hiện ra vẻ ngây ngô và bình tĩnh.

Trái lại trên mặt quan ông đầy vẻ lo nghĩ lẫn với vẻ bức mình. Bao nhiêu tâm lực ông đem ra hết mà vẫn không tìm ra được mỗi manh gì. Ông đọc lại những câu kỳ dị:

Mồm có hai răng...

Ba chân bốn tay...

Mày giàu mày chết...

Không biết đến mấy trăm lần rồi. Nhưng cái trí sáng suốt của ông hình như không đủ lực trước cái đêm tối vô cùng của bí mật.

Cái cằm vuông của ông nổi cả xương và gân lên, hai má và hai tai ông đỏ như bị nướng vào ngọn lửa đèn gần đó.

Lần này ông không đọc bằng mắt nữa; ông lẩm bẩm như người làm tính: “Đá sinh trứng đá, trứng đá giữ của, mày chết... mày chết mày giàu, mồm có hai răng... mồm có hai răng... mồm có hai...”.

Tiếng ngáy bên tường cứ rờn rờn họa theo, cô vợ trẻ của ông quan già đang vẫn vợ trong giấc mộng... Bỗng một tiếng bản gắt theo một nắm tay đập mạnh lên bàn :

- Mệ thầu mư! [2]

Ông Châu vút giấy quay lại đằng sau, Tô Nang tỉnh dậy.

Ông Châu thấy cô ta thì ngạc nhiên hỏi :

- Ô kìa, thế ra Nang không đi nằm à?

Cô thiếp đã đứng xuống đất, kéo hai nắm tay ra sau mang tai, ưỡn ngực lên cao, ngáp rồi ỏn ẻn nói :

- Nang có đi nằm mà, nhưng Nang còn đợi quan Châu, quan Châu chưa ngủ Nang cũng chưa ngủ... quan Châu sao thức lâu thế?

Bấy giờ ông quan Thổ nghe chừng đã mệt lắm, vì đã hết sức đem cá tinh thần ra để nghĩ ngợi đến gần hai trống canh rồi, cho nên cái mình êm ái của cô hầu non với cái thú đầm ấm trong chăn đã khéo quyến rũ ông đi nghỉ.

Ông Châu lại bên án để tắt bớt đèn đi. Chợt thấy chén nước uống thừa đổ ướt cả tờ giấy. Ông vội cầm lên thắm vào tập hóa từ cho ráo rồi hơ lên ngọn đèn cho khô.

Hàng chữ Hán và hai hình vẽ bên cạnh nổi rõ ở trên ngọn lửa tạt đi tạt lại. Bỗng nhiên ông Châu kêu lên một tiếng, rồi giáp cả hai ngọn đèn lại mà hơ tờ giấy lên. Ở giữa mảnh giấy hồng hồng, ông thấy một khoảng tối hơn. Một tia sáng vừa soi qua trí ông, ông nghĩ ngay đến một câu chuyện cũ.

- Phải, phải! (ông lẩm bẩm nói). Cũng giống như truyện tờ di chúc trong bức tranh [3]... Phải rồi!... Cầm giấy giơ trước mặt mà đọc... mà bó đuốc lửa cháy ở sau tờ giấy... nó bảo mình đốt lửa mà soi... mà mình cũng như anh huyện quan kia... Mình ngốc thật!

Thế rồi ông không hỏi gì đến cô thiếp nữa. Cô ta chẳng hiểu gì cả, đứng giương mắt thực to mà nhìn.

Ông Châu ngồi xồm trên giường, hai tay vừa run vừa dập nước trên bàn vào mảnh giấy, rồi cẩn thận bóc chẻ nó ra làm đôi.

Một miếng giấy vuông sắc trắng hơn, dán áp vào nửa giấy thứ hai và bong ra gần hết. Ông Châu cầm soi lên ngọn lửa thì thấy chi chít những nét chữ nhỏ nằm hỗn độn. Ông xem kỹ thì biết mảnh đó là một tờ giấy rộng gấp làm tư. Ông phải hết sức cẩn thận mới lấy móng tay bóc mở ra được, vì tuy nó cũng dai, nhưng theo với hai mảnh ngoài bị nhàu và thủng rách lỗ chỗ.

Trong tờ giấy mới này viết chữ đầy gần hết. Nét chữ cũng tốt và rõ như ở tờ áp ngoài. Ông Châu đọc thấy những lời này:

Hang Văn Dú trông như cái mồm có hai răng. Ba thước nói là chân, bốn thước nói là tay. Mày đo từ cửa hang vào trăm chân, rồi mày đo trở lên ba tay, thì sẽ thấy chữ tên của mày là Thạch. Đào từ chữ thạch xuống sẽ thấy một cái hang nữa mang những hòn đá hình nhẵn như trứng. Đá này giữ kho của đó. Nhưng không được lấy sức mà mang vì mày tìm thấy vàng nhưng mày chết.

Bên cạnh những dòng chữ này, còn một đoạn chữ nhỏ hơn và viết đá thảo:

Phải dán giấy này như cũ, mang theo trong mình cho đến khi vận hết của trong Văn Dú. Nếu trong hang không có dấu vết tìm đào thì về sau tìm đến nhà con cháu họ Hoàng mà thưởng cho họ năm nghìn vàng. Nếu thấy có người chết vào chỗ đá lở thì phải cẩn thận mà hết sức tránh sự báo thù của họ Hoàng.

Thế Lữ

Tiếng Hú Ban Đêm



Vàng và máu (IV)

áng hôm sau ông châu Nga Lộc xuống nhà sớm, người Thổ Kao Lâm còn ngủ li bì trên một chiếc côi.

Mấy đầy tớ thức dậy thưa rằng hăn cứ mê man nói đến những hang, những núi, những người chết, với những người thắt cổ suốt đêm, nên không ai ngủ được yên vì ai cũng sợ.

Ông quan Thổ gật đầu bảo cứ để cho hăn nằm đó, rồi quay lại dặn bốn năm người đàn ông ở ngoài sân đi vào :

- Chúng mày ăn cơm thực nhanh rồi sắp sửa đi theo tao có việc cần. Cầm đuốc, cầm dao, cầm dây, mang xẻng cuốc, với đóng sáu con ngựa.

Mọi người biết là có việc quan hệ lắm, vì không mấy khi quan Châu dậy sớm như thế, mà lại ăn mặc gọn ghẽ hăn hoi. Mình ông vận áo bông chàm thắt ở ngang lưng, chân đi giày, đôi bít tất xanh kéo lên bó lấy ống quần, ngoài cùng lại quấn thêm một lần nịt vải.

Bấy giờ ông đang chít lại cái khăn nhiễu lớn và đứng đợi xem người ta đóng ngựa.

Ngoài sân, mới lù mù sáng.

Mấy con vật thấy người vào chuồng thì đập chân xuống đất và phì thở rất mạnh.

Ông Châu bảo họ hăng lấy cỏ cho ngựa ăn.

Dưới bếp lửa cháy to, chiếu lên mặt sân một dải ánh sáng mập mờ và lay động. Ông Châu giục người dưới bếp thổi cơm mau lên, những người còn xùm xụp đắp chiếu ngủ trong xó hiên nghe tiếng ông nói to lục đục trỗi dậy. Rồi người thì đi mở cổng, người thì vào bếp, người thì ra đằng sau. Làm náo động cả cái cảnh lạnh lùng buổi sáng.

Lúc ông quan Thổ cơm nước đoạn, từ nhà trên lại đi xuống thì thấy người bộ hạ cũng đã ăn uống xong và đứng nait nít ở bên sáu con ngựa yên cương cẩn thận.

Trong này kín gió mà còn thấy giá lạnh, thì ở bên ngoài tất rét hơn nhiều. Ông Châu lấy một cái khăn vải chàm to bịt kín lấy hai tai và thắt xuống cằm. Ông đeo một thanh gươm lớn mà ông vẫn mang theo trong lúc đi xa và đội một cái nón đan to vành đã cũ. Ông đứng trước khung cửa, giữa khoảng ánh sáng đo đỏ của ngọn đèn yếu đuối bên trong, và dặn người nhà phải giữ người Thổ Kao Lâm lại cho đến lúc ông trở về.

Rồi ông bước ra, lên yên ngựa từ trong sân để cho mấy người hầu dắt ngựa ra khỏi cổng.

Trời mới tang tảng sáng. Sương xuống dày quá đến nỗi không thấy được nhà cửa ở dưới chân đồi. Người ta bị cái thứ không khí âm thấp, lạnh lùng bọc lấy, và thấy mình cách biệt với người đi bên cạnh. Ông Châu quay lại bảo hai tên bộ hạ đi lên trước, còn ba tên kia đi sau. Sáu người cưỡi ngựa đi hàng một như ngồi trên mây, cứ thuộc lòng lần qua con đường nhỏ hẹp mà ra khỏi châu Nga Lộc.

Người đi đầu không biết nên rẽ lối nào, dừng lại hỏi.

Ông Châu bèn truyền ra một cách đồng dục :

- Cứ thẳng mạn Văn Dú mà tiến lên!

Ông có ý định xem họ cử động ra sao. Nhưng mọi người đều im lặng, lại không ra dáng lấy làm kinh lạ. Cái lệnh ông Châu mới truyền xuống, nhưng họ đã đợi nghe từ lúc mới bước chân ra. Vả lại họ là những người can đảm và rất trung thành. Tuy họ cũng tin và sợ những cái ghê gớm của hang thần, nhưng họ lại tin và sợ cái oai của quan Châu chẳng kém. Giá thử bị sai phái đi vào những nơi nguy hiểm như thế thì họ còn sẵn lòng ngần ngại, nhưng bây giờ lại có cả quan Châu cùng đi.

Không ai nói một câu nào. Sáu cái đầu cùng chăm chú cúi trông xuống khoảng đất phía trước vó ngựa. Chung quanh đều mờ mịt không trông rõ vật gì.

Đi khỏi những tầng ruộng rạ cụt gần xóm làng thì những đồi đất chen nhau ở trong đám sương mù lần lượt hiện ra rồi lại lần lượt biến mất. Sáu người

càng tiến thì trời càng thêm sáng. Sương đặc cũng dần dần loãng thêm. Đường lối trông đã rõ. Người thứ nhất ngoảnh lại đã thấy mặt người sau cùng. Họ bèn bảo nhau thúc ngựa chạy nhanh, cho chóng tới nơi và cho quên rét

Được già nửa đường thì núi Văn Dú mới thấy hơi lờ mờ ở sau cái màn hơi trắng đục. Đường lối đi rất khó vì họ chọn toàn nẻo tắt, phải đi qua hai ba rặng rừng cây thấp xơ xác, và lên xuống năm sáu dãy đồi đất liền nhau.

Bọn đầy tớ quan Châu chưa một lần nào dám hỏi ông ta xem đến Văn Dú làm gì. Nhưng ông ta cũng cắt nghĩa cho họ biết rằng đến Văn Dú trước hết để khám phá những chuyện bí mật, sau để tra xét án mạng xảy ra ở đấy. Nhưng cái cố chính, mà ông không nói đến là đi tìm vàng.

Lúc bọn ông Châu đến chân núi Văn Dú thì đã vào khoảng giờ thìn (tám giờ sáng), đỉnh núi vẫn như bị sương ăn, mà thân núi cả ngang, trông lù lù đen có vẻ hầm hầm tức giận.

Quan Châu ngừng lên trông, rồi đưa mắt từ bên phải qua bên trái, chú ý nhìn từng cái kẽ núi lá cây chen chúc, cho đến những gân trắng rất lớn vạch theo chiều thớ núi, nổi lên trên mặt đá màu xám xanh.

Ông quan Thổ xuống yên cùng năm người bộ hạ dắt ngựa đi từ sau lưng ra trước mặt núi, rồi buộc dây cương vào bốn gốc cây mọc gần nhau. Đoạn ông tuốt gươm ra, cẩn thận từng bước đi lên, và bảo trước cho mấy người kia biết có người Khách chết treo, để họ khỏi sửng sốt.

Ông Châu trông thấy người thắt cổ trước nhất. Nó ẩn hiện trong cành lá nhỏ và thẫm ăn màu với bộ quần áo chàm. Đến gần xem thì mặt và bàn chân, bàn tay của người Khách đã xám xỉ lại nhợt nhạt, vì bị mưa dầm sương đượm đã lâu. Đằng sau đám cây miếu với bức tường vỡ là cái hang Thần mà ta đã biết.

Ông Châu nhìn người Thổ già nằm ở một phía nhưng không chú ý bằng nhìn hai hòn đá cao mọc trước cửa hang, ông nhớ đến câu: “Cửa hang Văn Dú trông như cái mồm có hai răng” và nghĩ trước đến cách vào hang xem xét.

Nhưng ông quay lại để khám người Khách đã.

Ông lấy gươm bảo mấy người đứng đằng sau ông tiến lên rẽ đám cây lá dưới đất. Rồi ông bước đến bên cây bàng trụi lá. Ông đã tưởng cái cây sẽ xông nặc lên những mùi ghê tởm, nhưng lúc ấy ông chỉ ngửi thấy mùi ẩm mục của muôn nghìn cây lá cao ngất và xanh um.

Nhìn kỹ thì phía mặt bên kia của người Khách cùng với phía sau gáy và vai bị rìa be bét, màu thịt đỏ nhợt như ruột củ nâu non. Ông Châu đưa gươm lên cắt cái dây thừng, thì một vài con quạ vùng lên bay mất. Lưỡi gươm sắc vừa mới cứa, cái cây nặng nề liền rơi trên mặt cỏ, hai gối gập lại trước nhất rồi gục đầu xuống cạnh chân bức tường.

Mấy người lại đứng xúm quanh ông, cúi nhìn xem. Ông Châu sai người lật ngửa cái cây ra; đất, cỏ úa và lá ướt dính vào má, vào mồm và đuôi một con mắt đã trắng dã.

Người chết trông mặt dầy, vào khoảng ba mươi lăm, bốn mươi tuổi. Cặp môi trên râu lún phún, miệng hé mở, hai hàm răng trắng cắn chặt lấy nhau. Ông Châu xem ra thì biết người ấy bị giết chứ không phải quyên sinh: cái dây thừng ở cổ chặt thít vào như có ai bám lấy chân người khách mà lôi xuống. Ở phía dưới cổ, gần xương đòn gánh, lại có vết đâm, rộng và sâu. Ông Châu toan bảo cởi hàng cúc áo của người Khách ra, nhưng sau lấy mũi gươm rạch xuôi xuống. Ba bốn lượt áo đã phanh mở mà trông như vẫn còn áo trong: vì bụng người ngược người Khách đã đen xám như chàm. ở hai bên sườn người này, bọn ông Châu lại tìm ra được vết bốn nhát dao đâm nữa. Những vết đâm ấy cũng như vết trên cổ, sâu và rộng bằng ba đốt tay: hình như người Khách bị giết bằng một thứ đoản kiếm.

Hơn một phút đồng hồ, ông Châu đứng lặng, cúi đầu trên cái cây ma ngẫm nghĩ, trước năm bộ mặt sợ hãi của người theo hầu.

Cái cảnh tượng kỳ quái đến nỗi khiến họ không nói được lời nào; và có lẽ trong bụng họ không kịp nghĩ và không kịp hiểu chi hết. Mấy người tự nhiên đứng sát vào nhau như cùng thấy cần phải đồng tâm hiệp lực. Họ nhìn ông quan Thổ như có ý hỏi, nhưng ông ta lặng thinh.

Gió thổi rung cành cây làm rụng lác đác những giọt sương trên lá.

Bỗng chốc lại thấy giọng thê thảm của mấy con quạ núi quen thuộc nơi hoang vắng bay ngang trời vừa kêu.

- Thôi! Để nó ở đây, bây giờ đến hang núi!

Tiếng ông Châu nói hơi run run và hơi khàn. Ông hắng giọng một cái, rồi nói to hơn :

- Thôi! Đi ra!

Tiếng vang ở quả núi đáp lại một cách rất dị thường và khiến cho cả người nói lẫn người nghe cùng có những cảm giác lạ. Ông Châu vừa bước ra vừa truyền :

- Thăng Noòng, thăng Lường theo tao đến Nùng Khai. Còn ba đứa kia sắp sửa cuốc, dao, dây để vào Văn Dú.

Bọn năm người thấy quan Châu lúc bấy giờ oai nghiêm như cái gương ông cầm trên tay. Một tiếng ông nói ra ở chốn này họ đều coi như lời thần thánh. Trong lúc ba người chia nhau mấy bó đuốc và mấy cuộn dây dài thì ông Châu với hai người kia đi lại bên cái xác khô của ông già Thổ.

Xác Nùng Khai nằm hơi nghiêng, đầu trở vào phía hang, cánh tay trái đè dưới mình, cánh tay phải khuỳnh vào đưa lên trên không, cứng như que củi gãy; ngón tay và chân đều rút quặp lại; chân trên duỗi thẳng; chân dưới hơi co lên. Bộ mặt xám nhợt nhợt trông rất xấu; mi mắt nhắm không liền, miệng há cứng ra, lưỡi thụt vào trong họng.

Ông quan Thổ xem kỹ hai tay hãn thì quả như lời người Thổ Kao Lâm thuật, khắp bàn tay rớm những vết máu rất nhỏ, bấy giờ đã hóa thâm. Ông sai người cởi áo người chết xem còn thương tích gì khác nữa không. Nhưng ngoài những vết sẹo to ở cánh tay và gần vú - sẹo của những vết thương khỏi đã lâu lắm - thì không còn thấy gì.

Ông lần trong túi áo trong của Nùng Khai thì lấy ra được mảnh giấy cũ và nhàu, trên giấy vẽ đường lối đi đến Văn Dú và biên những câu giống in như mấy câu ở mảnh giấy hôm trước. Hai cái hình vẽ phóng ở hai bên trông vụng dại hơn hình mẫu. Ông cầm lấy soi lên ánh sáng thì không thấy gì lạ. Ông lẩm bẫm một mình :

- Thì ra chúng nó không ngờ gì... nên chúng nó tưởng rằng cứ chép lại những chữ trên mặt giấy kia là đủ... Chúng nó chết là phải lắm. Đến ta, là người trí thức, mà nếu không vì sự ngẫu nhiên thì đời nào hiểu cái mưu ghê

góm của người Tàu... Huống hồ, chúng nó lại chỉ học thuộc lòng những chữ vô lý ấy mà dám xông pha vào đây...

Ông còn đang gật gù như nhận ra một lẽ gì mới nghĩ, thì ba người bộ hạ đưa ông xem một bọc quần áo mà họ đoán là của người Khách chết treo, cùng với bức địa đồ đã gần nát. Ông cầm lấy xem, rũ những áo ướt trong bọc, rồi đứng lẳng lẳng. Bọn người theo hầu trông thấy cái suy nghĩ sâu xa ở cả trên những răn trán, trong hai con mắt dưới lông mày, và cái miệng măm măm của ông Châu. Rồi ông lại gật gù :

- “Phải rồi! Ta đoán không sai. Người này quyết là con cháu của viên quan Tàu. Nhưng sao bây giờ mới sang đây? Ta có thể ngờ là mảnh giấy “di chúc” kia khi đem sang Tàu thì đã phải thất lạc nhiều lần, hoặc bị tay kẻ khác chiếm đoạt đến nay mới lại tìm thấy...

Nhưng cái đó cũng không căn cứ vào đâu. Chỉ phải xét xem ai đến đây mà giết người kia? Mà kẻ giết người ấy sao lại giết hẳn một cách lạ lùng như thế? Cái chết của người Khách với của Nùng Khai này cùng bí mật như nhau, nhưng mỗi người chết một cách ghê gớm khác. Ta đọc tờ giấy hôm qua thì có thể đồ rằng Nùng Khai chết vì những hòn đá giết người. Những hòn đá này vì đâu mà giết được người, ta cần dò xét cẩn thận mới biết được”.

Rồi ông móc túi lấy ra tờ giấy mỏng ông tìm được ở trong mảnh giấy vuông của người Thổ Kao Lâm. Ông không đọc một chữ nào vì ông đã thuộc hết. Ông chỉ tự hỏi :

- Người Khách chết ở kia, vậy ai đem mảnh giấy vuông vào trong hang? Trong hang có những ai? Mà Nùng Khai làm thế nào lại lấy được ra rồi chết?

Ông quan Thổ nói câu sau cùng to lên và mắt ông vô tình nhìn vào mắt một người trong bộ hạ. Họ không biết nói gì, chỉ giương mắt to nhìn nhau.

Ông Châu bèn đứng sừng người lại, vớt cái áo của Nùng Khai lên cái xác nằm trơ đó. Rồi ông bảo đốt đuốc, và sắp dây, sắp xẻng cuốc để vào hang thẳm.

Trước khi bước chân lên, ông đứng sừng lại một lát cố thả tầm mắt soi vào khoảng đen tối trong hang, mặt ông hơi có dáng lo ngại và nghi ngờ. Ông

biết rằng ông sắp dẫn thân vào trong những sự quái lạ phi thường. Nhưng ông cũng trấn tĩnh lại ngay được.

Sau bó đuốc đã cháy lên bùng bùng, ông cầm lấy một bó nhìn năm người bộ hạ, rồi truyền :

- Bây giờ đi vào hang!

Năm người này thực là những người có can đảm bằng thép, rèn bởi cái oai quyền và cái trí cương quyết của quan Châu.

Họ cầm đuốc giơ cao lên, hai người đi trước, ba người đi sau, bình tĩnh cùng với ông Châu bước vào hang Văn Dú.

Bóng lửa khuất vào trong đám tối đen không cùng.

Ngoài cửa hang, cây cối lại vẫn giữ cái vẻ hoạt động vô tình và lạnh lẽo như hôm trước, như lúc hai người Thổ Kao Lâm mới bước tới, duy có khác một điều là thân người Khách đã thoi lũng lảng ở dưới cây bàng, và trước hang thần, thêm một người nằm chết.

Ánh lửa đuốc chiếu sáng được một khoảng dài khiến cho ông Châu trông thấy trước những chỗ rẽ sắp bước tới và làm cho bớt cái hơi lạnh trong hang.

Hang rộng chừng mười bộ, càng vào càng thấy cao thêm. Dưới chân, đường đá rần và trơn, nhiều quãng phẳng dễ đi như đã sửa sang từ trước. Lối hang khúc khuỷu, đi chưa được mấy, ngoảnh lại đã không thấy cửa hang đâu. Ông quan Thổ kỹ lưỡng xem xét hai bên, thấy cái mỏm đá, hốc đá nào cũng chú ý đến. Trên mặt vách đá màu rêu mốc đủ các sắc, ông Châu mỗi chỗ lại tưởng như sắp thấy những dấu hiệu dị thường. Nhưng không, chẳng có gì là ghê gớm, ly kỳ; cũng không thấy có vẻ gì là giết người hết. Từ cửa hang trở vào, thỉnh thoảng lại có một vũng nước hoặc ở giữa, hoặc ở cạnh lối đi hợp với hai cái lạch chỗ nhỏ, chỗ to theo chân vách đá. Nước ở lạch trong hơn nước suối, ánh lửa đỏ soi xuống tận đáy thấy một lớp sỏi nhỏ và trắng tinh. Nhiều lúc cả bọn cùng dừng chân, không ai nói một lời nào, thì thấy trong hang yên lặng, chỉ nghe có tiếng giọt nước trên cao rỏ xuống, với những tiếng dơi bám vào trong khe tối bị mất giấc ngủ vì có ánh lửa và có người vào.

Năm bộ hạ càng vững lòng, thì ông Châu càng lo ngại. Cái yên lặng và dáng tầm thường của hang đá này như có vẻ lừa dối nham hiểm. Ông nghĩ đến những câu trong tờ di chúc bí mật: những lời trong giấy này biết đâu chẳng là những câu gạt mình để làm hại mình ở đây? Ông có ý hối hận vì không thử y lời dặn trong giấy là đo từ cửa hang vào cho biết chừng đã sắp đến nơi chưa. Nhưng theo như ông ước đoán thì đến chỗ đó chưa được nửa đường, và ông còn muốn xem xét một lượt đã.

Ông không để cho bọn theo hầu trông thấy cái lo ngại của mình. Mà họ cũng không đủ sáng suốt để trông thấy được. Họ chỉ biết tôn trọng cái vẻ trầm ngâm của chủ họ trong lúc ấy và hết sức vâng theo lời ông.

Giữa nơi kín đáo như thế, trong ruột một quả núi chứa chất những điều bí hiểm, ông Châu thấy như cách biệt hẳn với thế giới. Ông lấy làm lạ rằng lòng can đảm của mình bị lay động quá đến thế. Ông tĩnh tâm lại để xem mình nghĩ gì. Ông ngờ rằng trong hang núi có một sức mạnh làm tâm trí ông mê mẩn. Ông nhìn thứ ánh sáng đỏ bập bùng của mấy bó đuốc chiếu vào bốn phía đá, rồi ông lại nhìn bọn đầy tớ, họ nhìn lại ông.

- Vô lý thực, mình lại nạt mình chứ có ai đâu.

Ông nghĩ bụng thế, rồi ông truyền cho họ tiến lên.

Tiếng ông nói khê thôi, mà nghe mà nghe vang động như đánh thức cả những cái lý kỳ còn đang ngủ.

- Tắt bớt đuốc đi, khói xông lên nhiều quá; để bốn bó cũng đủ rồi.

Họ nghe theo lời ông và đi mười bước nữa thì đến một vũng nước lớn lan khắp bề ngang đường hang núi. Giơ đuốc lên soi thì thấy đến chỗ rẽ mà vẫn chưa hết. Đá chỗ ấy trơn lấm. Nước trên những thạch nhũ sèo sẹt rỏ xuống mấy ngọn lửa và mau như giọt tranh sau trận mưa rào.

Ông Châu sai hai người cầm đuốc tiến lên :

- Hai thằng hãy đi xem chỗ nước này đến đâu thì hết.

Hai người tức khắc vâng lệnh rồi nhanh chân giẫm lên lớp đá cuội trắng ở dưới đáy mà đi vào. Hai ngọn đuốc lão đảo soi dần vào quãng đường tối đen rồi khuất hẳn.

Được một lát, tiếng chân khoa nước thấy dứt. Rồi hai người Thổ nói vang lên, giọng vui mừng như lấy làm lạ :

- Quan Châu à! Chỗ này hết nước rồi! Mà đằng kia lại sáng lắm. có lẽ chỗ này ăn ra một cửa hang khác cũng không biết chừng!

Ông Châu liền tiến lên cùng ba người bộ hạ. Ông để cả giày lội xuống nước nhưng vội lùi lại ngay; nước lạnh buốt như làm rụng mất chân. Ông chịu rét không quen nên bảo hai người cầm đuốc cho ông và cho một người bộ hạ thứ ba, để hẵn công ông qua cái vũng nước ấy.

Tiếng hai người đi trước vẫn nói lớn, họ bàn nhau tắt đuốc để dành đến lúc ra.

Bọn sau đi được già nửa đường, sắp tới chỗ rẽ. Bỗng nhiên hai tiếng kinh ngạc cùng kêu lên một lúc.

Ông châu lớn tiếng hỏi. Hai người không đáp chỉ gọi :

- Quan Châu à! Còn trong hang chứ?

Giọng họ run run và réo vội lên như người sợ quá ngẩn hơi thở.

- Quan Châu à! Lạ lắm! Đi mau lên! Đi mau lên!

Ông Châu giục người công bước thực mau. Những lời nói vừa rồi vang âm lên cùng với tiếng nước reo dưới những bước chân khua động.

Khỏi chỗ vũng nước thì thấy ánh sáng mà hai người kia báo trước. Ông Châu ở trên lưng người công nhảy xuống, vội chạy đến sau hai người kia xem. Ông cũng sửng sốt như họ, đứng lặng không nói được gì. Ba người sau tới nơi cũng đứng đực người ra như thế.

Trước mặt họ, cách độ hai chục bước, trong một khoảng rộng và cao như một cái động nhỏ, hiện ra một cảnh tượng quái gở kinh hoàng.

Một bọn năm, sáu người đàn ông nằm ngồi hỗn độn bên những tảng đá cuội cực to, gần sát chân vách đá. Một thứ ánh sáng trắng và yên lặng như vun ở ban ngày lạnh lẽo bên ngoài mà dội xuống bởi một cái lỗ ăn thông lên đỉnh núi; nhưng đứng chỗ ấy, ông Châu chưa trông thấy trời.

Ông bảo bọn theo hầu tắt hết đuốc đi, chỉ để lại một bó nhỏ. Rồi một mình ông tiến lên trước, thanh gươm sáng lăm lăm trong tay. Ông quay lại truyền :

- Năm đứa bước theo tao! Nhưng nếu tao không bảo thì không được làm gì đấy. (Ông lại chỉ những hòn đá cuội lớn). Mà phải cẩn thận, không đứa nào

được chạm đến những tảng đá ấy. Nó nguy hiểm lắm đó: nó làm chết Nùng Khai và những thằng này.

Bọn theo hầu còn đang kinh khiếp sẽ thì thào nói như chính mình lại sợ tiếng mình, thì ông Châu bỗng chú ý ngay đến một khoảng tối đen ở trên một phía vách đá, cách mặt đất độ năm sáu thước, và to gần bằng một cái nong. Nhìn kỹ thì đó là cửa một cái hang con bị lấp đầy những hòn đá cuội to cùng màu và hình như cùng hạng với những tảng đá lăn lóc dưới đất.

Ông Châu bước lại gần, ngẩng lên nhìn một hồi lâu rồi nghĩ thầm :

- Thì ra chúng nó cũng biết đây là lối vào nơi để của và cũng đoán được cái câu: “Mày vào trăm chân, mày lên ba tay” ở trong bài di chúc văn tắt. Mà có lẽ bọn con cháu họ Hoàng đã tìm thấy nghĩa câu ấy từ trước và bắt đầu phá cái hang nhỏ này rồi. Nhưng chúng đoán ra, đào ra để tìm thấy cái chết chứ không tìm thấy của.

Rồi ông lẩm bẩm trong mồm, nửa như nói một mình, như bảo lũ bộ hạ :

- Hừ khôn khéo, khôn khéo mà ghê gớm lắm!

Mấy trăm năm trời nay, những hòn đá kia giết đã bao nhiêu nhân mạng? Viên quan Tàu kia giữ cửa bằng cách gieo những cái khùng khiếp, chắc tưởng rằng phi con cháu nó thì chả có ai là người lấy được của trong này ra; chớ có ngờ đâu đến lượt ta... ta quyết phá cho tuyệt cái kế thâm độc ấy!

Nói đoạn ông quay lại dặn bọn người nhà lần nữa :

- Không được đưa nào động đến những hòn đá này đó. Hãy lôi xác những thằng này để ra một nơi cho tao xét xem.

Năm người kia vẫn đứng yên, chưa hiểu ra sao, ông Châu lại quát :

- Mau lên chứ! Lôi chúng nó ra cả một bên!

Bọn chúng có sáu người, gần hết trông to béo lực lưỡng, họ ăn mặc đều một loại áo vải dầy màu chàm. Da mặt và tay họ đều xám đen như da Nùng Khai. Họ cùng đi một thứ giày vải, ngoài quần những dây nịt khiến cho lá cỏ cành lau giắt đầy chung quanh chân. Coi mặt mũi và y phục thì biết họ là người Tàu, nhưng không thể đoán được là người ở bậc nào vì tất nhiên họ phải thay đổi hình dạng.

Người thứ nhất - bấy giờ đã lôi ra để một chỗ - là người còn trẻ, mặt mũi nhẵn nhó như người đầu đón góm ghê. Người thứ hai và người thứ ba ngồi

dựa lưng vào vách đá, một người ngửa cổ lên, còn một người ngả đầu xuống vai người nọ; lúc mấy tên bộ hạ Thổ xốc nách kéo hai cái xác đi lùi lại, thì đầu hai người chết vẫn ngửa; miệng thì xếch lên như cười một cách dần dần. Người thứ tư là một ông già, mặt xương xương, mép và quai hàm lồm chồm những râu, mắt to, mở trừng trừng, đang nằm nghiêng ôm lấy một hòn đá cuội. Bốn người Thổ phải khó nhọc mới kéo được ông già ấy khỏi chỗ cũ, vì chân ông ta bị đè dưới bụng một người to béo - người này đâm chúi đầu xuống, miệng hôn đất, tay quắp lại, mười ngón quào sâu vào đùi ông già. Còn người sau cùng mở mắt nhưng lòng đen chạy lên mí trên, mồm cứng và hé mở, môi dưới trề ra; hăn ngồi gò ruột ở một bên, vai so lên, cảm sát ngực.

Bằng ấy cái xác cứng đờ như tượng gỗ, họ đều kéo lại cho nằm kềnh càng ở một chỗ sáng nhất, trên mặt đất hang rãnh và ẩm, mình đè lên những cái côn sắt lớn và nhọn, những thanh gươm ngắn và trần, những bọc vải xanh đựng cơm và bánh khô với những bó đuốc đã tắt lửa.

Tuy có đông người trong hang và tuy đã hơi dạn với cái bí hiểm, ông quan Thổ cũng phải gắng sức mới bình tĩnh được tâm thần. Trước cái cảnh tượng quái gở mà ông thấy đó, ông sẽ lắc đầu mà tưởng đến cái ghê sợ của một người vào đây một mình. Ông tự nghĩ :

- Thế mà ta chực không cho đứa nào theo đấy! Cũng may mà ta nghĩ lại... Nếu không thì những lúc này liệu còn can đảm không?

Rồi ông nghĩ đến Nùng Khai và đến lúc hăn trông thấy bốn người chết. Ông chắc rằng khi Nùng Khai vào Văn Dú thì đã thấy bốn Khách ở đây mà lúc ấy họ cũng đã chết rồi.

Nùng Khai có lẽ chết vì khiếp sợ quá? (Ông nghĩ thế, nhưng lại lắc đầu). Khiếp sợ mà đã chết ghê gớm như thế này được ư? Mà Nùng Khai có khiếp sợ không? Không chắc, mắt tên cướp kia đã quen thấy máu đổ, quen thấy những cảnh tàn sát nhiều lần rồi; mà cái lòng hung bạo ấy lại nhờ có sự ham chiếm được của làm cho táo tợn thêm... Và nếu nó biết sợ đã không dám vào đây ngay từ lúc thấy xác người Khách thắt cổ.

Lúc ấy ông Châu từ từ đưa mắt nhìn khắp động từ trên xuống dưới, từ trái sang phải; nhưng không chú ý đến vật gì. Ông còn đang đoán tưởng lại

những cử chỉ của tên Thổ già từ lúc vào đây đến lúc chạy ra cửa hang mà chết, thì bỗng trông thấy một con dao rùng với một bó đuốc bằng sam mộc nằm ở bên một tảng đá cuội. Con dao ấy tất nhiên không phải của bọn Khách, vì đó là thứ dao rùng chỉ riêng người Thổ quen mang. Mà bó đuốc kia chắc cũng là của Nùng Khai, theo như người trai Thổ Kao Lâm thuật lại.

- À thế thì chắc Nùng Khai tìm thấy tờ di chúc kia ở chính chỗ này đây. Rồi tất nó phải chạm đến những tảng đá này mới chết được... Có lẽ nó tưởng trong đá cuội có vàng ngọc nên mới lấy tay vờ xem... Nhưng nó ngu ngốc đến đâu cũng phải nghi ngờ chứ... Bọn Khách kia chết cứng đờ ra đó, mà những hòn đá này thì lăn lóc ở bên...

Ông quan Thổ cau đôi mày lại, nhìn tròng tròng xuống đất, một ngón tay chập chập gãi sau mang tai. Rồi ông ta se sẽ một tiếng thở dài.

- Hay là tờ giấy kia bị một hòn đá đè lên? Nùng Khai muốn cầm giấy xem nên mới mang bỏ hòn đá sang bên cạnh? Ừ có lẽ thực thế, vì tờ giấy ta thấy thủng rách lỗ chỗ mà ở hai mặt giấy ta còn thấy màu đất bám và phảng phất màu rêu xanh. Nhưng dầu sao, ta hãng cứ biết rằng Nùng Khai cũng như bọn Khách kia, bị chết vì đã phạm tới những hòn đá cuội ấy.

Những tảng đá này trông nhẵn và cũng khá tròn, tự cái lỗ đang đào dở lăn ra, và nhiều tảng lăn tăn mát tận đặng xa và khuất trong đám tối.

Ông châu đến bên một tảng, cúi xuống xem xét một hồi rất lâu, nét mặt khó khăn, chăm chú và tỏ ra chiều rất cẩn trọng.

Ông lẩm bẩm nói :

- Cái “Thần giữ cửa” của nó mới hiểm ác chứ! Có ai ngờ đâu những vật ghê gớm này lại là những tảng đá tầm thường.

Rồi ông đứng sừng lên, lại gần mấy cái tử thi người Tàu, khạc một cái nhổ xuống đất và gọi bảo lũ bộ hạ :

- Trên mặt bàn tay lũ này cũng như trên mặt bàn tay của Nùng Khai, có những vết máu lấm tẩm đen, dấu vết của những hòn đá giết người đó. Đứa nào phạm đến những vật ấy thì cũng phải chết như những tên vô phúc kia. Chúng mày phải coi chừng đấy.

Lúc ấy, ông đang lom khom cúi xuống xem cái xác người Khách già nhất. Người này trông vẻ hung ác, hai mắt nhìn thẳng vào chân ông Châu. Bên cạnh cái bao gươm to bản và ngắn đeo vào cái đai vải thắt ngang lưng hắn, ông còn thấy giắt một cái hộp thiếc mà ông không thấy ở thắt lưng bọn kia. Hộp này dài hơn một gang, ngang bằng ba đốt tay và dày hai đốt. Ông châu liền cầm ngay lên, rút nắp lấy ra được hai tờ giấy cuộn tròn lại. Tờ thứ nhất là một cái giấy thông hành của quan Tổng đốc Quảng Đông cấp. Tên người mang giấy đó là Thạch Dụng, ba mươi tư tuổi, làm thầy địa lý, quán ở Bình Giang. Cứ tuổi trong tờ giấy này thì ông già kia không phải là Thạch Dụng, mà người mang nó có lẽ là người Khách bị giết ở gần cửa hang.

Ông Châu xem đến tờ thứ hai.

Tờ giấy này dày như bìa, màu vàng bẩn. Ông quan Thổ vừa thoát giỡ ra đã thấy kinh lạ: chữ trong giấy viết bằng máu, nét gãy cứng như vạch bằng que.

Lời trong giấy như sau:

“Bọn dũng sĩ chúng ta là Đô Bá Kỳ, Tần Du, Điền Nhị Giang, Lý Thất và Lý Nhạc, năm mãnh hổ ở vùng Mê Sơn, xông pha hiểm trở, theo vết chân Thạch Dụng đến đây để chiếm lấy kho vàng của y.

Năm chúng ta cùng tra khảo y, cùng lấy được mảnh giấy chỉ cách đào lấy của, rồi cùng giết chết y.

Vậy chúng ta thề nguyện với nhau rằng, của cùng tìm được chia đều, và phải giữ việc này cho kín. Nếu trong bọn ta, có kẻ nào manh tâm muốn chiếm lấy phần lớn, hoặc tìm cách giữ cả cho riêng mình, thì kẻ ấy sẽ bị chết treo trên cây vì tay chúng ta, bị năm nhát dao trên mình, y như số mạng của Thạch Dụng.

Chúng ta lấy máu của y để viết tờ giấy này, lại cùng chích máu mình biên tên và in dấu ngón tay vào đây ký kết”.

Năm ngón tay cái in thành một hàng máu đỏ nhòe nhoẹt ở sau những câu ghê gớm ấy.

Ông Châu lặng yên, không nói gì. Một lát ông quay lại nhìn bọn người Tàu, thấy mặt mũi họ càng thêm vẻ độc ác. Nhưng bọn giết Thạch Dụng chỉ có

năm đứa, vậy đứa thứ sáu là ai? Có lẽ là đứa trẻ nhất, và có lẽ là người đi theo Thạch Dung đến đây làm chân trong cho chúng.

Một lát ông Châu lại nghĩ :

- Thì ra quả nhiên tên Khách chết treo là con cháu người quan Tàu thực. Nhưng tại sao mãi bây giờ mới sang đây? Mà bọn cường bạo kia dò xét làm sao lại biết được y sang tìm của. Cái đó toàn là một thiên bí mật khó lòng mà khám phá được ra. Ta chỉ phục viên quan Tàu thực là người sâu sắc! Câu dặn con cháu phải gắn lại tờ di chúc, ta tưởng là vô lý, nhưng đến nay mới rõ cái ý khôn ngoan. Viên quan Tàu có lẽ muốn phòng hai điều, một là bảo con cháu giữ lại đừng hủy tờ giấy đi, để sau có khi phải đem ra chứng nhận cái quyền được hưởng của trong hang Văn Dú; hai là hoặc trong khi đi tìm của, có kẻ theo mà tra khảo thì tờ giấy kia với những câu kỳ dị viết trên đó sẽ lừa gạt kẻ chiếm được nó và báo thù cho con cháu mình. Viên quan Tàu muốn cho của trong hang Văn Dú nếu không về tay dòng dõi nhà y, thì không về tay ai hết. Mà của cái với nơi chứa nó sẽ là tai họa nghìn năm cho những kẻ muốn tìm tòi... Ta cũng là kẻ tìm tòi đây... Nhưng cái mưu kế lập ra từ mấy trăm năm kia đối với ta không có giá trị gì nữa!

Thế Lữ

Tiếng Hú Ban Đêm



Vàng và máu (V)

ng quan Thổ gấp cả hai tờ giấy tra vào cái hộp thiếc như cũ và giắt vào thắt lưng mình, rồi ông sai bọn theo hầu đem cuốc xẻng và dao trường đến phá nốt cái lỗ hang ở trong phía tối. Họ vâng lời, tức khắc lấy xẻng và dao nện những hòn đá từ dưới trở lên. Cứ mỗi hòn đá rớt ra họ phải nhảy lùi lại. Cái khó trong việc đào phá chỉ là phải tránh những hòn đá cuội đó. Ông Châu đứng một bên, trên một tảng đá xanh, cao và khá phẳng. Ông vừa bảo ban vừa thôi thúc họ; trong động vang lên những tiếng cuốc xẻng, những tiếng ông Châu quát, với những tiếng đá cuội lăn ra. Lỗ hang, sau đó một hồi lâu đã thấy mở ra được non nửa về phía dưới. Lúc ông Châu toan bảo một người đốt đuốc lên, thì ông chợt thất kinh kêu lên một câu dữ dội :

- Này chết! Lùi ra mau!

Vừa lúc bọn đầy tớ hốt hoảng nhảy lại đằng sau, thì rầm một cái như sét nổ trời, cả phần trên lớp đá cửa hang cùng lở xuống. Bọn Thổ chạy tán loạn nhảy như lũ vượn, để tránh những hòn đá tròn đuối theo. Đá cuội cứ lăn ra tứ tung và chiếm gần nửa chỗ trong động. Cũng may không ai việc gì. Nhưng họ mất sắc đi vì khiếp sợ.

Lúc họ đã dám quay lại nhìn thì cái cửa hang nhỏ đã rộng mở. Hang này cách đất độ bốn, năm thước, cửa hang to bằng một cái nong. Không thể biết hang nông hay sâu: trông vào thì chỉ thấy mù mịt đen và phẳng phất như có khói. Ông Châu bảo họ lấy dây thừng và dây mây làm thành những thứ quang sơ sài để tải những hòn đá kia ra một chỗ. Ông đến xem mấy hòn đá gần nhất thì thấy cũng là một thứ đá cuội như những hòn lăn ra trước, nhưng nhỏ và nhẵn nhụi hơn. Ông lại nhìn kỹ những hòn phía gần cửa hang, là những hòn đá rớt xuống trước tiên thì lại thấy chung quanh đá

bong ra những mảnh cát to hạt và sắc cạnh mà ông không dám động tới. Ông gật đầu mấy cái rồi nói :

- Chỉ có lượt đá ngoài cùng là nguy hiểm thôi.

Tuy thế song cũng bảo bọn kia phải cẩn thận mà khiêng từng hòn một. Họ lẳng lặng theo lời ông như một bọn người máy. Từ nãy đến giờ họ rất ít nói và không nói to, trái với tính quen của họ khi đông người cùng làm một việc.

Khi đá cuội ở bên những cái xác chết đã xếp thành một đống to và khi đã có lối đi tới cửa hang ông Châu mới bảo đầy tớ đem cái bó đuốc gần tàn lại để nổi. Ông thì cầm bó đuốc sam mộc của tên Nùng Khai. Thấy một tên bộ hạ không đi hài xảo, ông liền bắt hấn cời giày của một người chết để xỏ chân vào. Rồi ông nói :

- Bây giờ chúng mày đem những tảng đá kia chồng thành bậc để lên. Những đá rơi ra sau thì không đáng sợ lắm.

Mấy hòn đá xếp thành một thứ bậc thang cũng khá tiện. Ông châu đem đuốc lại nhóm, chỉ để lại hài bó dành đến lúc ra.

Rồi ông nhìn lại một lượt chung quanh mình, cảnh tượng trong này thực kỳ dị. Đám người chết co quắp nằm ngheo đầu giơ chân ở chỗ ánh sáng ban ngày soi xuống, cùng với những hòn đá cuội chất đống, màu đất âm khác với màu xanh xám của vách hang. Cách đó không xa, bọn người Thổ xúm lại với nhau đứng trong bóng tối. Họ sửa giày rơm, đai lưng, hay đốt thêm thuốc. Ánh lửa đỏ bập bùng chiếu một bên mặt tai tái của họ và chiếu lên mặt hang đá làm rõ rệt thêm cái lạnh lẽo của thứ ánh sáng ngoài trời soi xuống.

Bó đuốc của ông Châu và ba bó đuốc của bọn đầy tớ đã cháy to, nổ lách tách. Hai người giụi tàn lửa lên đá rồi theo lời ông Châu, chui vào cửa hang. Ông cùng lên với người thứ ba để cho hai người sau cầm đuốc đi tập hậu. Cái cửa hang nhỏ lúc ấy trông như miệng một cái hỏa lò đang cháy, mỗi lúc một tối dần.

Không bao lâu, cả lửa đuốc lẫn người cũng bị cái miệng đá ấy nuốt chửng.

* * * * *

Thoạt mới vào, đường đi rất khó. Họ phải lom khom cúi; trên đầu họ, trần đá thấp như muốn đè mãi họ xuống, mà dưới chân có nhiều chỗ hõm hốc, lại thêm đá cuội bên ngoài lăn vào làm cho họ phải hết sức dè giữ mới dám bước lên. Họ không giờ được ngọn đuốc lên cao. Ánh lửa trước mặt làm cho chói quá, phải đưa cánh tay lên che ngang mắt mới trông được rõ lối đi. Nhưng hang càng vào sâu càng rộng, và dễ đi hơn. Vào chừng hơn mười bộ thì đuốc đã giờ lên được quá trán; trần đá cũng cao dần và đỡ thấy nặng nề. Họ càng vào sâu thì khí lạnh càng thấm thía. Một thứ gió lan đi rất chậm, từ chỗ đen tối cùng cực đưa ra. Họ phảng phất ngửi thấy những mùi hôi tanh và ẩm mốc. Đứng lại độ nửa phút, ông Châu lẳng lẳng nhổ bọt, rồi lại tiến lên. Lối đá rêu cũng khá rộng. Ông châu cho hai người đi quá ông một bước, còn ông đi giữa họ, hơi lùi về đằng sau. Bỗng nhiên ông Châu dừng chân, nói một cách kỳ lạ :

-Ồ! Đứng lại, đứng lại xem đã! ồ!... Kìa!

Họ trừng mắt trông lên.

Trong khoảng giữa tối om, thấy phảng phất hình một người trắng trắng. Ánh lửa cử động khi mờ khi chói, nên cái hình ảnh vừa rồi lúc biến lúc hiện rất mơ hồ.

- Cứ đi lên xem, chỗ ấy cách đây xa quá nên không rõ.

Họ tiến lên mới được mười bước nữa thì cái hình lúc này thành ra một bộ xương người. Bộ xương này ngồi ngoảnh mặt ra, ở trên một cái bệ gạch rất lớn.

Cái đầu lâu, hai mắt rộng đen thao láo, ngả về phía trán ở giữa hai cánh tay giao nhau. Hai tay này để trên một cái cột, cao lên tới ngực. Hai ống cẳng đã rời, dựa vào cái bệ như hai thanh củi: phía trên bàn chân có những xích sắt con han gỉ, chẳng buộc hai ba vòng. Màu xương thì xanh đen, mốc rêu, cũng như màu cái cột đá. Hàng xương sống vẫn thấy liền khớp, vẫn thấy chống giữ bộ xương ngực. Trên bả vai, lúc soi đuốc lại gần, thấy một thứ mùn nát thành bụi lẫn lộn với một vòng tóc xam xám và dài.

Ông Châu nghĩ ngay đến lối yếm vàng của bọn người tàu. Ông nghĩ đến cái nỗi tuyệt vọng của người mà họ dùng làm thần giữ cửa; nghĩ đến cái lòng

thâm độc của kẻ tin những điều vô lý mà hại người. Sau khi tìm được những hòn đá cuội, ông không nhận là có thần thánh gì nữa.

Nhưng ông lại nghĩ :

- Viên quan Tàu kia đã có những tảng đá để lấp cửa hang trong, hẳn đã có phép giấu vàng kỳ bí hiểm rồi; hà tất phải nhờ đến thần thánh nào khác để giữ của cho hẳn. Ta cần phải biết rõ điều ấy. Vì biết đâu rằng, sau bộ xương vô giác kia, không còn ẩn những mưu kế gì lừa gạt mình nữa...

Ông đứng yên một lát, trí suy nghĩ, tay vân vê xoắn suốt bộ râu cằm. Sau, ông cứ gật gù hoài, miệng mím vào như muốn cười, mặt lộ ra vẻ khoan khoái :

- Phải, phải, chỉ có hai lẽ ấy; chứ viên quan Tàu kia giết người vô ích làm gì? Một là người Tàu nghĩ đến cách yếm vàng từ trước, từ khi mới để của ở đây... rồi dần dần mới tính ra, mới dùng cách xây dựng cửa hang bằng thứ đá cuội nguy hiểm. Hai là bộ xương kia chẳng qua chỉ là xương của một kẻ bộ hạ theo vào giúp việc trong này. Mà người giúp việc ấy cũng như những kẻ tải gạch đá vào xây nên cái bệ này đã trông thấy của cải trong này, nên phải giết đi, để triệt những tấm lòng tham và làm câm những cái miệng không kín đáo. Thế rồi một ý kiến nảy ra, viên quan Tàu đem người bị giết đặt lên bệ sau cái cột đá ấy để làm một thứ bù nhìn. Kẻ nào không phải là người có quyền lấy của, chẳng hạn như ta đây, mà lòng mê tín vẫn còn thì sẽ bị cái bù nhìn kia làm cho kinh hoàng, có khi còn ám ảnh suốt đời nữa.

Cái bệ mà có bộ xương người ngồi ở một bề thoải trông, ông Châu đã biết ngay là chỗ dựng của. Bệ này hình chữ nhật, rộng gần bằng dài, và xây bằng gạch, trông chắc chắn nhưng rất vụng về. Ông quan Thổ lấy mắt ước lượng thì mỗi bề ngang dọc vào khoảng bốn và năm thước và về cao thì vừa bằng cái ống căng bộ xương. Mặt bệ cũng khá phẳng, gạch xây toàn là những phiến rất lớn và xem ra rất dày. Mầu gạch một vài chỗ nâu sẫm như da sần, nhiều khoảng rêu cáu vừa xanh vừa đen, nhiều chỗ long lở như đất khô hay mốc bám.

Ở hai bên còn chừa ra hai lối nhỏ đi ra phía sau bệ, đến chỗ cùng hang. Ông Châu cầm đuốc bước vào. Trần đá càng ở xa càng thấp.

Ông đứng sau bệ ngoảnh vào, thả tầm mắt nhìn cái khoảng tối đen mà lửa đuốc không soi tới. Ông đi vào mấy bước thì phải cúi thấp mãi xuống. Ông thấy cái cảm giác như bị đè nén mãi ở dưới cái trần đá nặng và dày. Ông thử nghĩ xem chỗ ông đang đứng ở phía nào trong hòn núi đá. Nhưng không đoán ra.

Khi mắt đã quen tối, ông chợt thấy hình ba bốn bộ xương người nữa. Ông gọi đầy tớ lại và bảo cho chúng biết là họ bị hại bởi tay người tàu... Nhưng xét kỹ thì hình như họ bị thuốc độc chứ không phải bị chém bất thành linh như ông thoát tưởng: bộ xương nào cũng còn nguyên, mà cổ vẫn liền với đầu.

- Vả lại, - Ông Châu nói tiếp - viên quan Tàu ngoài cách đầu độc họ thì không dám giở ngón gì ra. Vì tất nhiên y vào đây có một mình, với bọn kia... nếu họ hơi thấy viên quan có ý phản trắc tất họ không để cho y sống. Nói đoạn ông quay trở lại, đưa bó đuốc cho một người đứng bên. Ông đứng sau cái bệ lớn, yên lặng một hồi lâu, tay cầm gươm, vô tình vạch lên mặt bệ những nét nhằng nhịt.

Lần này là lần thứ năm, thứ sáu, ông ngẫm lại những cảm giác và những điều ông suy tính trong lòng.

Lúc ấy ông thấy lòng xôn xao. Ông dụ lời bảo đầy tớ nôi thêm đuốc lên, thì thấy giọng nói của mình hơi khác. Quả tim ông đập nhanh và mạnh lắm. Có lẽ đó là vì mừng. Vì ông biết rằng trong cái bệ lớn kia, có một kho của lớn mà chính ông, ông sắp được hưởng... Viên quan Châu nhỏ mọn, danh phận mờ tối ở trong bóng những rừng hoang, nay chỉ còn phải lật có một lần tường mỏng nữa là được trông thấy cái phú quý to nhất trong nước... Ông sẽ làm nên tiếng tăm, ông sẽ tìm cách cùng một đồng liêu người Kinh, làm quan trong bộ. Ông sẽ mở một con đường mới cho người cùng giống. Người ta có của là người ta có quyền.

Ông hăng giọng cho lời nói mạnh lên. Bọn theo hầu đã đốt thêm đuốc.

Ông sai giắt hai bó lên kê đá, bảo ba người khác cầm năm bó, còn ông và hai người mạnh khỏe nhất thì lấy xẻng, cuốc để bổ vỡ cái mặt bệ ra. Cuốc vừa mới giáng được một nhát, bộ xương người bỗng đổ rơi xuống, xếp lại thành một đồng hỗn độn trên mặt bệ, cái đầu lăn ra một bên. Ông Châu bắt

họ không được ngừng tay. Họ đang ra sức bở nữa thì ông Châu ngăn họ lại. Rồi một tay cầm lấy một con dao còn tay kia ông rờ vào chỗ kẽ vừa mới nứt ra ở một góc bệ. Ông lấy mũi dao cắm mạnh vào đó, bảo một người nữa cùng làm thế, rồi hai người lấy hết sức bẩy lên. Một phiến gạch dày ước nửa gang tay, to bằng nửa cái án thư bật lên, để lộ ra một lớp gạch nữa mới hơn ở dưới một lần nữa mỏng.

Lớp gạch phủ trên đá phá hết. Lớp gạch dưới mới nậy được ba viên.

Ông Châu vội bảo họ ngừng tay: ông đã trông thấy những hình nén, hình thoi in nhấp nhô ở dưới một lần vải phủ trên. Mảnh vải ấy cách lần gạch độ ba đốt: ông quan Thổ cầm lấy mép vải rồi nhanh tay lôi lên, mảnh vải mủn rách bung ra; ông Châu mở mắt cực lớn.

Những thoi vàng dài, màu xanh xanh, nằm hỗn độn bên những râu vòng trắng muốt, đó là những vật ông trông thấy trước nhất, bọc trong những mảnh lụa hay giấy mỏng lòi ra. Còn ở dưới thì toàn những bọc còn nguyên, có lẽ cũng là bọc vàng, ánh lửa soi vào làm hơi lấp lánh ở những chỗ rách.

Ông quan Thổ, mười ngón tay run lấy bẩy, đưa cả chục bọc; ngập ngừng một lát, rồi vội lấy mấy cái bọc đưa lên tận mắt để xem.

- Chính phải rồi. Chính vàng! Vàng! Vàng với những vòng ngọc. Vàng ngọc cao gần ngập bệ, lại còn khuất ở dưới những phiến gạch kia!

Bỗng nhiên ông nín lặng. Ông liếc mắt nhìn bọn tôi tớ. Chúng nó đứng mê đi như những pho tượng cầm đuốc, chống xéng. Ông thấy cái ghê rợn chạy khắp người.

- Nhưng mà không! (Ông nghĩ thầm) không hề gì! chúng nó là người trung thành lắm. Ta phải bình tĩnh mới được... Ừ không sợ gì!

Tuy thế ông vẫn đề ý đến cử chỉ của họ và nhìn lại cái gương sáng của ông dựng ở một bên đui. Ông kéo hai, ba gói nữa lên thì thấy toàn là những chuỗi ngọc kim cương và bạch ngọc. Lúc ông để cả xuống thì chú ý đến một tập giấy nhô ra ở trong bóng tối của phiến gạch dày. Ông cầm giở ra xem thì đó là một quyển sổ mỏng.

Giở tờ thứ nhất, thấy mấy dòng viết rất tốt:

“Thạch Điền Quang - Minh triều đại thần, xung Nam bang đô đốc chi bảo”

Trang thứ hai kê những đồ đĩa ngọc, chén ngọc bình vàng và bạc rồi đến trang kê các thứ ngọc: ngọc thạch, ngọc trai, kim cương... Trang thứ tư và thứ năm, các đồ bằng ngà voi, bằng san hô; ngà voi nguyên, sừng tê... Trang cuối cùng kê toàn là vàng, vàng thoi, vàng nén, vàng diệp các hạng.

Thế Lữ

Tiếng Hú Ban Đêm



Vàng và máu (Đoạn Kết)

rừ những người bộ hạ của quan châu Nga Lộc thì không ai biết đến chuyện ông tìm thấy của. Cả ông châu Kao Lâm cũng vậy: ông quan này tưởng cả hai tên bộ hạ ông sai đi đều bỏ xác ở hang Thần.

Người Thổ Kao Lâm từ khi gặp những điều kinh khủng trước cửa hang đá thì ở lại châu Nga Lộc, mấy tháng ròng rã không dám bước chân ra ngoài.

Rồi một ngày kia, người Thổ ấy tự nhiên đi đâu mãi không về nữa. Người ta đổ đi tìm các ngã cũng không thấy. Sau cùng, một người lách vào một bụi rậm gần đấy thì thấy hãn chết treo ở dưới cây ôi lớn bên nhà ông Châu. Bọn bộ hạ theo ông Châu hồi xưa lấy làm kinh ngạc vô cùng. Họ ngờ là ông ta lập mưu giết nó. Nhưng phần nhiều là đoán nó tự tử, vì họ thấy nó bị cái hối hận và khiếp sợ cắt rứt ám ảnh không thôi. Và bọn người theo giúp ông Châu sau này vẫn được sung sướng, giàu sang một cách bình tĩnh. Còn ông Châu thì bần bịu về của cải nhiều lắm. Ông cưới thêm hai người thiếp nữa, và thôi tưởng đến sự làm quan trong Kinh.

Những tảng đá giết người trong hang Thần thì ngay sau khi vận hết của về nhà, ông Châu đã sai đem bỏ vào một cái hang thứ hai là hang giấu của và sai xây thêm một lần đá bên ngoài lấp kín miệng hang ấy đi. Tuy vậy, ông vẫn giữ lại một tảng nhỏ nhất làm kỷ niệm. Ông vẫn có ý giữ kín không nói ra vì sao mà những tảng đá kia lại hại người một cách ghê gớm như thế. Nhưng một hôm, nhân chuyện với mấy tên người nhà tâm phúc, ông tưởng cũng không cần phải giấu mãi sự thực làm gì; ông bèn cẩn trọng đem tảng đá ra, lấy dao cạo mạnh lên, thì thấy lở xuống, nhỏ và mỏng, những mảng cát to hạt. Đó là một thứ cát sắc cạnh màu vàng trong lẫn màu nâu chấy, dính lại với nhau như luyện keo. Ông nói :

- Đây là cái oai quyền của “Thần giữ cửa” đây, cái linh thiêng của Văn Dú cũng cả đây, thực là ghê gớm mà khôn khéo. Bao nhiêu tai họa, bao nhiêu nhân mạng, bao nhiêu điều khiếp sợ của người ta trong mấy trăm năm trời đều do những vật vô tri vô giác này gây nên. Nhưng chẳng qua chỉ là cái kỳ mưu của viên quan Tàu nhà Minh, chứ không có thần thánh gì hết. Chung quanh tảng đá này, có một sức mạnh giết người mau chóng hơn cả thần thánh nữa; đó là nhựa của một thứ cây độc tên là May Nôm, thứ cây mà bọn Mán đi săn với quân giặc ở những núi hiểm gọi là Công địa đèo.

Nhựa cây này, ngâm tên thì tên hoa độc: bản, không cứ phải chỗ hiểm, chỉ cần làm trầy da rướm máu cũng đủ làm cho kẻ bị thương chết không thể cứu được. Nhưng nếu chế luyện theo phép của một vài giống rợ bên Trung Quốc thì giống bôi thuốc độc vào móng tay để cào cấu kẻ thù thì nhựa cây đó trở nên rất mạnh và giết người một cách ghê gớm mau chóng hơn. Viên quan Tàu kia hẳn biết cách chế luyện nó.

Rồi ông Châu gặp đưa cho mấy người bộ hạ xem những mảng cát bám trên tảng đá cuội. Ông bảo rằng đó là một thứ cát làm bằng những mảnh sứ hoặc thủy tinh bằm nhỏ, luyện keo lại với thứ thuốc độc mà ông nói. Thứ keo riêng ấy, đem trát lên các hòn đá xây lấp cửa hang, là thành một thứ quân canh gác chắn chắn không gì bằng. Cho nên những kẻ đi tìm vàng trước ông Châu, như bọn con cháu họ Hoàng, bọn Cướp Khách với tên Nùng khai, đều vì phạm đến vật nguy hiểm kia, bị thứ cát sắc cạnh phủ trên đá đâm vào da mà bỏ mạng.

Ông Châu tuy đem cái bí mật của hang thần mà giải nghĩa cho những người bộ hạ trung hậu đã theo ông đi lấy của khi xưa được biết, nhưng ông vẫn để cho dân trong Châu tin là ông có oai át được cả thần quyền. Văn Dú mất thiêng là vì ông. Dân ông rất lấy làm cảm cái ơn trừ tai phá hoại ấy.

Từ đó, dần dần họ đã dám khai khẩn và cày cấy ở gần quả núi đá. Lại có lần người ta rủ nhau vào tận hang xem.

Núi Văn Dú trông vẫn ngất ngưởng cao lớn nhưng người ta chỉ coi là một ngọn núi cao lớn thường. Đến nỗi cái tên đã làm khiếp đảm mấy châu huyện ngót ba trăm năm trời, họ cũng quên dần đi.

Bây giờ thì không mấy ai biết đến nữa.

Chú thích:[1] Thứ dệp bện bằng rơm của người Thổ dùng đi đường xa.

[2] Tiếng chửi rủa

[3] Truyện ở sách “Kim cổ ký quan”.

Thế Lữ

Tiếng Hú Ban Đêm



Đêm trăng

ường quanh co ở giữa hai bên rừng núi phần nhiều là hẹp và xấu lắm; chúng tôi phải cho ngựa dàn hàng một tiến lên.

Ở Pakha, chỗ nghỉ sau cùng tới đây, từ mười hai giờ trưa đến bây giờ gần sáu giờ chiều, mà chỉ đi được chừng ba mươi cây số. Hồi ấy vào trung tuần tháng 2. Trời về tiết xuân, nhưng gặp được lúc ấy cũng ấm áp dễ chịu.

Chúng tôi dừng ngựa lại trước một cái nhà lều rộng lớn, làm trên một khoảng đất san phẳng, lấn vào khu rừng phía tay trái độ bốn năm sào. Lều dựng theo lối ta, mái lợp tranh, ba phía vách bằng phên nửa hây còn xanh tươi; cửa cũng bằng phên, nhưng đan chưa xong, còn đặt dưới đất. Chỗ này dựng lên để cho những người đi xa nghỉ chân và nhân thể cho bọn người Thổ săn bắn ở vùng này làm nơi tạm trú. Cái lều cao rộng hơn nhà ta ở nhiều lắm, nhưng trống hơn, không có bày biện gì. Ở mặt đất giữa lều, chỉ thấy một đồng củi gỗ dăm, một tia khói đưa lên thông thả, với năm ba chiếc ghế thấp vớt bỏ chung quanh. Áp theo cả chiều dài bức vách trong cùng và bức vách phía trái, còn có một thứ tầng cũng đan bằng nửa, rộng ngót một thước tây, cao lên tới ngực, buộc vào những cột chống là mấy khúc cây nhỏ mới đẵn về. Thấy có hai người Thổ đang thõng chân nằm ngủ ở trên, tôi đoán đó là một thứ chõng hay một thứ giường phên mới ửng chế.

Gởi người buộc ngựa rồi, chúng tôi vào lều gỡ bánh tây, cơm nắm, lạp sườn và giò chả ra ăn với nhau. Trong lều không có đèn, chúng tôi ngồi quây lấy đồng củi bấy giờ đã thối cháy to lên cho sáng. Những chuyện Mán Thổ núi rừng tất nhiên được dịp đem ra nói. Người thì khoe những cảnh lạ, những điều kỳ quái ghê sợ mà mình đã trải qua; người thì thuật những phen thập tử nhất sinh ở chốn ma thiêng nước độc; nhưng đậm đà nhất là chuyện

trăng gió đường rừng, những chuyện hát đúm ở các chợ phiên. Mỗi người đều có một chuyện “tìm hoa” trong làng để nhắc lại.

Nhân đó một người bạn kể cho tôi nghe những bước phiêu lưu của một người đàn ông mà thỉnh thoảng tôi được gặp trong cái thì giờ đứng uống bát nước ở một hàng quán. Ông này là người Kinh, nhưng nét mặt với tiếng nói thì y như người Thổ; vóc trông đầy đà lực lưỡng, bao giờ cũng mặc một bộ quần áo bằng vải ka-ki. Ông ta rất táo tợn; trong bọn đi rừng đến cả người Thổ cũng phục ông ta là người thạo và xông pha nhất. Họ gọi ông là Ba-đi-ghệt nhưng cái sính đi ghệt ông ta đã bỏ, chỉ còn lưu lại cái tên hiệu thôi - Ông Ba chẳng ở lâu được một chỗ nào; gặp việc gì ở đâu cũng nhận làm ngay, thấy cái gì cũng buôn: gỗ, vải vóc, thuốc phiện lậu, xương hùm, nấm hương, nhung hươu, đủ mọi thứ. Có một điều ai cũng chú ý nhất mà ông vẫn đem khoe với bất kỳ người nào muốn nghe chuyện, là đến đâu, ở đâu ông ta cũng tìm được một người con gái kết duyên hờ với mình. Ở với nhau được ít ngày rồi một hôm, người con gái Thổ thấy ông ta đi không bao giờ trở về nữa. Tôi chưa ngời nói chuyện với ông Ba-đi-ghệt bao giờ nên không biết rõ tâm địa của người đàn ông ấy. Nhưng tôi xem ra thì không mấy người ưa. Họ bảo rằng ông ta bạo dạn thì không ai hơn, nhưng mà giáo quyết nham hiểm cũng không ai bằng nữa.

Ăn uống xong, tôi để các bạn ngồi đó, rải áo khoác lên chiếc chõng bên cạnh một cái cửa sổ mắt cáo rồi nhảy lên ngả lưng. Tôi duỗi thẳng chân ra nằm, vươn vai mà thở một hơi thực dài đuổi hết những cái mệt nhọc nặng nề từ trước. Không gì khoái bằng được nghỉ ngơi sau một cuộc treo non lội suối đường trường.

Hai người Thổ vẫn ngủ say, tiếng ngáy rờn rợn. Các bạn đi đường thì bàn nhau vào ngủ trong làng, nhân tiện để tìm mấy đóa hoa rừng. Hôm ấy có cuộc hát thi, vì gặp ngày làng mở hội.

Tôi lẳng lặng nhắm mắt không trả lời ai hết, vì tôi không muốn theo họ và để phí mất lúc khoan khoái dễ chịu bấy giờ. Tâm hồn tôi thấy băng khuâng như nằm ở trên mây, trí tưởng tượng chập chờn... rồi giấc ngủ dịu dàng dần tới.

Tôi mở mắt ra thì trăng xuyên qua khung cửa sổ mắt cáo đã đặt trên mình tôi những mảng sáng vuông nhỏ. Bấy giờ có lẽ đã nửa đêm, hai người Thổ không còn ngủ gần tôi, mà các bạn người Kinh cũng đi cả.

Tôi không muốn ngồi dậy, cứ để nguyên giày mà nằm yên đó, hai mắt lim dim.

Nhưng tôi không buồn ngủ thêm nữa.

Trong mình thấy tin

háo vui lắm. Huyết mạch lưu thông như gió thổi; tôi tưởng chừng có thứ thuốc tiên trong thân thể, khiến cho người tôi bỗng chốc thành khinh khoái như bay...

Tôi lắng tai nghe, một dải suối róc rách ở gần, tiếng sóng như thủy tinh reo vào trong thứ giọng rì rì tối tăm của những côn trùng dưới cỏ. Sau lều thì khu rừng cây yên lặng như ngủ kỹ, nhưng ở trong đờn những tiếng bí mật, khiến cho mình cảm thấy được cái sinh hoạt của nó trong lúc đêm khuya. Một con hươu đang ngẩn ngơ nhìn cái lều vắng không. Những tiếng rất nhẹ của con sóc chạy trên cành; những tiếng lá cựa dưới mình một con vật đang nằm, một tiếng vỗ cánh nặng nề của con chim lớn. Từng trận gió thổi qua, một loạt lá rơi rào rạt, rồi tát cả lại im lặng như ngóng đợi, như nín hơi. Xa xa, rõ thực xa, giọng thác ào ào, để ý thì mỗi lúc thấy gần thêm, rồi lại xa dần, rồi lại như biến mất. Có khi nghe như tiếng muôn nghìn người ồn ào đưa từ đâu tới; phảng phất trong trí não tôi hình dung ra cảnh chợ búa xe pháo ở chốn thị thành.

Tôi cứ nằm đó nghe hoài. Nghe càng lâu muôn tiếng càng hỗn độn. Sau cùng thành một thứ giọng rì rào mờ ám mỗi khắc một nhạt dần. Thần trí lại chịu một sức thôi miên ma túy đưa lại đầu từ chốn bồng lai. Văng vẳng trên không, chỉ còn những tiếng nhạc gần rồi lại xa, với những hơi sáo rất nhỏ, rất trong và cao tít.

Bỗng đâu, một cơn gió lạnh thổi qua làm tôi hơi rùng mình. Tôi thở dài rồi hé mắt; trên lông mi những phấn bụi ánh sáng đang nhảy nhót rập rờn. Tôi lại thấy như không phải nằm đó một mình... Hình như có ai đứng bên tôi. Mà “ai” đó hình như là một người thiếu nữ. Tôi chức đó chỉ là hình ảnh của

sự mơ màng thôi, nên cứ lặng yên, bỗng thấy một bàn tay, một bàn tay nhỏ bé dịu dàng, êm ái để lên vai tôi :

- Đêm trăng sáng đẹp như thế này mà không đi nghe hát một lúc chơi, lại nằm đây ngủ!...

Câu nói tiếng Thổ, giọng dẻo dang trong trẻo nghe rất hay. Chưa nhìn cũng chắc người đứng đó là đẹp lắm. Tay người thiếu nữ lại lay tôi lần nữa.

Tôi mở mắt nhìn thì cô ta nhoẻn miệng cười :

- Đi dậy đi anh. Dậy đi chơi một tí!

Cô ta đứng trước cái cửa sổ vách liếp và ngảnh mặt ra phía rừng. Người trạc mười chín, hai mươi, hai mắt tinh anh, đẹp lạ thường, đôi má đầy, mơn mớn đào non, nhỏ và mượt.

Trời ơi! Con gái thổ mà có người nhan sắc đến thế này ư? Tôi mơ hay tỉnh?

Tôi nghĩ bụng thế, rồi ngồi dậy, thì ra tỉnh chứ không phải mơ.

Tôi hỏi cô ta :

- Cô em ở đâu đến?

- Tôi ở trong làng (Cô vừa nói vừa lấy bàn tay lau miệng).

- Làng có xa không?

- Không xa lắm.

- Cô em có đi với ai nữa không?

- Không.

Tôi bối rối quá, vì cô ta bỗng dưng có vẻ thẹn. Tôi ngẩn người ra, không biết hỏi thêm câu gì. Tôi nhìn cô ta một lúc lâu, cô ta ngẩng lên nhìn tôi rồi trông đi chỗ khác.

Giá tôi đừng nín lặng, hỏi chuyện nữa đi mới phải. Nhưng biết hỏi gì? Những phút đối diện yên lặng ấy sao mà dài và khó chịu đến thế!

Tôi ngượng nghịu quá chừng. Xin thú thực rằng xưa nay tôi nói đùa với các chị con gái Thổ đã nhiều, nhưng tôi đều coi thường, không để ý gì đến ai hết. Cũng nhiều cô kháu lắm, song không ai có thể gọi là đẹp, đẹp trong trẻo và say đắm như cô gái này.

Tôi nghĩ mãi, mà chẳng có câu nào cho hợp lúc cả, mãi sau mới hỏi lên được :

- Cô em ở đâu đến?

Thì lại là câu mình đã hỏi rồi.

Cô con gái nhìn tôi hơi ngạc nhiên, song cũng đáp :

- Tôi ở trong làng.
- Gần không?
- Không xa lắm.
- Nhưng cô em đi đâu thế?

Cô Thổ đã hết thẹn, tươi cười nét mặt và nhanh nhẹn trả lời :

- Tôi đi chơi. Tôi đến đây thấy có ngựa buộc ở ngoài kia, tôi vào, không có ai, chỉ có anh ngủ... Tôi vào rủ anh đi nói chuyện chơi.

Rồi cô cười, mà cười quá chừng; tiếng cười giòn và đầy đặn. Tôi cũng cười góp nhưng nghĩ thầm :

- Quái lạ, chả nhẽ người này lẳng lơ đến nỗi đi tìm một người đàn ông ngủ một mình để nói chuyện với, hay sao?

Tôi nhìn người thiếu nữ một lần nữa: Không! Cô ta chỉ có vẻ đẹp, trong sạch và rất đáng yêu quý thôi. Đôi mày đưa cong lên ở dưới trán bịt khăn chàm, có vẻ kín đáo ý nhị, tôi ưa nhìn quá. Tôi hỏi cô :

- Thế cô em vào đã lâu chưa?
- Vào lâu rồi. Tôi xem anh ngủ mãi.
- Tôi không ngủ, mà sao tôi không biết.
- Anh ngủ đấy mà!

Cô vừa thông thả nói lại vừa cười. Cô cười sao xinh thế! Con người nhan sắc mà có duyên thay.

- Này cô em...

Cô bé nhìn tôi, nhưng tôi không tiện hỏi câu ấy. Miệng cô vẫn hé mở, để lộ ra một nét trắng nhỏ của đầu hàng răng trên. Cô lại ưỡn ẹo dựa cái thân mềm mại vào chân tôi, làm cho tôi gợn cả người lên và không nghĩ đến những cái vẩn vơ như trước nữa. Tôi mỉm cười và liếc để tay lên vai cô ta.

Người con gái nói luôn :

- Anh nhé, anh đi chơi nói chuyện với tôi nhé. Tôi... tôi đến rủ anh đi chơi...
- Cô thích đi chơi với tôi à?
- Thích. Mà thế nào cũng đi nhé?
- Ở đây nói chuyện cũng được chứ sao?

Nói rồi, tôi liền xoắn nách bế cô ngồi lên với tôi, và lấy áo phủ khoác cho tấm thân xinh bé ấy. Cô ta có ý không bằng lòng, bỏ áo của tôi xuống và ngồi nhích ra một chút. Cô mặc một chiếc áo chàm mới, lúc ấy trông thâm đen, áo cài một bên nách, hở cổ, thân ngắn, tay rộng, thắt ở ngang lưng; chiếc váy cộc cũng bằng vải chàm và cũng mới. Cái đen tối dưới lều trong trẻo dịu dàng; chúng tôi hình như ở dưới bóng rợp của một thứ “năng trắng”. Cửa trước lều không đóng, lại thêm có ba cái cửa sổ mắt cáo ở vách trong, nên chúng tôi trông được rõ mặt nhua và cả những gói hành lý để ở một góc.

Lúc ấy hai tay cô gái thu lại để chõng lên một đùi. Chân cô buông thõng và hơi đưa dầy, nét mặt cô có vẻ buồn bực làm cho tôi lo ngại.

Tôi lấy tay nhẹ nâng cằm người thiếu nữ rồi kéo lại cho trông tôi :

- Cô em không muốn ngồi với tôi sao?

Cô khẽ mỉm cười :

- Sao không muốn? Không thì tôi “lại với anh” làm gì?

- Thế cô muốn nói chuyện với tôi lắm sao?

Cô Thổ lại cười :

- Ủ, muốn!

Tôi đánh liều hỏi thêm một câu nữa :

- Thế cô em yêu tôi chứ?

- Anh bảo cái gì hả?

Tôi ghé vào tai cô nói :

- Em... có yêu tôi không?

Cô vợ vẫn trả lời :

- Không biết.

Rồi lại vợ vẫn nhìn tôi.

Bấy giờ, tấm lòng xuân phơi phới của cái tuổi hai mươi lăm bị kích động mà sôi nổi trong người tôi, khiến cho tôi quên cả chủ định từ trước. Tôi liền ôm lấy cô bé, ôm bằng cả một tấm lòng chứa chan yêu dấu và bảo cô rằng :

- Sao lại “không biết” hở em? Em đến đây với tôi như một người trong giấc mơ màng, tôi có biết em là ai đâu; nhưng tôi yêu em ngay, mà sao em cứ lững lờ không để cho tôi biết bụng em thế?

Tôi còn nhiều câu rất ngọt ngào, nhiều lời rất hay, mà cái vốn tiếng Thổ của tôi có thể cho nói được.

Hơi nóng trong người cô thiếu nữ như thấm vào người tôi, vào tận trong huyết mạch; tôi mơ thấy cô ấy như một con chim bé nhỏ mà người ta nâng lên để vào trái tim mình...

Bỗng nhiên, cô khẽ đẩy tôi ra, ngồi thẳng lên, buộc lại cái khăn chàm rồi tụt đứng xuống đất. Tôi nhìn cô ra ý hỏi duyên cớ, thì cô cau đôi mày lại, bảo tôi :

- Tôi không bằng lòng thế! Tôi lại rủ anh đi đặng này với tôi kia mà.

Tôi cũng đứng xuống đất, giữ lấy hai vai cô, rồi nhìn vào cái mặt lạnh lùng của cô và nói :

- Trời ơi! Em biết không! Trong lúc đêm khuya canh vắng em đến đây, em gọi tôi, em làm cho tôi vui sướng vô cùng; em là con gái, mà em lại xinh đẹp dường này! Thế thì em bảo tôi không yêu mến em sao được?

Cô Thổ nhìn tôi :

- Nhưng anh đi đặng này với tôi đã.

Tiếng cô nói gọn, nhất quyết; tôi hơi sinh nghi. Nhưng cô mỉm cười ngay; cô lại kéo lấy tay tôi nói một cách nũng nịu :

- Đi chơi một lúc thì sao? Anh nhé, đi chơi với tôi, một lúc nhé, anh bằng lòng đi!

- Mà đi đâu bây giờ?

- Chơi bên rừng, trên bờ thác, xem nước chảy. Đêm trăng đẹp, đẹp quá, không đi cũng hoài...

- Tôi nói :

- Không sợ hổ à?

Cô ta cười mấy tiếng khẽ :

- Sợ hổ! Đây không có hổ, hay có cũng ít khi lắm.

- Và lại có trăng kia mà. Anh nằm đây còn không sợ thì đi chơi có sợ gì? Anh à, anh đi với tôi nhé.

Bên rừng tối trên thác sâu, ở những nơi phong cảnh đêm khuya hoang dại này phải đâu là nơi để khách đa tình đến cùng nhua than thở? Người con gái Thổ chắc cũng chả ưa gì những chốn ấy cho lắm, thế mà cứ tha thiết nài

tôi đi cho được, hẳn cũng có duyên có gì đây? Mà duyên có gì? Trông cái mặt nhan sắc dịu hiền thế kia, không thể cho cô ta là một người có lòng bí hiểm được.

Tôi ngẫm nghĩ một lát, rồi quyết thử “đi chơi” với cô ấy xem sao.

Tôi lấy cái áo phủ khoác lên vai, thắt lại cái thắt lưng da ở áo ngoài rồi đi lấy mũ đội.

Cô ấy trông theo tôi từng cử chỉ một: lúc thấy tôi thu gọn lại cái đồng dây thùng to nằm cuộn tròn trong một góc lều, để lấy một cái gậy ở dưới, thì cô Thổ liền chạy lại hỏi ngay :

- Ô, Anh có những cái dây tốt nhỉ! Để làm gì thế?

- Để qua cầu.

- Sao lại để qua cầu?

- Cầu nhỏ ở ven núi trên này chật chưỡng lắm. Giá không có cuộn dây này thì tôi rơi xuống núi mấy lần rồi.

Cô Thổ cười :

- Thế mà tôi đi không việc gì đấy!

Chúng tôi đã ra tới cửa, cô Thổ dắt tôi theo một lối tắt đi về bên rừng. Bỗng cô đứng yên, mắt nhìn vào tôi, rồi chạy vào trong lều bên cuộn dây chảo.

Tôi hỏi :

- Cô làm gì thế?

- Anh à, đem cái này đi!

Cô vừa nói vừa lôi cuộn dây ra. Tôi hỏi lại :

- Đi chơi kia mà?

- Cứ đem đi, anh ạ.

Tức khắc, tôi không nói một lời nào, đi vào bỏ gậy và mũ áo ra, rồi toan trèo lên cái “giường” phen nằm nhất định không đi đâu nữa. Cô ta liền chạy lại bên tôi níu lấy tay tôi năn nỉ :

- Anh đi với tôi một tí, đi với tôi một tí thôi mà.

- Không! Đi làm gì thì cô phải nói cho tôi biết đã.

- Rồi anh biết ngay mà!

- Nói ngay bây giờ kia!

Người thiếu nữ ra chiều vô cùng thất vọng :

- Không... anh đi, anh đi với tôi một tí thôi, rồi anh thấy cái nà hay lắm.
Cô ta vừa nói vừa cầm mũ và dìu tôi ra cửa, cuộn chảo đeo nặng một cánh tay.

Tôi không còn hiểu gì trong cái cử chỉ lạ lùng của người con gái nữa. Miệng cười của cô ta cũng không còn duyên gì hết; tôi thấy bức lắm; nhưng tôi vẫn cứ theo.

Ra đến ngoài thì thấy mặt trăng đã chếch về tây. Đám rừng âm u với dãy núi chập chùng tắm trong một bầu ánh sáng rõ ràng và lạnh lẽo. Tiếng ve sang sảng kêu ran như đã kêu từ mấy thế kỷ; bóng trăng theo đó mà rung trên ngọn cỏ, bụi cây.

Chúng tôi xuống một con đường dốc nhỏ đi vào nách rừng. Cô Thổ trước còn cười đon đả để tôi vui lòng; đến sau, thấy tôi nhất định đi theo, thì cô chỉ rảo chân bước. Người thiếu nữ ấy cũng đủ nhan sắc và dịu dàng để tôi quên được cái lo ngại; vả lại trường hợp cũng đủ ly kỳ để gợi tính tò mò và lòng mạo hiểm của tôi.

Xuống hết đường dốc này lại trèo lên một khu rừng nhỏ nữa. Chúng tôi đi qua một đám cây rất rậm chỉ lác đác được một ít mảng trăng sáng. Rồi cây cối mỗi lúc một thưa dần, lối đi mỗi lúc một rõ. Tôi đi rừng đã quen, và chỗ này tôi cũng không khó đi lắm, nên tôi chỉ để mắt trông những bóng lá đi lằn lằn trên má và trên vai người thiếu nữ, với hai ống chân trắng trắng thoăn thoắt ở trong đám tối mập mờ. Có một lần tôi đi sát lưng cô ta, để tay lên vai mà giữ cô lại. Cô ngoảnh đầu cười gượng. Tôi hỏi :

- Cô định dẫn tôi đi đâu?

- Đi đặng này, mà!

- Làm gì? Há?

Mặt cô bỗng ra vẻ thương khó. Cô ta muốn cười nhưng không được, chỉ quay đầu đi, rồi vừa nói vừa thở dài :

- Anh đi một lúc nữa rồi anh biết: Anh! Anh! Đi, đi!

Xuống một đường dốc.

Rồi lên một đường dốc nữa.

Chỗ này trèo rất khó nhọc, lại không rõ lối như trước, chỉ có người thiếu nữ đi quen nên đã lên được xa. Tôi phải bảo cô ấy quăng một đầu dây xuống

cho tôi và lên trước, buộc đầu kia vào một gốc cây để tôi bám leo lên cho dễ. Qua một lớp cây rậm và um tối thì đường dốc xuống; đi một lát nữa thì đã rõ lối và dễ đi. Tôi nghe thấy tiếng ào ào ở đâu từ lúc này; bây giờ nghe càng gần thêm.

- Có phải gần đây có một cái thác không?

Tôi hỏi người thiếu nữ thế. Cô ta đáp :

- Phải. Gần đến nơi rồi.

- Đến nơi? thế ra đi đến đây à?

- Phải.

- Nhưng đến làm gì mới được chứ?

- Anh cứ đi rồi biết mà!

Tôi nghĩ bụng chưa bao giờ gặp cảnh ngộ nào lạ kỳ hơn. Thực vậy, mà cho cả về sau này cũng thế, trong suốt cuộc đời phiêu lưu của tôi, tôi không hề gặp một đêm nào như cái đêm hôm ấy cả.

Tôi tự hỏi xem cái kết quả cuộc “đi chơi” này rồi sẽ ra sao. Nhưng không tìm được câu trả lời, thì tôi cứ gia chân bước.

Tôi có ý xem xét những chỗ vừa đi qua, thì phần nhiều đường lối giống nhau không thể phân biệt và nhớ được rõ. Phải là người ở lâu và quen đây lắm mới thuộc những đường tắt này.

Chúng tôi đang đi ở trong bóng những cay lá chen nhau, bỗng đến ngay một nơi quang quẻ rộng rãi toàn ánh trắng sáng. Tôi nhíp mắt lại vì hơi chói, trông ra thì núi non nhấp nhô, tỏ mờ trước mặt; khuôn trăng tròn vẹn, kê ngay trên một đỉnh núi, bình tĩnh như có ý đợi chờ.

Tiếng thác nghe thấy từ lâu, bây giờ đang rồn rã cuộn cuộn ở phía dưới chân. Nhưng tôi chưa trông thấy nước: nguồn thác sâu lắm, mà chỗ ấy thì cao. Một con đường nhỏ chạy qua mặt tôi, dẫn đến một cái cầu ghép bằng thân cây như tôi thường gặp. Cầu này thay một chỗ đất sụt làm lở một quãng đường ven núi đất và cắt đứt mất lối đến Hoàng Su Phì. Bây giờ tôi đã nhận ra rằng cô con gái dẫn tôi đi toàn nẻo tắt và hà tiện được tới ba phần tư đường. Vì từ chỗ lều tranh đến đây, đi khỏi một quãng đường thấp rồi lên những đường leo lưng chừng núi, còn phải qua một khúc cầu nữa.

Chúng tôi tiến lên chừng hai chục bước thì đến bên cầu. Cầu hẹp và dài, chỉ có mười khúc cây đâm ngang cắm sâu vào núi để nâng đỡ. Cô Thổ nhẹ nhàng đi ra tới giữa rồi ngoảnh lại đợi tôi đi theo. Tôi trông xuống, thấy dưới sâu lắm, và rải rác có những tảng đá lớn; nước thác chảy xiết, âm âm từ một nẻo khuất giữa hai chân núi, vòng khúc răn xông ra. Tôi còn ngập ngừng một hồi chưa dám đi lên vội. Sau đánh bạo tiến lên được ba bước. Một khúc gỗ cựa mình một cái làm tôi sớn cả gai ốc, đã tưởng cái cầu gãy nhưng không việc gì.

Tôi phải hết sức dè giữ mới dám bước lên, dò đi như người “leo cầu vòng” vậy. Dưới chân, nước vẫn gầm như chuyển đá, mà bên trái thì cái núi dốc như tường xiêu, lại ở quá tầm tay không thể nào vịn được.

Dò được nửa cầu rồi. Càng thấy ghê sợ thêm. Liệu chừng không thể qua được khỏi cầu mà không ngã, tôi phải lấy cuộn dây định tìm quãng lên một cái trạc cây nào trên lưng núi, rút chung đôi lại rồi vúi lấy mà sang.

Bỗng người con gái Thổ giữ lấy tay tôi nói :

- Thôi! Không phải đi nữa.

Tôi vừa ngật ngưỡng vừa nhìn cô ta, lấy làm kinh dị. Cô Thổ điềm nhiên nhắc lại :

- Thôi, không phải đi nữa: Đến nơi rồi!

- Sao? Đến nơi?

- Phải.

- Ồ, quái lạ! Quái lạ! Quái lạ! - Tôi nghĩ bụng thế - Người con gái này thực kỳ quá định trêu mình đây sao?

Tôi nhìn mặt người con gái để dò xét ý tứ, nhưng cô ta không nhìn tôi và có ý quay mặt đi.

Tôi vừa bực mình vừa lo ngại, quát khê lên một câu :

- Sao lại thế này?

Cô ta không trả lời. Ánh trăng chiếu vào sắc da người con gái, lúc ấy xanh bệch như da người chết. Nét mặt sắt lại như lo sợ hay tức giận, miệng mím vào một cách đặc biệt, rồi bỗng nói rất nhanh :

- Ở dưới cầu này có một người đàn ông cùng đi với tôi rồi lỡ chân rơi xuống đây chết.

- Cùng đi chơi với cô à?

- Ừ.

- Thế làm sao, nói mau! Sao cô lại gọi tôi đến?

Cô Thổ nói :

- Tôi nhờ anh đem nó lên đây cho tôi.

- Nhờ tôi? Sao lại nhờ tôi? Nhờ tôi mà được à?

Cô ta điềm tĩnh không đáp câu hỏi của tôi, nhưng trở xuống dưới gầm cầu mà bảo :

- Kia kìa, nó ngã xuống mắc vào cành cây ở lưng chừng núi kia kìa!

Tôi chăm chú trông, chỉ thấy nước thác chảy xuống từng bực, bọt sùi lên trắng như tuyết ở xung quan những tảng đá cuội lù đen.

- Đâu nào?

- Ở cái cây kia mà. Kia kìa, chỉ có một cây thôi, mà nó ở lưng chừng núi.

Tôi quỳ gối, đầu cúi về phía trong mà trông xuống thì quả thấy ngang núi đâm ra một cây nhỏ, rễ ăn chặt vào, có lẽ sâu lắm, nên đất lở đến tận chỗ ấy mà cây vẫn giữ nguyên. Mình cây cong cong ở chân rồi đâm vát lên trời, cánh lá xò ra che gần mất một nửa mình người bị nạn. Lúc ấy tôi chỉ trông thấy một cái vai dốc xuống mắc vào gốc cây.

- Các người đi xem hát hội ở làng xa hết cả (người con gái nói). Tôi đi tìm chỉ thấy có anh, tôi mới định nhờ anh lấy nó lên hộ tôi.

- Ừ thế làm sao không nói thực ngay để cho tôi... (tôi nghĩ đến những cử chỉ của tôi trong lều) để cho tôi tưởng cô đến rủ đi chơi thực?

Cô gái mỉm cười một cách nhạt nhẽo :

- Tôi sợ anh không đến tôi phải nói thế...

Thấy tôi có dáng nổi giận, cô vội nói thêm :

- Mà rồi tôi cũng về với anh kia mà!

Tôi vừa lờm vừa nhại :

- Hừ! Về - với - anh!

Cô Thổ lại hết lời nói với tôi những câu rất ngọt ngào và thiết tha; mặt thì nhợt nhạt, mắt thì long lanh mà miệng vẫn gượng cười; giọng nói khác đi, hình như cô ta cố nén sự cảm động.

Tôi không nỡ từ chối giúp đỡ cô ta. Nhưng tôi không giấu cái bực mình, vừa tìm cách xuống đến cái cây vừa gặt.

Chỗ sườn núi lở, dốc như bức vách nghiêng, mà trừ cái cây giữ lấy người chết cách tôi khá xa thì chả bầu vịu vào đâu được nữa; người bị nạn chắc hẳn ngã về phía trong, nên mới tình cờ mắc vào cây đó, chứ nếu ngã phía ngoài hay nhích ra chút nữa thì không còn mảnh xác nào. Tôi gỡ cuộn dây ra, nằm úp mình trên cầu rồi giòng dây xuống ướm thử. Cái dây dài được hơn hai thước mà thả đến chỗ ấy cũng không thừa được bao. Tôi thử tìm cách buộc vòng, câu lấy người chết lên nhưng vướng nhiều cành nên không làm thế được. Tôi lại kéo dây lên thắt một chục nút để cho dễ bám. Trong khi người con gái ấy lẳng lặng ngồi bên cạnh tôi mà xem.

Nước thác vẫn réo ào ào, làm tăng cái vẻ to tát của chốn núi cao vực sâu ở dưới bóng một vành trăng lặng lẽ.

Tôi nhìn cô Thổ thì cô ta nhìn lại; tôi cau mày mắng :

- Buộc đi chứ, ngồi đấy à?

- Buộc gì?

- Thì thắt nút đi chứ!

Cô ta lôi một dây lúng túng thắt được một nút rồi hỏi :

- Anh làm những nút này làm gì thế?

Tôi không thềm đáp. Rồi thấy cô ta cứ dang tay kéo dây mãi chưa thắt được vòng nào thêm, tôi tức mình giật về, không khiến nữa.

Nút thắt xong tôi buộc rất chắc chắn một đầu dây vào ba thân gỗ về phía núi; bỏ mũ ra, bảo cô Thổ giữ lấy mỗi buộc chắc chắn để tôi leo xuống. Chân tôi đạp vào đất núi làm cho cát bụi ở đấy theo gió bay cả vào mắt mũi tôi. Tôi vừa buông một tay để giụi thì “sựt” một tiếng ở đầu dây. Tôi lạnh cả người vội quát :

- Cái gì thế, cái gì thế?

- Không hề gì. Cái mối dây nó thắt chặt lại đấy mà.

- Phải cẩn thận nghe không! Phải nằm xuống mà giữ.

Cô Thổ trên cầu nằm áp người xuống, hai tay nắm lấy phần đầu dây.

Xuống đến nơi tôi bẻ mấy cành lá đi cho quang, và để chân lên một cái chạc nhún thử mấy cái. Cây này là một giống ổi rừng, thân già quánh và to.

Lúc đứng trên cầu, tôi tưởng là một thứ cây lai và mềm vải thấy nó nhỏ lắm, nên định buộc cuộn dây vào người, ôm lấy cái xác mà bảo cô Thổ kéo lên. Như thế thì khó nhọc vô cùng, chưa chắc người con gái ấy đã kéo nổi.

Nhưng bây giờ tôi lại tính cách khác. Người chết là một người đàn ông to lớn mặc quần áo tây vàng; hai chân giạng ra, áp với núi và đâm ngược lên trời, mình úp vào trong, nên tôi không thấy mặt. Hẳn bị mắc vai bên phải vào ngay gốc cây và hình như bị nát cả cổ và có lẽ gãy xương dầm vai; nhưng máu chỉ dầm ra ngoài áo một ít. Một cánh tay nằm lại chọc vào núi, còn tay kia đè ở dưới mình. Tôi ngồi quắp lấy một cành to, tròng lọng dây vào hai chân người kia rồi lựa lách xuống đến tận thắt lưng.

Mặt trắng lúc ấy mới lộ một phần xuống sau đỉnh núi trước mặt. Tôi trông thấy bóng cây với bóng người tôi in lên cái thân chết. Những cành lá theo gió và theo cách cử động của tôi mà lung lay một cách bình yên.

Xem cách ăn mặc của người chết thì tôi đoán là một người Thổ “văn minh” giàu có, hoặc một người Kinh buôn bán đường rừng.

Tôi bám dây tụt xuống, để một chân lên người chết và ghì cho cái tròng ở lưng hẳn thắt vào rõ chặt rồi đạp chân kia vào núi, tôi đu người tôi sang một bên. Vai cái xác liền rời ra cùng với một loạt đất vụn rơi xuống; người chết đã nằm ngang ra dưới đầu dây. Cổ hẳn treo về một bên và hơi ngật ra đằng sau; tóc bộn bề và ướt đẫm, da xám như màu đá mài.

Tôi ngồi lên một cành cây nắm lấy vai hẳn dìu lại xem cho rõ mặt. Nhưng tôi kêu lên một tiếng kinh dị: ồ lại này!

Người bị nạn nào phải ai đâu? Chính là ông Ba-đi-ghệt, cái người mạo hiểm táo tợn chúng tôi vẫn biết tiếng, mà tôi mới gặp được hơn nửa tháng, trong một làng ở gần Pakha. Ông này đi trước chúng tôi đã lâu kia mà, sao bây giờ lại vẫn ở đây, rồi lại chết thảm thế này? Mà sao người con gái Thổ kia lại...

Tôi thoáng nghĩ đến một điều làm cho tôi căm tức.

- À thì ra (tôi lẩm bẩm nói thế) thì ra họ trăng gió với nhau đã lâu, hôm nay đi chơi trên cầu này rồi một người rơi xuống chết, rồi nó tìm mình đến, nó dụ mình để gỡ xác nhân tình nó lên!

Hai con mắt ông Ba mở lim dim như ngủ gà, như xem cái tức giận trong lòng tôi. Trên cái mặt đầy những máu, máu đọng đen thẫm lại một bên, hai môi đầy trên lún phún một hàng râu; miệng thì nhả một cái cười kinh khiếp.

Tôi liền buông tay ra bám dây leo lên cầu. Người con gái hỏi, nhưng tôi lặng thinh. Lên tới nơi tôi nhìn nó một cách khinh bỉ.

Nó hỏi nữa :

- Sao, anh? Xong rồi chứ?

Tôi cười gằn :

- Xong. Chị cứ việc kéo tình nhân chị lên.

Nó chỉ trông tôi một cái nhanh, không nói gì, chống tay ngồi lên rồi mắt môi kéo.

Nhưng cái xác nặng lắm, nó ngã hẳn người ra mới kéo lên được một chút rồi lại để tụt xuống ngay. Tôi thấy nó làm ngứa mắt liền vuốt tóc lại bên kéo đỡ. Không đầy năm phút cái xác đã nằm trên cầu. Người con gái không buộc lại cái khăn vuông sổ xuống vai; mớ tóc trong cái khăn ngang phấp phới bộn bề trước gió. Tôi cởi được cái dây tròng ra khỏi lưng người chết thì nó liền xốc nách kéo giật lùi “ông Ba” ra một phía cầu.

Tôi toan cuốn xong cái dây thừng rồi mới hỏi xem người con gái định xử trí ra sao, thì bỗng thấy nó cười nhạt một tiếng nghe lạnh đến xương tuỷ. Tôi ngẩng lên nhìn.

Bây giờ cô thiếu nữ dịu dàng ở trong lều không còn đó nữa. Tôi chỉ thấy một người con gái kỳ dị, đang nghiêng răng mà lăm bằm trước mặt tôi. Nó vẫn xốc nách người chết để ngồi rũ dưới chân, trông thẳng vào mặt tôi nhếch mép một cái rồi nói :

- Anh tưởng nó là tình nhân tôi hả? Không! Nó là kẻ thù của tôi. Tại sao? Nó giết mất anh Cầm của tôi. Anh Cầm là người sắp lấy tôi, mà nó giết đi, rồi quăng xuống đây cho mất xác.

Nói đoạn nó chỉ tay xuống những dòng nước trắng xóa ở dưới. Tiếng thác chảy như dữ dội thêm. Nhưng cái trường hợp làm tôi quên cả ghê rợn.

Người con gái lại nói - phải nghe giọng nó nói mới thấy được cảm giác của tôi lúc bấy giờ.

- Nó nhiều tiền, nó muốn lấy tôi, nó đến dụ tôi, tôi bằng lòng ngay; nhưng tôi bằng lòng ở với nó để lừa nó giết nó. Tôi rủ nó đến đây chơi, nó không nghi ngờ, tôi liền chém nó một nhát. Anh trông đây này!

Tôi trông.

Ở sau gáy ông Ba quả có một nhát dao bổ thực sâu, nhưng chỗ ấy máu đọng lại thâm sì nên lúc này tôi không để ý.

- Tôi chém nó (lời người con gái) để cho nó cũng chết ở dưới cầu này, để chồng tôi... (giọng nói ngày một thêm đầy, gần như nghẹn ngào) để cho chồng tôi thấy được hả dạ... Nhưng mà nó không rơi xuống đến tận dưới thác kia, tôi mới gọi anh đến. Bây giờ anh đứng mà xem.

Trước cái dáng điệu kia, cái giọng nói kia, tôi không biết trả lời sao cả. Tôi cũng không biết xử trí thế nào nữa; tôi đứng ngẩn ra nhìn.

Trông con mắt của lông lánh của người con gái, cùng với cái mặt đanh thép kia, tôi tưởng thấy khí chất rùng núi, cái tâm hồn Thổ Mán hiện ra.

Tôi vẫn ngẩn ra nhìn.

Người con gái lại cười nhạt mà lách lại câu lúc này :

- Bây giờ anh đứng mà xem.

Nói xong, nó đứng dạng hai chân ra, cái mép váy đàng trước căng thẳng bởi hai ống chân hơi thô và trắng. Một tay nó xốc ông Ba đứng dậy, một tay nữa nâng ở ngang lưng. Tôi toan dò bước đến gần thì đã thấy người con gái rướn mình văng cái thân chết xuống. Rồi không biết vì quá đà hay cố ý, cả người con gái cũng văng theo...

Mặt trắng kia đã kín đáo ẩn mình sau đỉnh núi; hai cái thân trên cao rơi xuống một tiếng góm ghê trong những tiếng thác đổ âm âm không bao giờ ngớt.

HẾT